

Trong đời sống lưu vong, có nhiều lúc, con người tỵ nạn cảm thấy bơ vơ, lạc lõng với khung cảnh xung quanh. Hơn nữa, những va chạm về phong tục, tập quán địa phương làm tâm hồn mệt mỏi, muốn buông trôi tất cả. Thêm vào đấy, sự đối lập về ý thức, về lập trường sống của mỗi đoàn thể, mỗi cá nhân, nhiều khi tưởng như không tránh được sự tan rã, băng hoại! Nhưng may mắn thay, sợi dây văn học đã buộc chặt mỗi con người với nhau để tạo nên một sức mạnh, qua chữ nghĩa và ngôn ngữ, gìn giữ chúng ta mãi mãi trong tình đồng bào với một quê hương, có tên gọi: Việt Nam!

Tạ Tỵ

TẬP TRUYỆN NGẮN

của

TẠ TỴ

(Viết trong thời gian lưu vong nơi đất khách)

Xuân Thu xuất bản lần thứ nhất

tại Hoa Kỳ năm 1992

o o o

MỤC LỤC

Gửi

Xóm Nhà Tôi

Những Đêm Dài Trên Đảo Bidong

Trong Vùng Ảo Giác

Những Ngày Đầu Trên Đất Mỹ

Trên Những Nẻo Đường Sài-Gòn

Có Phải Mùa Xuân ?

Biết Đến Bao Giờ ?

Lại Mùa Xuân

Như Thế

Cũng Đành

Một Chút Tình Riêng

Kẻ Đi Tìm Mùa Xuân

GỬI

Tôi cảm thấy có bốn phận phải thưa trước với Bạn đọc rằng, những đoản văn và truyện được sưu tập trong tuyển tập này, đều đã đăng tải trên các Tạp Chí tại Mỹ cũng như Gia-Nã-Đại, Tây Đức và Úc Đại Lợi...v ..v... Mỗi bài viết như một bông hoa nở đơn độc và cách khoảng thời gian khá xa. Mỗi đóa được cắm vào chiếc bình khác nhau, cũng như không cùng chung một không gian vậy. Có bông đẹp, có bông xấu, nhưng đối với riêng tôi, nó là tinh huyết, là sự trăn trở nhọc nhằn qua những đêm dài mất ngủ, qua bao nhiêu suy nghĩ để trút xuống mặt giấy từng dòng nhớ thương lãng đãng!...

Tôi viết văn, tức đã thú nhận phần nào sự bất lực của con người trước cuộc sống, do vậy, nếu chữ nghĩa có dẫn dắt Bạn đọc đến những giận hờn nào đó, cũng chỉ là sự cưỡng chống gián tiếp giữa ước mơ và thực tại.

Nói đúng ra, trong mười hai bài được in trong sách hoàn toàn không phải chúng là truyện ngắn, theo đúng nghĩa của nó. Chính thực, trong đó, có vài bài được viết dưới thể dạng nửa Tùy Bút, nửa Tạp Văn nhằm giải bày tâm sự !...

Nhà văn không phải thần thánh cũng chẳng là tên phù thủy chuyên sai khiến lũ âm binh chữ nghĩa, Nhà văn cũng là người như mọi người, nghĩa là muốn tồn tại, vẫn phải ăn, phải thở, phải nói, phải cười, phải khóc, phải cảm giận và oán thù những gì nó làm cho đời sống xấu đi, hoặc hạ thấp giá trị con người xuống hàng thú vật. Do đó, nếu Bạn đọc có bắt gặp đó đây những ngôn từ thô bạo, cũng nhằm mục đích nói lên tự đáy lòng, sự không chấp nhận cái chế độ Cộng Sản phi nhân cũng như cung cách đối xử của các viên chức quản trị tại các Trại Tỵ Nạn bất cứ ở đâu, đối với những kẻ đánh mất quê hương, sống cuộc đời vô Tổ Quốc chẳng biết đến bao giờ?...

Quả thực, không bao giờ tôi dám mơ ước, văn chương có thể cải tạo được đời sống, dù rằng, người xưa có nói: *“văn dĩ tải đạo”*, nhưng cái ngôn từ cao quý đó đã bị xóa nhòa bởi những hỗn tạp, xô bồ do cuộc sống đẩy đưa mà người ta gọi là Tiến Hoá, là bước đi của Lịch Sử cũng như Văn Học !...

Chúng ta đang sống những năm cuối của Thế kỷ hai mươi, một Thế kỷ qua đi với muôn vạn nhọc nhằn, thống khổ, chẳng riêng gì Việt Nam mà cả nhân loại gánh chịu. Nào Đệ Nhất Thế Chiến đến Đệ Nhị Thế Chiến và kết thúc bằng hai trái bom nguyên tử làm tiêu tan hai thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản với rất nhiều xác chết và hệ lụy theo sau !... Cuộc chiến trên ba mươi năm tại Việt Nam cũng làm thương vong gần hai triệu thanh niên, gồm cả hai miền Nam, Bắc.

Ngày 30-4-75 đã kết thúc những tháng năm bi thảm của cuộc nội chiến, nhưng nó lại úp chụp xuống nhân dân miền Nam một chiếc lưới khổng lồ để nhốt kín Tự Do, mặc sức cho oán thù hành động!... Sau đó là những cuộc “vạn lý hải trình” kéo dài đến nay vẫn chưa chấm dứt với bao nhiêu tang tóc, đau thương, tủi nhục!... Ôi, Việt Nam, quê hương ngàn đời yêu dấu, biết đến ngày nào mới vượt thoát ải đầu Hỏa Ngục ?...

Những bài viết của tôi không hoàn toàn hư cấu mà cũng chẳng là sự thực trăm phần trăm, chi biết mỗi truyện đều được thực hiện bằng chất liệu do cuộc sống cung cấp, còn phần hư cấu thuộc về kỹ thuật hành văn. Truyện ngắn là một thể văn đặc biệt, nó có một số qui ước nhất định, do vậy, nhà văn phải nắm được cái qui ước đó mới mong đạt được tới đỉnh cao Nghệ Thuật.

Đã lâu, tôi có đọc một cuốn sách, tác giả cho biết: Bà mẹ thấy con mình mê viết văn, chỉ khuyên, nếu có viết ít ra, cũng phải bằng Guy de Maupassant (1850-1893), dù ông nhà văn này có nhiều đam mê, trác táng đến nỗi bị bệnh hoa liễu kinh niên! Guy de Maupassant, một văn tài lỗi lạc của nước Pháp ở thế kỷ 19 chuyên viết truyện ngắn và truyện vừa, chứ không viết tiểu thuyết trường giang như các nhà văn khác. Còn André Maurois, nhà văn có chân trong Hàn Lâm Viện Pháp từ năm 1938, khi được hỏi, vì sao ông không viết truyện ngắn, Maurois trả lời: Tôi không có thì giờ! Câu trả lời cho thấy, kỹ thuật viết truyện ngắn không dễ dàng, tuy chỉ có mười lăm trang giấy, nhưng người viết cũng để nhiều công phu mới mong đạt được kết quả.

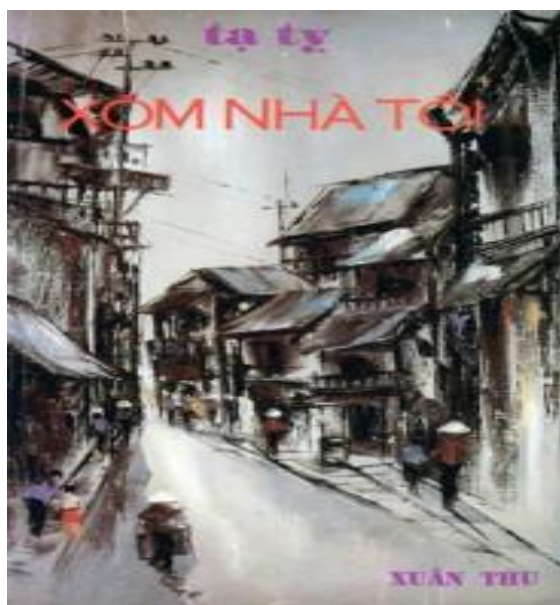
Lập luận như trên để chứng minh, ở mỗi khu vực chuyên biệt trang văn chương đều có những khó khăn và hứng thú riêng của nó!

Sau hơn bảy năm dài, sống đời lưu vong, tôi chỉ viết được mười hai đoạn văn chứa đựng trong cuốn sách này. Chúng là mười hai bông hoa do tôi thu góp lại, cắm vào chiếc bình Văn Học để làm quà tặng quý Bạn có lòng yêu mến chữ nghĩa Việt-Nam.

San Diego, ngày 1 tháng 8-1990.

7a 74

XÓM NHÀ TÔI



Tôi trở về vào một buổi tối, sau bốn ngày đêm vật vã trên con tàu ậm ạch suốt một ngàn tám trăm cây số đường dài. Con tàu đưa tôi từ Hà-Nội trở về miền Nam do nước Cộng Sản anh em Bulgarie chi viện. Toa tàu tương đối sạch sẽ hơn con tàu Pháp thuộc thuở xưa đôi chút. Những chiếc bóng đèn đã bị tháo gỡ mất phân nửa, nên toa tàu cũng chẳng sáng được bao nhiêu trong đêm. Tôi nhìn lên chiếc đồng hồ treo cao nơi sân ga, kim chỉ 20 giờ thiếu 15. Con tàu xuyên Việt sẽ khởi hành đúng 20 giờ 30 phút. Khi tàu chuyển bánh bỗng có nhiều cô gái, mỗi cô ôm một gói đồ chạy sầm sầm lên toa rồi dúm nhanh vào gầm ghế, nơi dành riêng cho những người cải tạo trở về. Chỗ tôi ngồi cũng bị nhét hai gói to, choán cả chỗ đặt chân, tôi cau mặt tỏ ý phản đối, nhưng cô gái nhoẻn cười:

– Thôi mà anh, thông cảm chút, chỗ các anh ngồi Công An không khám đâu, để tụi em kiểm tí cơm!

Tôi biết đó là những món đồ lậu thuế, mang từ Bắc vô Nam theo luật cung cầu. Khi những cô gái ôm đồ lên toa, không phải chỉ có chúng tôi, những người tù trong các Trại Cải Tạo được tha về, mà có sự hiện diện của nhiều kiểm soát viên đeo băng đỏ thuộc cơ quan đường sắt. Họ có đó, nhưng không nói gì. Chắc chắn đã có sự thoả thuận về vấn đề chia chác. Còn Công An, chỗ nào và nơi nào tôi cũng nhìn thấy những bộ đồng phục màu vàng úa với đôi dép nhựa. Nhà nước Cộng Sản cai trị bằng một hệ thống Công An đầy đặc cả công khai lẫn bí mật. Khi còn ở trong Trại Cải Tạo, một tên Công An đã nói cho tôi biết, quân số Công An hiện nay nhiều gấp đôi quân số bộ đội. Khi trước, tôi thường nghĩ, dưới chế độ Cộng Sản, mọi người đều phải làm ăn lương thiện, ai ngờ, chưa bao giờ miền Bắc lại có nhiều dân buôn lậu như bây giờ. Danh từ chuyên môn gọi là “chui.” Chắc kinh nghiệm đã cho họ biết, chỗ dành riêng này chẳng còn gì để khám xét, vì tất cả những gì cần lấy, Cộng Sản đã lấy hết từ sáu năm qua, bây giờ chúng tôi mỗi người chỉ còn một túi nhỏ, đựng vài chiếc quần áo cũ và ít đồ tùy thân thực sự cần thiết. Tên Công An có nhiệm vụ áp tải chúng tôi từ Trại giam tới nhà ga và đưa ra tàu, đứng dưới “ke” với tay lên cao nói: “Từ giờ phút này, các anh được tự do!” Con tàu bắt đầu di chuyển, nhanh dần, sau tiếng còi rúc vang. Hân lao người vào đám đông, chỉ một thoáng chiếc thân hình nhỏ thó đã mất hút.

Con tàu rời khỏi ga, vẫn nhà ga cũ kỹ, tuy bề mặt đã được sửa chữa, xây cất, sơn phết cho ra vẻ một nhà ga của Thủ đô vừa chiến thắng Đế Quốc và Miền Nam, nhưng bên trong vẫn ngàn ấy khung cảnh phơi bày sự nghèo nàn, nhơm nhếch, thiếu văn minh, từ con người tới sự vật.

Đây là lần thứ hai, tôi qua Hà Nội. Lần đầu, tôi bị giải từ Lào Cai, một tỉnh ở sát biên giới về Hà Nam Ninh vì có cuộc tranh chấp biên giới Việt Hoa. Tôi gặp Hà Nội tại sao lòng se lại? Hà Nội, nơi tôi cất tiếng khóc chào đời, rồi lớn lên và đã sống suốt tuổi hoa niên qua bao nhiêu thăng trầm, mà sao bây giờ tái ngộ, trong một hoàn cảnh khốn khó? Tôi cảm thấy như có một sự tình không ổn định, không thoải mái, chẳng phải do tôi mà ngoại giới đã chi phối trong mỗi suy nghĩ. Hà Nội nhỏ bé và nghèo nàn, khép kín trong mỗi ô vuông từ khuôn cửa tới những con đường hẹp nhiều ổ gà. Tôi không muốn nhìn vì càng nhìn, càng cảm thấy mình không còn thuộc về Hà Nội như ngày trước, khi xa Hà Nội, tình cảm tôi luôn luôn hướng về nó như hướng về người tình muôn trùng xa cách!...

Đêm nay, tôi đã trở về căn nhà mến yêu. Tôi đã gặp lại những người thân. Tôi đã sống trong một không gian quen thuộc, quá quen thuộc đến nỗi tưởng như cứ nhắm mắt cũng nhìn thấy, sờ thấy tất cả những gì mình muốn dùng, muốn biết. Tôi mong được quên, quên đi tất cả những ngày tù gian khổ, quên đi con tàu chạy chậm như rùa, quên đi những khuôn mặt lạnh lùng nham hiểm của những tên Công An Việt Cộng, quên đi những lời nói đầy công thức, có tính cách rập khuôn của những tên bộ đội gác tù. Tôi muốn quên, quên hết để hưởng trọn vẹn những giây phút thiêng liêng của đời sống tự do, dù sự tự do đang bị một màng lưới Công An vô hình bủa vây quanh quất! Tôi biết mình sẽ còn phải gánh chịu nhiều hệ lụy trong những ngày sắp tới, nhưng tôi tự nhủ, sẽ sẵn sàng đối phó với mọi hoàn cảnh dù thuận hay bất lợi cho riêng mình. Trong đầu tôi, biết bao nhiêu hình ảnh quay cuồng, nhào lộn. Cho đến bao giờ tôi mới quên được khuôn mặt rạng rỡ của anh xích-lô máy, khi biết tôi mới được tha, vừa ra khỏi ga Bình Triệu đang ngơ ngác kiểm xe. – “Ủa, anh Hai đi cải tạo dề, dzui quá ta! Anh Hai dề đâu? Mời lên, trả bao nhiêu cũng được mà!”

Từ lâu lắm, tai tôi mới được nghe những lời nói êm ái như vậy! Tôi cứ tưởng những thành phần cải tạo như tôi, và giai cấp cần lao như anh, thành phần cốt cán của Xã Hội Chủ Nghĩa, chắc chắn phải có thái độ với giai cấp ngày trước. Nhưng không, anh ta gặp tôi, như gặp lại “người của mình” xa cách lâu ngày! Anh ta là biểu tượng của mẫu người miền Nam với đầy đủ đức tính phóng khoáng, hồn nhiên, yêu chuộng tự do bằng ngôn ngữ cũng như hành động. Tiếng máy xe nổ rầm rập, lao trong bóng tối. Mắt tôi không nhận ra những con đường tuy quá quen thuộc từ xưa. Bóng tối và ánh sáng mờ mờ vun vút lùi lại phía sau. Thành phố Saigon ban đêm thiếu đèn, nên kiến trúc đẹp đẽ của những ngôi biệt thự chạy dài theo đường Hồng Thập Tự (nay là Xô Viết Nghệ Tĩnh) không tạo nên sắc thái diễm lệ của Saigon ngày trước. Tôi cố nhận diện Saigon qua tầm mắt, nhưng Saigon có đó mà hình như vẫn xa vời đối với tôi lúc ấy! Tốp, tốp! miệng nói, tay tôi ra hiệu cho xe dừng lại. Tiếng thắng kêu ren rét theo tiếng máy xe nổ bồm bộp. Tôi nhảy đại xuống định vô nhà lấy tiền trả, nhưng từ chiếc tủ kính nhỏ bày thuốc lá, trên đặt ngọn đèn dầu le lói, một bóng người đàn bà chạy nhanh ra

– “Ồ anh mới về, tiền xe đây!” Tôi sửng người nhìn: “Liên, Liên đó ư? Có phải Liên thực không? Sao gầy quá vậy? Sao khổn khổ đến thế này?” Tôi đảo mắt nhìn Liên rồi nhìn ngọn đèn dầu hiu hắt, không soi tỏ một khoanh đất. Liên trả giùm tôi tiền xe. Anh phu xích-lô cúi chào tôi lần cuối rồi rờ máy. Tiếng máy nổ chát chúa phá tan sự yên tĩnh của đêm vắng. Liên nắm chặt tay tôi: “Anh được về, mừng ghê vậy đó!”

Tôi chưa kịp cảm ơn Liên, bỗng thân hình tôi như bị xiết chặt bởi hai cánh tay tuy không to, không gân guốc nhưng cũng đủ làm khó cửa quậ – “Ông ơi, ông có làm gì đâu mà tụi nó giam ông lâu thế! Ông có nhớ tôi là ai không?”

Trong bóng tối, làm sao tôi nhìn rõ để nhớ ra ai? Tôi chỉ thấy một mái tóc trắng như tuyết và hơi rượu tỏa theo giọng nói run run vì quá cảm động. Tự nhiên, hai cánh tay buông tôi ra, rồi đưa lên mặt. Ông ta đã khóc. Ông vừa khóc vừa chửi “tụi nó” tàn ác quá, bất nhân quá!

Tôi hết sức lo sợ vì vừa mới thoát khỏi nhà tù Cộng Sản, bàn chân chưa đặt tới viên gạch đầu tiên cửa thêm nhà, lại gặp ông già gân này, chẳng coi Công An Cộng Sản vào đâu, chửi bới lung tung, nhỡ có chuyện gì tính sao đây? May quá, vợ tôi chạy ra. Vừa nhìn thấy cũng ôm chặt lấy tôi mà khóc. Ôi, những giọt nước mắt! Tại sao người ta lại khóc khi niềm vui chợt đến? Mọi người có mặt quanh tôi đều khóc. Họ khóc vì quá cảm động khi nhìn thấy thân hình gầy guộc, áo quần tơi tả của tôi và có thể, trong tiềm thức họ chợt sống lại hình ảnh tôi, trước ngày đi cải tạo! Xin cảm ơn, những giọt nước mắt, những hạt ngọc của tình cảm đã tưới thấm tình người. Tất cả mọi nhà trong xóm tôi đều bật đèn, mở cửa ra nhìn. Tai tôi bỗng ù vì có quá nhiều lời nói:

– Chao ơi, gầy và già quá, trông như ông cụ! Khi đi tóc ông ta đâu có trắng nhỉ?

– Tù Cộng Sản mà, chịu gì nổi!

– Trông đen sạm hẳn đi, nếu gặp ngoài đường chắc không nhận ra!

Mỗi lời nói, đập vào tai tôi như một nhát búa, tuy nó hàm chứa tình thương! Vào đến trong nhà, óc tôi vẫn giữ hình ảnh ông già ôm tôi với hơi rượu nồng nặc. Tôi khẽ hỏi vợ:

– Ông già nào đó?

Vợ tôi nhìn thẳng vào mắt:

– Anh không nhớ sao? Bác Năm Taxi đó!

Tôi buột miệng:

– A, bác Năm, sao mau già quá vậy?

Vừa dứt câu, ông già đi xộc vào nắm chặt tay tôi, rồi lấy giọng trang nghiêm:

– Nè ông, mai đi nhậu với tôi nghe!

Tôi dạ, dạ ngỏ lời cảm ơn. Bác Năm Taxi bước nhanh ra cửa, lúc này miệng bác không còn mùi rượu mà là mùi thuốc rê khét lẹt! Căn nhà tôi ở, hình như nhỏ hơn khi trước vì mỗi lúc, số người trong xóm tới hỏi thăm vì tình cảm hay vì tò mò, càng lúc càng đông. Một vài người tôi còn nhận ra, một số, tôi quên tên và không biết ở nhà nào trong xóm? Bỗng có giọng nói cất cao:

– Thôi, tội mình đi dề, để ông nghỉ mệt, mai mốt tính!

Sau câu đó, mọi người tản dần. Tôi cảm thấy, trong thâm tâm dâng lên mối xúc động sâu xa vì không ngờ với tư thế của một người cải tạo trở về, lại được ân cần thăm hỏi như vậy. Tất cả những gì mà tôi nghĩ và phác họa về thái độ sống của tôi sau ngày trở về đều sai. Tôi đi vào giấc ngủ với niềm hân hoan, với sự yên tâm vì cơn ác mộng 6 năm đã thuộc về quá khứ. Tôi đã vượt chết, đã sống lại, sau những năm tháng dài gánh chịu biết bao khổn khổ, nhục nhằn!...

Tôi trở dậy, mặt trời đã lên cao. Mở to mắt tôi nhìn chòng chọc vào từng sự vật, những sự vật quá quen thuộc hôm trước, sao sáng nay lại trở nên mơ hồ như có một màn sương mỏng vây quanh. Tôi nghĩ, đây là một giấc mơ, một huyền hoá! Có lẽ nào Cộng Sản lại tha tôi, tha một tên “cực kỳ phản động, điên cuồng chống phá Cách Mạng!” Nhưng không, đây là sự thực, một sự thực không thể chối cãi. Những bức tranh màu sắc rực rỡ, treo đầy khắp bốn mặt tường kia, chiếc bàn viết với những vật dụng quen thuộc đó, đâu phải điều xa lạ và còn nhiều, nhiều nữa, tất cả như có một sự tình, một ẩn ức mà sau những năm tháng dài xa cách, chúng vẫn giữ kín để chờ dịp thổ lộ! Tự nhiên trong đầu tôi lại vang lên những tiếng keng. Tôi giật mình thảng thốt khi nghĩ đến những tiếng keng vang lên mỗi sáng, mỗi trưa, mỗi chiều, mỗi tối! Tôi đã sống như con thú bị nhốt trong chuồng và đời sống hoàn toàn bị chi phối bởi tiếng keng. Keng thức, keng ngủ, keng ăn, keng tập hợp lao động, keng vào, keng ra!... Buổi sáng nay, tôi thức dậy mà không do tiếng keng. Tôi không phải tập hợp để lao động khổ sai, hình phạt do Cộng Sản đặt ra để áp chế những người tù chính trị. Tôi tự nhủ, đây là sự thực, tôi đã được tha, tôi là một, trong số những người tù may mắn! Tôi đứng dậy mở toang cửa để đón ánh sáng vào nhà. Trời cao và xanh, một vài cụm mây trắng ngần trôi lơ lửng phía xa. Những cánh chim bay chao chát như đan lưới làm không gian xao động nhịp nhàng. Tiếng xe gắn máy nổ vang, tín hiệu của nhịp sống thành phố. Tất cả, tất cả, đối với tôi như còn mới, mới quá! Tôi biết, ngày một, ngày hai, những tiếng động đó và cuộc sống chung quanh sẽ làm tôi quen dần và buộc tôi phải a vào nó, như a vào một cuộc chơi, tuy chẳng thích hợp, nhưng không phương cách chối từ!

– Có bác Tân đến thăm đó anh! – Tiếng nói từ dưới nhà vọng lên.

Tôi thò đầu qua cửa nói vọng:

– Mời bác lên chơi!

A, bác Tân, một công nhân nhà in, nhà ở ngay đầu hẻm, khi trước, tuy là công nhân nhưng nhà bác cũng khá khang trang. Bác có xe Suzuki đi làm, nhà có Tivi, tủ lạnh. Bác có hai người con là sĩ quan cấp úy. Cả hai đều bị đi học tập cải tạo! Tôi chỉ vừa kịp nghĩ tới đó, bác Tân đã lên đến cửa phòng. Vừa nhìn thấy tôi, bác cũng nhìn:

–Ồ, ông đấy ư?

Tôi ngạc nhiên, tại sao bác lại có câu hỏi như vậy? Không phải tôi thì ai là người dám có mặt ở trong kích thước này? Tôi cười bải lái:

– Dạ thưa bác, tôi đây, chính tôi đây!

Bác Tân hơi cúi đầu như giấu nét mặt cảm động:

– Nếu không nhìn kỹ, khó nhận ra!

À thế ra, Cộng Sản đã giam giữ và cải tạo tôi để trở thành con người khác, thì nay hình hài tôi quả thực đã đổi thay, nhưng tinh thần tôi lại là chuyện khác! Chúng tôi ngồi đối diện, nói chuyện qua ly trà nóng! Tôi nhìn bác Tân, bác cũng già và gầy guộc. Mái tóc đã rụng nhiều trông rõ cả da đầu. Những nếp nhăn kéo dài chằng chịt. Hai gò má cao ghêch, màu da đen sần, chứng tỏ sự thiếu dinh dưỡng! Tôi, kẻ bị giam giữ, gánh chịu cay đắng thì thân xác đổi khác là chuyện dĩ nhiên, còn bác được Cộng Sản tôn vinh là giai cấp làm chủ đất nước, giai cấp hàng đầu của Cách Mạng, mà sao thân xác cũng thay đổi không ít? Tôi đoán biết, ở nơi bác, cũng có những ẩn ức khó nói ra:

– Sao, có cháu nào được về chưa bác?

Tôi hỏi để gợi ý tìm hiểu.

– Chưa ông ơi! Một đứa còn bị giam ở Pleiku, một đứa Thanh-Nghệ-Tĩnh.

Nói xong bác thở dài, đầu hơi cúi xuống. Tôi nói giọng an ủi:

– Các cháu ở cấp bậc thấp mà, chắc họ không giữ lâu đâu. Hơn nữa, bác thuộc giai cấp công nhân, giai cấp lãnh đạo, chắc Đảng và Nhà Nước cũng sẽ “chiếu cố” cho gia đình bác, lo gì.

Tôi thấy chiếc yết hầu của bác lên xuống như cố gắng đè nén lời nói nào đó, có thể, một câu chữ thề. Bác nhìn tôi, cặp mắt đờ đẫn như mất thần. Bác nói chậm rãi:

– Đảng và Nhà Nước cái con mẹ gì ? Chỉ bóc lột là khoẻ thôi!

Tôi sửng sờ hỏi:

– Bác nói sao?

– Còn nói gì nữa, mỗi lần kỷ niệm, mỗi lần thi đua, một người làm việc bằng ba, làm ngày, làm đêm, rớt cuộc cả sở được thưởng công lao bằng một mảnh vải đỏ, to bằng chiếc xi-líp với nhưng hàng chữ đao to búa lớn để phình phờ, chán lắm ông ơi! Cách Mạng cái con mẹ gì ? Công nhân làm chủ, nhưng Nhà Nước quản lý! Quản lý là gì, là nắm bao tử đó! Đời sống đất đỏ như thế, lương lậu có mấy chục đồng, chẳng có giờ ô tê, ô tiếc gì ráo trọi. Không có tháng mười ba, chỉ có bóc lột và bóc lột thôi! Từ ngày Cách Mạng thành công, mọi thành phần cũ của miền Nam đều lụn bại. Bác ở trong, không biết đấy, chứ ở ngoài, đời sống dân chúng cũng khổ như chó. Tôi bán cả xe gắn máy, tủ lạnh, Tivi để ăn và có tiền thăm nuôi hai

cháu đi học tập cải tạo. Bây giờ hết tiền, chẳng còn đâu mà thăm nuôi tiếp tế cho chúng nữa. Thôi, đành phó mặc!

Tôi ngược nhìn, tỏ ý ngạc nhiên:

– Sao bác không đấu tranh?

Bác cau mặt như có ý chê tôi không biết gì về tình hình chính trị dưới chế độ Cộng Sản:

– Sao? Bác nói sao? Đấu tranh à? Ông đã qua gần sáu năm trong các trại cải tạo rồi đó! Dưới chế độ Cộng Sản, Trại Cải Tạo nhiều hơn trường học mà! Ai dám? Bây giờ chẳng cứ giai cấp công nhân mà tất cả mọi người đều biết, sống dưới chế độ Cộng Sản là phải chấp nhận mọi thiệt thòi để cho Đảng và Nhà Nước hưởng. Khi trước, chúng tôi dám lãn công, biểu tình đấu tranh vì chúng tôi có luật pháp che chở, nay luật rừng mà!...

Bác cười, nụ cười méo xệch, để lộ hàm răng đã khuyết quá nửa. Biết rằng không nên đi quá sâu vào một vấn đề mà mình đã nhìn rõ, đã quán triệt được định lý của nó, tôi nói sơ qua cho bác nghe về chuyện trong tù, để xuyên qua đấy, bác có thể ý niệm được phần nào về sinh hoạt của hai đứa con trai bác.

Tôi tiễn bác xuống thang, đồng hồ điểm đúng mười hai tiếng. Buổi trưa Saigon, trời nắng chang chang. Sau thời gian dài đi tù, tôi đã bỏ hẳn được thói ngủ trưa. Có tiếng bồ cùi ở đầu hẻm. Tôi nghĩ, tại sao lại có người vô ý thức đến như vậy, nè buổi trưa mà bồ cùi làm mất sự yên tĩnh của người khác. Tôi mở cửa nhìn ra. Một người đàn bà gầy guộc đen đúa, một tay giữ khúc cây to, ngoằn ngoèo giống như chiếc rễ cây, một tay cầm chiếc rìu bổ xuống liên tục. Chiếc rìu hình như quá nặng so với sức khoẻ của người đàn bà, nên mỗi lần nhấc lên, cánh tay có vẻ uể oải như muốn bỏ rơi xuống. Nhưng không, tôi đã lầm, tuy trông vậy mà khúc cây cứ teo dần, sau chừng nửa giờ, người đàn bà đã ôm vào lòng một bó củi. Vì hăng say lao động, mái tóc xỏa tung xuống phủ lấp nửa lưng như gói trọn nửa thân hình người đàn bà vào một mạng lưới đen nhánh. Người đàn bà ôm bó củi đi ngang qua. Tôi chột kêu:

– A, Ngọc, sao, khá không?

Người đàn bà nở nụ cười ngượng ngập:

– Không khá, anh ơi!

Tôi nhìn, nhìn tròn trọc vào tấm hình hài nhỏ thó, răn rúm đang đứng trước mặt. Tôi không thể hình dung nổi một cô giáo người Huế, dạy cấp hai Trung học khi trước, đã có một thời xinh đẹp, duyên dáng! Cô đã từng đánh điện từ Cần-Thơ về Saigon, bắt người nhà phải gửi gấp cho cô bánh xà-bông thơm hiệu Cadum mà cô ưa dùng, đã bỏ quên! Cô đã từng trưng diện đúng thời trang và tuy là nhà giáo nhưng cũng bay bướm để đến nỗi mang trong thân xác một vết thương! Vết thương đó, may mắn thay, được một đồng nghiệp chữa lành, nay chỉ còn sẹo! Tất cả, những hình ảnh cũ, lướt thật nhanh trong trí nhớ. Tôi hỏi lại:

– Vẫn dạy học chứ Ngọc?

– Nghỉ rồi anh à! Các cháu đông quá, lương không đủ sống. Lúc này em đi bán quần áo cũ, chỉ mình nhà em đi dạy để lấy “gạo hộ khẩu.”

– Mấy cháu rồi ?

– Bảy!

– Ôi cha, – tôi buột miệng kêu rồi chợt nhận thấy sự vô ý của mình, nên chữa – – Lúc này, đông con kể ra cũng hơi cực, nhưng mai sau được nhờ!

Người đàn bà nhú mày:

– Anh nghĩ coi, đứa lớn nhất mới mười hai, biết đến bao giờ mới nhờ được, anh? Dưới chế độ này, hy vọng gì nhờ với và!

Một que củi rớt xuống, tôi cúi nhặt giùm. Có lẽ, chẳng muốn kéo dài cái không khí ngổ ngàng này, Ngọc cúi đầu, nói sẽ:

– Nghe tin anh về tối qua, chưa kịp lại chào. À, trông anh gầy quá hi! Xin phép về, nhà chưa nấu cơm!

Người đàn bà ôm chặt bó củi và chiếc riêu vào ngực, chiếc ngực lép kẹp, lom khom đi sâu vào hẻm.

Lúc này đã quá trưa mà chưa nấu cơm, tôi đoán biết phần nào sự khó khăn trong đời sống của gia đình Ngọc. Buổi chiều, tôi mang chuyện cô giáo Ngọc ra nói với vợ; vợ tôi cho biết thêm, từ ngày Sài-gòn bị Việt Cộng chiếm đóng, nếp sống của cô giáo Ngọc thay đổi hẳn. Cô không còn diêm dúa diễm trang, rất chịu khó lao động. Lúc trước, cô dạy học tận Phú Lâm, tuy xa vậy, trưa nào cũng đạp xe về nhà chăm sóc lũ con nhỏ. Cô nắm than, bở củi và làm tất cả những gì có thể làm để cứu sống gia đình. Tâm tính cô thay đổi hẳn. Cô trở nên dữ dằn, thô bạo, nếu có sự đụng chạm với bất cứ ai, dù nhỏ nhặt. Người lối xóm gọi đùa cô là “ổ kiến lửa,” chẳng ai muốn đụng đến. Tôi ngồi lặng im, thứ lặng im của mặt đại dương đang chứa chấp trong lòng nó những lượng sóng ngầm.

– À, anh đừng quên chiều nay đi nhậu với bác Năm Taxi đó!

– Còn sớm mà! – Trong đầu tôi lúc này hình như có một tảng nước đá đóng cứng ở trong. Nó làm tê liệt cả hệ thống thần kinh, toàn thân mất cảm giác!

Cái xóm nhà tôi, nếu nhìn bề ngoài, quả thực không thay đổi bao nhiêu. Vẫn ngàn ấy ngôi nhà, vẫn từng ấy chiếc hàng ba, vẫn cây trứng cá xoè to tàn lá, che rợp một khoảng đất, nơi tụ tập của lũ trẻ con, leo trèo hái trái, nghịch ngợm hò hét suốt ngày. Tôi rất khổ tâm nhưng chẳng biết làm sao hơn là phải hứng chịu tất cả những gì cuộc sống đẩy tới. Con hẻm, nơi đã mấy chục năm, tôi đi về, qua lại, nên thuộc lòng từng mô đất, từng vũng lồm ngập nước sau mỗi cơn mưa và bụi bay mù mỗi lần có chiếc Honda phóng nhanh khi mùa nắng. Những đồng rác và những bãi phân chó, phân trẻ con lúc nào cũng có, đến nỗi chẳng ai buồn nhìn, buồn dọn. Sau gần sáu năm trở về, nhìn lại, chỉ có đôi chút cách biệt là, màu vôi đã loang lổ đầy rêu bám, những khuôn cửa, sơn đã tróc trở màu gỗ, một vài cây hàng ba mục gãy như răng bà lão, không được thay, còn rác rưởi và phân vẫn vậy! Tôi đã nhầm tưởng, với chiếc đũa thần cách mạng, Cộng Sản có thể biến những khu lao động, hoặc các xóm nghèo mỗi ngày mỗi khá, ai ngờ, nó còn thê thảm hơn chế độ cũ mà Cộng Sản thường rêu rao là chế độ kìm kẹp, bóc lột! Mọi người đều nhìn rõ, biết rõ, nhưng chẳng ai dám lên tiếng. Và lại, vấn đề sửa chữa, sơn phết nhà cửa lúc này không phải chuyện dễ, mọi thứ vật dụng đều phải mua theo giá chợ đen, chất lượng chẳng ra gì, do đó, mọi người đều phải lo cho bao tử trước đã.

Ánh nắng chiếu chệch qua ô cửa, xuyên vào phòng, tạo nên một mảng ánh sáng sắc cạnh. Tôi đi vào buồng tắm. Dòng nước mát lạnh từ chiếc hương sen toả xuống. Tôi ngửa mặt hứng những giọt nước chảy đầm đìa, tràn vào mũi, vào miệng. Chất nước giòn ngọt hòa tan cùng

nước miếng trôi vô cưỡng họng. Tôi chợt nghĩ đến vũng nước đục ngầu do hố bom B-52 dội xuống miền Bắc mà tôi đã phải tắm khi bị giam cầm tại đó. Vũng nước này hàng ngày là nơi dầm mình của trâu bò. Tôi nhìn rõ nhiều vết chân và những bãi phân khô ở trên bờ. Tôi rùng mình, không dám hồi tưởng thêm.

Mặc xong quần áo, tôi ngồi vào ghế, rít một hơi thuốc lào. Khói thuốc chạy vào cưỡng phổi làm ngáy ngất. Trong đời, nếu có ai đã làm quen với thuốc lào, lúc ấy mới nhận biết, ngoài thuốc phiện, cần sa, không có một loại thuốc hút nào có thể gây cảm giác mạnh như thuốc lào, kể cả các loại xì-gà ngon nhất! Cũng do đấy, có nhà văn đã ban cho nó một mỹ tự: “Tương Tư Thảo!” Khi tôi ra cửa, mặt trời đã khuất. Ánh nắng chỉ còn thoi thóp trên ngọn cây trướng cá. Bác Năm Taxi, từ đầu ngõ bước vô. Mặt bác đỏ gay càng làm tăng màu trắng của mái tóc.

– Úa, sao ông ra trễ zậy ?

– Dạ, dạ, còn sớm mà!

Bác Năm nắm tay tôi kéo đi như dắt đứa trẻ con. Bác dẫn tôi ra ngay đầu ngõ, quẹo về bên phải độ mươi bước đến một quán hàng, trước đây bán mì, nay là quán rượu bình dân. Xung quanh chiếc bàn tròn, đã có bốn, năm người ngồi, mặt người nào cũng hồng hồng. Chai rượu đế ngâm thuốc còn non nửa. Trên mặt bàn có đĩa đậu phộng đã với một phần

– Ngồi xuống, nhậu!

Bác Năm vừa nói vừa ấn tôi ngồi xuống chiếc ghế đầu. Rượu được rót ra ly cối. Ở đây mọi người đều uống bằng ly cối, nhìn nó, tôi thấy nóng lạnh, vì từ ngày đi tù, tôi không được quyền uống rượu, nên bây giờ trông thấy phát sợ. Tất cả đều nâng ly chúc mừng ngày trở về của tôi. Tôi vô cùng bối rối và cảm động vì luôn luôn phải đối phó với những bất ngờ, do cảm tình và lòng tốt của mỗi người lối xóm. Tôi nâng ly đặt vào môi nhấp một chút. Hơi rượu cay sè làm tôi nhăn mặt. Bác Năm cười khà:

– Mấy ông quen uống Uýt-ki, cổ-nhát nay đựng thứ dũ này, mấy ông dội, hé ?

Tôi cười, mọi người đều cười; tôi nhìn vào ly của mỗi người, ly nào cũng với quá nửa sau một tợp đầu, còn ly của tôi hầu như y nguyên

– Bữa nay “zui,” mừng ông mới “zè” nào “zô, zô”!

Thế là mọi người lại nâng ly đưa lên môi nốc cạn, rồi úp ngược ly xuống mặt bàn. Tôi cứ ngồi như phỗng đá. Từ phía bên kia đường, một người đàn bà có tuổi, mập ú, lạch bạch băng qua chỗ chúng tôi ngồi. Bác Năm Taxi hỏi tôi, có nhớ bà không? Tôi chú ý, chợt nhận ra đó là bà chủ nhà hộ sinh đầu phố. Tôi gục gặc đầu :

– Dạ, dạ, nhớ, bà chủ nhà hộ sinh Hoa Hồng. Vợ tôi đã sanh đứa con thứ tư ở đấy mà!

Bác Năm cười khà khà, hơi rượu bốc ra nồng nặc:

– Đúng, nhưng cái nhà hộ sinh đó đã hiến cho nhà nước từ năm 76 rồi vì không đóng nổi thuế! Có điều mỉa mai, khi Việt Cộng mới chiếm đóng Sài-gòn, bà tự vỗ ngực tự tôn xưng mình là “Cách Mạng nằm vùng,” xách động phụ nữ hăng say lắm, coi mình như thứ thiệt, ai cũng nể. Nhưng chẳng hiểu sao, đứa con trai duy nhất của bà, Trung úy Hải Quân, vẫn phải đi học tập cải tạo, căn nhà hộ sinh vẫn bị đánh thuế nặng và một phần bị ban Y tế Phường chiếm đóng, sử dụng. Qua năm sau, chồng bà chết vì quá uất, bà buồn, biểu luôn căn nhà

hộ sinh rồi tình nguyện hồi hương về Bến Tre. Nay tỉnh thoảng, bà nhớ nhà, nhớ phố, lên chơi vài bữa rồi về! Cũng như tôi, đã phải bán cả xe Taxi vì không đủ tiền đóng thuế, tiền xăng nhớt quá mắc, khách đi không có. Ông tính, thời buổi này, mỗi người một chiếc xe đạp, tiền đâu đi Taxi? Tất cả đều chìm xuống đất đen, ông ơi! Còn sống ngày nào, còn chút tiền nào, tôi uống rượu cho quên đời!...

Nói xong, bác Năm cúi đầu như cảm khái cho tình đời thay đổi. Mái tóc bạc phơ của bác xóa xuống như một tấm màn trắng che phủ màu da đỏ gắt vì men rượu.

Tôi trở về khi trời nhá nhem, bước từng bước chênh choáng. Tuy không có gương để soi, nhưng qua hơi thở nóng ran, tôi cũng tự cảm thấy mặt mình đỏ như trái gấc chín.

.....

Trời Sài Gòn sáng nay không nắng. Sắc mây bàng bạc phủ kín vòm cao. Gió thổi hây hây, mát rượi. Tôi vẫn chưa quen với giấc ngủ bình yên, thoải mái dưới mái gia đình. Mỗi lần tỉnh dậy, mỗi lần bàng hoàng tưởng như trong mộng. Tôi phải đánh thức lương tri để nhận thức, đây là sự thực! Tôi mở cửa ra bao-lơn, quơ tay làm vài cử động cho đỡ mỏi. Trước mặt tôi, nhô lên cây Thập Tự Giá của nhà thờ Chợ Quán, in trên nền trời như một chứng tích! Những mái nhà cao thấp không đều, mỗi cái mỗi màu làm nhức mắt. Hàng cây phía xa lắc lư theo chiều gió như một lũ say. Tôi chợt nhớ những gì đã thay đổi ở dưới những mái nhà trong xóm, do vợ tôi kể lại. Mỗi trường hợp, mỗi hoàn cảnh đều có nguyên do, mà nguyên do chính tại miền Nam thua trận!

Căn nhà đối diện, chủ nhân nguyên là một công chức cấp Chủ Sự tại Trung Tâm Cải Huấn. Sau khi Việt Cộng chiếm Sài Gòn, ông sợ quá trốn về quê vợ mấy năm. Khi trở lại căn nhà cũ, mọi người thấy ông gầy dộc hẳn đi trông như cái xác ma. Gia đình ông khánh kiệt sau hai lần Việt Cộng đổi tiền. Chiếc La Dalat, ông đã bán từ lâu. Mỗi lần đi khám bệnh tại Bệnh viện ở Chợ Lớn, đưa con trai chở ông trên chiếc xe ba gác. Ông ngồi thu lu trên manh chiếu nát trải giữa lòng xe như một con thú bị thương. Vì thuốc men quá đắt, đời sống mỗi ngày mỗi suy sụp, ông đã phải tự kết thúc cuộc đời bằng những viên độc dược! Tầng trệt căn nhà của ông đã bị Công An Phường dùng làm địa điểm tiếp tân cũng là nơi họp tổ dân phố hàng tháng. Tôi nhìn xoáy vào tấm bảng đỏ có hàng chữ vàng treo ngay trước nhà, lòng đau nhói! Tên Công An khu vực đeo súng ngắn, đội cối vàng, đang đứng dạng chân ngay trước cửa. Về mặt quê mùa, đàn độn cổ làm ra vẻ oai nghiêm. Tôi biết, tất cả những sinh hoạt của gia đình tôi lúc này đang bị tên Công An Khu Vực bám sát, và sự yên ổn đời sống của riêng tôi có hay không, một phần cũng tùy thuộc vào sự báo cáo của tên này. Tôi buồn, vì nó hiện diện ngay trước mặt mình, không cách nào chối bỏ!

Để tránh ám ảnh, tôi quay mặt sang phía khác, nhìn băng khuâng. Một tiếng nói êm dịu từ phía dưới vọng lên:

– Trông ông đâu đến nỗi!

Tôi cúi nhìn. A, bà Phong ở xế cửa đang đứng trước hàng ba nhìn lên. Tôi cất lời chào. Bà mỉm cười, nụ cười buồn bã thay lời nói. Thời gian, ôi, thời gian, đích thực nó là kẻ thù ghê gớm của con người. Mới gần sáu năm mà dung nhan bà đã thay đổi không ít! Mái tóc bà không còn đen nữa, những vết nhăn đã kéo dài. Gia đình bà Phong, một gia đình khá kỉnh trong lối xóm. Ông bà sống rất mực thước, ngoan đạo. Ông bà có bốn người con trai, thì ba là sĩ quan của miền Nam, còn một làm thẩm phán. Sau cơn biến động, một chạy thoát qua Mỹ, một trốn học tập cải tạo, một sĩ quan phi công đi tù, còn một được tự do. Sau mấy năm sống dưới ách thống trị của Cộng Sản, người được tự do vì làm nghề ông tòa nên nhận thức

được sự kìm kẹp bất công của chế độ Cộng Sản, đã tham gia Mặt Trận Phục Quốc. Chưa hoạt động gì đã bị bắt, hiện đang bị giam tại trại Phan Đăng Lưu, một trại giam tù chính trị ở miệt Gia Định. Với một hoàn cảnh như vậy thời đá cũng tan nát cứ gì lòng người! Còn đứa cháu út, vợ người sĩ quan phi công lại bỏ nhà đi theo đám Văn công Việt Cộng, rồi lẳng nhặng ong bướm không hỏi han gì đến người chồng đang tù tội! Việc tiếp tế thăm nuôi các người con ở tù Cộng Sản do mình bà đảm nhiệm. Can đảm thay các bà mẹ Việt-Nam. Tôi nhìn bà như nhìn một thần tượng của tình thương,

– Mấy bữa nay, chúng tôi tính qua thăm, nhưng để ông nghỉ mệt!

Tôi ngó lời cảm ơn, toan quay vào, mắt tôi bỗng bắt gặp một thân hình rần rúm đang dắt chiếc xe đạp cũ mèm, đằng sau chở một hòm kính bày thuốc điều, các đồ tạp vật như bút nguyên tử, bao thư, tập vở học trò. Từng bước chân chậm chạp kéo lê trên nền đất không đều. Ông ta đội chiếc mũ lưỡi trai sụp xuống một nên tôi không nhận diện được, chỉ đoán là người quen lối xóm. Vừa lúc ấy, đứa con gái thứ tư của tôi vừa lên tới, báo cho biết có bác Lý đến thăm. Tôi hỏi vội:

– Ai dắt xe đó con?

Nó nhăn mặt:

– Bố quên sao? Ông Đại úy Cảnh Sát ở ngõ trong; ông được tha năm ngoái. Vừa được tha về, ông phải đi mổ ngay, suýt chết đó, bố! Ông có đứa con mới vượt biên tháng trước, lọt rồi!

Tôi cố moi trong trí nhớ hình ảnh ông Đại úy Cảnh Sát với sắc phục nghiêm chỉnh, thường vui vẻ chào hỏi tôi lúc trước, mỗi lần gặp!

Hình ảnh ông Đại úy Cảnh Sát bị xóa mờ cấp tốc trong tiềm thức khi bước chân bác Lý đã lên đến bậc thang cuối! Vừa nhìn thấy tôi, bác Lý buông lời qua nụ cười:

– Úy cha, thế nào bồ?

Tôi trả lời bái lải:

– Còn thế nào nữa, chết đi sống lại đó, ông ơi!

Bác Lý, thường được bà con lối xóm kêu là cậu Năm, khi trước, bác làm Đại lý thuốc tây và có liên hệ với Cộng Sản trong vấn đề tiếp tế thuốc ra vùng giải phóng. Quê bác ở miền Tây, thuộc thành phần địa chủ. Buổi chiều ngày 30-4-75, khi bộ đội Cộng Sản vô Sài Gòn, tôi nhìn thấy bác và đứa con trai lớn hì hục treo tấm bảng đồng có ghi hàng chữ: “Chi Bộ Đảng Lao Động Việt-Nam,” ngay trước cửa nhà. A, cho đến giờ này, những người sống trong cái xóm nhỏ, mới biết cậu Năm hoạt động cho Cộng Sản! Hai lá cờ, một đỏ sao vàng, một giải phóng, cùng treo một lượt ở hai bên tấm bảng. Không hiểu cậu Năm đã may và giấu cờ ở trong nhà từ bao giờ mà cậu đã có để sử dụng ngay trong giờ phút thứ nhất, báo hiệu sự sụp đổ của miền Nam. Chính vì những sự kiện đã nhìn thấy, nên giờ đây, trong khung cảnh này, tôi vẫn cảm thấy ngại ngại khi nói chuyện với một người từng hoạt động cho Cộng Sản. Nhưng không, cậu Năm chửi Cộng Sản như máy, cậu chửi chùm lộp, từ cấp lãnh đạo đến hạ tầng. Đứa nào cũng cửa quyền, tham nhũng, hưởng thụ, bóc lột! Cậu chửi không tiếc lời, theo cậu, miền Nam thua trận chẳng qua vì quá nhu nhược, quá tình cảm, không nở tổ cáo nhau dù biết người đó là Cộng Sản nằm vùng. Tôi chỉ âm ỉ chứ không buông lời nào cả, vì chưa biết cậu Năm chửi thực hay giả? Tôi đã được nhiều người nhắn nhủ rằng, tụi Công An Cộng Sản hay dùng phương pháp đó để gài bẫy bắt người, chớ nên chửi theo! Sau mấy ly

trà, bác Lý ra về. Tôi ngồi thu mình trong ghế hút thuốc Lào vật. Bác Lý có đến mười hai đứa con, phần đông là con gái. Nhiều cô lớn tòng ngồng mà chưa chồng. Bác nhất định không cho đứa nào vượt biên dù bác có tiền.

Chiều chiều tôi thường thấy bác cùng vài người bạn già ngồi nói chuyện đời, nơi khoanh đất trước cửa. Đôi lúc hứng chí, bác Lý ôm đứa cháu nội vào lòng nựng:

– Hà, hà ông cháu mình cùng đứng lên đấu tranh cho chiếc bao tử nào !

Bác nói to rồi cười vang ra như không có ai bên cạnh. Vợ tôi có nói, năm trước, họp để bầu Tổ trưởng, bác Lý từ ngoài, mặt đỏ gay, khệnh khạng bước vào phòng họp nói lớn:

– Họp cái con mẹ gì, chỉ định cho rồi đi!

Tên Công An Khu Vực tức giận toan đưa bác ra Phường, nhưng đứa con gái lớn đã nhanh trí xin lỗi tên Công An và bà con lối xóm do bác quá chén! Vấn đề vì sao bác Lý chửi Cộng Sản, vì lý do nào Cộng Sản chưa bắt bác đi cải tạo, điều đó chắc có ẩn giấu một sự tình!

.....

Buổi trưa, tôi nằm nghỉ mệt trên sàn gác, tiếng bồ cùi từ đầu ngõ vang lại. Tiếng động không đều, khi nặng khi nhẹ, làm tôi nghĩ đến cánh tay đen đúa gầy guộc của Ngọc. Có lẽ ngoài buổi trưa, nàng không tìm đâu ra chút thì giờ để làm công việc đó. Tôi nhòm dậy. Tiếng bát đĩa vỡ và tiếng chửi tục tằn văng lại từ xa. Bữa nay nắng gắt. Sắc trời thăm thẳm không gợn sợi mây. Hàng cây phía xa bất động phờ phình tắm nắng. Tôi mở cửa nhìn. Trên chiếc bao lớn của căn nhà hai tầng lầu, phía sau nhà bác Lý, một gã đàn ông to con, mặt đỏ gay, đang dặng chân, một tay chống nạnh, một tay chỉ vào một cô con gái phì nộn đang khóc tức tưởi, mái tóc rậm tròn xoe như chiếc rế úp trên đầu:

– Đù má mày, tao biết cái “của mày” rộng như đại dương rồi. Mày là con đĩ ngựa, đồ khốn nạn!

Gã đàn ông nắm chặt bàn tay như muốn thoi vào mặt cô gái dăm bảy cái cho vợ cơn tức. Nhưng hấn cố ghìm:

– Tao biết, tao biết hết ! Mày đã ngủ với thằng cối xanh nào, đã đi ăn đêm với thằng cối vàng nào trong thời gian tao đi tù! Tao biết hết! biết hết!

Đột nhiên hai cánh tay gã vung lên. Những quả đấm lao tới tấp vào thân thể cô gái. Tiếng khóc bật to như xé không gian. Không biết từ bao giờ, vợ tôi đã đứng bên cạnh:

– Thôi, vào đi anh, nắng quá mà!

Ông Trung Úy Biệt Động Quân đó, cứ nhậu say là đánh chửi vợ, vì trong thời gian đi cải tạo, cô vợ ở nhà lẳng nhăng với Việt Cộng. Tôi sửng nhìn:

– Sao hấn biết?

– Ồ chuyện xảy ra, làm sao bịt miệng thiên hạ được ? Trong sáu năm nay, những trường hợp như vậy thiếu gì, anh?

Tôi trở vào nhà, quăng mạnh người xuống chiếc đi-văng. Hai tay khoanh làm gối, ngửa mặt nhìn trần nhà loang lổ, do nước mưa để lại dấu tích. Trong tiềm thức, hình ảnh những người tù chập chờn sống động. Ôi ! biết bao nhiêu gian khổ, nhục nhằn đang vây chặt từng số phận trong kích thước của những trại Tập Trung Cải Tạo rải rác suốt dải quê hương! Tôi nghĩ

đến những người vợ hiền, những người mẹ tốt từ sáu năm nay đã hy sinh tất cả cho những người chồng, người con không may! Tôi ít khi dám nghĩ tới những người đàn bà hư, vì dù sao, họ cũng là thiểu số. Hoàn cảnh đã xô đẩy họ, dục vọng đã cám dỗ họ, cuốn hút họ vào những vực thẳm tội lỗi!... Thời gian qua đi nặng nhọc. Nằm chán, tôi đứng dậy đi vòng quanh phòng. Tôi nhìn vào từng tấm tranh, nhìn vào mặt chiếc bàn trợ trụ, không một tờ giấy, cuốn sách! Cái không khí sinh hoạt sống động của nền Văn hoá Nghệ thuật trước kia, nay không còn! Tất cả những giá trị Văn hóa của miền Nam đã bị Cộng Sản kết án và bôi nhọ. Cộng Sản đã đào một cái hố quá rộng, quá sâu không có cách nào lấp nổi, giữa hai nền Văn hoá Tự Do và Vô Sản. Tôi suy nghĩ, suy nghĩ hoài về mọi vấn đề, nhưng cuối cùng tất cả đều khựng lại trước ngõ cụt! Chiều đã xuống xóa mờ dần cảnh vật bên ngoài.

.....

Buổi tối trời đầy sao, khu vực tôi ở bị tắt đèn theo chu kỳ, mỗi tuần ba lần, chưa kể khi máy hỏng bất tử; những ánh đèn dầu thấp thoáng trong mỗi căn nhà. Tôi đứng dựa lan-can nhìn xuống. Lối ngõ tối như chiếc vực. Phía bên kia đường, một ngọn đèn nhỏ le lói. Tôi biết đó là ngọn đèn bán hàng của Liên. Mỗi tối, nàng bán thuốc lá tại đó. Liên thường mặc chiếc áo cánh trắng. Tôi nhìn màu trắng bất động sau ánh đèn mờ. Tôi quen nàng trong một đêm dạ hội cuối năm do sinh viên Văn Khoa tổ chức cách đây khá lâu. Rồi tình cờ, gia đình Liên dọn nhà đến gần khu tôi ở. Chúng tôi thường gặp nhau; mỗi lần gặp, tôi cảm thấy ở Liên có những suy nghĩ về cuộc sống gần như tôi vì vậy tôi quý mến Liên và coi nàng như em gái. Liên không thích chế độ miền Nam lúc trước, nên tư tưởng, phần nào thiên Cộng. Nàng đã lên đường, xuống đường mỗi lần tình hình miền Nam bị xáo trộn chính trị. Nàng đã đấu tranh vì nhiệt tình tuổi trẻ chứ không thuộc đảng phái nào. Tính tình Liên rất hồn nhiên cởi mở, ngay cả tình yêu, Liên cũng không cần đắn đo suy nghĩ. Khi trước, Liên thường nói với tôi: – “Có mất gì đâu anh, mỗi người vui một chút!”

Nhưng hôm nay, tôi tin rằng Liên đã trở thành con người khác. Sau gần sáu năm sống dưới chế độ Cộng Sản, nàng đã nhận thức được giá trị của cuộc sống. Tôi nhìn ngọn đèn buồn bã như nhìn thấy một biểu tượng cô đơn. Có bóng chiếc nón cối dừng lại cúi xuống châm thuốc. Tên bộ đội nói với Liên những gì tôi không biết, qua cử chỉ, tôi thấy Liên đưa hai tay lên ôm chặt lấy đầu như tỏ ý không muốn nghe. Tên bộ đội cúi xuống nữa, đầu hấn gần chạm vào mái tóc Liên, đột nhiên nàng đứng lên, lảng ra xa. Tên bộ đội định theo sát, nhưng khi gần tới bên, không hiểu sao hấn quay người đi thẳng. Tôi vừa chứng kiến một cuốn phim câm, nhưng qua đó đã đoán được phần nào tâm trạng của Liên trong môi trường thực tế vô cùng khốn khó. Tôi định sẽ gặp Liên một ngày nào gần đây để tìm hiểu! Tôi ngừng mắt nhìn lên. Những vì sao lấp lánh như từng chuỗi kim cương ghim cứng trên tấm màn nhung tím biếc. Tiếng động cơ xích-lô máy nổ chát chúa phá tan sự im lặng của đêm sâu. Saigon ban đêm không còn náo nhiệt phồn vinh như trước. Thành phố chỗ sáng, chỗ tối, đèn đường chỗ có, chỗ không. Saigon lúc này như một thành phố chết. Tôi biết, Saigon vẫn có những quán ăn nhậu, quán café, nhưng chỉ là những quán bình dân và các thực, ẩm khách phần đông là dân chạy “mánh” chợ trời hoặc các thanh niên chán đời chưa có phương tiện vượt biên! Không muốn nhìn, không muốn nghĩ, tôi đóng cửa dim đời mình vào giấc ngủ, một giấc ngủ chên vênh vì ngày mai, khi tỉnh giấc, chuyện gì sẽ tới?...

.....

Tôi thức dậy từ lúc còn mờ đất. Tôi quơ tay tìm chiếc điếu cày, mồi thuốc, châm lửa. Đưa điếu lên môi, tôi rít một hơi dài, nước điếu kêu reng róc. Khói thuốc luồn nhanh vào lồng ngực. Các dây thần kinh căng ra. Thân xác tôi chơi vơi, rũ liệt. Tôi thờ dốc như một lực sĩ vừa qua cuộc chạy đua thần tốc. Tôi ngất lịm, hồn lâng lâng bay bổng tít mù! CƠN say tuy ngắn,

nhưng vô cùng khoái cảm. Ôi, điều thuốc Lào thứ nhất mỗi sáng sớm, nó có giá trị gần như một nhu cầu không thể thiếu trong tôi.

Trời bắt đầu sáng. Sắc trời bữa nay xấu. Màu mây xám chì, chiu nước. Tôi bước chậm chạp xuống nhà dưới, toan mở cửa đi ra ngoài đường dạo chơi để quan sát sự sinh hoạt của Saigon buổi mai ra sao, bỗng có tiếng hỏi:

– Anh đi đâu sớm vậy?

Tôi trả lời khật khưỡng:

– Đi đây đó vậy thôi!

Vợ tôi cười:

– Chắc anh nhớ tiếng kèng không ngủ được ! Giờ này ở trong Trại Cải Tạo, các ông sắp sửa đi lao động, phải không anh ?

– Chưa đâu, giờ này đang chờ lãnh phần ăn sáng, một củ khoai, phần tư chén bo-bo hay khoai mì khô, hoặc bất cứ thứ gì có thể ăn được, không quá số lượng năm mươi gam cho mỗi đầu tù.

Vừa lúc ấy ở ngoài đường có tiếng rao:

– Ai bánh cuốn nóng? – Tiếng rao the thé, nhức nhối.

– Sáng nay anh ăn bánh cuốn nhé?

– Ừ!– Tôi trả lời buông lỏng! Quả thực, khi còn ở tù, thứ gì cũng thèm, từ củ khoai, củ sắn, quả chuối và ao ước khi nào được tha về sẽ bảo vợ con mua cho ăn mỗi thứ một bữa thoả thích. Nay, trong hoàn cảnh có thể thực hiện được, không hiểu sao lại chán hết.

Trong khi vợ tôi mua, tôi chú ý nhìn đôi bàn tay thô kệch của người đàn bà vụng về xếp từng chiếc bánh vào đĩa. Những chiếc bánh cuốn nóng, tỏa hơi bay nhẹ trong không khí. Mùi thơm tỏa ra làm tôi cảm thấy đói.

– Vào ăn cho nóng, anh!

Đang ăn, vợ tôi ngược nhìn hỏi:

– Anh có nhớ con mẹ bán bánh là ai không?

– Không nhớ

– Con mẹ này là vợ thằng Cường hồi xưa chuyên môn bán đồ Mỹ ở ngõ trong đó! Khi tụi Việt Cộng mới vào, chồng mẹ được tụi Cộng Sản chỉ định làm Trưởng Ban An Ninh Phường, mẹ vợ lên mặt. Thấy nhà mình thuộc thành phần cải tạo, nó coi chẳng ra gì, nó còn dạy mình phải sống như thế nào cho thích hợp với Cách mạng. Mỗi lần hội họp, hấn ngồi vắt vẻo ở hàng ghế đầu, mặt vênh vác. Nhưng bây giờ nó bị tụi Việt Cộng đá văng ra rồi, lại hiện nguyên hình!

– Thôi, chấp làm gì em, đời như thế cả!

Vợ tôi nhìn chăm chặp:

– Nhưng cuộc đời nhiều đũa khốn nạn quá, chịu không nổi ! Chính vì mình không chấp lúc trước nên mới thua đó anh!

Vì biết tính vợ, tôi đứng dậy đi vào nhà trong thay quần áo.

Tôi qua thăm ông Phú, một công chức về hưu trước ngày Việt Cộng chiến thắng. Sở dĩ khi trước, tôi quý mến ông chỉ vì tính ông vui vẻ, ham đọc sách. Tôi vốn lười đọc, chỉ nghe ông kể lại. Sau khi nghe, tôi coi như mình đã đọc và tự cho mình cái quyền nói về cuốn sách đó khi cần. Nhà ông ở cuối xóm. Muốn vào nhà phải đi qua một cái ngõ nhỏ, sâu hoắm, hai bên trồng đủ loại cây kiểng, trong đó, có hai cây mai vàng, mỗi khi xuân về, hoa nở phủ kín từ gốc đến ngọn. Tôi đưa tay ấn vào nút điện. Tiếng chuông reo vang phía trong, vọng đến tai. Chờ một lúc, không thấy ai ra mở cổng, tôi nghĩ, có lẽ mình đến sớm quá, nên nhà còn ngủ. Tôi toan quay về, bỗng có tiếng dép kéo lê trên nền xi-măng. Tôi nhón gót nhìn qua khe cổng. Một gã con trai, trạc ba mươi tuổi, nghiêng người gần sát đất, trườn từng bước chân khó nhọc. Thân hình gã dúm dỏ, xiêu vẹo trông không ra hình người, chẳng ra hình thú. Nét mặt đau khổ in hằn qua những nếp nhăn chảy dài ở hai bên má. Những sợi râu lún phún mọc dài ngắn chỗ thưa, chỗ mau ở trên mép và dưới cằm tạo cho khuôn mặt có những nét khôi hài đặc biệt. Đó là người con trai duy nhất của ông bà Phú. Anh ta bị bệnh tê liệt từ bé. Ông bà Phú đã tốn bao nhiêu tiền bạc để chạy chữa nhưng không khỏi, đến nay coi như thành tật. Anh ta không đi được, mà lết. Người lối xóm cho rằng vì bà Phú ăn ở ác nghiệt, nên đũa con gánh chịu. Tôi ngẫm nghĩ, nếu đúng vậy, Thượng Đế bắt công hay sao? Ai làm nấy chịu mới đúng chứ! Theo tôi biết, bà Phú quả có khe khắt với chồng con thật, nhưng tôi tin, chẳng vì thế mà Thượng Đế nỡ hành hạ bà, qua đũa con trai duy nhất

– Ông đã dậy chưa, cậu?

Một giọng nói khàn khàn cất lên:

– Rồi!

Anh quỳ gối xuống, cố gắng cất mình lên cao đưa tay với cái chốt cổng, ấn qua bên. Tôi đẩy nhẹ, lách mình vô trong. Tôi vào gần hết ngõ, ông Phú lật đật chạy ra, chiếc khăn rửa mặt vắt trên vai. Ông cười, nụ cười gượng gạo chứ không thoải mái như hồi trước.

– Mời vô!

Tôi dạ, dạ, theo ông vào phòng khách. Tôi sửng nhìn, căn phòng lúc này trống lốc, chiếc tủ sách cao nghệu, khi trước chiếm trọn bề dài của bức tường nay không còn nữa. Tất cả đồ đạc đều thay đổi vị trí, coi chổng chếnh chả đâu vào đâu. Hồi xưa nơi đây bày biện toàn đồ sang trọng, lúc nào cũng bóng láng ngăn nắp. Có lẽ, thấu rõ tâm trạng tôi lúc ấy, nên ông đưa tay mời ngồi. Ông cười xòa:

– Có nhiều chuyện để nói lắm, ông ơi! Tôi đun nước, anh em mình làm ấm trà cho ấm bụng.

Ông xuống bếp. Có tiếng bà Phú nói léo xéo từ dưới vọng lên:

– Ông tiếp khách đi, để tôi đun. Người gì mà kỳ cục, có ấm nước làm cũng không xong!

Ông Phủ lê dép đi lên. Nét mặt ông bần thần, sượng sùng. Chiếc trán ông lúc trước đã cao, nay càng cao vì tóc rụng gần hết. Ông ngồi đối diện tôi, đưa tay sửa lại gọng kính, nói chậm rãi:

– Còn sống là may rồi! Gần sáu năm cải tạo đâu phải chuyện đùa! Ở ngoài, chẳng ngày tù nào, còn khổn đốn nữa là! Ồ, gầy và đen quá há? Nhưng không sao, ăn uống, nghỉ ngơi ít bữa, sẽ lại người!

Giọng nói trầm trầm, ngậm ý an ủi. Sự thực, mục đích tôi sang thăm ông đâu phải cần lời an ủi, mà đích thực, muốn được ông nói cho nghe những gì đã xảy ra dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa trong gần sáu năm qua, một con người đã sống dưới nhiều chế độ, từ thời Pháp thuộc tới nay, ông vốn có óc nhận xét sự việc một cách sâu sắc, tinh tế, nên tôi tin những gì ông nói ra đều phản ánh đúng đời sống hiện tại. Tôi đảo mắt nhìn xung quanh, như có ý hỏi. Ông nói ngay:

– Cái tủ sách! Ái chà, cái tủ sách gồm hơn ba ngàn cuốn quý mà tôi thu thập cả một đời người đã bị tụi Công An nó tịch thu hết rồi, trong đợt đánh Văn hoá đòi truy! Cuốn nào dù tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Việt, tụi nó đều quy là văn hoá đòi truy ráo trọi. Nó bảo thẳng vào mặt tôi: – “Thành phần chế độ cũ, phản động, không cho đi cải tạo là may rồi!” Ông bạn thấy không, tụi nó làm ăn như vậy đó, cho lũ Công An vô học đi làm công tác kiểm kê văn hoá, lại dọa nạt, hà hiếp nhân dân! Cách Mạng cái con mẹ gì, đồ ăn cướp! Nhưng ước nhất, tụi nó tịch thu sách của mình, không đem hủy như thời Tần Thủy Hoàng, lại mang ra chợ sách, bán lấy tiền tiêu, mới đau mình chứ? Sở dĩ tôi biết được vì một hôm nhớ sách, tôi dạo chợ sách để xem, bỗng thấy những cuốn sách của mình bày bán. Tôi hỏi người bán, mua sách này ở đâu? Người bán cười riếu: – “Sao ông ngây thơ thế? Đừng hỏi lẫn thần!” Tôi ngượng quá, bỏ đi một nước.

Ông Phú cười héo hắt.

Có tiếng guốc từ ngoài, bà Phú bưng khay trà đi vô. Nhìn thấy tôi, bà nhếch môi:

– Chào ông, mạnh giỏi chứ?

Bà cụ này dấm dớ bỏ cha, vừa ở tù về làm sao mạnh giỏi được? Tôi toan trả lời thẳng những gì mình nghĩ, nhưng ông Phú đã đứng dậy, đỡ lấy khay trà, bảo vợ cùng ngồi uống nước. Bà Phú vốn gầy nay lại bị bệnh thấp khớp hành hạ nên trông thiếu nảo ra mặt. Các đầu khớp xương của bà sưng vù; tôi nhìn bà cử động khó khăn. Bà vừa rót nước vừa mĩa mai:

– Xin cảm ơn ông đã đến thăm ba phế binh!

Tôi ngạc nhiên toan hỏi, bà đã tiếp:

– Ông nghĩ coi, lúc này gia đình tôi có đúng là gia đình phế binh không? Này nhé, ông nhà tôi về hưu; từ ngày 30-4, ông mất sổ hưu trí, không có công ăn việc làm; tôi như thế này, bệnh thấp khớp hành hạ mỗi đêm không ngủ được. Đi khám bệnh, Bác sĩ cho toa mua thuốc. Tôi không mua, nghĩ mình đã già, sống chết không cần; tiền mua thuốc để ăn, sướng hơn. Còn thằng con duy nhất lại thế kia, hỏi không phải gia đình phế binh còn là gì ?

Bà nói, và nói nhiều, toàn những chuyện không đâu, vì vậy câu chuyện giữa tôi và ông Phú coi như không thực hiện được. Sau chén trà thứ ba, tôi đứng dậy, xin phép về. Ông Phú nói vài lời xã giao lấy lệ, chắc ông đã đoán biết chẳng nên giữ tôi lâu. Những giọt mưa bắt đầu rơi trên mái tôn lộp bộp.

Vừa về đến cửa, mưa bắt đầu mau. Gió nổi to, thổi tung những rác rưởi, bao nylon, cuốn đi mất hút. Cơn mưa bỗng trút xuống như thác. Tôi nhớ đến những cơn mưa rừng ở miền biên giới ngoài Bắc, trong năm tháng tù đầy. Ôi, những cơn mưa rừng! Tiếng mưa như quất vào

không gian muôn vạn ngọn roi nhọn sắc. Cảnh vật đắm chìm vào một khu vực đầy bất trắc, đe dọa. Có thể một cây rừng trốc gốc, có thể núi lở, có thể nước suối dâng lên cuốn phăng tất cả những gì ngăn cản sức mạnh của nó. Tôi lên lầu, nhìn mưa qua ô kính. Những dòng nước chảy ào ạt phía ngoài làm tôi cảm thấy mặt mình như có nước. Tôi đưa tay lên vuốt. Nhưng không, da mặt khô ran! Tôi suy nghĩ, không hiểu vì đâu, mình lại có cử chỉ như vừa rồi ?

Cơn mưa miền Nam khi trút xuống thật dữ dội, nhưng cũng mau tạnh. Bầu trời xanh dần. Mặt trời lại chiếu làn ánh sáng rực rỡ xuống cảnh vật. Tôi mở cửa nhìn ra, cảnh vật như tươi hẳn lên vì nước mưa đã rửa sạch bụi bặm. Tôi tỳ tay vào thành cửa nhìn băng quơ xuống đường. Một chiếc xe Vespa lao nhanh vào ngõ rồi tắt máy ngay sát nhà. Tôi thoáng thấy gã đàn ông ngồi phía sau buồng eo ếch người đàn bà, nhảy xuống đất, lúi nhanh vào chiếc cửa đã mở sẵn, trong khi người đàn bà loay hoay cố sức đẩy chiếc xe qua bậc thềm. Người đàn bà đó, quá quen thuộc, tôi biết từ khi còn ở tuổi nhẩy dây. Do vậy, dù đã có chồng con từ lâu nhưng quen miệng tôi vẫn gọi bằng cô. Mấy bữa trước, vợ tôi nói, người chồng đã vượt biên năm ngoái. Hiện cô sống với mấy đứa con chờ đi bảo lãnh. Cô tên Bạch, người phốp pháp, trắng nhễ nhại. Trông cô nòng nân, dằm thắm. Hôm tôi mới về, cô có chạy sang hỏi thăm. Cho tới thời gian gần đây, đời sống của gia đình cô mới dễ chịu, trước cũng lao đao lắm. Cô Bạch có một thời gian đi làm cho cơ quan truyền thông của Cộng Sản. Vì đi làm nên cô có nhiều bạn cả trai lẫn gái. Chồng cô, một trí thức, từng du học tại Pháp, nhưng Cộng Sản vốn không ưa trí thức nên dù người chồng có hết sức phục vụ chế độ Cộng Sản bằng khả năng chuyên môn, vẫn không đủ sống!... Cuối cùng phải tìm cách vượt biên. Trong những ngày đầu khó khăn của một người dân tỵ nạn, người chồng đã tần tiện gửi về cho vợ con từng bao thuốc lá, từng lọ thuốc, từng thước vải. Nhưng dần dà những thùng quà lớn được gửi đều qua Tân Sơn Nhất. Từ đó, cô sống phong lưu, cũng từ đó, sự phóng túng hình hài được bộc lộ. Hôm nay, tình cờ tôi mới được nhìn thấy tận mắt sự việc. Có điều ngạc nhiên, không phải cô sống riêng biệt, mà sống chung cùng bố mẹ già. Nhưng bố mẹ cô hình như coi vấn đề lãng nhãng tình ái này như chuyện thường tình, vì khi còn trẻ, họ cũng vậy! Tôi có nghe vài người lối xóm phê bình về tính nết của cô. Tôi chưa tin hẳn vì sự yêu, ghét đều có thể làm lệch nhận xét. Ngay cả đến vợ, tôi cũng chỉ nghe, ít khi phê bình hay có ý kiến trực tiếp. Tâm hồn tôi sau gần sáu năm gánh chịu bao nhiêu phiền lụy, ngộ nhận, nên lúc này tôi trở thành dè dặt đối với tất cả chuyện gì khi chưa có chứng minh. Vấn đề cô Bạch nuôi người tình, tên cán bộ Việt Công từ miền Bắc vào, cùng làm chung cơ quan lúc trước, bằng tiền mồ hôi nước mắt của người chồng từ ngoại quốc gửi về, đó thuộc về trách nhiệm của riêng cô; nào có liên hệ đến ai? Sau những năm dưới sự cai trị của Cộng Sản, biết bao nhiêu gia đình đã tan nát, bao nhiêu giá trị bị lật nhào, bao nhiêu nền tảng bị phá vỡ, thì hôm nay thêm cô Bạch có “ăn nem” vụng chồng, đó chẳng qua vì cô không đủ nghị lực từ chối sự thôi thúc của thân xác qua sự vật vã mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi đêm dưới cơn lốc dục tình! Tôi nghĩ vậy, nhưng sao trong lòng vẫn gợn lên một nỗi buồn ứ nghẹn, như có một viên sỏi chắn ngang cuống họng! Tôi cứ suy tư và lý luận băng quơ, cố tìm ra một lý lẽ để lờ cho ngoại cảnh nhưng cuối cùng, chính tôi cũng chẳng biết gì hơn là trút tiếng thở dài, bực bội!

Thời gian trôi rất chậm. Quay vào nhà, tôi cầm cuốn sách mong đọc cho khuây khoả; không một dòng chữ nào đi vào óc. Trước mắt tôi, không phải những hàng chữ mà nó biến thành một cái hố đen ngòm, sâu hoắm. Từ dưới đáy, nổi lên dần dần từng hình thể, nhẩy múa loạn xạ, cuối cùng nổ bùng và cháy tan như ảo ảnh. Tôi giật mình, mới hay vừa thiếp đi ít phút!

.....

Buổi tối nay có cuộc họp Tổ, nơi căn nhà trước mặt. Cánh cửa mở toang. Tên Công An khu vực đi ra, đi vô. Hắn cố để lộ cho mọi người thấy cây súng ngắn đeo ngang hông. Buổi họp được ấn định từ tám giờ, nhưng mọi người đều đến trước. Điều tôi ngạc nhiên là thành phần họp toàn đàn bà, con nít. Không có bóng người đàn ông nào! Phía cuối phòng có đặt chiếc bàn và ghế dành cho tên Công An khu vực, Tổ Trưởng đứng kế bên, nhân dân ngồi bệt xuống đất. Tất cả đều im lặng. Tên Công An đại diện cho quyền uy Cộng Sản nói lý do buổi sinh hoạt rồi nhường lời cho Tổ Trưởng. Tổ Trưởng lúc trước là công chức sở Thuế Quan. Nghe nói anh làm việc rất khôn ngoan, vừa được lòng bọn Công An, vừa được lòng lối xóm. Ngày tôi mới về, anh có qua hỏi thăm; trong lúc vui câu chuyện, anh nói:

– Bác nên “chui,” ở đây uống lắm! Bác còn làm được nhiều việc mà!

Để giữ mình, tôi nói:

– Không đi đâu cả, được tha là may rồi, còn đòi hỏi gì hơn nữa?

Anh cười xòa !

Từ nhà, tôi nghe rõ tiếng anh Tổ Trưởng nói sang sảng trong phòng hội. Tôi nghĩ, đây không phải cuộc họp đúng nghĩa, mà ngồi nghe phổ biến lệnh của nhà nước. Mỗi lần đến đoạn quan trọng có đóng góp tiền bạc, như ủng hộ công trình xây cất nhà máy điện Trị An, ủng hộ tiền tuyến, anh Tổ Trưởng ngừng lại hỏi:

– Bà con có ý kiến gì không?

– Không ! – Tất cả đều nhất trí trả lời như vậy vì mọi người đều thuộc lòng câu: Thứ nhất ngồi lì, thứ nhì đồng ý, chớ có nói lố bớp mang vạ vào thân!

Tên Công An xen vô:

– Xin bà con cô bác thông cảm với khó khăn của nhà nước. Bà con đóng góp vô hôm nay để ngày mai bà con dùng điện thả cửa, khỏi cần hạn chế sáu chục chữ một tháng, không còn cúp điện ba ngày một tuần. Còn tiền tuyến, trên mặt trận Campuchia, các chiến sĩ ta đang chiến đấu ngày đêm, gian khổ, đang đổ máu để giữ vững nền độc lập cho nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa anh em, chống lại bọn phản động Bôn-Bốt – Yên Sa-ri, kẻ thù của nhân dân Campuchia.

Tôi nghe từng tiếng. Tên Công An nói như con vẹt, nói mà không biết nói cái gì, không giải thích tại sao nhà nước lại đem xương máu thanh niên Việt-Nam để bảo vệ nền độc lập của dân tộc Campuchia? Nhưng mọi người chỉ nghe và chấp hành chứ không ai dám phát biểu thẳng thắn những gì mình nghĩ !

Buổi họp tan. Vợ tôi – người ra trước nhất vì ngồi sát mé cửa – vừa vào trong nhà, bà nói như trút cơn tức bực:

– Họp với hành. Mất cả thời giờ; khi nào cần đóng góp tiền bạc thì tụi nó không phân biệt gia đình nào có người đi học tập, gia đình nào không! Khi chia chác quyền lợi thì nó gạt ra, vì gia đình mình thuộc thành phần cải tạo. Ai mà chịu nổi?

Vợ tôi nổi đóa, nói hơi lớn.

– Thôi mà em, ai sao mình vậy ! Em đừng bao giờ quên, tụi mình hiện nay đang ở mức thang thấp nhất của xã hội.

Vợ tôi ngúng nguẩy:

– Nhưng tức lắm!

Tôi lê từng bước chân mệt mỏi lên lầu. Buổi tối nay, trời oi bức. Không ngọn gió nào lọt vào phòng dù cửa mở hết! Mảnh trăng thượng tuần cong veo đã trôi về phía tây. Tôi nhìn ra xa, thành phố Saigon ban đêm vẫn sinh hoạt theo ngàn ấy ước lệ. Ngọn đèn của Liên giờ này đang cháy le lói nơi đầu ngõ. Liên có đó, tôi không nhìn mà cũng đoán thấy nét mặt của nàng buồn hiu trước một khung cảnh tuy quen thuộc nhưng không ưa thích.

Chẳng biết làm gì, giờ ngủ chưa tới, tôi ngồi hút thuốc. Nhưng khói thuốc cuối ngày không đem lại thích thú. Tôi cho tay tắt đèn vì tự nhiên thấy sợ ánh sáng. Căn phòng tối om. Tôi đi lại trong căn phòng như kẻ mộng du. Trong tôi có nhiều sự việc a vào một lúc, nên không có sự việc nào nổi bật rõ ràng. Đầu tôi đau nhói như có nhiều múi kim gút cùng cắm vào một lượt. Tôi gieo mạnh người xuống giường, ngửa mặt nhìn trần nhà. Mầu trắng đục mờ mờ giăng ngang tầm mắt. Tiếng vấy đuôi của con thạch sùng nghe buồn nản! Cuộc sống đôi lúc như phi lý. Con người sinh ra chỉ được tượng hình như một con múa rối và định mệnh đã khéo léo điều khiển mỗi dây để mở đầu cũng như kết thúc một sự tình nhất định nào đó đã an bài! Tôi nghĩ vẫn vợ, bắt giặc đi vào giấc ngủ lúc nào không hay!

Tôi chợt tỉnh dậy vì có nhiều tiếng động từ nhà bên vọng đến. Sự thực, nếu những tiếng động đó xảy ra ban ngày, nó chẳng đáng gì, nhưng về đêm, nhất là đêm khuya, mọi tiếng động dù khe cũng trở thành lớn. Tiếng dao và chén đĩa chạm nhau cùng tiếng thì thầm làm mất giấc ngủ. Tôi nhòe dậy ra bên cửa sổ nhòm xuống. Chiếc sân được soi sáng mờ mờ bởi ngọn đèn nhỏ, hai bóng người đang ngồi ăn bữa đêm. Trên mặt chiếc bàn bày đầy chén đĩa, thức ăn. Cô Bạch không mặc áo, nửa thân trên chỉ có mảnh sù-cheng màu đen nâng bộ ngực đồ sộ, làm nổi bật màu da trắng nõn. Gã đàn ông cởi trần, mặc quần sà-lòn. Gã thuộc loại to con. Chiếc lưng gã quay lại phía tôi che lấp một phần chiếc bàn. Cô Bạch cắt thịt, dùng nĩa đút thịt vô miệng gã đàn ông. Gã ăn ngon lành, thỉnh thoảng ngừng nhai, trườn người về phía cô Bạch, cô cũng rướn thân lên. A, họ mớm cho nhau! Vui thật! Hình ảnh người chồng chợt hiện lên, nhìn tôi như trách móc!

– Ủa, lạ vậy? Sao anh lại nhìn tôi với đôi mắt căm thù, oán giận? Tôi có trách nhiệm gì về vấn đề vợ anh ngoại tình? Ai bảo anh đi? Trước khi đi, sao anh không tìm cách khoá lại ?

Đột nhiên, tôi cảm thấy ngớ ngẩn và phạm tội nhìn lén sinh hoạt thầm kín của gia đình người khác. Tôi tự cảm thấy mắc cỡ nên quay vào. Nằm hoài không sao gây được giấc ngủ, tôi trở mình. Những đầu xương chạm vào mặt gỗ kêu lục cục. Tôi cứ xoay qua, trở lại mãi. Tiếng dao nĩa, tiếng cười khục khục vẫn vang đến bên tai. Vì tránh ám ảnh, tôi nhoài người với tay cầm lọ thuốc an thần ở đầu giường, cho luôn bốn viên vào miệng. Một dòng nước mát lạnh trôi qua cuống họng pha vị đắng chát nồng nồng!

Sungei Besi 8-1982

NHỮNG ĐÊM DÀI TRÊN ĐẢO BIDONG

1-

Tiếng sóng biển vỗ vào bờ cát như điệu ru. Nhưng tôi không ngủ được. Trong đời, nhiều lần, tôi sống gần biển, đã nghe tiếng sóng với nhiều cường độ khác nhau. Tôi và tròng dương tuy không chung ước hẹn nhưng tình cờ, đã bao lần đẩy tôi vào vòng tay biển cả để cảm thấy sự nhỏ bé yếu ớt của con người trước sức mạnh đại dương! Đêm dài quá! Không phải đêm thứ nhất trên đảo, tôi mất ngủ. Bên ngoài gió thổi, những tàu dừa đập vào nhau hòa theo tiếng sóng tạo nên một âm thanh mơ hồ, dịu dàng như tiếng hát, vọng đến từ nơi xa xôi nào đó! Tiếng hát tuy nhỏ, nhưng thanh thoát, mơn trớn, vỗ về, mà sao trong lòng tôi lại nổi hẳn từng mũi nhọn nhức nhối? Tôi biết, nếu không ngủ được, tôi có thể hát tung chiếc mền mỏng, chạy ra bãi cát vàng óng, mịn màng cách tôi không đầy ba mươi thước, để tự do chạy nhảy một mình giữa đêm khuya!

Một mình và một vùng biển xa lạ tha hồ suy nghĩ về thân phận của kẻ mất quê hương! Quê hương, quê hương, quả thực tôi đã mất quê hương, dù quê hương tôi, chỉ được tượng trưng bằng vài ba người bạn thân, dăm bảy chỗ ngồi quen thuộc! Sự thực, quê hương tôi không thiếu gì vùng biển đẹp, đẹp hơn vùng biển đang quây chặt tôi và nhiều đồng bào tôi cùng sống chen chúc trong kích thước hạn hẹp của một hòn đảo không thuộc về phần đất quê nhà. Tôi đã sống những ngày dài, thật dài với không khí vô cùng sinh động, ồn ào hỗn tạp thoát ra từ những chiếc loa phóng thanh treo cao trên ngọn cây, để phổ biến, kêu gọi mọi người có mặt phải chấp nhận cuộc sống tạm bợ này là một thực thể, không thể chối bỏ.

Càng khuya, tiếng sóng càng rõ vì giờ này thủy triều đang dâng. Có nhịp vỗ cánh của con chim ăn đêm. Tiếng vỗ cánh nhịp nhàng như tiếng thời gian lạnh lùng đang đẩy sự chuyển dịch vào vòng quay bất tận. Chim trên đảo thật hiếm. Tỉnh thoảng vào lúc sáng sớm tôi có được nghe tiếng hót của loài hải điểu. Tôi nhìn lên vòm cao dày đặc bóng lá. Tiếng hót thanh thót. Tôi muốn được nghe thật lâu, nhưng nó chỉ cất lên trong khoảng khắc rồi mất hút vào không gian xám lạnh, mờ nhạt!...

Chiếc giường ghép bởi những tấm ván to, nhỏ, dày, mỏng khác nhau, được đặt trên hai chiếc đà bằng thân cây rừng cong vòng, kêu răng rắc, mỗi lần tôi trở mình. Trên chiếc giường này, nhiều đêm tôi trần trọc và suy nghĩ. Tôi suy nghĩ về những gì đã xảy đến với tôi trong khoảng thời gian gần đây và những ngày sắp tới. Mỗi lần suy nghĩ, mỗi lần tôi cảm thấy như có một khối nặng, đè nặng trên mỗi suy cảm. Biết đến bao giờ tôi mới quên được, những năm tháng tù đầy với bao nhiêu gian khổ, nhục nhằn! Trong đêm dày đặc, tôi mở mắt nhìn vào khoảng trống, tự nhiên phía trước hiện lên những rào tre nhọn hoắt, những bãi sinh lầy đầy muối đỏi và đĩa, những cánh rừng già âm u, bất trắc, những dãy núi tím ngắt, nối tiếp, nối tiếp cao ngất, trùng trùng như những bức tường đá khổng lồ quây chặt từng số phận đang bị dày ải giữa những thống khổ chòng chắt mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng, mỗi năm! Không gian của trại cải tạo khắc nghiệt quá, bi thảm quá, nó chìm sâu mỗi con người vào đáy túi hờn, phẫn uất! Tôi nằm đây, nghe sóng biển vỗ nhẹ ngoài kia, nghe gió rì rào trên những ngọn dừa không xa tầm mắt mà sao tự chiều sâu tâm cảm vẫn dấy lên từng cơn mê thảng thốt, từng cay đắng giận dữ đến hưng cuồng? Tất cả đang múa lượn chập chờn giữa trạng thái nửa mê, nửa tỉnh! Tôi mong sớm đi vào giấc ngủ. Một giấc ngủ tuy mệt mỏi, rã rời nhưng ít ra, nó cũng có tác dụng làm quên đi những gì không muốn nhớ!

Nhưng các sợi dây thần kinh của mắt cứng đờ, bất động! Tôi vốn phải thức như những đêm trước, cho tới khi quá mỏi mệt, hồn phiêu phiêu đi vào cõi mộng lúc nào không hay!...

Có lẽ, bị ám ảnh quá nhiều bởi những năm tháng sống dưới bạo lực, nên tôi không dễ dàng quên hay dứt bỏ những gì thuộc về quá khứ. Nhiều lúc, giữa đêm khuya, ngồi đối diện với bóng tối, với khoảng trống khủng khiếp của hư vô, tôi vẫn bàng hoàng tưởng như mình còn đang sống trong hoả ngục, và cả thân xác lẫn tâm hồn đang bị siết chặt trong từng từng, lớp lớp kẽm gai giăng mắc suốt dải quê hương.

Tôi rời bỏ quê hương, tức là tôi đã tự cắt đứt sợi dây thiêng liêng từng buộc chặt linh hồn mình vào kỷ niệm từ buổi sơ sinh tới bây giờ. Tôi vĩnh viễn xa rời kỷ niệm, xa rời những gì mà cứ tưởng như không có sức mạnh nào tháo gỡ nổi. Tôi ra đi, tức là tôi đã chấp nhận cuộc chơi, đem hơi thở quý báu của đời mình đổi lấy tự do.

Miền Nam đã vào mùa mưa. Những bước chân cuối đi ra khỏi mảnh đất quê hương thật nặng nề. Tôi đã di chuyển suốt đêm dài dưới cơn mưa tầm tã, khi ngồi thu mình trong lòng chiếc xuồng nhỏ trôi êm êm như những con thuyền ma giữa bóng tối mênh mang, khi băng qua những cánh đĩa rộng rinh, nước ngập tới đầu gối, khi bước lảo đảo trên những con lộ nhỏ trơn trượt, té lên, ngã xuống như người tập sự vào nghề làm xiếc, khi băng qua hàng chục con kinh nước ngập tới ngực, tới cổ và cuối cùng, trước khi gặp thức nước đầu tiên của biển cả, tôi phải lội xuyên qua bãi “thảo lèn” dày đặc muối dỏ, dài trên cây số. “Thảo lèn” là tiếng gọi của dân địa phương để chỉ lớp đất bồi của đại dương đặc ân dành cho miệt biển Bạc Liêu, Cà Mau. Nó là loại bùn lún. Mỗi bước chân đi trên “thảo lèn” nặng gấp hai mươi lần trên đất cứng. Khi tôi rút được bàn chân cuối cùng lên khỏi mặt bùn, đặt nó vào lòng nước thì mặt trời đã nhô lên ở phía Đông, chân biển. Từ chỗ tôi đứng, chỉ cách đồn Công An Biên Phòng không đầy bảy cây số đường chim bay. Tôi đứng trơ vơ như một thân cây trụi lá, như một cây mốc trước ống nhòm, như một tấm bia cho những viên đạn A.K. lao tới.

Chiếc ghe có nhiệm vụ đưa tôi ra khỏi quê hương đậu ở xa, quá xa tôi, nó đang nhấp nhô theo triền sóng. Tuy nhìn thấy, nhưng chẳng cách gì tôi có thể tới gần nó được. Sống và chết chưa bao giờ gần tôi như vậy! Mệt quá tôi ngất đi, mặt úp xuống nước. Nước biển mặn chát ào vô miệng. Tôi ngậm cứng môi ngất đi. Tiếng sóng từ bờ cát thổi dồn dập. Tai tôi không còn phân biệt được tiếng gió và tiếng sóng! Tất cả chìm dần, chìm dần rồi mất hút vào chiều sâu vô thức!...

-2-

Giờ thứ nhất của một ngày đã khởi hành bằng bản hành khúc *Việt-Nam, Việt-Nam*. Kể từ phút này, đời sống của những người tị nạn bị lôi cuốn theo các tin tức được phổ biến qua loa phóng thanh. Tiếng loa hoạt động từ sáng sớm tới mười giờ tối. Mỗi lần phóng ra để phổ biến một công việc, hoặc kêu gọi đồng bào tham gia công tác, đều kèm theo lời dọa nạt, nhưc nhối, khó chịu! Người ta không thể suy nghĩ, không thể tìm được một giây phút yên tĩnh ở không gian này. Sự thực, cũng chẳng có phương cách nào khác, để điều hành công việc, cho một số lượng người quá đông trên đảo. Đồng bào tôi đó! Những con người cương quyết không chịu sống chung với Cộng Sản dưới một vòm trời. Phần lớn, họ không thuộc thành phần có lập trường chính trị rõ rệt, hoặc tham gia vào guồng máy chính quyền trước, mà đa số thuộc dân miền biển với nghề chài lưới cùng đàn bà, trẻ con thuộc gia đình họ. Rồi đến

người Việt gốc Hoa và thanh niên trốn nghĩa vụ dưới chế độ Cộng Sản. Sau hết, một thiểu số thuộc các cấp sĩ quan đi học tập cải tạo về cùng trí thức. Số lượng trí thức có tỷ lệ rất thấp. Nó thấp, không phải những người trí thức muốn ở lại Việt-Nam để phục vụ chế độ Cộng Sản, chắc chắn Cộng Sản không ưa gì họ, nhưng chỉ tại họ không có môi trường. Sự ra đi quá thực, cũng chẳng dễ dàng! Tôi ngồi một chỗ, nhìn ngắm đồng bào tôi qua lại. Họ sinh hoạt trong một bối cảnh hạn hẹp nhưng không kém nhiệt tình. Mới mấy hôm trước đây, khi bước chân lên đảo, nhiều cô gái chỉ còn một bộ áo quần dính thân, chân đi đất, mà nay, cũng những con người đó, như có chiếc đũa thần, đã biến đổi họ thành những cô “đầm xã hội” thướt tha trong các bộ “xiêm y cứu trợ.” Tôi nhìn họ đi lượn lờ như đàn bướm muôn màu xuôi ngược theo các con đường mòn quanh sườn đồi. Có cô mặc quần xà-lỏn may theo kiểu Mã-Lai bó chên, ngắn tới hông, để lộ cặp đùi trắng ngần như hai chiếc ngà voi nhờn nhờ đi lại. Ở đây, mọi người coi đó như chuyện thường vì mỗi người đều có những suy nghĩ, lo âu riêng về vấn đề định cư! Tất cả đều biết, trước sau gì họ cũng phải rời bỏ hòn đảo này, nhưng họ muốn càng sớm càng tốt. Sự rời đi cũng tùy thuộc vào nhiều yếu tố, nhiều diện. Khi còn ở Việt-Nam, mọi người chỉ có ý muốn ra đi. Nếu không bị bắt, không bị sóng gió đại dương vùi dập thì đời sống của họ được Liên Hiệp Quốc bảo đảm. Ý nghĩ đơn giản đó, nay đụng chạm trước thực tế trở thành buồn phiền, thắc mắc ! Tôi đọc rõ từng nỗi phân vân trên mỗi khuôn mặt. Học sinh ngữ cũng là một trở ngại không nhỏ đối với người dân tị nạn. Có người học ba tháng, không thuộc nổi năm bài đầu, của chương trình bốn mươi bài căn bản. Rồi mai đây khi được định cư ở Đệ Tam Quốc Gia, họ sẽ làm gì để sống, sau khi thời gian trợ cấp xã hội đã mãn ? Họ lo âu cũng đúng thôi!

Số tàu cập bến vào mùa này tương đối ít. Vùng biển Việt-Nam đang nằm trong chu kỳ “động”. Số người trên đảo vơi dần vì mỗi ngày có tới bốn đợt rời đảo, mỗi đợt trung bình tám mươi người. Tuy số người rời đảo đông như vậy, nhưng không vì thế, đảo trở nên vắng vẻ. Nó vẫn đông đúc, tấp nập. Ở đây, người ta tiễn đưa nhau bằng bài “*Ngàn Trùng Xa Cách*”, bản tình ca của Phạm Duy. Không, tôi nhất định không đồng ý dùng bản tình ca đó làm bài hát tiễn đưa trong hoàn cảnh này, dù bài đó rất hay. Sự biệt ly giữa một cặp tình nhân không thể cùng chung định lý với sự biệt ly của những con người đi tìm tự do. Sự ra đi của những người tị nạn hôm nay, để tạo ngày mai, để mở ra trước mặt một vùng hào quang rực rỡ, để ôm đón vào lòng nguồn hy vọng.

Nó không thâm thắm, hãi hùng như sự đổ vỡ của hai tâm hồn! Nhưng dù thích hay không, tôi cũng phải nghe, cũng như phải chứng kiến những gì mình không muốn nhìn, muốn biết!

Trên đảo có một Cao ủy tên Rex, người Mỹ, đặc biệt lo về cô nhi. Ông ta đi đâu, trẻ em theo như một cái đuôi dài. Ông nói khá giỏi tiếng Việt. Sở dĩ ông yêu trẻ Việt-Nam, vì trong thời gian chiến tranh, ông bị Cộng Sản cầm tù bảy năm. Ông đã trốn trại và được mấy trẻ em chỉ đường cho thoát.

Trong lúc rảnh rỗi, tôi hay đi tha thẩn để tìm hiểu một vài sinh hoạt trên đảo. Tất cả tổ chức điều hành trại được sắp xếp khá chặt chẽ, hợp lý. Nhưng vấn đề có hiệu năng hay không lại là chuyện khác. Tôi có nghe nói, nơi đây cũng bè phái, bon chen và tham nhũng qua nhiều hình thức. Từ lâu lắm, tôi mới được nhìn thấy lá quốc kỳ màu vàng ba sọc đỏ được kẻ bằng sơn, trong văn phòng trại, cơ quan đầu não của Cộng Đồng Tị Nạn trên đảo Bidong. Ôi, lá quốc kỳ, trong mấy chục năm, sống ở miền Nam, mỗi sáng thứ hai, tôi đã đứng, rất nghiêm chỉnh, mắt ngược lên, nhìn lá cờ được từ từ kéo cao theo bản quốc ca. Màu vàng tung bay

theo hướng gió nói lên niềm kiêu hãnh của một dân tộc. Nay mắt tôi phải nhìn màu vàng với ba sọc đỏ bất động, im lìm trong một khung cảnh không thuộc về đất nước mình, tự nhiên trong lòng như có sợi dây thắt lại. Tôi chợt nghĩ đến ngày 30-4-75, nghĩ đến bao nhiêu đổ vỡ, nhục nhằn mà miền Nam đã gánh chịu trong suốt bảy năm nay và còn kéo dài đến bao giờ? Tôi nghĩ đến những chiến sĩ Phục Quốc đã chiến đấu liên tục dưới mọi hình thức để chứng tỏ cho Cộng Sản cũng như thế giới biết, miền Nam không thể và không bao giờ trở thành mảnh đất của Xã Hội Chủ Nghĩa! Các chiến sĩ dũng cảm của Mặt Trận Phục Quốc, có người đã hy sinh, có người đang bị Cộng Sản cầm giữ tại các trại Tập Trung Cải Tạo và còn rất đông đảo những người khác đang kiên cường chiến đấu trên từng thước đất quê hương, trong từng suy nghĩ của đồng bào miền Nam Việt-Nam để giành lại quê hương đã mất. Tên tuổi họ sẽ được lịch sử tô vàng. Hình ảnh họ sẽ sống mãi trong dòng lịch sử.

Một hình ảnh nữa không kém phần cảm động là tấm huy hiệu bằng gỗ, khắc bản đồ Việt-Nam với chiếc ghe đang tung sóng vượt biên. Tấm huy hiệu, tuy không phải một tác phẩm nghệ thuật, nhưng đã nói lên được sự quyết tâm của nhân dân miền Nam không chịu sống dưới ách thống trị bạo tàn của Cộng Sản. Ôi, Việt-Nam, Việt-Nam, biết đến bao giờ mảnh đất bất hạnh này mới thôi cơn khóc than vật vã qua từng giai đoạn lịch sử bi hùng?

Trên đảo còn có một hiện tượng không kém phần kịch động, đó là vấn đề ngừa thai. Những tấm bảng mang chữ “Vì sao lại mang thai trên đảo?” với hình vẽ các loại vòng xoắn cùng sự chỉ dẫn cách ngừa thai miễn phí mỗi sáng thứ hai, tại bệnh xá SICK BAY. Chính nhờ vào kế hoạch ngừa thai này, một số thiếu nữ tị nạn đã phóng túng hình hài mà vẫn đang hoang đờng đứng trước mắt mọi người! Hơn nữa, Cao Ủy Liên Hiệp Quốc cũng không chấp nhận việc kết hôn trên đảo và mang thai bừa bãi. Nếu ai vi phạm sẽ không được định cư tại Đệ Tam Quốc Gia. Nhưng thực tế, trên đảo vẫn có nhiều chiếc bụng bự! Mỗi đêm, loa phóng thanh đều kêu gọi Bác sĩ và cô đỡ đến bệnh xá vì có sản phụ sắp sinh. Tiếng gọi như lời kêu gào cấp cứu khẩn thiết phá tan giấc ngủ. Hỏi ra mới biết, các ông chồng muốn cho vợ vượt biên một cách an toàn đã “cây giống” trước khi đi, vì cướp Thái-Lan chèo các bà mang thai, nếu quá lắm, có bị cưỡng hiếp, cũng chẳng sao, vì bào thai đã có bố đích danh.

Ở đảo chỉ có ba sự việc thật sự quan tâm đối người dân tị nạn. Đó là việc được gọi lên Hội trường để mở hồ sơ tị nạn, sau lên bàn phỏng vấn để được định cư tại Đệ Tam Quốc Gia và thư tín.

Mỗi thứ ba, khi chiếc loa phóng thanh mở mục thư tín, mọi người đều lắng tai, nếu bận việc, nhờ nghe hộ. Thư, đối với người dân tị nạn quả thực có một hấp lực lạ kỳ. Mọi người đều chờ để đón nhận tin tức thân nhân từ nước ngoài gửi đến, có thể là điện tín, có thể là thư bảo đảm, trong đó có tiền hoặc sponsor, có thể là thư thông tin gia đình. Nhưng dù loại nào, mỗi tin tức nhận được từ ngoài vào là nguồn an ủi và nhen nhúm hy vọng trong lòng mỗi người dân tị nạn. Lúc lên đảo, nếu ghe may mắn không bị cướp, giấu giếm được tý vàng, bán đi lấy tiền chi dụng thì đời sống được dễ dàng đôi chút, còn chẳng may ghe bị cướp, chỉ còn hy vọng vào sự chi viện của thân nhân nước ngoài gửi tới. Nhưng đau thay, có những bức thư mang trong ruột nó một khoản tiền, nhưng vì lý do nào đó, chẳng bao giờ đến tay người nhận! Người tị nạn lại tìm mọi cách để gửi thư đi báo tin, cứ thế, kéo dài những ngày chờ đợi!... Hy vọng và thất vọng như hai vòng xích nối liền nhau, quay đều từng nhịp vui, buồn trong tâm hồn người tị nạn!

Vấn đề định cư tại Đệ Tam Quốc Gia có lẽ, là vấn đề gây nhiều xúc động nhất. Khi mọi người đột nhiên nghe thấy từ chiếc loa, phóng ra câu: “Chú ý! Chú ý!” được thốt lên dồn dập kéo

dài như tiếng kêu cấp cứu, thì tim mọi người như dừng lại trong sự hồi hộp, đợi chờ!... Tiếng xướng ngôn viên như biểu hiệu nổi vui mừng! Từng tên và số ghe lần lượt bay vào không gian xao động. Có người reo vui khi thấy có tên trong list định cư; có người ôm mặt khóc rưng rức hay ngất xỉu vì thất vọng sau nhiều tháng sống vật vờ trên đảo, chỉ mong được rời khỏi nơi này. Tôi nghe nói, đã có năm người tự tử vì quá thất vọng, ba người chết, hai người được cứu sống. Có một ông già đã cầm búa tự bổ vào đầu, khi biết phái đoàn “xù” mình. Có người đã cướp ghe để đi đâu chẳng biết. Có người ở đảo quá lâu, khi được rời đảo, trước khi xuống tàu đi Sungei Besi đã quỳ ngay trên cây cầu Zetty bé nhỏ, chấp tay lạy bốn phương trời. Hành động này vừa cảm động, vừa tức cười, nhưng là sự thực! Ôi, con người Việt-Nam, những người đã coi thường cái chết đến được đây, tại sao lại không dám chấp nhận thực tế, chấp nhận sự đợi chờ, dù cho sự đợi chờ trong tuyệt vọng! Trái lại, cũng có người can đảm dám nói thẳng với phái đoàn Mỹ: “Tôi không cần sống ở quốc gia ông!” rồi quay gót đi thẳng. Sau đó ít hôm, chính người đó, lại được mời đi định cư ở quốc gia họ vừa từ chối! Đây là ngoại lệ, xin đừng ai nghĩ rằng, mọi người đều có thể làm được như vậy!

Sự sinh hoạt trên đảo sống động và mật thiết quá, đôi khi, làm người ta có cảm tưởng như hòn đảo này thuộc phần đất Việt-Nam, nếu không có đồn Cảnh sát Mã Lai, hiện diện ở ngay đầu cầu Zetty với các binh sĩ Mã thuộc Lực Lượng Đặc Nhiệm ôm súng gác cầu, tượng trưng cho chủ quyền Mã-Lai trên đảo. Lực lượng này đã có những hành động không đẹp với đồng bào tôi qua lời kể của nhiều người. Họ đánh đập đồng bào tôi như đánh trống và cạo trọc đầu vì đã vi phạm những gì họ cấm như uống rượu, cờ bạc, hái dừa, uỳnh lộn, chụp hình, bắt cá .V.V... Đánh, quả thực tôi chưa nhìn, nhưng cạo đầu, tôi có thấy.

Gần căn nhà tôi ở, có chuyện cãi lộn giữa gã đàn ông và mẹ đàn bà. Sau một hồi nói qua nói lại, gã nổi nóng, văng tục, chửi thề. Mẹ kia không chịu thua, trả miếng nặng nề hơn. Sau cùng, mẹ đi thưa tại đồn Cảnh sát Mã-Lai. Một tên Cảnh sát Mã đến bắt gã đàn ông. Lát sau, gã trở về với cái đầu trọc lốc! Tôi nhìn gã, không nhận ra. Trong lòng tôi như có lửa đốt và có nhiều mũi nhọn ghim vào!...

Đồng bào tôi, sự thật là một khối hỗn tạp. Có nhiều người trẻ tuổi, kết bè lập “băng” gây những hành động bất xứng, kể cả chuyện giết người cướp của, nấu rượu lậu, đi điểm .v.v... Còn các tên Cộng sản vượt biên, một khi đồng bào tìm thấy dấu vết, được thanh toán bằng những trận đòn hội chợ. Nạn nhân biến thành một con mồi trước nanh vuốt của hận thù! Có tên Cộng sản sợ quá đã khóc lóc lạy như tể sao xin tha tội chết! Nhưng chẳng phải như vậy là hết, còn chuyện tiền bạc không sòng phẳng trong chuyến vượt biên cũng được cộng, trừ bằng võ lực. Tất cả như bị cuốn hút vào cơn mê loạn trong một khung cảnh không kém bi thương! Có lẽ, vì Bidong có nhiều chuyện không may, nên đồng bào đổi tên là “Bi đất”. Như vậy, vấn đề an ninh trên đảo, nhà chức trách Mã-Lai có chú ý tới cũng không phải chuyện thừa.

-3-

Mỗi buổi trưa, nhạc sĩ Tuấn Khanh, tác giả *Chiếc Lá Cuối Cùng*, *Quán Nửa Khuya*... mời tôi lên thăm đồi cao. Anh mới sáng tác được bản nhạc mang tựa đề *Hạ Buồn*. Anh cho biết một vài anh em có list rời đảo, muốn tổ chức một bữa ăn thân mật để đánh dấu ngày giã biệt. Sự ra đi, coi như vĩnh biệt vì không lần nào nữa có thể quay lại; nhân dịp giới thiệu bản *Hạ Buồn*.

Một ngôi nhà xinh xinh nằm chênh vênh trên sườn đồi. Có lẽ, căn nhà này cao nhất đảo. Chủ nhân căn nhà, một người hùng chống cướp Thái-Lan đã rời đảo tháng trước. Tôi đứng trên bao-lơn, có treo một giò phong lan thả những chiếc lá xanh dài cong mềm, đung đưa theo chiều gió. Từ cao độ này, tôi nhìn xuống toàn khu trại.

Những căn nhà xập xệ đủ kiểu, làm bằng cây rừng, mái phủ tôn, tường được quây kín bằng những tấm nylon đủ màu, tơ tằm! Một vài dãy nhà gỗ có tên gọi “long house” tương đối cao ráo, vững chãi, có đủ sức chịu đựng mưa gió. Tôi thấy đồng bào tôi di chuyển phía dưới như đàn kiến trên mọi ngã đường. Trại khá rộng, được chia làm bảy khu, cũng được tổ chức với hệ thống Khu Trưởng, Liên Gia Trưởng, có sổ nhà và có sổ gia đình y như tổ chức của thành phố Sài Gòn khi trước. Những căn nhà nơi đây chỉ được dùng để che mưa nắng chứ không kín đáo, nhà nọ có thể nhìn qua nhà kia, do đó, các sinh hoạt đều có tính cách công khai. Mọi người đều phải làm quen với nếp sống này.

Tôi ngó thẳng phía trước mặt. Một khoảng biển xanh ngắt trải trước tầm nhìn. Ôi! đại dương, mỗi lần nhìn thấy, mỗi lần mạch máu tôi lại xôn xao như vừa uống xong ly rượu mạnh! Vài chiếc ghe chài Mã Lai chạy lập lờ giữa khối nước mênh mông, trông thật là buồn. Nắng đổ từ trên cao xuống, những đốm nắng loang lổ di động trên nền đất lẫn đá, làm cảnh vật thêm phần sinh động. Tôi nghe rõ tiếng nước chảy từ một khe suối nhỏ trên núi đổ róc rách ngay dưới chân. Dòng nước trắng ngần ném xuống phía dưới, làm tung những đốm nước lóng lánh như muôn ngàn giọt pha lê. Ngay cạnh đó, một bông hoa dại, màu đỏ chói, xoè tung cánh, đẹp như môi người thiếu nữ đang cười!

Bữa ăn trưa nơi đây mang màu sắc và hương vị quê hương như bánh xèo, bánh cuốn, xôi đậu xanh. Trừ món xôi, còn hai thứ bánh kia đều thiếu gia vị cần thiết, nhưng chúng tôi ăn vẫn ngon vì mỗi miếng, đều có cảm tưởng như đang nuốt vào cơ thể mình hương vị quê hương. Xin cảm ơn những bàn tay khéo léo của những cô gái Việt tị nạn. Các thực khách ngoài số anh em quen thuộc còn có vị Cao ủy Trưởng người Pháp mãn nhiệm kỳ sắp về nước và chị Tú Khương, Cao Ủy chuyên về công tác xã hội. Cao Ủy Tú Khương, người đàn bà Việt-Nam duy nhất trong tổ chức Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc tại Pulau Bidong. Quê chị ở Biên Hòa; chị qua Thụy Sĩ từ năm 1972 và nhập tịch quốc gia này. Chị nói thạo tiếng Pháp và Anh. Chị ăn mặc xuềnh xoàng, giản dị gần như không cần chú ý tới bề ngoài. Chị mang đôi kính trắng thật to, nói chuyện có duyên vui vẻ. Mọi người đều quý mến chị. Có chị trong tổ chức Cao Ủy, những người Việt tị nạn nơi đây như tìm được nguồn an ủi. Bữa ăn chấm dứt, phần văn nghệ bắt đầu. Lúc này trời bên ngoài đang nắng gắt, nhưng nhờ căn nhà ở trên cao nên luôn luôn có gió, làm mọi người cảm thấy dễ chịu. Tuấn Khanh đứng lên nói vài lời về nội dung bản *Hạ Buồn*. Anh sáng tác ca khúc này để bày tỏ nỗi nhớ thương người yêu còn ở lại quê nhà và nỗi đau của con người khi bắt buộc phải lìa bỏ quê hương!

Tiếng hát trôi dần lướt nhẹ vào không gian từng giọt âm thanh trầm buồn đứt nối. Giọng hát Thanh Trúc, tuy không phải ca sĩ có tuổi nghề cao và điêu luyện, nhưng cũng đủ sức làm rung động những tâm hồn nhạy cảm. Lời ca khi vút cao như cánh chim xé gió, khi trầm lắng như từng đợt sóng mơn man bờ cát. Giọng hát được nhịp đàn của Linh và Hiếu dìu đi, nhưng nó không thoát khỏi không gian nhỏ hẹp này.

Nó quyến rũ, trữ tình, chập chờn, quyến rũ làm say mê, say mê...

Sau bản *Hạ Buồn*, các bài ca khác được tiếp nối với giọng hát của Diễm và Hiếu. Tiếng hát và âm thanh như có ma lực hút chặt vào nhau đi tới vùng trời siêu thoát!...

Khi tôi bước xuống đồi, mặt trời đã xuyên ngang tầm mắt. Vừa đi, tôi vừa cảm ơn Tự Do, vì chỉ có ở mảnh đất Tự Do, người ta mới có thể thực hiện được những gì gọi là nghệ thuật. Đối với Cộng Sản, nó là thoái hoá, đòi trụ! Nói đến Cộng Sản là nói đến đấu tranh, đến sắt máu, chỉ có Đảng và Nhà Nước!...

Sau bữa cơm chiều, tôi ngồi nhìn ra biển. Mặt biển phẳng lừ như dòng sông. Màu nước không xanh, nó bênh bệch như da người bệnh lâu ngày. Không khí oi ả, bức bối. Tôi nhìn lên ngọn dừa. Những tàu lá rũ xuống im phắc. Cả những ngọn cây cao nhất cũng bất động. Một vài người bơi lội phía xa. Bãi biển Bidong có nhiều đá ngầm và dơ dáy vì rác rến không biết từ đâu trôi giạt về đây, vì vậy ít người tắm, trừ trẻ con và những ai rảnh rỗi, không biết làm gì cho hết ngày giờ!...

Dãy núi phía xa, miền cực Bắc Mã Lai đột nhiên bị che phủ bởi một lớp sa mù. Trời và nước không còn phân lẫn ranh cách biệt. Màu trời càng lúc càng xám nặng. Mặt biển bắt đầu chao động. Những con sóng từ xa dồn vào bờ cao dần, đuổi nhau với tốc độ mau hơn. Gió thổi mạnh dần. Những tàu dừa đập vào nhau xào xạc. Nhiều chiếc lá khô bay theo chiều gió rơi đầy mặt đất. Tôi nhìn ra xa. Một màn mưa dày đặc phủ kín khoang trời. Ánh sáng mờ mờ thoi thóp. Khi trời bắt đầu tối, cơn mưa cũng vừa ập tới đảo và gió cũng thổi từ biển vào từng cơn dữ dội. Căn nhà tôi ở dung đưa như chiếc võng. Mái tôn run rẩy như lên cơn sốt rét. Ánh đèn trại bật sáng. Mưa đan mau và dày hạt qua ánh đèn. Những thân dừa vật vã. Gió thổi bứt những cành cây to, ném xa cả chục thước. Hàng cột vịn mình kêu rảng rặc. Trời bắt đầu giông. Gió thổi xoáy như hút cuốn những gì có thể bẻ gãy hay lấy đi. Tôi chợt nghĩ đến những chiếc ghe vượt biển đang lênh đênh giữa đại dương giông bão giờ này!...

Trong chuyến đi, đã hai lần ghe tôi gặp cơn giông. Cả hai lần may mắn, chúng tôi đều thoát. Hỡi, những ai đã vượt biển Đông, chẳng may gặp giông bão mới cảm thấy nỗi lo sợ là thế nào? Chiếc ghe nằm giữa cơn giông, chẳng khác gì một trò chơi của Tạo Hóa. Giữa đại dương rộng lớn, chỉ có trời, nước, tuyệt nhiên không có một vật nào trước tầm nhìn. Nếu có chăng, chỉ là đoàn cá nước to lớn, đưa những chiếc lưng đen ngòm bóng láng như những chiếc tàu ngầm phóng xuyên suốt đại dương chẳng kể gì sóng gió. Tôi ngồi trong ghe nhìn lên, vòm trời như một chiếc vung vĩ đại úp chụp xuống đại dương. Một vệt mây đen nổi lên ở cuối chân trời. Vệt đen đó lớn dần, lớn dần và chuyển động với tốc độ rất nhanh. Sóng biển cũng chuyển động theo. Từng đợt, từng đợt nhô cao, trải rộng, tạo nên những lõm sâu thăm thẳm. Từ đám mây đen đó, thả xuống một làn khói mỏng, rồi làn khói đó đậm đặc dần, di chuyển theo tốc độ gió. Chỉ một loáng, chiếc ghe nhỏ bé của chúng tôi đã lọt thỏm vào trung tâm cơn giông tràn ngập mưa gió. Chiếc ghe bị nhồi lên, chìm xuống như chiếc lá khô giữa những lượng sóng. Có lúc, tôi bị đưa vút lên cao rồi hạ thực nhanh xuống chiếc vực rộng lớn sâu hoắm, lúc ấy chỉ cần một ngọn sóng ào vô, là đại dương đã nuốt gọn con mồi. Chúng tôi đùa với tử thần trên ba tiếng đồng hồ, không phải một, mà hai buổi chiều liên tiếp. Nhưng đại dương, đôi khi cũng bao dung và hiền hậu nên số người vượt biển nhờ đó mà sống sót!

Buổi chiều nay, tôi ngồi đây, nhìn cơn giông đang gào thét hung hãn bẻ gãy những thân cây to lớn như bẻ chiếc que nhỏ mà lo sợ giùm cho số phận những chiếc ghe chưa tới bến. Cơn mưa như thác nước trút xuống, xuống mãi chẳng muốn ngừng. Bãi biển lúc này tối đen, thỉnh thoảng loé sáng qua ánh chớp như ảo ảnh. Tiếng sấm nặng nề ầm ỉ vang động. Mưa và gió đã khoả lấp nhịp sóng biển, tuy tôi biết, nó vẫn chuyển động ngoài kia, đang tung cao sức mạnh đập vào ghềnh đá, đập vào xác những chiếc ghe nằm rải rác đó đây trên bờ cát,

trong đó có chiếc ghe dài tám thước chở mười một đồng bào vượt biển, hàng ngày vẫn ép mình bên bờ đá, bênh bồng theo dòng thủy triều lên xuống, nhất định không chịu chìm!...

Đã nhiều buổi chiều, tôi đi lang thang trên nền cát mịn, tôi nhìn những mảnh gỗ, những khối sắt sét rỉ vì bị nước biển ăn lâu ngày. Tôi nghĩ đến bao nhiêu sinh mạng, đến nhiều nỗi thống khổ đớn đau và những tiếng kêu gào thảm thiết hải hùng vang lên trong đêm sâu dày đặc, cảm nín, lạnh lùng, tuyệt vọng! Chiếc tàu sắt, nặng hàng ngàn tấn, nằm chờ vợ trên nền cát, mới chỉ có mấy mùa mưa nắng, nay đã hoàn toàn hư hại. Chiếc tàu mang số TV.148, đã chở trên tám trăm đồng bào tôi vượt biên đến đảo Bidong này mấy năm trước đây. Nhưng chiếc tàu không may đó đã bị Lực Lượng Mã Lai kéo ra khơi. Nó cố gắng quay trở vào đảo, lại bị kéo ra. Như vậy, trong mấy ngày liền, số người trên tàu chết gần hết vì đói khát và mệt, chỉ còn lại một ông già và cô gái. Ông già đã nhảy xuống nước bơi được vào bờ, nhưng vì thương con, ông lại bơi trở ra để cứu. Sau khi dìu được cô gái vào gần bờ, ông già đã đuối sức. Một đợt sóng to xô đến. Đầu cô gái đập vào tảng đá; cô chìm dần xuống nước. Ông già cố kéo lên, nhưng sau cùng, ông cũng không còn sức nữa, để mặc cho những đợt sóng vô tình xô ông chìm theo cô gái. Chiếc tàu sau đó đã bị kéo ra khơi nhiều lần để đánh chìm, nhưng không hiểu sao, nó lại quay về bến cũ, nơi đầu tiên nó đến và nằm đổ như một chứng tích bi thương, phẫn uất! Sự kiện này, tôi chỉ được nghe kể lại. Một tượng đài được dựng lên ngay nơi ông già và cô gái chết để kỷ niệm, do những người vượt biển sau thực hiện.

Ôi, đại dương! Buổi chiều nay mưa gió đang trút từng cơn phẫn nộ trên hòn đảo nhỏ bé này, cũng là nơi tạm dừng chân của những người Việt-Nam tị nạn. Nước đại dương đang quây kín hòn đảo bằng muôn ngàn đợt sóng. Chúng tôi sống ở đây đôi lúc có cảm tưởng như đang sống trong Trại Tập Trung Cải Tạo vì đời sống của chúng tôi chỉ quẩn quanh trong kích thước hạn chế của hòn đảo nhỏ bé, được ghi nhận trên bản đồ bằng một cái chân nhỏ xíu. Các quán cà-phê ngoài bãi biển đã tụ tập đông đảo thanh niên đến nơi đây để nghe nhạc, những bản nhạc vàng bị cấm dưới chế độ Cộng Sản. Dưới làn ánh sáng mờ mờ của quán, những bàn ghế đóng thô sơ được bày ngay trên cát, các ẩm khách đều là thanh niên tóc dài, mặc T-shirt, quần xà-lỏn. Các thiếu nữ tuy không son phấn, nhưng cũng rực rỡ trong những chiếc “áo đầm xã hội!” Những ai không tiền, cứ ngồi trên cát! Không khí quán cà-phê nơi đây nhắc lại không khí của phòng trà Saigon ngày trước, vẫn những ngọn đèn mờ ảo, những bản tình ca và giọng hát quen thuộc. Từng chuỗi âm thanh nức nở, nghẹn ngào thoát qua những chiếc loa, như tiếng than van ngàn kiếp khôn nguôi, như một ứ nghẹn, một giận hờn, buồn bã! Không khí bãi biển có lúc sôi động vì những bản nhạc Jazz. Tiếng trống, tiếng kèn dồn dập theo giọng ca gào thét điên cuồng làm át cả tiếng sóng. Cứ thế, cứ thế, mỗi đêm những thanh niên tị nạn chi phí khoảng thời gian chờ đợi định cư vào sự giải trí duy nhất đó, nếu không nói đến những câu chuyện tình trên đảo và những cuộc vui có tính cách thu hẹp trong số bạn bè thân thiết. Nói cho đúng, Khối Thông Tin của Trại mỗi tối đều có chương trình phát thanh chuyên biệt về tôn giáo, về văn nghệ như Tiếng Hát Cho Người Vượt Biển, nhạc chiều thứ Bảy .v.v... nhưng các chương trình này ít được chú ý, vì các nghệ sĩ trình bày phần lớn thiếu khả năng chuyên môn.

Mưa bắt đầu nhẹ hạt, gió cũng dịu bớt cường độ. Tôi nhìn bên ngoài. Một vài khu tối om vì hồng điện. Những xác cây ngổn ngang như những con quái vật. Toàn thể Trại trông tiêu điều, ủ rũ sau cơn giông gió!

Sau đêm giông, buổi sáng nay trời rất đẹp, gió thổi hây hây đủ mát. Màu mây xanh nhàn nhạt như sắc thu quê nhà. Sóng biển vỗ về bờ cát. Nhưng đời sống của người dân tị nạn không phải để nhìn và thưởng thức cái đẹp của đất trời mà mọi người đều có bổn phận và nhiệm vụ riêng. Tôi đến Hội trường để làm vài thủ tục cần thiết cho việc định cư. Không khí nơi này nhộn nhịp khác thường. Tất cả như bị cuốn hút vào guồng máy. Trên nét mặt mỗi người tị nạn đều in hằn nỗi băn khoăn bồn chồn như những thí sinh sắp vào thi vấn đáp. Trên chiếc ghế dài, tôi nhìn thấy sáu cô gái trẻ măng chưa ai quá hai mươi tuổi. Một người bạn nói nhỏ cho biết, đó là sáu cô gái đã bị hải tặc bắt đi hiếp mấy ngày, sau chúng mang đến một hòn đảo thuộc Mã-Lai và các cô được một ghe chài Mã đưa đến đảo. Còn chiếc ghe bị chúng phá máy, hiện chưa biết trôi giạt nơi đâu giữa vùng biển Thái Lan. Tôi sửng nhìn, không phải vì tò mò, nhưng để đọc trên sáu nét mặt ngây thơ đó những gì gọi là tủi nhục, phẫn nộ và căm thù! Đã đành, những ai vượt biên đều phải chấp nhận tất cả rủi ro, ngay cả cái chết! Nhưng thà chết, chứ con người còn có chút lương tri không thể và không bao giờ thừa nhận sự cưỡng hiếp thân xác là một hành động tự nhiên. Đây, không phải trường hợp duy nhất, mà trong những năm gần đây, biết bao nhiêu thiếu nữ Việt-Nam đã bị hải tặc Thái Lan hãm hiếp? Dân tộc Thái Lan vẫn tự hào, có nền văn hoá cao, có kinh đô Bangkok rộng lớn, đầy đủ tiện nghi theo đà tiến hoá của nhân loại, có cung điện nguy nga, có những ngôi chùa rất uy nghiêm tráng lệ, có những bức tượng Phật mạ vàng dài mấy chục thước, có một tín ngưỡng lâu đời và tôn trọng đạo lý mà giờ này, Thái Lan vẫn còn có những tên hải tặc, những con quỷ làm nhơ bần cả vương quốc Thái! Tiếc thay dân tộc Thái chẳng nói gì và Thế Giới cũng bất lực trước sự sỉ nhục lương tâm này!... Chiếc ghe của chúng tôi vượt biển sau hai ngày giông gió, đến chiều ngày thứ ba cũng bị hai chiếc ghe Thái Lan cướp. Tôi nhìn thấy chúng tự xa, linh tính cho biết, đó là ghe cướp. Ghe của bọn cướp rất tốt, chạy với tốc độ khá nhanh. Từ hai đốm nhỏ ở cuối biển mà chỉ nửa giờ sau, chúng đã vây chúng tôi vào giữa. Chúng ra lệnh cho ghe chúng tôi áp gần, tung dây cho chúng tôi neo, áp vào ghe chúng, rồi ra dấu cho mọi người leo qua, xong bắt ngồi xuống. Trong khi ấy, chiếc ghe thứ hai dang xa như đề phòng phản ứng. Sau đó chúng dẫn từng người đến cuối ghe, ở đấy, chờ sẵn hai tên lo việc khám xét, lấy hết những gì có thể lấy được. Trong khi đó, mấy tên cướp khác nhảy qua ghe của chúng tôi để tìm kiếm những của cải giấu giếm. May mắn thay, chúng chỉ lấy của, không đánh đập, hãm hiếp! Sau, chúng cho cơm cá, nước uống, rồi chỉ hướng đi. Chính nhờ sự chỉ hướng này, chiếc ghe của chúng tôi đã rút ngắn được nhiều dặm hải trình. Chiếc ghe đang bình yên lướt sóng, bỗng anh tài công reo lên khi nhìn thấy ở cuối biển cây tháp của giàn khoan dầu. Mọi người đều vui mừng như gặp được cứu tinh. Cũng vừa lúc ấy, máy ngừng chạy. Biển mênh mông vây lút bốn bề không một bóng thuyền. Những cánh chim bay sà mặt biển báo cho chúng tôi biết, ghe không xa đất liền bao nhiêu. Anh “tài cái” lao xuống hầm máy. lát sau anh cho biết: bể hộp số! Tim chúng tôi như dừng lại. Tôi nhìn chăm chú về phía cuối trời như nhìn thấy đời sống của mình và những người cùng cảnh ngộ, treo trên đầu ngọn tháp xa vời. Chiếc ghe im lìm, lắc lư theo triền sóng. Nét mặt những người trong ghe chày dài, im lặng như những khuôn mặt bằng sáp bị hơ lửa.

Chiều nay Chủ Nhật. Nắng vàng chói lọi phủ đầy trên cảnh vật. Màu biển xanh ngấn ngắt xa thẳm. Tôi và Hòa, người bạn đời dũng cảm, trèo lên ngọn đồi Tôn Giáo, nơi tập trung đức tin! Có nhiều ngã đường dẫn lên đồi, nhưng chúng tôi muốn đi bằng ngã trước, qua xác con tàu sắt TV-148 đã hoàn toàn hư hại. Tôi nhìn nó như nhìn một chứng tích bi thương, uất hận! Chúng tôi lần theo những nhịp cầu gỗ bắc qua vùng cát thấp trước khi leo lên đồi. Tôi ngẩng

mặt nhìn lên. Những bậc thang to nhỏ, cao thấp không đều dẫn tới nhà thờ. Tôi leo từng bước mệt mỏi. Cây thánh giá in trên nền trời như một thách đố đã gần hai ngàn năm, qua bao nhiêu biến thiên vĩ đại của lịch sử nhân loại, Chúa vẫn còn đó! Tôi đứng ngoài nhìn vào. Căn nhà thờ tuy được dựng sơ sài nhưng cũng vừa đủ để nói lên sự tôn nghiêm. Những hàng ghế cầu nguyện được xếp ngay hàng, thứ tự. Anh các vị Thánh treo rải rác trên những cây cột gỗ lâu ngày đã trở màu nâu xỉn. Nơi chính giữa là bàn thờ với đầy đủ nghi thức tôn giáo. Chúa có đó, đang bị đóng đinh trên cây Thập Tự Giá to, sơn đen, trông vừa bi thương, vừa kinh dị. Tuy không có đạo, nhưng trong lòng tôi cũng dâng lên lời cầu xin cứu rỗi! Phía bên trái nhà thờ là đài Tạ Ơn Đức Mẹ Maria. Đài Tạ Ơn được xây bằng những tảng đá xếp cao trên một mũi thuyền, tượng trưng cho con thuyền vượt biển. Trên chóp ngọn đài, đặt tượng Đức Mẹ Maria. Trên những khối đá gài đầy những tấm bảng ghi lời cảm ơn Đức Mẹ đã giúp cho các con của Mẹ vượt biển bình yên. Chúng tôi ra khỏi khu nhà thờ đến bên đài kỷ niệm những thuyền nhân không may đã nằm xuống đáy đại dương! Đài xây trên chiếc bệ cao hình tròn, có năm khối xi-măng dựng đứng, tượng trưng cho những cánh buồm, đâm thẳng lên vòm trời, ở giữa, một bình hương lớn đầy chân nhang đỏ chói. Từ nơi đó, tôi nhìn xuống, qua những bụi cây nhỏ xíu, mảnh mai như cỏ, màu tím hồng mọc xen lẫn cỏ dại, chạy dài xuống bức tượng kỷ niệm, ông già đang kéo cô gái lên khỏi mặt sóng. Theo lời những người ở lâu trên đảo, loại cây đó mới mọc sau ngày bức tượng được dựng lên và chỉ mọc ở đây, toàn đảo không có. Mỗi chiều khi mặt trời xuống thấp, màu tím trở nên rực rỡ phản chiếu ánh nắng trông lóng lánh như màu máu đọng và mỗi khi trời xấu, biển sắp động, màu đỏ xẫm lung linh ma quái một cách dễ sợ! Phải chăng vẫn có sự gì huyền bí, sống động, xung quanh ta? Tôi đứng dưới chân bức tượng, xung quanh là biển cả vây lút. Tiếng sóng vỗ vào đá ào ào liên tục phía dưới. Tác phẩm điêu khắc của anh Nguyễn Văn Thành tuy không vĩ đại, chưa phải một kiệt tác, nhưng nó đã nói lên được phần nào tình thương và sức phấn đấu vô biên của con người trước nghịch cảnh! Bức tượng là một chứng tích, mai sau đây sẽ đánh thức lương tri của dân tộc Mã Lai về hành động của một số người Mã quá cứng rắn đối với những người tị nạn Việt-Nam hôm trước!

Chúng tôi lại men dọc lối mòn, bước dần theo từng khối đá lên đồi. Nhà Thờ Tin Lành là chiếc gạch nối giữa ngôi nhà thờ và chùa. Chiếc tháp chuông của nhà thờ Tin Lành với cây thánh giá cao vút, được quét vôi trắng toát. Kiến trúc rất giản dị mang nhiều sắc thái Tây phương. Qua khu Tin Lành, chúng tôi sang chùa. Chùa trông thẳng ra biển. Bức tượng Phật Bà Quan Âm được dựng ở phía bên mặt chính điện. Đức Phật dù ở nơi nào cũng vậy, vẫn những nét hiền hậu, bao dung. Dưới bóng đức Phật, con người luôn luôn cảm thấy sự bình an của tâm hồn và muôn vàn khổ lụy của kiếp nhân sinh hình như tan rã dưới bóng Từ Bi. Chúng tôi vào thăm chùa. Cảnh sắc vắng lạnh, tuy hương khói vẫn nghi ngút, nhưng toàn diện như đượm sắc u buồn, thiếu linh động, thiếu bàn tay và khối óc để tạo nên sinh khí trang nghiêm của một nơi thờ tự. Tôi hỏi, mới biết các thầy trụ trì đã rời đảo hết, hiện chùa do vài em trong gia đình Phật tử chăm sóc. Các em còn trẻ quá, làm sao nắm vững được đạo lý và đạo pháp để điều hành nghi thức tôn giáo.

Hòa thấp hương lễ Phật để tạ ơn!

Xen lẫn vào khu thờ phượng, có những ngôi nhà dạy Anh ngữ. Tiếng đọc bài âm vang làm mất đi phần nào cái không khí uy nghi cần phải có, của một khu vực chí tôn, chí thánh!

Chúng tôi lững thững ra phía trước, nhìn biển khơi, Hòn đảo “Cá Mập” chắn ngang tầm nhìn. Trông hòn đảo giống con cá mập đang nổi trên mặt nước. Nó nhỏ và khô khan. Một bãi cát

bé xíu nơi cuối đảo, xơ xác vài cây dừa nhô lên, nghiêng ngả theo chiều gió. Những người tị nạn đầu tiên đã khôn ngoan từ chối không chịu đặt chân lên hòn đảo “Cá Mập” vì nơi này không có sự sống. Tôi rời tầm mắt quay sang phía trái. Ở trên mỏm đất cao, sát mé biển, thuộc khu F đảo Bidong là nghĩa trang của dân tị nạn. Những chiếc thánh giá và mộ bia mọc lơ nhô trên mặt đất tuy không nhiều, nhưng cũng đủ nói lên nỗi đau của những con người đã gánh chịu bao nhiêu nguy hiểm để đến được chốn này, lại bỏ xác nơi đây trước khi tìm thấy Tự Do. Trong lòng tôi dâng lên nỗi u hoài! Những người đã ra đi rồi nằm lại đây, đêm đêm hồn có phiêu phiêu trôi giạt theo từng ngọn sóng để tiếc thương và oán hờn định mệnh?...

Mặt trời đã chết đuối ở cuối đại dương. Chúng tôi xuống đồi, bàn chân nghiêng nghiêng theo nhịp bước.

-5-

Tôi đã phải sống trên hòn đảo kỳ cục, số lượng chuột nhiều hơn người tị nạn, phá phách mỗi đêm, coi sự có mặt của con người chẳng ra gì. Đêm nay tôi lại trần trọc trên những mảnh ván khấp khểnh cũng như tôi đã sống những ngày dài, thật dài trên đảo Bidong. Từng đêm tôi đã thức trắng để suy nghĩ về đời sống, về thân phận của những người tị nạn. Có nhiều điều cần nói nhưng vì lý do này, lý do khác, chưa hoặc không thể nói ra. Tôi đã chán mì ăn liền và hộp thịt gà nhỏ xíu phải ăn trong ba ngày, trên thực tế, ăn chưa đủ một bữa. Không, không, tôi không cần gì, muốn gì, ngoài vấn đề được rời đảo sớm ngày nào hay ngày đó. Tôi đã bị cầm tù, bị mất tự do nhiều năm, bây giờ tôi chẳng còn nhiều thì giờ để mất thêm nữa. Tôi cũng biết, hòn đảo Bidong nhỏ bé này mới chỉ là cửa ải thứ nhất, còn nhiều cửa ải khác được “Thế Giới Tự Do” mở ra với nhiều khó khăn đang chờ đón tôi, trước khi tìm được sự yên ổn, thoải mái cho đời sống riêng tư nơi Đệ Tam Quốc Gia.

Trong niềm thao thức, tự nhiên hình ảnh chiếc xà-lan chở dầu của Anh quốc hiện lên thật rõ ràng trong tiềm thức. Xin cảm ơn, cảm ơn tình thương vô biên giữa những con người tuy không cùng chung màu da, nòi giống, nhưng không thiếu lòng vị tha. Tôi chợt nghĩ đến đồng bào tôi, cùng chung tiếng nói, phong tục, tập quán mà đã sẵn đuổi, giết chóc nhau vô cùng tàn nhẫn trên từng thước đất quê hương trong mấy chục năm qua và đến hôm nay, tuy máu không đổ, nhưng sự giam cầm, đầy đọa, sỉ nhục còn tàn nhẫn hơn thú dữ! Vì không chịu nổi những nhục nhằn, uất hận dưới chế độ Cộng Sản, tôi đã đánh đổi cả đời mình lẫn sự nghiệp để lấy hai chữ *Tự Do*. Nhưng khi bước chân đầu tiên của tôi đặt lên mảnh đất tượng trưng cho tự do trên hòn đảo Bidong, tâm hồn tôi như bị một bàn tay vô hình bóp chặt lại, rồi có những chiếc móng sắc, nhọn cào xé làm cho rã rời, tan nát!... Tất cả mọi người trên ghe đều bị đối xử như những kẻ phạm tội qua lệnh của viên Đại Tá Chi Huy Trưởng Lực Lượng Đặc Nhiệm Mã-Lai, mọi người phải ngồi xổm trên nền đất, xếp hàng ngay ngắn, không được nói chuyện, nếu không, có thể bị đánh đập hay bị sỉ nhục!

Sau một thời gian chờ đợi, mọi người lần lượt đứng lên trình diện, để cho một người thuộc Ban Trật Tự “check in”, khám xét trước sự chứng kiến của viên Đại Tá Mã-Lai. Việc khám xét khá kỹ lưỡng, cũng lần lượt nắn túi, mở tung từng thứ để tịch thu những gì mà họ nghĩ rằng có thể nguy hiểm cho an ninh trên đảo. Nhưng người dân tị nạn còn có gì ngoài vóc dáng tiều tụy, bơ phờ với vài ba manh áo quần không đáng giá! Cảnh tượng này giống hệt cảnh tượng trong trại Cải Tạo Cộng Sản mỗi lần Công An khám xét tù nhân chuyển trại. A, thế ra con người một khi đã mất chỗ đứng của mình, đều phải gánh chịu những thiệt thòi mình bạch về tinh thần cũng như vật chất, đôi khi mất luôn cả nhân phẩm. Sau khi khám xét

xong, mọi người đều phải chích ngừa và khai báo lý lịch. Nội dung khai báo cũng chẳng khác bản tự khai của tù nhân trong trại Tập Trung Cải Tạo bao nhiêu!

Qua sự kiện trên, tôi càng vững tin, con người dù sống dưới chế độ Cộng Sản hay Tự Do đều là đối tượng chính trị của chế độ mình có mặt.

Tôi trở mình, cạnh gối chạm nhau tạo nên một chuỗi tiếng động, nghe rất rõ trong đêm tối. Từ sự việc “check in” tôi liên tưởng đến “check out”. Cảnh tượng “check out” tuy không ô nhục như “check in” nhưng Lực Lượng Đặc Nhiệm Mã Lai khám xét cũng không thiếu kỹ càng để thu lại những gì mà họ không muốn cho người dân tị nạn mang ra khỏi đảo như: giấy trắng, mền, thư từ nhờ nhau mang qua Kuala Lumpur để gửi cho dễ dàng. Có những người dân tị nạn lúc vượt biên mang theo mền lên đảo hoặc được tàu vớt tặng, nhưng lúc rời đảo, bị lấy lại hết vì Cảnh Sát Mã-Lai cho rằng, người dân tị nạn khi lên đảo chỉ có hai bàn tay trắng, nay rời đảo, dĩ nhiên, cũng phải trắng tay! Đã vài lần, tôi tiễn bạn bè rời đảo đi Trenganu để đến trại Sungei Besi, đã vài lần, tôi chứng kiến cảnh đó trên cây cầu Zetty bé nhỏ với chiếc tàu Bludard sơn màu trắng toát, vượt biển với tốc độ khá nhanh, có ghế nệm, ngồi thoải mái, sang trọng, mà Liên Hiệp Quốc phải thuê của Chính Phủ Mã-Lai để chở dân tị nạn rời đảo.

Tôi quay mặt nhìn đăm đăm ra phía ngoài, Toàn trại chỉ còn thấp thoáng vài ngọn đèn. Tiếng sóng vỗ rờn rập từ xa vọng vào nghe rất rõ. Đêm đã vào khuya, tôi muốn vùng dậy, chạy ra bãi cát, để tâm hồn được thanh thoát cùng sóng gió đại dương, nhưng sức nhớ, Lực Lượng Đặc Nhiệm Mã-Lai vừa ban hành lệnh giới nghiêm toàn đảo, từ mười một giờ đêm đến năm giờ sáng!...

Pulau Bidong 7-1982,

TRONG VÙNG ẢO GIÁC

Không thể ước đoán bao lâu nữa, tôi còn có mặt trong kích thước này, một kích thước tù túng, quen thuộc. Từ trên mỏm đất cao thuộc khu B, tôi nhìn qua hai lớp rào kẽm, trông xuống những con đường giăng mắc phía dưới, như những nhánh cây chảy xuôi ra cửa biển. Dãy núi đồi bao quanh, tuy không cao, nhưng cũng đủ tạo nên ngăn cách tầm nhìn. Tôi biết, đằng sau rặng cây đang chao động trên đỉnh dãy đồi núi kia là thành phố Kuala Lumpur, một thành phố đang được hiện đại hoá với những cao ốc mấy chục tầng. Tôi đã nhìn thấy nó trong một sáng trời cao và trong, khi tôi đưa người tình đi nằm viện. Thành phố vừa thức giấc sau giấc ngủ ngắn. Từng dòng ánh nắng chảy chan hòa trên đại lộ, trên các “đường cầu vòng,” ở giữa thành phố, như những cánh tay đang vươn ra đón nhận nhịp sống. Những khuôn cửa sơn đủ màu sắc sỡ và những chiếc bao lơ phơ đầy quần áo, như bất cứ thành phố nào có nhiều người Trung Hoa cư ngụ. Thành phố khá sạch và đẹp, nhưng bên cạnh đó cũng không thiếu những mái tôn sét rỉ, những vách ván cũ kỹ, những thân hình tiều tụy đi vật vờ trong các lối ngõ tối tăm!

Tôi cũng đã được nhìn thành phố này lúc sáng đèn, khi chiếc xe của “*Hội Trăng Lười Liềm Đỏ*” đưa tôi từ Trengganu đến Sungei Besi. Chiếc xe chạy chầm chậm xuyên qua từng ngã phố. Những ngọn đèn muôn màu từ nóc các cao ốc sáng rực rỡ, làm cho Kuala Lumpur trở nên huyền ảo. Các đại lộ đông đặc xe cộ, chảy dài như dòng suối động cơ vô tận. Tiếng kèn

trống vọng ra từ các hộp đêm như mời gọi. Những bộ xiêm y tha thướt rất đặc biệt của các cô gái Mã Lai làm chết sững mắt nhìn. Bao nhiêu quyến rũ và chào đón! Nhưng tất cả, đều ở ngoài tôi. Tôi đang ngồi đây nghe thời gian di động qua từng kẽ hở của cuộc sống chao động đầy bất trắc. Tôi, một người tị nạn đã bị Mỹ, Úc Đại Lợi, Canada từ chối vì không đủ “tiêu chuẩn tị nạn.” Gần một năm qua, tôi sống vật vờ như một con thú hoang giữa khu rừng âm u không lối thoát. Tuy không bị săn đuổi, nhưng chẳng lúc nào tôi tìm thấy ở đáy sâu tâm cảm sự lắng đọng, bình yên, thoải mái. Có lẽ, tôi đã nói không đúng lắm về hoàn cảnh đích thực, khi chính bản thân, không biết rõ vì sao mình trở thành một trái banh trao qua, đá lại, giữa các cầu thủ quốc tế? Phái đoàn Úc Đại Lợi “xù” vì lý do tôi đã trốn nghĩa vụ quân sự ở Việt-Nam, như thế có nghĩa Quốc Gia này muốn tôi phải cầm súng chiến đấu dưới lá cờ đỏ sao vàng qua Campuchia đánh chiếm, để phục vụ cho chế độ phi nhân, độc tài, đảng trị? Phái đoàn Canada “xù” vì tôi không đủ “tiêu chuẩn” vào nước họ; lý do này tuy mơ hồ, nhưng tôi cũng chẳng có cách nào chứng minh được sự hữu lý của mình cả! Có lẽ họ vừa nhìn thấy thân hình tôi ốm yếu, không đủ sức chịu đựng với cái rét bao la, đầy tuyết trắng của mùa đông lê thê kéo dài cả 6 tháng? Lòng ngược tôi, mai đây sẽ chứa đầy vi trùng Koch, làm ô nhiễm cả một vùng đất bao la rộng bằng nước Mỹ, nhưng dân số chỉ bằng một phần trên hai mươi! Phái đoàn Hoa Kỳ “xù” vì tôi đã không trả lời được câu hỏi: vì lý do nào anh rời khỏi Việt-Nam? Câu hỏi thực giản đơn, chẳng có chút gì khúc mắc, mà sao, lại khó trả lời như vậy? Tôi khẳng định: vì không ưa Cộng Sản, không muốn nhìn những chiếc nón cối, những đôi dép lốp, tôi muốn tự do!

Tôi cũng đã cố gắng moi óc để tìm những nguyên nhân vững chắc khác, có cơ sở lý luận đầy đủ, nhưng rốt cuộc “case” của tôi vẫn nhận chiếc “mộc xù” to tổ bố! Nhìn chiếc mộc giơ cao rồi ấn xuống, như chiếc búa ngàn cân bổ thẳng xuống đầu, làm tôi choáng váng. Trước khi rời khỏi căn buồng, với những nét lạnh lùng ẩn khuất đó đây, tôi muốn hỏi lại phái đoàn một câu, tương tự như họ đã hỏi tôi: vì sao các ông đã chạy khỏi Việt-Nam trước ngày 30-4-75? Nhưng đó chỉ là ý nghĩ, nó vừa bùng lên lại tắt ngúm ngay như ngọn lửa nhỏ giữa cơn bão lớn!

Tôi tiếc, mình không bị tàn phế, để có thể xin định cư tại Phần-Lan, vì quốc gia này có nhiều nhà khoa học đang thất nghiệp! Còn vài quốc gia khác muốn cứu vớt người tị nạn, nhưng vì lý do này, lý do khác, tôi tự nhận biết, dù có nộp đơn, thì thời gian chờ đợi cũng làm cho nản chí. Thế giới, có trên một trăm quốc gia, trừ vài nước Cộng Sản, mà sao giờ đây tôi không tìm ra thước đất dung thân, dưới bóng mát của vị “Nữ Thần Tự Do” đang giơ cao ngọn đuốc tại New York, bên bờ Đại Tây Dương?

Lúc này ở Việt-Nam, vợ con tôi đang chờ đợi gói quà. Đã mấy tháng, tôi không viết thư về nhà, vì biết viết gì trong hoàn cảnh nhòe nhoẹt đầy tuyệt vọng? Cái trại tị nạn Sungei Besi này, tôi đã thuộc nó từng phân vuông. Tôi đã chứng kiến biết bao chuyện vui buồn? Chuyện đến, chuyện đi và những cuộc tình đã diễn ra hỗn loạn trong vòng đai hạn hẹp, chen chúc bao nhiêu số phận bấp bênh!

Nhiều lúc suy nghĩ, tôi không hiểu vì lý do nào, tôi đã dùng hai lượng vàng, một phần do đồ cưới, phần còn lại, vay mượn họ hàng để mua một chỗ ngồi chật hẹp trên chiếc ghe dài mười hai thước rưỡi, máy một bloc, chứa gần trăm người, vượt biển Đông để trở thành người tị nạn đang cư trú bất hợp pháp trong ô đất Mã-Lai. Nhìn bản đồ, không xa bao nhiêu, mà phải mất hơn mười ngày lênh đênh trên biển cả, qua mấy cơn giông gió, một lần bị cướp, chiếc ghe mới tới được thước đất đầu tiên, báo hiệu sự sống! Chắc không bao giờ tôi quên

được hình ảnh những tên hải tặc Thái-Lan hung hãn đã cướp bóc và hãm hiếp người tị nạn. Chúng lấy tất cả những gì có thể lấy được và hãm hiếp tàn bạo như lũ thú vật. Tôi đã nhìn thấy những cô gái sau khi thân xác bị cưỡng bức, mặt mày bơ phờ, đầu tóc rũ rượi, ôm mặt khóc nức nở, như vừa trải qua một tai nạn vô cùng khủng khiếp! Cũng như tôi đã nhìn rõ từng nét đau khổ, oán hờn, trên khuôn mặt anh chồng khi bắt buộc phải chứng kiến người vợ trẻ bị hải tặc lôi xuống hầm tàu cùng tiếng van xin uất nghẹn! Tất cả, như một cuốn phim vừa bi thương, vừa sống động, nó khắc sâu vào tâm khảm tôi như một chứng tích ô nhục không bao giờ phai nhạt. Tôi thấy xấu hổ khi thấy mình bất lực trước những gì đã xảy ra. Tôi gục đầu, trốn tránh mặc cảm. Lần thứ nhất, tôi biết, thế nào là thù hận!

Những ngày và đêm dài sống trên chiếc ghe nhỏ bé, tôi đã chịu đựng bao nhiêu khổ cực, thiếu cơm, thiếu nước, thiếu giấc ngủ bình yên, thoải mái. Tôi đã ngứa cổ mỗi ngày hai lần để nhận vài ba giọt nước do một người cầm chiếc ống nhỏ, bơm vô miệng. Tôi tưởng không cách nào kinh qua được những giờ phút cực kỳ bi thảm. Đôi lúc quá chán nản, tôi muốn nhảy xuống đại dương để kết thúc đời sống, còn hơn phải kéo dài từng phút tuyệt vọng. Nhưng bản năng sinh tồn đã kìm giữ, nên tôi vẫn còn sống.

Sau khi đặt chân lên đảo, tưởng xong, vì cuộc vượt biên coi như đã trả giá, Thế Giới Tự Do sẽ đón tiếp tôi trong vòng tay êm ấm tình người. Nhưng không, tôi vẫn còn gặp nhiều khó khăn trên vấn đề tị nạn. Bị Phái đoàn Úc Đại Lợi và Canda xù nhưng tôi được Phái đoàn Hoa Kỳ nhận đơn, sau hơn hai tháng sống vật vờ trên đảo. Một sáng, chiếc Bludard đã đưa tôi từ đảo Bidong qua Trengganu từ đó xe hơi đưa tôi vượt qua sáu, bảy trăm cây số đường dài đến trại Sungei Besi trong một chiều oi bức. Những “căn nhà hộp” và những dãy “long house” che kín khuôn đất rộng. Cảnh sống ở đây tù túng hơn ở đảo. Nó thu hẹp tầm nhìn làm con người cảm thấy bức bối, vướng mắc! Từ phút đầu, tôi đã chán nó, nhưng định mệnh lại buộc chặt tôi vào nó, chẳng biết đến bao giờ mới gỡ bỏ.

Khí hậu Mã-Lai, nóng bức suốt ngày. Những cơn mưa xả xuống dữ dội rồi chợt tạnh, giống như cơn mưa miền Nam nước Việt. Vì là trại chuyển tiếp nên sự đến, đi làm không khí luôn luôn sinh động. Những khuôn mặt vừa nhìn thấy bữa qua, hôm nay đã biến mất. Tiếng loa rú suốt ngày đêm làm tinh thần luôn luôn căng thẳng. Tất cả như bị cuốn hút vào guồng máy từ bảy giờ sáng, tới hai mươi hai giờ rưỡi mỗi ngày.

Vấn đề vượt biên quả thực không dễ dàng. Người đi cả chục lần không thoát. Người tù lên tù xuống mà sao vẫn quyết ra đi, vì họ tin, nếu thoát khỏi tầm súng của Công An biên phòng, nếu không nằm dưới đáy đại dương, cuộc sống sẽ thăng hoa trong những bàn tay nhân ái! Nhưng thực tế đã mặc khải cho họ cũng như tôi, những gì ta mơ ước, không phải tự trời cao rớt xuống, nó cũng cay đắng và gai góc lắm! Mỗi ngày, tôi nâng chén cơm do lòng từ thiện của Cao ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc cứu giúp, do nhà thầu Mã-Lai thực hiện, thấy tủi nhục vô cùng! Tôi nuốt, như nuốt từng nỗi ưu phiền! Dù không muốn, nhưng chẳng cách nào từ chối một ly sữa loãng mỗi sáng, một con cá nhỏ buổi trưa và một miếng thịt gà kho hoặc rán, to bằng ngón tay, mỗi chiều. Từng buổi, tôi đứng xếp hàng chờ lãnh cơm, cái “đuôi” dài thậm thượt. Đôi khi lơ đễnh đứng chệch hàng, tôi bị giám thị Mã-Lai đá vào ống quyển. Có người ăn chuối vô ý vứt bỏ bữa bãi bị giám thị bắt nhặt lên nuốt luôn. Tất cả những bí ẩn của Trại đều được phổ biến tại đây, có lẽ nhằm quên đi những phút đợi chờ! Câu chuyện bắt trộm đêm qua tại Trại B, là trại dành riêng cho những người tị nạn đi Âu Châu, nghe hoang đường, nhưng có thực. Theo lời kể, tên trộm mò vô mùng, cởi quần người đàn bà; chị này tưởng

chồng mò tiền ăn nhậu, nên để nguyên. Tên trộm hành động vụng về sao đó, người chồng thức giấc. Nó hốt hoảng chạy mất giữa tiếng nói: – Em cứ tưởng mình chứ? Mọi người cười ồ. Một chị trạc ba mươi, trông phốp pháp, mái tóc dài phủ ngang vai, phát biểu bằng quơ: – Vô lý, “khác”... là biết ngay!

Buổi linh cơm nào cũng có những tin vui, kể cả chuyện ái tình lắm cảm thường xảy ra trong dãy “long house” mới cất, nhưng chưa người ở. Tôi biết nhiều về nó, vì đôi lần, tôi cũng đã đưa người tình vào để khoả lấp “nỗi buồn tị nạn.” Cho tới hôm nay, ngồi trên móm đất này, tôi cũng không hiểu vì sao và từ lúc nào, tôi trở thành kẻ nói dối. Tôi đã nói dối để thoả mãn những nhu cầu thấp hèn do dục vọng đẩy đưa. Có lẽ, hoàn cảnh đã biến tôi thành con người khác. Hình ảnh vợ con nhặt nhòa sau mỗi ngày chờ đợi hao hụt. Chao ôi! người vợ trẻ, chẳng hiểu giờ này nàng đang nghĩ gì, đang chờ đợi gì ở dưới khung trời chứa chấp nhiều u uất, phiền muộn? Người đưa thư vẫn qua lại mỗi ngày trên chiếc xe đạp, nhưng chắc hẳn không dừng lại trước căn nhà tồi tàn, có người đàn bà trẻ ôm đứa con nhỏ, chờ đợi một phiếu báo quà. Tôi biết, mỗi lần nhìn thấy hắn đạp xe qua nhà không dừng lại, nàng sẽ khóc! Nhưng lúc này tôi không muốn nhớ, muốn nghĩ đến nữa. Tôi muốn buông xuôi tất cả vì không có gì, còn gì để mơ ước!

Người đàn bà yêu tôi, đã có chồng, hiện đang còn học tập cải tạo. Tôi gặp nàng trong buổi lãnh cơm; chúng tôi đến trước giờ. Nàng mặc chiếc váy đầm xã hội. Thân hình tròn vo như chiếc thùng phuy. Mái tóc đen lánh, ôm gọn khuôn mặt bầu bầu. Người yêu tôi, không có vẻ đẹp cách biệt, nó chung chung như mọi người đàn bà có mặt, chẳng có gì hấp dẫn. Nhưng vì xa vợ lâu ngày, tôi chẳng có nhiều thì giờ để đắn đo suy nghĩ.

– Cô đi đâu? – Tôi hỏi hững hờ cho có chuyện.

– Mỹ! – Nàng trả lời buông lỏng.

– Cô lên bàn chưa?

– Chưa!

– Chuyển trại bao giờ?

– Trên hai tháng!

– Sao lâu quá vậy? Diện gì?

– Chồng là sĩ quan, đang học tập cải tạo!

– Cấp gì?

– Đại Úy Biệt Kích Dù. Còn anh, lên bàn chưa?

– Bị Úc, Canada, Mỹ cùng xù!

– À, trước anh không đi lính sao? Có thân nhân ở nước ngoài chưa?

– Chưa, khi Cộng Sản vô chiếm Sài-gòn, tôi đang đi học!

– Anh ở đây bao lâu rồi ?

– Gần hai mươi thê cơm!

– Anh vượt biên có vợ con không?

– Không, tôi chưa vợ!

Nghe tôi trả lời, tự nhiên mắt nàng sáng long lanh, nhìn chăm chăm như dò xét. Chẳng hiểu sao, tôi thấy bình thản, không sợ sùng sùng khi trả lời như vậy. Vì tôi hãy còn trẻ, chưa ngoài ba mươi tuổi, nên có nói gì, cũng không tạo nên nghi hoặc! Hình ảnh vợ tôi thoáng hiện trong đầu, tôi vội xóa ngay bằng ý nghĩ: chuyện đùa cho vui mà, trong lúc đời buồn quá!

Nhưng sự thực, đây không phải là chuyện đùa, khi những buổi sau, tôi và nàng đã trở thành đôi bạn tình. Chúng tôi đã hò hẹn và hằng đêm, chúng tôi đã ngồi trên bờ cỏ tối để truyện nhau hơi thở và đã dùng chiếc “long house” mới cất, chưa có người ở, để thoả mãn sự đòi hỏi của thân xác. Trong những giây phút ấy, tôi không còn là tôi, quên cả hoàn cảnh đích thực của mình, đang sống một đời sống vô định, không biết bầu vịu vào đâu, chờ ngày “hốt rác”! Nhưng nhờ có nàng, đời sống cũng phần nào hứng thú. Chúng tôi đã lãnh ăn cơm chung, ở cùng buồng, trong căn “nhà hộp”.

Đời sống trong căn “nhà hộp” quá xô bồ, ồn ào từ sáng tới đêm. Khi tôi đến ở, căn nhà này cũng có đôi tình nhân. Cô gái đã có chồng di tản qua Mỹ trước ngày 30-4. Anh này “xù” vợ và đã lập gia đình với người khác có làm hôn thú tại Mỹ. Cô gái vượt biên đi với cha già năm 81. Khi sang tới đảo, cô khai có chồng hiện đang ở Mỹ. Vì hoàn cảnh đặc biệt nên phái đoàn Mỹ chưa giải quyết, tuy cô cũng được rời đảo theo list định cư tại Hoa Kỳ. Cô gái có khuôn mặt khả ái nhưng buồn bã! Đôi mắt lúc nào cũng đắm chìm vào cõi mơ hồ nào đó. Thân hình mảnh mai với đôi bàn tay nõn nà thon nhỏ như mười chiếc búp non. Cô, con chiên ngoan đạo. Mỗi sáng, mỗi chiều đều đi lễ và hằng đêm, trước khi đi ngủ, tôi còn nghe tiếng đọc kinh rì rầm! Sợi dây thánh giá luôn luôn đeo tòn ten trước ngực. Màu đen của dây thánh giá nổi bật giữa vùng ngực trắng muốt. Người bố già đã chết sau mấy tháng nằm bệnh trên đất Mã. Xác ông cụ được hỏa thiêu. Nấm tro tàn đựng trong chiếc hũ sành, cô đem gửi tại nhà thờ, dưới chân Chúa. Do cô đơn, buồn tủi, và có giọng hát dễ thương, cô thường tìm quên trong những tối có party tiễn đưa người rời trại. Mọi người dễ quen và cũng dễ trở nên người bạn tình, trong các dịp đó. Người tình của cô gái là một nhà “tu xuất” còn trẻ. Nghe đâu, anh ta đã tu tới chức thầy ba hoặc tư gì đó và đã xuất vào năm 79. Anh có chiếc trán cao nhẵn thín, những sợi tóc rủ sau gáy như bức màn thưa. Sau ngày xuất, anh đi dạy học. Anh cũng như tôi, vượt biên một mình. Anh đã được phái đoàn Mỹ cho tuyên thệ, chờ đi Bataan. Hình như cuộc tình của họ gặp nhiều sóng gió và gây khá nhiều dư luận! Họ bị lên án, bị giáo hội săn đuổi như những con thú hoang lạc giữa vùng đất cấm. Nhưng càng bị săn đuổi, họ càng bíu chặt lấy nhau để cùng chống đỡ với những bất trắc và nguy hiểm đang vây chặt họ trong từng mắt lưới. Lắm lúc, tôi nhìn họ, rồi nhìn lại thân phận mình, tuy không bị săn đuổi, nhưng tôi biết, cái mối tình do tôi dẫn dắt cũng không thể kéo dài. Nàng đã được lên bàn tuyên thệ, như vậy, ngày tôi trở về cô đơn không còn xa. Tôi cầu trời cho nàng mang bệnh, để ở lại đây lâu, cho tôi đỡ cô đơn, nhưng không, sau khi ICM chụp X Ray, chờ cả tuần không thấy kêu tên nàng tái chụp. Vì biết, trước sau gì cũng mất nàng, nên tôi sống vội, cố vơ hết vào mình những gì, tưởng như có lợi. Tôi vẫn nghĩ, nàng không phải vợ, nên dù chuyện gì xảy ra, tôi vẫn là kẻ thắng. Nhưng “Long House” cũng không phải là nơi ẩn nấp an toàn cho hạnh phúc bất chính; có thể, một phút bất ngờ nào đó, chúng tôi sẽ bị đưa về Task Force để hưởng cái án cạo đầu, nếu họ bắt gặp quả tang chúng tôi đang có mặt trong “vùng đất cấm”. Quả thực, tôi cũng chẳng hiểu nàng có chút hối hận nào không, khi thân xác đã ngã vào vòng tay tôi, trong lúc người chồng còn đang gánh chịu bao nhiêu nhục nhằn giữa vòng đai cái tạo? Nhiều đêm khó ngủ, tôi cảm thấy mình là kẻ bất lương, không kìm nổi thú tính đã tạo nên nghiệp chướng. Nếu ngày nào được nghe tin, vợ tôi đi với một tên “cối xanh” “cối

vàng” nào đó, vì lý do tôi không gửi quà về, chắc cũng không ngạc nhiên, vì tôi đã gieo gió! Những tên hải tặc Thái Lan cưỡng hiếp người tị nạn vì không cùng dòng giống, còn tôi, tuy không cưỡng hiếp nhưng hành động của tôi, xét ra, còn khốn nạn hơn chúng. Chẳng hiểu sao, tôi có thể nói, tôi yêu nàng bằng tất cả tâm hồn, bằng những gì cao quý nhất của đời sống? Chao ôi! người đàn bà đã có chồng đang tù tội, vượt biển đến đây, để phụ thuộc vào tôi, bằng những chiếc hôn kéo dài, bằng níu kéo rã rời, qua lời nói dối!

Nhưng buổi nay, thực tế đã buộc tôi phải chấp nhận sự ra đi của nàng là một mất mát. Chiếc sân rộng lớn của trại đã đầy ứ người tiễn đưa nhau. Ca khúc *Nghìn Trùng Xa Cách* lại cất lên nức nở và bài *Tiến Đưa* được đọc lên, qua dòng điện nghe thảm thiết như lời vĩnh biệt! Không phải lần thứ nhất tôi nghe và nhìn thấy cảnh này, mà ở đây, thường như vậy. Đi và đến như những vòng xích đan kết làm cho cuộc sống ở Trại có cái gì vừa mong manh, vừa sinh động. Chúng tôi như hai pho tượng đứng trơ vơ ở góc sân. Bóng tối đã khoả lấp làm nhoè nhoẹt những hình thể đang chao động trước mắt như những con múa rối. Những thân xác hiện diện nơi đây, hay nơi nào khác trong vòng đai Trại cũng chỉ được hình dung như những kẻ khốn cùng, ngửa tay cầu xin ân huệ...

Tôi ôm chặt nàng trong vòng tay lần cuối. Tiếng loa đã kéo chúng tôi ra khỏi cơn u mê và nàng đã xa, vĩnh viễn xa tôi, như chưa bao giờ gặp. Cái mối tình tị nạn như vậy đó. Tôi phải chấp nhận nó như sự có mặt của tôi trong vòng đai trại tị nạn này là sự thực!

Tối nay một mình lang thang trên các lối đi ngang dọc phân chia từng khu, chưa bao giờ tôi thấy buồn vậy! Không phải tôi đã mất nàng, vì ngoài nàng ra, đâu có thiếu đàn bà “đói tình” đang chờ đón!...

Tự nhiên hình ảnh vợ con lại hiện về trong tâm trí. Người vợ trẻ mà tôi hằng thương mến giờ này đang làm gì dưới ánh đèn, trong một kích thước khốn khó của một Sài-gòn đã chết! Từ lâu, không nhận được thư từ nên chẳng rõ hoàn cảnh đích thực của gia đình tôi ra sao, sau những tháng dài miệt mài chờ đợi. Trước khi đi, tôi đã hứa đủ điều, nào thương yêu, chung thủy và sẽ gửi ngay và gửi thật nhiều quà, để cho vợ con tôi có một đời sống đầy đủ, chờ ngày đi bảo lãnh. Vợ tôi, người đàn bà chưa có chút kinh nghiệm nào về cuộc sống. Chúng tôi đã kết hôn khi cả hai đứa vừa thôi học. Dưới chế độ mới, gia đình bên vợ thuộc thành phần phản động. Ông già vợ hiện còn cải tạo tại miền Thanh-Nghệ-Tĩnh, kể từ ngày miền Nam bị Cộng sản xâm chiếm; cũng kể từ đó, gia đình vợ tôi xuống dốc. Sau những năm tháng dài chịu đựng, bà già vợ đã trút hơi thở già từ cuộc đời, để lại đàn con bốn đứa, vợ tôi, con đầu lòng, ba người em đều còn nhỏ đã phải bung ra để kiếm sống. Đứa lớn nhất mười chín tuổi, buôn thuốc tây ở chợ trời, đứa thứ nhì ngồi đầu đường sửa xe đạp, đứa bé đi nhặt bao nylon cũ ở các đồng rác tràn đầy khắp thành phố. Mỗi ngày nó đi từ sáng sớm đến chiều tối mới về. Tương lai của những đứa em vợ tôi đen ngòm. Vợ chồng tôi cũng chẳng hơn gì, nếu tình trạng cứ kéo dài. Tôi cũng “buôn chui” để sống qua ngày. Nhưng khó khăn cứ xiết dần từng nút.

Sau những tính toán, vợ tôi quyết định hy sinh để tôi vượt biên, vì buôn bán ngày được ngày thua, lâu dần hết vốn. Nhưng vợ tôi đâu ngờ, tôi đã bị ba phái đoàn nhận người tị nạn nhiều nhất “xù”, và tôi đang sống vất vưởng trong trại tị nạn như một vật thừa. Nếu biết trước, sẽ gặp trường hợp này, có lẽ tôi không dám đi và nhiều người chắc cũng nghĩ như tôi, thà chết đói dưới bàn tay khắc nghiệt của Cộng sản còn hơn phải gánh chịu cái nhục ăn xin, mất nhân phẩm!

Tôi trở về buồng khi chiếc loa đã phóng ra lời kêu gọi của Ban Giám Thị: “Bây giờ là hai mươi ba giờ, giờ qui định, xin tất cả đồng bào đi rong chơi hoặc tụ tập nơi công cộng, hãy trở về buồng, tắt đèn đi nghỉ. Sau đó Ban Giám Thị sẽ đi kiểm soát”. Tôi biết, tới giờ giới nghiêm, nếu lơ ngơ, có thể bị “thụt dầu” ít nhất trăm lần và bị ăn đòn nếu gặp giám thị nào hung dữ.

Căn buồng đã tắt đèn tối om. Nơi ngủ của tôi tối nay buồn tênh vì nàng đã ra đi. Cặp tình nhân lằm rằm, tôi không hiểu họ cầu kinh hay nói chuyện? Căn buồng tôi ở, ngoài đôi tình nhân, còn có một “lô ca” gồm hai vợ chồng, một đứa con nhỏ, một người em trai và đứa cháu gái gầy như chiếc que. Họ đi Canada, nhưng cả trên năm, vẫn chưa đi được vì người em trai bị bệnh phổi. Tuy bị bệnh, nhưng loay hoay làm sao không biết, anh ta cho cô cháu mang bầu, đã kẹt lại kẹt thêm. Do đó, họ thường dằn vặt, đay nghiến nhau mỗi ngày.

Thêm vào đấy có cô gái và bà mẹ già, hai mẹ con chiều nào cũng cãi nhau về vấn đề tiền bạc.

– Mà tiêu gì dữ vậy? Hay mà mê thằng nào, mà nuôi nó? Nay nã tiền, mai nã tiền, tiền đâu lắm thế?

– Con yêu ai kệ con, tiền của con làm ra khi còn ở Sài-gòn, má giữ, nay con cần, má không đưa, thế là nghĩa làm sao?

– Nếu tao không giấu kịp, cướp nó lấy mất ở giữa biển, lấy đâu mà đòi? Tao không đưa, mà làm gì được?

– Má không đưa, con cứ đòi!

– Cái tổ bố mà, đồ con gái thối thây!

Cô gái ôm mặt khóc rưng rức, vừa khóc vừa kể lể. Khóc chán cô ngủ ngay trên sàn nhà, chiếc quần soọc chật và cao tới háng để lộ cặp đùi no tròn như hai cây chuối non. Chiếc áo thung nhô cao, phấp phồng theo từng nhịp thở. Tối nay, khi tôi về, hai mẹ con cô đã ngủ, nhưng tôi để ý hình như chỗ cô nằm, mới có thêm người nữa.

Khi thức giấc, ánh nắng đã tràn vào buồng. Giờ lãnh phần ăn sáng đã hết. Tôi vùng dậy hốt hoảng, nhưng có tiếng nói:

– Gớm cậu ngủ say như chết, tôi gọi hoài không tỉnh. Chắc tối qua mất ngủ.

Tôi nhìn thấy ông Mậu đang ngồi trên sàn nhà với ly sữa loãng vơi quá nửa. Bên cạnh đấy, có gói mì ăn liền và ly sữa còn nguyên.

– Dạ, đêm qua sao khó ngủ, chắc tại lũ mèo từ đâu tới kêu gào thảm thiết quá!

Vừa nói, tôi vừa ngó qua cô gái và gã thanh niên trạc tuổi tôi, lạ hoắc. Không hiểu hẳn dậy từ lúc nào mà đầu tóc đã gọn gàng, tươm tất. Cô gái nhìn tôi như thách thức. Quả thực, tôi cũng không hiểu vì sao cô lại nhìn tôi bằng cái nhìn thiếu thiện cảm đó? Có lẽ, khi tôi đến đây ở với người tình, cô còn cô đơn, nay trái lại, tôi trở về đơn cô, cô lại có người tình bên cạnh. Trông cô sáng nay hình như đẹp hẳn lên, tuy hăng ngày tôi vốn nhìn thấy cô có đó. Đôi mắt lá rằm và chiếc mũi gầy, đôi môi mỏng dính như hai sợi chỉ, tương phản với khuôn mặt no tròn bầu bĩnh. Bà cụ xoay lưng trông ra ngoài.

– Đây, phần ăn sáng của cậu, tôi đã lấy giùm.

Tôi cảm ơn ông Mậu, xong đứng dậy cuốn mùng, đi đánh răng, rửa mặt.

Trong căn buồng này có vợ chồng ông Mậu nhiều tuổi nhất. Ông bà qua đây vì đã có con ở Mỹ. Đáng lẽ hai ông bà đi định cư từ lâu, nhưng ICM đã nghi ông bà có bệnh phổi nên giữ lại. Tôi cũng không hiểu sao, ông Mậu lại sợ ICM đến thế. Mỗi ngày, khi ICM gọi đồng bào khám bệnh là mặt ông tái đi. Ông nghe ngóng cho tới khi nào giới chức ICM ra về mới thôi. Có lẽ, ông sợ ICM còn hơn sợ Cộng sản! Ông đã bị ICM gọi chụp và tái chụp phổi tới bảy lần, thử đàm năm lần trong vòng bốn tháng vẫn chưa tìm ra bệnh. Mỗi lần tái chụp hay tái thử đàm về, ông Mậu lại chửi đổng: “Đù má nó chửi, bắt nuốt khói hóa học làm ho sặc sụa, chảy cả nước mắt, nước mũi, cứ như vậy, không bệnh cũng thành bệnh, chịu thế chớ nào được!” Cả hai ông bà như hai con thú nhốt lồng lộn trong chuồng, cố tìm cách thoát ra.

ICM là vị hung thần đối với những ai có bệnh. Không hiểu sao, lại có nhiều người tị nạn có bệnh phổi như vậy? Tuy bệnh phổi hôm nay, không phải bệnh nan y, nhưng vẫn là trở ngại chính cho việc định cư sớm hay muộn.

Tôi nuốt từng sợi mì như nuốt vào dạ dày mình từng nỗi buồn. Vì đã ăn mấy trăm buổi sáng, nên chán ngấy, cũng như tôi đã chán cái không khí hỗn tạp nơi đây. Mỗi ngày qua đi không với nhẹ, hình như nó trở thành nặng nề, nhức nhối làm dễ phẫn chí. Ăn vội cho xong, tôi ra ngoài đi làm công tác cộng đồng. Vì không có khả năng sinh ngữ nên tôi xung vào Ban Vệ Sinh. Mỗi sáng, quét dọn đường mương, nhặt rác và đôi khi quét nhà cầu. Làm việc ít phút để trả nợ ba bữa ăn, tuy chẳng ra gì, nhưng cũng đủ nuôi sống con người. Sau công việc lao động phát phờ, tôi lại la cà đây đó để tiêu hết khoảng thời gian còn lại. Bữa nọ, tình cờ tôi nói chuyện với một vị sĩ quan đã đi học tập cải tạo sáu năm; khi vừa được tha về ít hôm, ông ta vượt biên. Ông ta nói cho tôi biết về những nhục nhằn mà mỗi người tù phải gánh chịu trong Trại Cải Tạo. Tôi nghe, lòng bồn chồn khi nghĩ tới người đàn bà đã ngã vào vòng tay tôi mấy bữa trước đây. Nhưng tuổi trẻ vốn dễ quên, vả lại, lỗi không phải do mình tôi tạo nên, nếu không có sự thoả thuận của kẻ khác.

Trưa nay, tôi lại “làm đuôi” để lãnh cơm. Câu chuyện lọt vào tai, nói về chuyện cô gái tự tử đêm qua đã được cứu sống. Người cho rằng cô gái tự tử vì vấn đề ái tình, người cho cô ta chán đời vì bị Phái đoàn các nước “xù.” Tôi không biết cô gái ra sao và lý do đích thực của nó, nhưng nếu cô gái có ý tự hủy cũng là điều không đáng ngạc nhiên.

Cách đây mấy tháng cũng có một anh chán đời vì đã ở quá lâu trong Trại Tị Nạn. Khi vượt biên, tôi đã có ý nháy xuống đại dương nay lại muốn tự giải quyết một lần nữa cho xong, nhưng vấn đề khai bệnh, xin thuốc an thần lúc này rất khó khăn. Tôi nghe nói có nhiều anh vì quá chán cuộc sống tị nạn đã nói thẳng với Phái đoàn khi bị từ chối: “Nếu các ông “xù” tôi sẽ tự tử!”

– A, tự tử là quyền ông, còn nhận hay không là quyền của chúng tôi.

Sau khi nghe câu đó, anh kia sợ chảng, nên tôi vẫn thấy anh mỗi ngày, “làm đuôi” chờ lãnh miếng cơm, khoai cá. Trường hợp tôi cũng không phải là trường hợp duy nhất; nó xảy ra cho nhiều số phận. Nhưng cũng có nhiều người, không hiểu sao, họ đi một cách dễ dàng, dù tôi biết, sự có mặt của họ ở đây hay ở một nơi nào khác cũng vậy thôi.

Buổi chiều nay trời đổ mưa. Cơn mưa to chưa từng thấy trên bầu trời Sungei Besi. Tôi ngồi trong căn “nhà hộp” nhìn ra bên ngoài, những hạt mưa đan mau làm nhạt nhòa cảnh vật. Dây núi đồi bao quanh không còn hình dáng. Mưa tạt vào vách tôn dáo dạt. Vì không có ai đã ở nước ngoài trước nên tôi hoàn toàn không nhận được thư cũng như chi viện. Tôi sống nhờ vào tổ chức Cao Ủy Liên Hiệp Quốc. Nhiều lúc thèm thuốc hút quá, tôi phải đi nhặt

từng mẩu thuốc vút bừa bãi đó đây. Khi tôi đang được yêu, nàng đã mua thuốc hút và quà bánh cho ăn. Ngày rời Trại, nàng có để lại cho tôi mười đồng Mã, nhưng nay đã hết. Tôi đành chịu. Thịnh thoảng ông Mậu có cho một điếu, nhưng mỗi lần cầm, tôi cảm thấy ngượng ngùng. Từ phía bên kia, ông Mậu đang hút, khói thuốc toả ra đưa vào mũi, làm tôi xao xuyến. Trời mưa như thế này, ngồi giữa trại tị nạn, trong căn “nhà hộp” có một điếu thuốc hút, khoái vô cùng. Chẳng hiểu sao bữa nay, ông Mậu không mời, mà xin, tôi không muốn!

Tôi đưa mắt nhìn quanh buồng. Đôi tình nhân đang dựa vai thì thào. Bàn tay họ lồng vào nhau như chẳng muốn rời. Một vài người ngủ trên chiếc giường đôi. Những tấm nệm cũ kỹ, rách nát, dùng quá lâu ngày, màu vải thâm xịt, loang lổ vì thấm mồ hôi. Tôi nghe nói, trong căn buồng này, trước đây, thường xảy ra chuyện uýnh lộn giữa hai gã đàn ông tranh nhau một cô gái trẻ đẹp. Cô yêu cả hai anh, nhưng hai anh, không ai chịu nhường, do đó có chuyện lủng củng. Họ đã đi định cư tất cả ở Mỹ, chẳng biết rồi họ giải quyết ra sao, khi ở Hoa Kỳ dễ mua súng!

Hai mẹ con cô gái lại bắt đầu gây chuyện về vấn đề tiền. Gã con trai đến ngủ tối qua đi đâu mất! Trong một kích thước nhỏ hẹp của căn buồng, mọi người nhìn nhau hằng ngày, quá quen thuộc chẳng những hình dáng mà còn cả tính tình, nếp sống, dù có người mới từ Bidong chuyển đến. Mỗi người, một hoàn cảnh, một trường hợp định cư. Số dân tị nạn trong trại, lúc nào cũng trên dưới ba ngàn người. Máy ngàn miệng ăn, không sản xuất, lao động gì nên trên các lối đi và chiếc sân rộng, đông nghẹt người rong chơi mỗi chiều. Ông Mậu ngồi hút hết điếu thuốc này đến điếu khác, tuy đang bị ICM nghi có bệnh phổi. Thịnh thoảng ông ta lại lảm bảm như chửi rủa ai đó. Có lẽ ông chửi ICM, vì giới chức này đã làm khó ông trong vấn đề định cư. Tôi tuy chưa có may mắn được giới chức ICM sờ tới, nhưng tôi cũng nghi ngờ chiếc ngực của mình, vì sống bảy năm trời dưới chế độ Cộng sản, ăn uống thiếu dinh dưỡng, làm việc quần quật, lo nghĩ triền miên, làm sao vi trùng Kock tha được? Tôi cứ ngồi trơ trơ như cục đá, trong khi bên ngoài cơn mưa đã ngớt hạt, bóng tối cũng sập xuống. Căn buồng nhá nhem, bôi nhọ các khuôn mặt, chẳng ai muốn bật đèn. Tôi đứng lên kéo chiếc dây thả tự trần nhà. Căn buồng sáng bừng. Vì có ánh sáng nên các khuôn mặt tự nhiên linh động hẳn. Đôi tình nhân đã buông tay nhau, dù sao, cũng chẳng muốn để ai nhìn thấy sự yêu thương quá lộ liễu.

Vì không chịu nổi không khí ngột ngạt của gian buồng trên hai mươi thước vuông, chứa mười sáu người, tôi đi ra ngoài. Sau cơn mưa, tiết trời chùng xuống, không còn oi bức. Các vũng nước lấp lánh dưới ánh đèn như những chiếc gương. Chân tôi dẫm lên vùng ẩm ướt. Đôi dép cao-su lê xẹt trên mặt con lộ đất. Tôi muốn đến chùa tối nay để cầu nguyện. Sự thực, tôi không hoàn toàn đặt đời sống tinh thần của mình vào niềm tin, vì Đức Phật có đó, không phải để thỏa mãn tất cả những đòi hỏi của chúng sinh. Người ta đi lễ chùa hay nhà thờ, thường để cầu xin cho mình những ân huệ. Ở trong mỗi con người đều có một ông Phật hay ông Jésus, mỗi lần thất vọng! Tôi nghĩ, ai đến đây, đều mang theo sẵn trong lòng niềm ước vọng nào đó, như được “lên bàn”, hoặc sớm có list định cư! Nếu chậm trễ, họ cầu xin Phật, Chúa giúp đỡ cho nhanh, cũng như khi vượt biển Đông, họ đã cầu xin cho tới được bến bờ an lành! Do đó, đài kỷ niệm Đức Mẹ Maria trên ngọn đồi Tôn Giáo ở Bidong, gài đầy lời cảm tạ ân sủng thiêng liêng! Tôi tin, có một cõi nhiệm màu nào đó ở ngoài ta, nhưng không phải cái cõi đó sẽ giải quyết thỏa đáng lời yêu cầu của mỗi con người tị nạn! Ông Mậu, một Phật tử thuần thành, tối nào hai ông bà cũng lên chùa khấn vái mà ICM vẫn hành hạ họ qua chiếc máy quang tuyến X.

Buổi tối nay, tôi quỳ dưới chân Đức Phật, tôi không cầu xin gì ở Ngài, tôi ngược nhìn lên khuôn mặt từ bi, hiền hậu để nhìn thấy sự thấp hèn của kiếp người, trước cái cao cả, vĩ đại mà đã trên hai ngàn năm qua, Đức Phật cũng từng cảm thấy như tôi, buổi tối nay. Mùi nhang tỏa hương thơm huyền ảo; xung quanh có nhiều người quỳ lạy, lâm râm cầu khẩn. Tôi đứng lên, lặng lẽ đi ra. Không khí mát rượi. Tôi nhìn về phía những chiếc “long house” chưa có người ở, tối om. Trong đầu tôi, hình ảnh “nàng” lại chiếu rọi, sáng rực trong trí nhớ. Giờ này ở dưới vùng trời Bataan, nàng đang nằm gọn trong vòng tay nào? Từ ngày đi, tôi không nhận được thư, có lẽ nàng đã quên ! Tôi lững thững đi sâu vào vùng bóng tối. Vài dáng người ẩn hiện trong những khoảng vắng làm máu tôi rạo rạo. Tôi cứ đi như kẻ mộng du, không ý thức được sự có mặt của mình là thực hay giả. Tôi ngược nhìn lên. Vùng trời đầy sao, xa thẳm. Dãy núi đồi đen xẫm đang trải dài sau hai lớp rào kia, nó có đấy, nhưng vô cùng cách biệt! Tôi, kẻ tị nạn không đất đứng; ngay cả nơi đây, tôi chỉ là người cư trú bất hợp pháp, chính quyền Mã Lai vì lòng nhân đạo cho tá túc chờ ngày định cư tại một quốc gia nào khác. Nhưng nay, Phái đoàn ba nước đã từ chối việc định cư của tôi, và những thước đất Mã-Lai có tôi đang góp mặt, còn chứa chấp cho đến bao giờ? Ngay xung quanh, một đồng người đang sống chen chúc trong các căn “nhà hộp” trong những chiếc “long house” cũ kỹ, đang kéo dài một đời sống nhọc nhằn, có nghĩ gì về ngày mai, về những bất trắc đang chờ đợi họ ở mỗi thước đường tị nạn? Tôi lê từng bước chân, mỗi bước chân như đeo một khối chì. Một vũng tối đen như miệng huyết mở rộng với những ý nghĩ điên cuồng. Có một cái gì vừa mong manh, vừa ghê rợn a vào trí não. Đây không phải quê hương, biết vậy, nhưng cái không khí đang sinh động xung quanh vẫn cho cảm tưởng, tôi có và còn Việt-Nam trong hơi thở, trong ngôn ngữ.

– Ê, anh bạn, đi đâu vậy? Lơ ngơ ở đây để mang họa sao?

Tôi quay nhìn:

– A, ông lên bàn chưa?

– Rồi, nhưng bị “rì-fơ” rồi!

– Sao, lại “rì-fơ” ? Ông là sĩ quan đã từng chiến đấu mấy chục năm, đã bị Cộng sản cầm tù 6 năm đặng đặng. Đời nào Phái đoàn “xù,” ông cứ nói đùa!

– Cái đó mới lạ, tôi mới lên bàn một và ba bữa qua, chiều nay được kêu lên bàn bốn. Phái đoàn đòi phải có giấy tờ chứng minh về đời binh nghiệp hoặc giấy ra trại vì tôi đã khai ở Bidong, còn giấy tờ chứng minh, họ bảo tôi gửi thư về Việt-Nam. Khi nào có giấy tờ, Phái đoàn sẽ cho tuyên thệ.

Tôi nói băng quơ:

– Lạ quá nhỉ. Tôi sống ở đây gần một năm rồi, lần thứ nhất thấy như vậy. Các ông sĩ quan sang đến đây là “zọt” lẹ lắm. Binh nhì còn đi nữa là! Nhưng lỗi cũng do ông!

– Tôi nản quá, thư từ về Việt-Nam đâu có dễ. Từ ngày vượt biên, tôi gửi cả mấy chục lá, chẳng nhận được hồi âm! Tôi xin họ “xù” để nộp đơn đi Úc vì bên ấy, tôi có một người yêu, nhưng họ không chịu “xù” chỉ “rì-fơ” thôi, cái đó mới đau chứ? Đù mẹ, sáu năm tù Cộng sản, nay lại tù tị nạn, sống thế chớ nào được, chán ghê!

– Sao ông liều vậy? Họ “xù” mình được, mình “xù” họ, đời khổ nạn đó. Tôi có biết, một người “xù” Mỹ để xin đi nước khác, chờ đến hôm nay, trên nửa năm rồi, vẫn còn nằm đây, chẳng nước nào chịu nhận! Nhưng này, ông đã khai trong “lô ca” tên tuổi vị hôn thê chưa?

– Tôi chưa khai!

– Cái đó, khó à!

Nghe tôi nói, ông ta có vẻ buồn, cúi mặt nhìn xuống nền đất đen kịt, rồi lặng lẽ đi khuất sau bức vách dài thuộc khối Giáo Dục, lúc này đã tắt đèn, trông âm đạm như căn nhà hoang.

Tôi quay về, cũng chẳng thích thú gì, nhưng đi mãi cũng nản. Chiếc sân volley rộng lớn vẫn đông người như mọi chiều. Chiếc máy Tivi sáng rực đang phát hình. Một đám người xúm quanh theo dõi với tiếng cười nói ồn ào.

Khi tôi về đến nhà chỉ còn có hai mẹ con cô gái đang ngồi, mỗi người quay mặt về một phía. Cô gái mắt đỏ khé dưới ánh đèn, chắc vừa khóc sau trận đấu khẩu với mẹ già. Vừa thấy tôi, bà cụ nói như phân trần:

– Này cậu, từ ngày đến đây, cậu có thấy đứa con gái nào mất nét như con tôi không?

Tôi sửng người vì không ngờ bà cụ hỏi như vậy. Tôi nào có đứng đắn gì, hạnh kiểm ra sao, chắc bà cụ đâu lạ, trong thời gian tôi liên hệ với nàng! Tôi đứng như cây cột.

– Ai đời nó đưa trai về ăn nằm ngay trước mặt mọi người, như vậy nó bôi tro trát chấu vào mặt tôi còn gì? Này Cúc, nếu mày muốn, đưa nhau xuống “long hao” mà ở, đừng có giở cái trò khổ nạn đó ra trước mặt tao!

Cô gái có lẽ không dần được cãi:

– Con đã lớn rồi, má không có quyền ngăn cấm! Con ăn nằm với anh ấy vì con yêu, con yêu, má biết chưa?

– Này, tao không cần biết, cái đồ thối thây. Nó có vợ con đùm đê cả đống ở Việt-Nam, ham cái nổi gì?

– Ai nói cho má biết, anh ấy có vợ con?

– Tao đi hỏi “lô ca” nó ở Ban Hồ Sơ Cao ủy!

Nghe vậy, cô gái gục đầu xuống gối, hai vai rung lên! Không muốn chứng kiến màn bi kịch đó, tôi đi đến phía-giường, gieo mạnh người xuống, quay mặt vào vách, nhắm mắt lại.

Ông bà Mậu bữa nay vui vì đã được ICM giải tỏa bệnh. Ông đưa bao thuốc White Horse mời tôi:

– Này cậu, hút đi. Ngực tôi bằng thép mà. Lúc còn trẻ như cậu, tôi tập dữ lắm! Vì trùng làm gì nổi? Có thể chứ, chờ list là đi thôi.

Lúc này ông Mậu giống như đứa bé được người lớn tha tội! Tự nhiên tôi thấy ông trẻ ra, tuy bình thường người ông trông như trái táo khô, còn bà Mậu, tròn vo như cái lu.

– Lạ lắm, vì trùng Kock nó chọn người cậu ạ! Lắm người trông to lớn, hồng hào mà lại bị “cầm ly” đó.

– “Cầm ly” là gì ông?

– À, à, “cầm ly” để uống thuốc phổi đó! Mỗi ngày người bệnh phải đến Hội trường A để uống thuốc ngay trước mặt ICM. Nghe nói, họ buộc như vậy, vì có nhiều người uống thuốc lâu, chán quá nên đã vứt vào sọt rác!

Căn buồng tôi ở sao bữa nay toàn tin vui. Ông thầy tu xuất mấy hôm nữa đi Bataan vì đã có list. Cô gái, tuy buồn nhưng cũng chẳng làm cách nào để giữ lại người tình. Tối nay, họ tổ chức party mời toàn buồng và vài người quen thân. Cô gái cố làm ra vui vẻ, lảng xằng thu xếp, tính toán phải mua bán những gì? Ở đây, người ta tiễn đưa nhau bằng vài chiếc bánh quy, ly cà-phê và chụp vài “pô” ảnh để kỷ niệm. Những tấm ảnh được gửi về Việt-Nam. Anh em, họ hàng bè bạn nhìn thấy, mê quá, tìm cách vượt biên. Cứ như thế, như thế! Cũng có người cầu kỳ tự làm lấy bánh trái. Mấy tháng trước, tổ chức party không sao, nhưng hồi gần đây, phải làm đơn xin phép Task Force. Nếu tổ chức lén, họ bắt được là thật dầu. Cách đây vài hôm, buồng hai, dãy 18 tổ chức lén, bị Task Force bắt, tất cả mấy chục người đang vui chơi ca hát, bị gọi ra sân “thịt dầu” gần chết. Cuộc vui tan trong những cái nhìn buồn bã.

Căn buồng tối nay có không khí khác hẳn. Không thấy ai buồn mừng sớm. Hai mẹ con cô gái cũng không cãi qua cãi lại như mọi tối. Ông bà Mậu ăn vận chỉnh tề đi lại trong căn buồng như chính mình tổ chức. Mùi bánh thơm phức từ trong chiếc chảo đầy dầu bốc lên làm bắt thèm! Đã hai tuần lễ nay, tôi nhịn ăn sáng để lấy mì đem bán, mua thuốc hút. Tám gói mì một đồng, trong khi một gói thuốc White Horse hạng bét cũng bảy mươi xu. Như vậy, tôi phải nhịn ăn sáng cả tháng mới mua được hơn năm gói thuốc. Mỗi bao, hút tằn tằn lắm, ba ngày cũng hết, ấy chưa kể mời qua mời lại. Càng buồn, càng hút, nhưng số thuốc có hạn nên tôi cố gắng chịu đựng tới khi nào không cưỡng được, mới rút ra một điếu. Nhưng tối nay có party, tha hồ hút thuốc ngon vì tôi đã nhìn thấy năm bao Dunhill đỏ chói để trên mặt năm chiếc đĩa men trắng, đặt rải rác trên sàn nhà cùng các đĩa bánh ngọt.

Tôi không ngờ, không bao giờ ngờ có ngày tôi phải chịu đựng một cuộc sống nặng nhọc như hôm nay? Tại sao những người đã ra đi, không ai nói sự nhọc nhằn này cho những ai còn ở lại Việt-Nam, chắc họ nghĩ, có nói thực, cũng chẳng ai tin, và có thể cho rằng, mình bịa ra để làm nản lòng những ai muốn vượt biên; người đã thoát muốn hưởng sung sướng một mình!

Tôi tính nhắm từ nay đến cuối tháng, tôi sẽ còn được dự hai party nữa của ông bà Mậu đi Mỹ và hai mẹ con cô gái đi Úc. Bữa nọ bà cụ có nói: Nếu có list đi, tôi mở party ngay.

Nói cho đúng, bà cụ không xấu gì trong cách cư xử với mọi người, nhưng có lẽ, tất cả những người già đều khó tính, nên sự thông cảm giữa bà cụ và cô gái coi như không bao giờ gần gũi được. Cái môi trường sống hôm nay, giữa trại tị nạn này, không phải cái môi trường mà bà cụ đã sống ở Việt-Nam những năm, trước khi Cộng sản có mặt.

Căn buồng ồn ào tiếng nói cười. Mấy chục người, ngồi quây thành chiếc vòng tròn lớn, những đĩa bánh bích-qui và bánh chiên phồng, vàng óng trên rắc đường trắng tinh, trông hấp dẫn. Sau vài lời nói xã giao qua lại, mọi người ăn bánh, uống nước. Một anh ôm cây đàn guitare, nẩy vài cung bậc. Tiếng đàn chìm lắng vào tiếng nói cười rộn rã. Cô gái cất tiếng hát buồn bã vì sắp ly biệt người tình, rồi tiếp nối bằng nhiều giọng ca khác theo yêu cầu. Toàn những bài ca lảm cẩm, ướm át! Cái party nào cũng vậy, có ngần ấy tiết mục, vì ở lâu, nên party nào đối với tôi cũng là cơ hội để ăn bánh ngọt và hút thuốc bù vào những lúc thiếu thốn!

Cuộc vui tàn theo điệu thuốc và chiếc bánh cuối cùng; những chiếc hộp đựng tàn thuốc lá đầy nghẹt! Lúc này đã gần tới giờ qui định. Biết vậy, tôi vẫn đi ra ngoài để hưởng chút gió mát vì sau mấy giờ ngồi trong căn buồng ngọt ngào hơi người, khói thuốc. Nụ cười của một cô gái mặc chiếc áo Polo và chiếc quần soọc ngồi bên, ám ảnh tôi hoài. Cô ở D-10, buồng 5, trước đây một vài lần, tôi và cô ta có dịp nói chuyện. Có lẽ tôi phải nói dối nữa, chứ buồn mãi chịu sao nổi? Nghe nói, cô ta cũng đang bị giới chức ICM làm khó. Bộ ngực cô lép kẹp, da mặt tái mét thiếu máu, nhưng đôi mắt cô sáng long lanh, sắc sảo lạ thường. Tôi có nghe nói những người có bệnh lao, mắt đều sáng như vậy. Nhưng lúc này, tôi chẳng cần, dù nàng có mắc bệnh lao thật. Nhưng việc gì tới sẽ tới. Tôi và cô gái đã trở thành bạn tình. Chúng tôi lại ngập lặn trong đam mê để khoá lấp “nỗi buồn tị nạn”. Không bao giờ tôi có thể ước đoán được những gì sẽ xảy tới trong ngày mai? Tôi đã gửi thư khiếu nại lên Cao Ủy, tôi đã tìm đủ mọi cách để ra khỏi nơi đây, nhưng lúc nào, tôi cũng nhận được câu trả lời: “Chờ, Cao Ủy sẽ giới thiệu đi nước khác!” Chờ, chờ đến bao giờ?...

Buổi chiều nay, tôi ngồi đây, trên móm đất này thuộc khu B nhìn ra ngoài. Tôi đã đưa người tình đi nằm bệnh tại Kuaia Lumpur từ hơn tuần lễ để điều trị bệnh phổi. Tôi lại tiếp tục sống những ngày dài vô vọng. Bận bè cùng ghe đã đi hết; số ghe đã bị thời gian nhận chìm vào quên lãng. Tôi không còn nghe thấy dù là gọi để nhận thư.

Những con lộ vườn dài như những nhánh sông, lúc này đã sáng rực do ánh đèn pha chiếu liên tục. Dây đồi núi chập chùng, giăng mắc phía trước đã trở thành một khối đen đậm đặc, lẫn vào bóng đêm. Không gian trước mặt bao la mù mịt. Xung quanh tôi lúc này hoàn toàn vắng lặng. Những ngọn đèn đã bật sáng vòng quanh trại, làm trông rõ hai lớp rào kẽm, giống như một trại giam. Trong các dãy “long house” hai tầng, với dòng điện mờ ảo, nhiều bóng người chen chúc ra vào. Những chiếc cầu thang lộ thiên nằm chênh vênh, trơ trụi. Chỉ còn lại tôi với “nỗi buồn tị nạn” gậm nhấm. Chưa bao giờ tôi cảm thấy cô đơn như chiều nay, tuy không cô độc. Xung quanh tôi, dòng sống vẫn có và còn đó, bao nhiêu thân phận đang khắc khoải, đợi chờ, mơ ước! Sự đợi chờ và mơ ước làm con người mòn mỏi, nhưng ở hoàn cảnh này chẳng biết làm gì để vượt thoát nó.

Tôi gục đầu xuống nhìn màu đất xám ngoét. Bỗng nhiên, thân xác tôi chơi vơi như có một sức mạnh huyền bí nào đưa bổng lên cao. Tôi cảm thấy hình như mình trôi vào một vùng trời mới lạ, chưa hề nhìn thấy. Nó ẩn hiện, lẫn khuất sau lớp sương mù hư ảo. Tôi bay lượn giữa vùng trời đó, màu sắc biến đổi khôn lường như trở về giấc mơ nào xa xôi lắm, khi còn thơ dại. Bao nhiêu phiền muộn tiêu tan hết. Tôi như con chim non đang bay trên tuyến đường thứ nhất để tìm hiểu chiều rộng không gian. Đôi cánh chập chờn, chơi vơi, choáng váng giữa một cõi mê mông, sáng rực, lấp lánh như một khối kim cương vĩ đại. Hàng triệu triệu đóa hoa lung linh, muôn màu, muôn sắc, chập chờn, quấn quít như dìu tôi vào một cảnh trí vô cùng huyền hoặc. Nó có đó, nhưng lại xa vời, mù thắm! Từng đốm lửa lân tinh cháy le lói giữa một vùng trời hoang vắng, bát ngát, mà có lần tôi đã nhìn thấy trong vùng ảo giác! Tôi bổng hôn mê bởi mùi hương quái dị. Tôi đuối bắt từng làn ánh sáng thoáng còn, thoáng mất đang chờn vờn, múa lượn trước mặt. Không một ràng buộc, níu kéo nào làm cho đau đớn bàng hoàng. Hình như tôi đang sống, đang hiện diện giữa mảnh đất quê hương ngàn đời yêu dấu! Vợ con tôi có đó. Tôi ôm người vợ trẻ vào lòng. Thân hình nàng nhẹ như tơ. Nàng ngước đôi mắt dại khờ nhìn tôi, nửa van xin, nửa trìu mến. Dòng tóc đen lánh, quấn chặt thân hình tôi như chiếc lưới. Ôi, những sợi tóc mịn màng mà tôi đã bao lần ve vuốt! Đứa con tôi, vô

cùng trong trắng, áp má vào mặt tôi âu yếm. Mùi da thơm thơm hơi sữa mẹ, làm hồn tôi lâng lâng như được tắm mát trong một dòng suối thanh khiết, chảy từ trời cao. Căn nhà quen thuộc, tôi đã sống, đã yêu thương, đã cho tôi bao nhiêu vui buồn, giờ này đang trong tầm tay, khỏi cần thương nhớ! Chuyện vượt biên chỉ là giấc mơ! Giây phút tôi đang sống đây là sự thực. Cuộc đời đẹp như vậy, sao nỡ bỏ ra đi! Có tiếng gõ cửa gấp gáp, tôi đi ra. Một tên Công An cầm khẩu AK đi xộc vào, quắc mắt nhìn, nói lạnh lùng: “Anh theo tôi đến trụ sở ngay!” Tôi hoảng hốt, toan chạy trốn. Giữa lúc đó, tiếng loa vọng đến tai: “Yêu cầu đồng bào từ Trại A qua Trại B về ngay, vì đã đến giờ qui định!”

Sungei Besi tháng 3-1983.

NHỮNG NGÀY ĐẦU TRÊN ĐẤT MỸ

Tôi vào đất Mỹ, trong một sáng trời mưa vừa tạnh, sau chuyến bay dài từ Tokyo tới phi cảng Seattle. Từ trên phi cơ nhìn xuống, tôi cứ tưởng, máy bay hạ cánh tại một vùng đất nào đó, chưa phải đất Mỹ, vì quang cảnh một nước Mỹ giàu có, hùng mạnh với những tòa cao ốc chọc trời, những thác ánh sáng, tôi thường được thấy trên màn ảnh, không hiện diện trước tầm nhìn, mà bên dưới kia, khi chiếc phi cơ hạ dần cao độ, tôi chỉ thấy trải dài một màu đất sét loang lổ với những doi đất thấp thoáng men theo bờ Thái Bình Dương lặng lẽ, xanh ngắt. Khi chiếc Boeing 747 đã nằm dài trên phi đạo, như con quái vật khổng lồ và từ nó nhả ra một khối người mang đủ màu da, đi vào chiếc hành lang nối liền phi cảng với thân tàu. Tôi đặt bước chân thứ nhất vào nơi làm thủ tục nhập nội, mới biết chắc mình đã có mặt trên đất Mỹ, miền đất đã hơn mười năm dài chung vui, chung buồn với nước tôi. Ba mươi đồng bào tị nạn và tôi hiện diện trong một khung cảnh xa lạ, mặt mày ngơ ngác, giống như nét mặt của những con người vừa trải qua cơn ác mộng cực kỳ kinh hãi.

Tôi đảo mắt nhìn xung quanh, toàn thể như toát ra cái gì lạnh lùng, lạnh từ nền gạch lạnh đi, cho tới dây hành lang im vắng. Những chiếc thang máy sáng loáng tự động lên xuống không ngừng, dù chẳng có ai đặt chân lên đó. Không một hạt bụi vương trên mặt bàn, nệm ghế. Trong những căn phòng nhỏ, nơi làm việc của nhân viên phi cảng, tôi nhìn rõ những vóc người cao lớn, sắc phục thẳng nếp, ngồi hoặc đứng nghiêm trang trước những chiếc bàn trống trơn không giấy tờ. Một người đưa mắt nhìn chúng tôi, cặp mắt xanh lơ lạnh lùng như hai cục nước đá. Trước cái nhìn đó, tự dưng trong lòng tôi như có ngọn lửa bốc lên, tuy không có tấm gương trước mặt, nhưng cũng đoán biết sắc mặt tôi đỏ bừng như kẻ say. Tôi muốn chạy đến, nắm tay anh ta rồi hỏi:

– Này Bạn, Bạn đã chiến đấu ở Việt-Nam chưa? Bạn có biết dân tộc tôi đã gánh chịu bao nhiêu đắng cay, nhục nhã sau ngày 30-4-75 chưa? Bạn đã biết thế nào là cái đau thua trận chưa? Bạn có biết những người tị nạn chúng tôi phải kinh qua bao nhiêu gian khổ để đến được nước Mỹ chưa? Bạn có biết...

Trong óc tôi có rất nhiều câu hỏi đặt ra lúc ấy, nhưng nghĩ lại, vô ích! Nếu anh ta có biết chút nào về Việt-Nam chẳng nữa, thì cũng chỉ biết một cách hời hợt qua báo chí và phim ảnh chứ không thể nào hình dung nổi về hoàn cảnh đích thực của một nước Việt-Nam anh hùng, nhưng không may đã ngã gục sau hơn hai mươi năm chinh chiến và gần tám năm tủi nhục!... nên anh ta mới có cái nhìn lệch lạc như vậy, cũng như trước đây, nhân dân và Chính Phủ Hoa-Kỳ đã nhìn miền Nam chúng tôi giống hệt như cái nhìn của anh hôm nay, nên sự có mặt của những người tị nạn ở đây, cũng để nói lên niềm uất ức của một Dân Tộc nhược tiểu

bị lệ thuộc vào một Quốc Gia hùng cường, để rồi mang lấy hậu quả chua cay, phải sống lưu đầy trên mảnh đất đã phụ rẫy mình!... Nói vậy, nhưng tôi không oán trách anh ta đâu, cũng như hai mươi lăm triệu đồng bào miền Nam không hoàn toàn quy trách nhiệm cho Chính Phủ Hoa-Kỳ, vì dù sao, sự thành bại, phần lớn do chúng tôi quyết định. Miền Nam mảnh đất thân yêu, một phần của toàn bộ Việt-Nam, ngày hôm nay đã thức tỉnh, nhưng muộn rồi, đành chờ cơ may lịch sử!...

Tôi đang xoay quanh với những ẩn ức tự động trong ý nghĩ, bỗng từ ngoài bờ kính xa xa, có ba bóng người giơ cao tay vẫy. Tôi chưa nhận rõ những ai, nhưng cũng đưa tay lên phất qua lại, tỏ dấu vui mừng. Mà tôi mừng thật, khi biết, trên thước đất đầu tiên xa lạ lại có người quen đón gặp. Tôi mong chóng làm xong thủ tục để ra khỏi chiếc “lồng kính bằng giá” càng sớm càng tốt, xem gặp những ai. A, nhà văn Thanh Nam, nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh và Nguyễn văn Giang, chủ biên tờ Đất Mới.

– Nơi đây là đâu, các ông?

– Đây là Bắc Mỹ, cách Canada trên dưới một trăm miles — Trần Cao Lĩnh cho biết.

Sau gần tám năm xa cách, anh em gặp lại, tay nắm tay, chan chứa cảm tình. Đi xa đã nhiều, bạn bè cũng lắm, nhưng quả thực, chưa có lần nào cảm động như buổi gặp gỡ sáng nay tại phi cảng nhỏ bé này, so với những phi trường khổng lồ của nước Mỹ. Chúng tôi ngồi uống nước và tâm sự chùng hai tiếng, xong tôi lại lên phi cơ khác đi về miền Nam, ở đây, tôi biết có người thân và bạn bè chờ đón.

Vào khoảng năm giờ chiều, tôi tới phi cảng San Diego, một phi cảng cuối miền đất Cali, sát biên giới Mỹ Tây Cơ. Tôi bay từ miền Bắc tới miền Nam nước Mỹ dọc theo bờ Thái Bình Dương; chiều dài khoảng gấp hai lần chiều dài từ Ải Nam Quan tới Mũi Cà Mau, mất sáu tiếng đồng hồ, trong khi đó, phải mất ba ngày đêm, con tàu Roumania mới đưa tôi từ Hà-Nội trở về Sài-gòn, trên tuyến đường dài một ngàn tám trăm cây số, sau ngày được tha.

Ôi! Việt-Nam, biết đến bao giờ?

Vừa vào đến phi cảng, tôi đã thấy các bạn Phạm Duy, Cao Tiêu, Phan Lạc Tiếp, Hà Thúc Sinh, Lữ Liên cùng nhiều người thân đón đợi. Mọi người đều ôm chặt lấy tôi như vừa tìm lại được một vật gì bỏ quên tưởng mất, nhưng tôi biết, các bạn ở xa, từ Santa Ana xuống, cách phi trường hai giờ xe, nên không dám nói chuyện nhiều. Chúng tôi nắm tay, hẹn gặp lại.

Trời chiều, vùng San Diego khá lạnh tuy đã cuối tháng ba, nhưng mùa xuân ở đây mới bắt đầu. Xe chạy trên xa lộ êm như ru. Những dòng xe nối tiếp hình như không lúc nào ngừng. Dọc hai bên đường cỏ hoa chi chít. Từng dãy đồi núi chập chùng khi xa, lúc gần, cảnh trí luôn thay đổi, làm giao động tầm nhìn. Ngồi trong xe, tôi ôm cứng tập bản thảo **Đáy Địa Ngục** trong tay, như ôm người tình bé bỏng. Tôi đã hình thành nó trong một bối cảnh không mấy khích lệ, suốt ba tháng trời và vợ tôi, đã cằn cù ngồi xếp trên nền đất, cúi gập người trên chiếc bàn nhỏ, chép lại bản thảo, thay vì đánh máy, cũng mất đúng ba tháng! Cuốn sách được chép xong trang cuối trước ngày rời Trại Tị Nạn Sungei Besi thuộc Mã-Lai-Á có bốn ngày. Tôi thấy hình như tập bản thảo còn ấm hơi người. Quả thực, trong hơn ba mươi năm viết lách, chưa có giai đoạn nào tôi phải làm việc trong một hoàn cảnh cực nhọc như vậy, cả thể xác lẫn tinh thần.

Nhưng ai đã trải qua những ngày và đêm dài trong các trại Tị Nạn mới cảm thông được với bao nhiêu nhục nhằn của kẻ mất quê hương, sống nhờ vào lòng từ thiện của kẻ khác. Sự đối xử của giới chức Mã Lai trong trại Tị Nạn tuy không khe khắt và xảo trá như trong trại Cải Tạo của Cộng Sản, nhưng nó cũng không kém phần cứng rắn trong mỗi vấn đề đời sống, nhất là sự mất tự do đi lại. Hai lớp kẽm gai quây kín khu vực Trại với những tấm tôn bít bùng và các mức độ hạn chế khác, làm con người dễ phẫn chí, nhất là thời gian rời Trại không biết ngày giờ nào, cũng như Cộng Sản thường nói với những người tù chính trị: “Lao động tốt, học tập tốt thì về...” Biết thế nào là tốt? Bao giờ mới tốt? Cái đó chỉ Cộng Sản mới trả lời được, cũng như ngày rời trại Tị Nạn chỉ có phái đoàn các nước và ICM biết mà thôi!

Nơi tôi ở, một thành phố bé nhỏ, yên tĩnh, thật yên tĩnh. Mỗi buổi sáng, tôi thường đi tản bộ để tìm hiểu sinh hoạt và lề lối sống của nơi mình góp mặt. Trước kia, khi chưa đặt chân lên đất Mỹ, tôi cứ đinh ninh đến Mỹ là phải va chạm với tiếng động, phải bon chen, xô bồ, phải tranh đua, giành giật! Nhưng không, ở nơi nào trên đất Mỹ, tôi không, hay chưa được biết, chứ nơi đây, tại thành phố Escondido bé bỏng này, đang là mùa xuân, hoa lá bạt ngàn, tôi cứ thông dong đi trên các lối dành riêng cho người đi bộ, nhìn nhẩn nha từng đóa hồng mơn mớn, từng nhánh lá non tơ, từng gốc từng bách la đà trong hơi gió đong đưa. Những thảm cỏ xanh mượt như nhung trước mỗi ngôi nhà như mời gọi, tất cả toát ra sự hiền hòa êm dịu. Nó đưa hồn bay bổng lên cao, ở đó, chỉ có và còn ta với thiên nhiên hiền hậu.

Tôi biết nước Mỹ, mỗi phút qua đi đã có một đổi thay, con người luôn luôn tranh đua với tiến bộ. Cả nước Mỹ là một nhà máy khổng lồ, do đó, có người cho rằng, người Mỹ ít tình cảm, họ sử dụng con người như máy móc. Điều đó có thể đúng, có thể sai; giữa lúc này, tôi chưa có nhận định đúng mức về vấn đề trên, nên chưa dám khẳng định. Nhưng tôi biết, từng sáng đi dong chơi như kẻ nhàn du, mỗi lần gặp một người Mỹ đi ngược chiều trên cùng lối, dù đàn ông hay đàn bà, bao giờ họ cũng nhìn và cúi chào tôi trước. Cái nhìn này khác xa với cái nhìn của một viên chức nào đó nơi phi cảng Seattle. Có lẽ, nhân dân nói chung, bao giờ cũng hiền hòa, còn chính sách và đường lối là chuyện khác chẳng?

Xung quanh thành phố tôi ở, đồi núi bao kín, giăng mắc, người Mỹ gọi nơi đây là “thung lũng kín.” Tôi nhìn lên đỉnh cao, chỉ thấy màu khô cằn của đá loang lổ cùng với những vườn cam và cây đại, không gợi đến cho tôi sự hùng vĩ của núi non nơi quê nhà. Nhưng mùa xuân nơi đây là một sự phối hợp hài hòa giữa cảnh vật và lòng người cũng như khí hậu. Cái lạnh làm cho ta cảm thấy yêu chứ không sợ. Mùa Xuân hiện diện trên từng ô cỏ, từng nhánh hoa, trên những lối mòn. Không biết bao nhiêu màu sắc múa lượn chập chùng trong mắt nhìn, hồn nghĩ. Tôi biết, mảnh đất này không phải quê hương mình, nhưng sao tâm hồn tôi lại hướng về Đà-Lạt, với những dây đồi thông nghiêng ngả, những kiến trúc Tây Phương, và những hồ nước êm tề, long lanh tráng thủy! Đà-Lạt là miền cao, quanh năm lạnh giá, những ngày hè quá ít ỏi, mỗi lần nắng đổ, mỗi lần reo vui.

Tôi đi dưới cái nắng của vùng trời Escondido mà cứ ngỡ mình đi dưới cái nắng vàng ấm của quê nhà. Mỗi ngày qua đi tại cái thành phố bé nhỏ này như qua đi một cái gì nuốt tiếc! Trong những ngày giờ đầu, tôi sống giữa cái không khí không thuộc về mình, nhiều khi nó làm tâm hồn tôi choáng váng, hoảng hốt, hình như nửa muốn níu kéo, nửa muốn dứt rời!...

Tôi thương Việt-Nam quá! Quê hương tôi đó, sau hơn hai mươi năm chinh chiến, bao nhiêu máu xương đã đổ xuống, trên khắp bốn vùng Chiến Thuật, bao nhiêu tuổi trẻ đã ra đi và đã

gục ngã, để nay còn lại cái gì? Chỉ còn lại nhớ thương và tủi hận! Tôi nhớ và thương đồng bào tôi đang gánh chịu nhiều nhục nhằn trong mỗi ô vuông đời sống, trong tờ “hộ khẩu” và dưới bao nhiêu tầng áp bức? Tôi nhớ thương bao nhiêu chiến hữu đang sống tủi nhục trong các trại Tập Trung Cải Tạo hải hùng.

Mấy câu thơ đã làm khi còn đang bị giam cầm, chợt vang dội trong đầu:

*Tôi, kẻ tội đồ đi trên gian khổ
Đim cuộc đời giữa rừng thẳm non cao
Lòng đã chết và trái sầu đã vỡ.
Mỗi đêm nằm e sợ cả chiêm bao!...*

Đúng, mỗi đêm nằm, chúng tôi đều e sợ cả chiêm bao, vì chiêm bao có khi lành, có khi dữ, khi đẹp, khi không, nhưng dù lành, dù dữ, dù xấu, dù đẹp cũng còn tốt hơn là mỗi khi mở mắt đã nghe tiếng keng gõ chát chúa, đã phải nhìn thấy quân thù lừng lững trước mặt với gian khổ, đói khát!

Nói đến trại Tập Trung Cải Tạo là nói đến nỗi ô nhục mà những con người thua trận phải gánh chịu qua từng nỗi đớn đau, nó dày vò tâm cảm, nó ray rứt trong mỗi suy nghĩ. Cộng Sản đim kẻ thù xuống hàng súc vật. Nếu bạn đọc có cái may mắn chưa qua nó, chắc không bao giờ có thể hình dung đúng mức những cay đắng ê chề trong mỗi phút, mỗi giờ, mỗi ngày phải đối diện với thực tại không cách nào chối bỏ!

Sau những năm tháng dài tù đầy, những người tù chính trị đã trải qua nhiều giai đoạn cực kỳ gian khổ, đã nhìn rõ dã tâm của quân thù mà cái chính sách “đại ân, đại nghĩa” chỉ là tấm bình phong che giấu sự thực, một sự thực vô cùng tàn nhẫn là hủy diệt nhân phẩm con người qua miếng ăn và cung cách đối xử. Cái trò chơi “thua cuộc” quá quá đắt, nên dần dà mọi người đã lấy lại được cái “ý lực” thuở trước, chứ không buông xuôi, cúi đầu chịu trận như những năm tháng đầu.

Khi biết tôi được tha, trước khi lên xe, anh em có nhắn nhủ:

– Nếu ông về, có cơ hội vượt biên được, nên vì anh em, nói lên tất cả nỗi thống khổ mà anh em đã can đảm phấn đấu để tồn tại. Xin các ông, những người đã dùng phượng tiện của Quân Đội để di tản qua Mỹ trước ngày 30-4-1975 nên nghĩ đến tình chiến hữu, hãy đấu tranh tích cực trên chính trường quốc tế, với các Hội Bảo Vệ Nhân Quyền, Ân xá Quốc Tế .v.v... đòi Cộng Sản phải thả hết tù chính trị miền Nam đã bị cầm giữ quá lâu trong các Trại Tập Trung Cải Tạo.

Tôi đã sống trên đất Mỹ được trên một tháng, đã đi thăm vài nơi. Tôi cũng đã gặp vài chiến hữu, ở đây trước ngày miền Nam thất thủ. Tôi có đưa ra ý kiến về vấn đề trên nhưng chỉ nhận được những lý do thế này, thế khác. Nước Mỹ quá rộng, sự gặp gỡ hầu như chỉ qua điện thoại, hơn nữa, hình như mọi người quá bận rộn, lo lắng về đời sống riêng tư, nên vấn đề đấu tranh chung bị xao lãng! Nói vậy, không có nghĩa phủ nhận tất cả những nỗ lực của các Hội Đoàn, của Mặt Trận Phục Quốc, nhưng mục đích của Hội Đoàn và Mặt Trận nằm trong các diện khác. Vì ở tù lâu quá, có người thất vọng đâm cáu kỉnh, cất tiếng chửi thề: “Đù mẹ, các ông ấy ăn cơm độn steak, quên cha nó cả tình chiến hữu rồi!” Câu đó, đúng chằng?...

Chính vì món nợ tôi có bốn phận và nhiệm vụ phải trả cho các anh em “đồng tù” nên trong lòng luôn luôn có một cái gì vướng mắc. Nó dần vật như một tội tình, nói ra chưa chắc đã có ích, để trong lòng cũng chả yên. Món nợ này còn lâu tôi mới trả xong.

Chưa qua món nợ này lại nhớ đến món nợ khác. Món nợ sau, tuy không ai nhờ cậy, nhưng tôi nghĩ, nó là trách nhiệm của riêng tôi, một kẻ làm văn học nghệ thuật, phải tố cáo trước dư luận về sự đàn áp, chà đạp nhân phẩm của chế độ Cộng Sản đối với những con người làm công tác văn học nghệ thuật miền Nam chẳng may bị kẹt lại dưới ách thống trị của quân thù

Trong gần tám năm nay, Cộng Sản tìm mọi cách, mọi thủ đoạn dù dê hèn để mạt sát, bêu xấu tên tuổi họ trên báo chí và vu không cho một số người là “Những tên biệt kích trên Mặt Trận Văn hoá Tư tưởng dưới thời Mỹ Ngụy.” Ý đồ Cộng Sản là muốn chìm sâu, làm cho chết hẳn những ảnh hưởng văn học nghệ thuật của miền Nam đối với dân chúng. Làm công việc này, Cộng Sản nhằm vào số người ít quan tâm hoặc hiểu biết về văn học nghệ thuật, nhưng Cộng Sản đã thất bại vì qua các đợt càn quét “văn hóa đòi truy,” sách vở và báo chí miền Nam vẫn được phổ biến bí mật, chẳng những ở miền Nam mà còn ở miền Bắc là nơi mà Cộng Sản đã “nắm vững” tư tưởng nhân dân từ bốn mươi lăm năm qua. Cộng Sản cứ đinh ninh thế nào chúng cũng thành công, ai ngờ cái “hố văn hóa” đã đào xong mà chẳng có cách gì lấp được vì nền văn hóa vô sản không cung ứng những giá trị tinh thần đúng mức theo trào lưu tiến hóa của nhân loại.

Tại Hà-Nội, thủ đô của xã hội chủ nghĩa, nhân dân chuyền tay nhau những cuốn tiểu thuyết xuất bản tại miền Nam và lén nghe nhạc vàng. Hồi tôi bị giam ở Chi-Nê, tên trại trưởng suốt ngày mở máy nghe nhạc vàng. Tiếng hát Thái Thanh, Lệ Thu, Thanh Thúy, Thanh Lan vẫn nghe ngào, nước nở qua dòng điện.

Trong một đêm, vào năm 1976, tại Sài-gòn, Cộng Sản đã bắt tới gần hai trăm văn nghệ sĩ. Chỉ một đêm thôi, bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu khốn khổ chất chồng?... Cho tới hôm nay, Cộng Sản mới tha một số nhỏ, còn lại, đều nằm trong các hốc núi miệt Pleiku, hoặc rải rác khắp cánh rừng Phan Thiết. Họ đã và đang gánh chịu biết bao dầy vò, tủi nhục.

Viết đến đây, tôi nhìn ra, những giọt nắng lấp lánh như muôn ngàn dấu nhạc đang nhảy múa, tỏa ra từng âm giai hớn hờ. Lòng tôi se lại. Tôi đã có cái may mắn vượt thoát rồi, dù cho sự vượt thoát cũng phải trả giá rất đắt, cả thể xác lẫn tinh thần, nhưng anh em tôi, những người cầm bút, cầm cọ vẫn còn đó, vẫn kéo lê từng nỗi đớn đau, giận hờn trong mỗi suy nghĩ, tận đáy sâu tâm thức.

Trong thời gian chờ đợi vượt biên, tôi thường gặp lại mấy anh em cũ. Chúng tôi thì thâm tâm sự, một thứ tâm sự vui đầy, uất nghẹn. Có một điều chắc chắn, tuy đang ở trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn về mọi mặt, nhưng ai nấy vẫn giữ trọn khí tiết của kẻ sĩ, không chịu để kẻ thù chi phối hoặc “lãnh đạo” linh hồn mình. Họ vẫn âm thầm sáng tác với những chất liệu sống do chính bản thân họ trực tiếp đối đầu với Cộng Sản, với hoàn cảnh, một hoàn cảnh phũ phàng, tồi tệ.

Hiện đã có nhiều tác phẩm “chui” thoát và được báo chí ở khắp thế giới tự do đăng tải. Âu đó cũng là niềm an ủi!... Ở Việt-Nam hiện nay không phải chỉ có một mình Nguyễn Chí Thiệu làm thơ chống Đảng và Nhà Nước Cộng Sản, mà có hàng trăm, sẵn sàng tung cao ngọn bút

chống chính sách bạo tàn đang xiết chặt nhân dân cả hai miền Nam Bắc chìm sâu xuống đáy vực thẳm. Họ là những nhân chứng trung thực và chung thủy nhất, có đầy đủ quyền uy để nói lên sự thực mà Cộng Sản luôn luôn tìm mọi cách che giấu. Nhưng kẻ thù cũng không ngu xuẩn gì để cho họ được yên ổn; chúng phao những tin đồn: — Sẽ bắt đi học tập cải tạo trở lại, hoặc sẽ tập trung họ vào một địa điểm nào đó, làm tinh thần anh em căng thẳng và luôn luôn dự phòng nơi trốn tránh trong trường hợp bị gọi trình diện. Đời sống vật chất của giới làm văn hóa thật sút kém, nếu trong gia đình không có ai di tản được trước ngày 30-4 hoặc vượt biên sau này.

Trong khi những người làm văn học nghệ thuật miền Nam sống vất vưởng giữa một môi trường khốn khó thì sinh hoạt văn hóa của thế giới bên ngoài vẫn bước đều nhịp, do đó, chẳng mấy ai đặt nhiều hy vọng vào sự can thiệp của các tổ chức văn hóa quốc tế, dù rằng, cũng có một vài trường hợp được đề cập tới. Riêng tôi, chưa mất hẳn niềm tin, cũng cố kêu gào bằng những lời thống thiết nhất. Biết đâu, tiếng kêu gào của tôi chẳng có vọng âm?

– Hỡi các nhà đại văn hào của thế giới tự do, các ngài nghĩ những gì, suy luận những gì trong các tác phẩm mà các ngài đang hay sắp viết ra. Các ngài là những người có đầy đủ quyền năng, thứ quyền năng tuyệt đối của người cầm bút vì xã hội văn minh cho phép; có bao giờ các ngài nghĩ tới, dù trong một giây, những nỗi cơ cực của các nhà văn hóa miền Nam Việt-Nam đang bị cầm chân và cầm tù trong các trại Cải Tạo cho đến bao giờ?

Cả Hội Văn Bút Quốc Tế nữa, không phải quý Hội chỉ can thiệp cho một vài cá nhân, mà chính quý Hội có nhiệm vụ cao cả, phải trực tiếp can thiệp tích cực bằng mọi cách, bằng mọi giá, buộc Cộng Sản phải trả tự do cho tất cả những người làm công tác văn học nghệ thuật và cho họ được ra khỏi nước nếu họ đòi hỏi. Có như vậy, các ngài mới hãnh diện và xứng đáng là những nhà văn hóa tiên phong, đóng góp cho nhân loại những công trình cao quý, có lẽ, còn cao quý hơn tất cả.

Chúng tôi không cầu xin, nhưng đó là chính nghĩa, chẳng riêng gì Việt-Nam mà cho tất cả những con người làm văn học bất cứ ở xứ sở nào trên trái đất hiện đang bị áp bức bởi cường lực.

Chúng tôi tự biết, sinh ra và làm công tác văn học nghệ thuật tại một quốc gia nhược tiểu, ngôn ngữ chưa được quốc tế hóa, nhưng chẳng phải vì thế, chúng tôi bị tước bỏ quyền sáng tạo. Chúng tôi đã đọc, đã xem, đã tìm hiểu ở các ngài nhiều; vì thế lúc này mới có những dòng chữ trên...

Tâm hồn tôi dẫn dắt ngòi bút đi về đâu chẳng biết. Tôi không kìm hãm được nó, giống như tên phù thủy không sai khiến nổi lũ âm binh. Tôi cảm thấy choáng váng như vừa uống xong ly rượu cực mạnh. Bản thảo cuốn **Đáy Địa Ngục** nằm lơ lửng trên mặt bàn gỗ ngang giấy tờ, thư từ bạn bè thăm hỏi. Nó nằm đó như một chứng tích. Tôi có linh cảm như mỗi dòng chữ đang rẫy rụa để thoát khỏi lòng giấy. Tôi nhìn nó, nó nói tôi. Sau cùng tôi cất tiếng thở dài.

Hoàn cảnh ra sách ở Việt-Nam và ở đất Mỹ khác nhau xa. Khi trước, chỉ sợ mình không có tác phẩm hay, chứ không lo tới xuất bản. Ở đây cả một vấn đề, nhất là tiền bạc. Tôi, kẻ mới vượt biên, chân ướt, chân ráo, trong túi không có một dollar, làm sao nói chuyện?

Hơn nữa, vấn đề phát hành cũng gặp khó khăn; độc giả không có bao nhiêu. Mỗi lần nhớ tới lời khuyên của người bạn văn nghệ đã có mặt ở đây từ ngày di tản, lại thấy nản: “Anh chỉ nên in chừng hai ngàn cuốn là nhiều vì sách rất khó bán, dù cho sách có giá trị văn học!”

Tôi suy nghĩ hoài về câu nói đó. Chẳng lẽ đồng bào tị nạn Việt-Nam mới có mấy năm phù du mà đã hờ hững, phụ rẫy chữ nghĩa Việt-Nam sao? Chẳng lẽ đồng bào quên rằng, nhờ có văn hóa, văn học nghệ thuật, tinh thần Việt-Nam mới còn tồn tại, dù ở góc cạnh nào của đời sống lưu vong! Không, không, tôi không tin như vậy. Tôi vẫn hằng nghĩ, người Việt-Nam dù đang phiêu bạt ở nơi nào, khắp bốn phương trời, lòng vẫn hướng về Tổ Quốc qua ngôn ngữ, vì ngôn ngữ là con đường, là chiếc gạch nối giữa đời sống thực tại với đời sống tinh thần, mà tinh thần chúng ta, ngàn đời vẫn là tinh thần Việt-Nam, kể cả những ai đã vào quốc tịch Mỹ hay quốc tịch nào khác!

Thế là tôi đã sống trên đất Mỹ được ba mươi ba ngày rồi đấy. Ba mươi ba ngày qua đi thật êm ả, không sóng gió, không sợ hãi. Tôi được sống thoải mái với không khí tự do, dân chủ, nhưng không hiểu sao, tâm hồn tôi luôn luôn bị dày vò, ám ảnh bởi quá khứ, một quá khứ tuy không có chiều dài, nhưng thực tế nó in đậm trong hồn tôi như nét sỗ lớn của ngọn bút đại tự.

Sống trên mảnh đất dư thừa vật chất, hầu như ngày nào tôi cũng được ăn đầy đủ chất dinh dưỡng dù với số tiền welfare ít ỏi. Đôi khi tôi được mời dự vài bữa tiệc lớn có rượu thịt ê hề, thừa mứa như thời đại “hoàng kim” của miền Nam ngày trước.

Sau những cuộc vui như vậy, trước khi đi vào giấc ngủ, lòng tôi bỗng quặn đau khi chợt nghĩ tới còn bao nhiêu bạn bè mình đang đói khát, thiếu thốn từng cục đường trong các Trại Cải Tạo. Tôi nhớ lại, mỗi tháng may ra, mỗi người được ăn một miếng thịt to bằng đầu ngón tay út kho với muối! Có người thèm thịt quá, bê luôn cả cái đầu ngựa trắng hếu, răng nhe lờm chớm, cạp vào chỗ nào còn sót lại ít thịt tím bầm!... Tôi nghĩ đến bao nhiêu gia đình hiện đương vất vả vì “miếng cơm hộ khẩu.” Tôi nghĩ đến những đứa trẻ thơ, bụng ỏng, đít von đang sống một đời sống tối tăm trong các khe hốc lẩn khuất dưới chân dây Hoàng-Liên-Sơn miền thượng du Bắc Việt. Còn nhiều, nhiều nữa nhưng thôi, nghĩ cho cùng, mỗi hoàn cảnh có nếp sinh hoạt riêng, phù hợp với môi trường chính trị.

Tôi kẻ tị nạn, mong mỗi ngày nào đó, sẽ được trở về mảnh đất thân yêu muôn đời xinh đẹp. Tôi sẽ đi lại trên những lối xưa, hỏi từng viên gạch đá, hỏi lá, hỏi cây, hỏi con người đã có những đổi thay gì sau những năm tháng dài xa cách?...

Ngày đó... bao giờ?...

Escondido, Tháng 5, 1983.

TRÊN NHỮNG NÉO ĐƯỜNG SÀI-GÒN

Sài-gòn hiện hữu trong tôi. Một Sài-gòn bệnh hoạn, xanh xao! Mỗi thước đường, mỗi gốc cây, đối với tôi hình như xa lạ. Tôi nhìn Sài-gòn bằng đôi mắt vừa giận, vừa thương! Sài-gòn đó, vẫn ngàn ấy thước khối bê-tông và thép, vẫn ngàn ấy đại lộ, vẫn ngàn ấy con hẻm và ngàn ấy mái tôn, lẩn khuất đó đây! Tôi đã sống những giờ phút vô cùng trống rỗng, tưởng như lạc vào một khung cảnh xa lạ không thuộc về mình.

Trong những ngày buồn bã, tôi đạp xe, chiếc xe cũ kỹ, lang thang trên các nẻo đường để tìm lại những gì mà trong thời gian dài xa cách mình thường hồi tưởng.

Tên đường Sài-gòn đã được thay đổi, như Điện Biên Phủ, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Đường ba mươi tháng tư, Đồng Khởi hay gì gì nữa, nhưng với tôi, chúng vẫn là đường Phan Thanh Giản, Hồng Thập Tự, Trần quốc Toản và Tự Do! Con đường Tự Do ngày trước, con đường của son phấn lướt là! Biết bao nhiêu bàn chân thon nhỏ đã qua lại nơi này với hương thơm tỏa từ mỗi ô vuông sỏi đá! Nhưng đường Tự Do hôm nay không còn gì để nhìn ngắm, không có gì để ghi lại trong tiềm thức, dù một chút lưu luyến. Chỗ nào cũng hiện ra hình ảnh của bon chen, giành giật. Bề mặt của đường phố, phô bày một cái gì sượng sùng không thoải mái. Nhà hàng Brodard cũng như Givral không còn máy điều hòa không khí. Các cánh cửa kính được mở tung. Ấm khách chẳng bao nhiêu, ngoài vài khuôn mặt xa lạ. Có lẽ, vì thiếu cái không khí cần thiết của một nơi gặp mặt mang nhiều tính chất phong lưu! Chúng đã thuộc về quốc doanh. Một quán phở hiện diện lạc lõng, không thích hợp ở nơi thanh lịch này. Các cửa tiệm không có gì để nhìn, để ngắm. Căn Phòng Thông Tin trước kia, nay là nơi chuyên bán đồ tiểu công nghệ dành riêng cho ngoại kiều trả bằng đô-la. Tôi đi vợ vẫn để tiếc nhớ, để nhận về phần mình những thiệt thòi mình bạch. Sinh hoạt của Sài-gòn hôm nay mang tính cách kỳ quặc! Nó hỗn loạn, vô trật tự! Từ nơi xa, nếu nhìn thấy đám đông, chắc chắn nơi đó có nguồn lợi! Người ta chen lấn, xô đẩy, mua bán ngay tại chỗ, những gì vừa đưa ra khỏi cửa. Mỗi người, tay nắm chặt tờ hộ khẩu như nắm sinh mạng của gia đình mình vì đi đâu, làm gì, đều phải có hộ khẩu. Những người đàn bà không mang sắc mà mang bị lớn. Tiền họ không để trong ví mà nhét trong quần phía dưới bụng, nơi bất khả xâm phạm. Tôi đứng nhìn cái đám người bu kín một khung cửa hẹp, bên cạnh nhà ngủ Cửu-Long (Khách sạn Majestic cũ) như đàn kiến bu quanh cục đường, lòng thấy bồn chồn. A, đời sống! Dưới chế độ nào cũng vậy, con người đều phải lao động mới có cơm ăn, áo mặc, nhưng đặc biệt dưới chế độ cộng sản, nếu khôn ngoan, con người vẫn sống mà không cần lao động, giữa một chế độ coi lao động là vinh quang. Danh từ chuyên môn gọi là “chạy mách”. Mỗi món hàng được mua theo giá qui định, có thể bán ra lời gấp năm, mười lần. Chưa bao giờ người dân Sài-gòn lại có thể công khai buôn bán chợ đen như bây giờ. Chính nhà nước cộng sản đã chủ mưu, làm cho đời sống mỗi ngày một đắt đỏ, dân chúng ngày càng kiệt quệ!

Đường Lê Lợi và Lê Thánh Tôn vẫn đông đảo người qua lại. Hai bên vỉa hè chật cứng quán hàng. Buôn bán bây giờ là chuyện chụp bắt, càng lừa được nhiều càng tốt, chưa bao giờ Sài-gòn có nhiều lưu manh như bây giờ. Cộng Sản đánh thuế rất nặng và tùy hứng, không có luật lệ gì. Cơ quan thu thuế là một chuyện, vấn đề tịch thu lại thuộc về cơ sở khác, do đó, không phải cứ đóng thuế là yên tâm buôn bán. Thành phố Sài-gòn hôm nay có điều tôi ưa thích vì rất ít xe hơi, đường phố thênh thang. Giai cấp xe hơi lúc này thuộc về tụi cộng sản. Dân chúng hiện chỉ còn hai phương tiện di chuyển: xe gắn máy dành cho dân chạy mách, còn xe đạp cho công nhân viên và thường dân nhưng không phải ai cũng có xe đạp, dù xe cũ. Tôi nghĩ đến những năm trước 75, mỗi buổi tan sở, kẹt xe cả tiếng. Ai muốn sang đường phải đến ngã tư chờ đèn, nếu không chẳng cách gì qua được. Nay đường phố vắng hoe. Tôi có thể vừa đạp xe vừa mơ mộng. Tôi mơ mộng những gì, tôi đang nghĩ những gì về Sài-gòn hôm nay, một Sài-gòn mất mát rất nhiều, từ nhánh cỏ tới tàng cây. Tôi đạp xe, bàn chân quay đều đều; chiếc xe đưa tôi đi thăm tất cả nơi nào tôi muốn. Tôi đi tìm lại khoảng thời gian đã mất. Đại lộ Thống Nhất vắng hoe, dinh Độc Lập trước kia sinh động, biết bao diễn tiến lịch sử đã từ nơi ấy xảy ra, nay nó ảm đạm cô quạnh. Lá cờ đỏ nhỏ xíu cắm trên cao rủ xuống như một giọt máu khô. Những thảm cỏ úa vàng, tràn ngập lá héo. Những cây khoai mì

được trồng bữa bãi. A, tụi Cộng Sản hay thật dù ở nơi nào cũng vậy, luôn luôn chúng sợ đói! Từ sáng sớm mỗi ngày, đài phát thanh đã eo éo nói về, nơi này vượt chỉ tiêu, nơi kia tăng năng xuất, nơi nọ thâm canh, tăng vụ! Với thành quả như vậy, không hiểu sao, đi đến đâu nhà nước Cộng Sản vẫn xin ăn đến đấy? Quả thực, vấn đề ăn uống là vấn đề hàng đầu của nhà nước Cộng Sản Việt-Nam! Tất cả do sự thiếu lao động, mọi người chỉ muốn ăn không muốn làm.

Trong thời gian quản chế, không được phép ra khỏi thành phố nên Sài-gòn đối với tôi như một vòng đai hạn chế tự do, như một nhà tù lớn. Sự thực, chẳng riêng gì Sài-gòn mà cả nước Việt-Nam biến thành một nhà tù khổng lồ từ ngày có Cộng Sản, vì ngoài những người đã và đang sống trong các trại tập trung cải tạo từ Bắc vào Nam, dân chúng cũng bị tước đoạt hết quyền tự do, quyền làm người! Những khuôn mặt tôi đã gặp, đã thấy, dù quen hay lạ đều hằn lên những nét ưu tư, khổ nhục! Họ sống câm nín, thu mình trong chiếc vỏ. Có thể họ cười, có thể họ ca hát, nhưng đằng sau nụ cười, câu hát, nó chứa chấp một sự tình không thể nói ra, trừ với những ai gọi là “đồng chí.”

Chưa bao giờ người dân miền Nam lại sống giả dối như bây giờ! Họ giấu giếm, họ thì thầm, họ mưu tính những gì ít ai có thể biết. Nhà nước Cộng Sản đã dùng một lực lượng Công An đông đảo như vậy mà cũng không ngăn cản nổi những đợt sóng vượt biên cũng như hoạt động của các Lực Lượng Phục Quốc!

Tôi vừa đạp xe vừa ngó sinh hoạt hai bên lề đường. Trong các thành phố văn minh, máy móc quá, con người cũng mất đi một phần lạc thú ở đời. Nếu tôi sống ở một thành phố nào đó, con người phải chạy đua với tốc độ thời gian, chắc chẳng bao giờ tôi cảm thấy sự nhàn hạ và thích thú, một mình một ngựa, dong chơi một cách an toàn, không sợ tai nạn lưu thông!

Có buổi sáng, thức dậy sớm, chẳng biết làm gì, tôi đạp xe ra phố. Đèn đường chưa tắt, những ngọn đèn vàng khè, thấp thoáng ẩn hiện, chỗ có, chỗ không. Một vài chiếc xích-lô đạp lẫn bánh từ từ đợi khách. Giai cấp xích-lô đạp hôm nay đều thuộc giới thanh niên. Họ để tóc dài lấp gáy, mặc đồ lam lũ, đôi khi là đồ của binh chủng dù. Ít khi tôi được nhìn thấy người già hoặc đứng tuổi đạp xe như khi trước. Những thanh niên này phần đông thuộc lớp tuổi trên dưới ba mươi. Có thể họ là sinh viên, là cựu chiến sĩ, có thể họ là sĩ quan cấp nhỏ được Cộng Sản tha sớm, chẳng biết làm gì để sống hơn nghề đạp xích-lô. Thành phố Sài-gòn bị giới nghiêm từ mười hai giờ đêm đến năm giờ sáng. Nhưng vì vấn đề sinh sống từ bốn giờ người ta đã nghe tiếng xe gắn máy các loại nổ chát chúa báo hiệu một ngày bắt đầu. Từ ngã tư một chiếc xe ba-gác chất đầy rau muống do một chú bé độ mười lăm tuổi đạp ì ạch với sự phụ giúp của người mẹ, cúi gập người đẩy đi. Tôi lên Sài-gòn theo ngã Võ Tánh. Tiếng chuông nhà thờ Huyện Sĩ vang vang. Trời đã gần sáng. CƠn gió sớm mai mát rượi làm tôi cảm thấy yêu đời hơn một chút. Vừa đạp, tôi vừa nghĩ tại sao mỗi sáng mình không dậy sớm, đạp một vòng xe như thế này cho khoẻ người?

Tôi đang ở đầu con đường Gia-Long, nơi trước chuyên buôn bán xe gắn máy. Tất cả cánh cửa đều đóng kín. Một vài con chó sục sạo dí mõm vào thùng rác bên lề đường. Bỗng mắt tôi hoa lên khi nhìn thấy dọc theo các mái hiên những thân người, nằm co quắp, cả già lẫn trẻ, đàn ông lẫn đàn bà. Cũng may mùa mưa đã hết, tuy trời gần cuối năm, đêm thường lạnh, họ cuốn vào người tất cả những gì họ có thể giữ yên giấc ngủ. Quả thực chưa bao giờ tôi được nhìn cảnh người ngủ đường nhiều như vậy! Tôi nghe nói trong những năm đầu “giải phóng”, Cộng Sản bắt những gia đình không có công ăn việc làm nhất định và gia đình nào có người đi cải tạo đều phải đi vùng kinh tế mới. Một số gia đình đã bị cưỡng bách đi và sau một thời

gian lao động, họ cảm thấy không thể sống được với mấy củ khoai, củ sắn, họ bỏ về. Nhưng họ sẽ về đâu? Nhà cửa đã bị Cộng Sản chiếm, nên họ phải ngủ đường, dùng ngay số nhà nơi họ ngủ dưới hiên để lập hộ khẩu. Họ làm đủ nghề để sống, kể cả ăn mày, làm diêm, ăn cắp! Chưa bao giờ thành phố Sài-gòn có nhiều ăn mày như lúc này!

Con đường Gia-Long không phải con đường duy nhất có người ngủ vỉa hè mà hầu khắp khu vực xung quanh chợ Sài-gòn đều có, cũng như trong Chợ Lớn, cuối đường Nguyễn Trãi, gần bệnh viện Sùng Chính có một vỉa hè rộng, cứ chập tối từng chiếc chiếu được trải ra, mỗi chiếc một gia đình, ở đầu đường Hồng Thập Tự cũng vậy. Nơi đây họ sinh hoạt công khai, ăn ngủ, nấu nướng cả ngày lẫn đêm, coi vỉa hè như căn nhà chính thức của họ.

Trời đã sáng rõ. Tôi đạp xe như kẻ lãng du. Thành phố Sài-gòn thức dậy thật mệt mỏi, giống cô gái điếm sau đêm hành lạc. Tôi cứ để mặc cho chiếc xe muốn trôi đi đâu cũng được! Quẹo trái, quẹo phải cũng thế, nếu đi thẳng, chẳng sao! Nắng đã lên. Từng mảng ánh sáng phủ lên ngọn cây, trên tòa cao ốc. Những chiếc xe đạp túa ra đường. Tôi nhìn họ, rồi nhìn mình. Chúng tôi đều giống nhau qua hình thức. Điều làm tôi ngạc nhiên là các thiếu nữ Việt-Nam trước kia, họ phải cưỡi P.C. hoặc ngồi phía sau, nghiêng người vòng tay ôm chặt người tình trên những chiếc Vespa, Honda, Lambretta mới lịch sự. Nhưng nay, cỡi xe đạp, họ chờ nhau trông cũng dễ thương không kém. Mới hay, mỗi hoàn cảnh đều có những đặc điểm riêng của nó!

Tôi quay trở về vào khoảng gần trưa, theo đường Nguyễn Du. Tôi đi ngang qua vườn Tao Đàn. Nơi đây bây giờ trở thành khu vực sinh hoạt thường trực của thanh niên và cũng là nơi tổ chức các cuộc vui có tính cách đại chúng. Chiếc cổng sắt đóng kín, khoá chặt bằng sợi xích to, bên ngoài có kẽm gai. Người ta ra vào bằng ngã Hồng Thập Tự. Ngay trên trụ cổng, nơi có đặt tấm dalle, một đứa con gái khoảng mười tám tuổi đang nằm ngủ. Nó ngủ say sưa dưới bóng mát của tàng cây. Chiếc áo vén lên gần ngực. Một mảng trắng của da thịt lồ lộ. Tôi bàng hoàng khi chợt nghĩ, nếu ngủ mê, nó lăn xuống không khỏi gãy tay, lòi chân. Nhưng nghĩ lại, tôi thấy mình ngớ ngẩn, vì với cơn ngủ say ấy, chắc chắn không phải giấc ngủ thứ nhất, đùa giỡn với nguy hiểm. Nó đã ngủ nhiều lần và coi đó như chiếc giường riêng. Ngay phía dưới, trước căn nhà biến điện thành phố, tôi thấy một đứa con gái, nếu nhìn mặt, vào khoảng mười lăm tuổi, đang ôm trong lòng đứa nhỏ lớn bằng củ khoai. Con bé vạch một bên vú cho con bú. Bên cạnh đấy, một gã con trai đen đũi, trông khá khoẻ mạnh đang lui cui nấu cơm. Tôi ngó sững vào đứa con gái và không thể ngờ với cái tuổi ấy đã phải mang chức phận làm mẹ! Cuộc sống lề đường đã đẩy con người vào muôn vàn vòn khổ. Tôi cũng không thể hiểu được rồi mai đây, cuộc sống của họ sẽ ra sao, nếu không có phép lạ xảy đến! Sài-gòn hôm nay nhiều chuyện phi lý, không thể tin, nhưng có thực! Tôi đạp xe mà hình ảnh hai mẹ con đứa nhỏ cứ ám ảnh hoài. Đời sống vỉa hè còn biết bao nhiêu chuyện thương tâm, nhưng vì nó xảy ra trong bóng tối nên không ai hay biết.

Nắng dọi xuống càng lúc càng tăng. Từng vòng bánh quay, quay đều, thu ngắn dần đoạn đường đưa tôi về nhà. Mỗi con phố tôi đi qua, ít nhất cũng có một quán cà-phê dù to hay nhỏ. Quán có thể là một ngôi nhà khang trang lịch sự, có bàn ghế và băng nhạc, cũng có thể ở một vỉa hè nào đó, bày dăm bảy chiếc ghế gỗ thấp với vài chiếc bàn nhỏ. Tôi không hiểu sao, thanh niên uống cà-phê lại đông đảo như vậy? Họ uống sáng, uống trưa, uống tối. Họ ngồi uống để tâm sự, để nói với nhau những gì, không ai biết, nhưng qua dáng điệu và nét mặt, cũng đoán được phần nào những u uẩn trong lòng họ. Dưới chế độ Cộng Sản, thanh niên là tầng lớp gánh chịu nhiều phiền muộn nhất. Lớp bị gọi đi nghĩa vụ quân sự, lớp đi

Thanh niên xung phong, lớp đi làm những công tác lao động đặc biệt. Cộng Sản đã lừa phỉnh thanh niên bằng khẩu hiệu: “Nơi nào cần, thanh niên có. Nơi nào khó, có thanh niên.” Họ sử dụng thanh niên như sử dụng một bầy nô lệ, nô lệ cho chế độ Cộng Sản. Không một ai dám cưỡng chống vì Trại Cải Tạo lúc nào cũng mở rộng cửa để đón những ai không phục tùng lệnh gọi. Các danh từ phản động, ngoan cố, chống đối chế độ được chụp lên đầu ngay và từ đó, được coi như đối tượng chính trị! Mọi người đều sợ đi cải tạo vì không có ngày về. Tất cả những ai bị bắt, bị giam giữ đều không được xét xử công khai theo pháp luật mà cứ bị giam cầm cho tới ngày nào Cộng Sản muốn tha thì được.

Hiện miền Nam có bốn loại tù, tù chính trị gồm những người thuộc chế độ miền Nam cũ và Lực Lượng Phục Quốc, tù vượt biên, tù hình sự và tù Cộng Sản, giam cầm các loại cán bộ có tư tưởng chống đối, tham nhũng và bộ đội đào ngũ!

Khi vừa quẹo xe vô ngõ, mắt tôi bỗng gặp cảnh tượng vô cùng kinh ngạc. Một người cụt hai chân tới bện, nằm úp sấp trên tấm ván nhỏ, có bốn bánh xe, do một em bé trạc mười hai tuổi kéo. Tuy đã cụt nửa người nhưng thân xác vẫn to lớn gân guốc. Đứa bé kéo hết sức, sợi dây căng thẳng. Tiếng bánh xe sắt nghiến vào mặt xi-măng rào rạo. Gặp chỗ mấp mô khó kéo, gã cụt dùng hai khuỷu tay có bọc hai miếng vỏ xe hơi, chống xuống đất để tăng thêm sức đẩy chiếc bàn gỗ qua khỏi chỗ khó. Tôi nhìn những giọt mồ hôi chảy nhễ nhại trên khuôn mặt trẻ thơ, xanh xao vì thiếu dinh dưỡng. Gã cụt cất giọng thảm thiết xin ăn. Mỗi âm thanh phát ra như từng mũi nhọn xuyên vào tâm cảm người nghe. Tôi dúm vào lòng tay em bé một đồng, rồi phóng nhanh qua khỏi. Cuộc chiến đã chấm dứt từ lâu nhưng nó còn để lại trên mảnh đất này những vết tích còn lâu mới phai mờ!...

Về đến nhà với chiếc áo ướt đẫm mồ hôi, tôi vội nhanh bước vô phòng tắm. Dòng nước mát rượi chảy ào ạt, rửa sạch bụi đường, bực bội!

Buổi tối nay trời oi ả. Tôi nhìn lên vòm cao. Màu trời đen kịt, vài ánh sao thưa thớt mờ ảo. Tôi dắt xe ra cửa. Con đường Cộng Hòa (nay là Nguyễn Văn Cừ) chỗ sáng, chỗ tối vì có nhiều bóng đèn chết, không được thay. Tôi đạp về phía Lý Thái Tổ định đến thăm Trác, một ca sĩ có giọng hát trầm ấm mà tôi hằng ưa thích. Đến nơi, anh đi vắng. Trác mới được Cộng Sản thả về sau sáu năm cải tạo. Chẳng biết đi đâu, tôi cứ đạp lang thang đây đó. Đường phố Sài-gòn ban đêm càng thê thảm, nhiều bóng tối hơn ánh sáng. Đường phố hình như rộng ra vì ít xe và người qua lại. Tôi đạp mà không biết phố nào, đường nào. Trước mắt tôi chập chờn từng mảng màu sắc loang lổ của những bức tường lâu ngày không quét vôi. Một dòng nhạc lãnh đãng trôi vào khoảng trống do một quán cà-phê nào gần đó. Sinh hoạt thật trầm buồn. Tôi đã có mặt tại Chợ-Lớn, một khu trước kia vào giờ này thật nhộn nhịp. Những trà đình tửu quán ồn ào tiếng chén đĩa. Rượu được rót như dòng suối không bao giờ cạn. Những thân xác nồn nà uốn mình sau nếp lụa. Những chiếc xe hơi bóng lộn. Những dư thừa của đời sống nơi đây chảy tràn trề, đã nuôi sống một số người đêm đêm bám vào nó. Chợ-Lớn, một thành phố trong thành phố, một dân tộc trong dân tộc! Đại lộ Đồng Khánh (nay là Trần Hưng Đạo II) đêm đêm sáng rực ánh đèn màu, hai bên lề phố như mời mọc quyến rũ sự ham muốn làm đẹp đời sống. Nay, cũng con đường đó, tôi chẳng nhìn thấy gì ngoài những khuôn cửa sắt khép kín và rải rác bên lề đường một vài chiếc quán nhỏ bán quà bánh thực phẩm bình dân, thuốc lá nội hoá. Những người Việt gốc Hoa có tiền bạc đã ra đi, tương đối sự ra đi của họ dễ hơn người Việt-Nam nhiều. Cách vài ngã tư, lại có một tên Công An lưu thông

đứng gác. Trông hần quê mùa, nhưng chớ làm, nếu ai vi phạm luật lệ, đừng hòng thông cảm. Công An Việt Cộng rất cứng rắn trong vấn đề phạt vạ vì hần được chia tỷ lệ theo số tiền phạt.

Tôi đạp xe theo những con đường lúc trước thường qua lại. Tôi dừng xe nơi công viên trước tòa Hành Chánh quận Năm. Mỗi chiếc ghế, mỗi gốc cây, từng cặp đã chiếm giữ. Họ ôm ấp, hôn hít và làm mọi cử chỉ yêu thương, đôi khi quá sẵn sàng, dưới ánh đèn, trước mặt mọi người. Rải rác chung quanh có những cô gái lượn lờ qua lại, cười chúm chím, mặt hơi cúi xuống, nhưng mắt vẫn ngược lên đưa tình! Tôi ghéch xe vào vỉa hè, ngồi im trên yên, có vẻ như chờ đợi ai đó!

Một cô qua lại trước mặt tôi vài lượt, bỗng dừng lại hỏi:

– Chào anh Hai, chờ ai đó?

Tôi đáp bằng quơ:

– Có ai đâu mà chờ!

– Úa thế mà em ngỡ!

– Ngỡ sao?

– Em cứ ngỡ anh chờ bồ chứ?

– Bồ đâu mà chờ! Lúc này đã già, đời tàn rồi, còn ai yêu nữa!

– A, anh nói giỡn dzậy đó, nếu không có ai, anh “đi” với em nhé!

Tôi sửng mắt nhìn, cô gái còn trẻ lắm. Dưới ánh đèn mờ mờ, da mặt cô tái xanh. Làn môi phơn phớt hồng vì có tô son. Thân hình cô quả thực không mấy hấp dẫn. Cô không hề:

– Đi anh, mình ra sau nhà thờ nói chuyện!

Vừa nói, cô vừa giơ tay chỉ về hướng nhà thờ Cha Tam, nơi ông Diệm đã trốn ở đấy một đêm trước ngày bị giết vào cuối năm 1963.

– Đứng đây không được sao?

– Đây không tiện, ở đó vắng vẻ!

Tôi cứ ngồi trên yên xe, không nhúc nhích. Cô gái cho tay cầm lấy ghi-đông như có ý giữ tôi. Với tình thế này nếu cứ lằng nhằng khó mà dứt. Tôi nói thẳng thắn:

– Nè cô, nói thiệt, anh đi cải tạo mới về, làm gì có tiền mà chơi bời.

Vừa nghe xong cô gái trừng mắt nhìn tôi, thẳng thốt. Giọng nói của cô nghẹn ngào như cổ chặn tiếng khóc.

– Úa thật dzậy sao? Trời!

Hai tay cô ôm lấy mặt, hai vai rung lên. Tôi toan nhân dịp này phóng xe đi luôn, nhưng cô gái đã bỏ tay xuống, hai mắt long lanh nhìn chăm chặp vào tôi như cố lôi ra những gì mà nhận thức cô chưa tìm thấy. Tôi bàng hoàng:

– Sao nhìn dữ vậy?

– A, em cũng có người anh đi cải tạo chưa dzề đó anh! Em còn mẹ già phải nuôi và cần tiền để mua quà gửi vào Trại Cải Tạo nên em mới...

Như không giữ nổi xúc động, cô khóc rưng rức. Tôi sợ người chung quanh nhìn, có thể gây ngộ nhận, nên nói an ủi:

– Thôi mà cô, đời như vậy đó ! Nín đi, kéo người ta hiểu lầm!

Cô vẫn khóc như giòng suối sau cơn mưa. Không cách nào hơn, tôi ấn mạnh chân vào bàn đạp. Chiếc xe nghiêng nghiêng rồi lao nhanh vào mặt lộ lấp loáng mờ ảo như trong giấc mộng.

Đêm đó, tôi không ngủ được. Hình ảnh cô gái điếm lè đường với người anh đi cải tạo và người mẹ già làm tôi nghĩ đến bao nhiêu hoàn cảnh, bao nhiêu trường hợp đau khổ mà nhiều gia đình phải gánh chịu trong bảy năm gần đây và còn đến bao lâu nữa?

Căn phòng tối om. Tự nhiên trong đầu tôi chợt nhớ lại hình ảnh căn nhà trưng bày tội ác Mỹ Ngụy, với những chiếc khăn quàng đỏ của các học sinh cấp một. Cộng Sản đã tìm đủ mọi hình thức, đủ mưu mô xảo quyệt để cấy vào trí não các em nhỏ lòng căm thù chế độ cũ. Chúng lừa bịp các em nhỏ còn thơ ngây, trong trắng, bằng cách cho quàng chiếc khăn đỏ và được tuyên dương là “cháu ngoan Bác Hồ.” Mỗi sáng thứ sáu, chúng hướng dẫn lần lượt từng trường chở xe cho đến tham quan “Căn nhà tội ác”. Vì tò mò tôi cũng đã vào thăm căn nhà tội ác đó! Nhằm mục đích kích động, gây căm thù, tội Cộng Sản đã ghi chú ở mỗi vật được trưng bày những dòng chữ kết án chế độ cũ. Điều đó cũng dễ hiểu, nhưng với các em nhỏ trên dưới mười tuổi, làm sao các em có thể suy luận, phán đoán đâu là sự thực? Trong chiếc sân khá rộng, người xem lần lượt đi từ khẩu đại bác 175 ly nằm dài thườn thượt đến chiếc xe tăng M.48, chiếc máy chém từ hồi Pháp thuộc để lại, rồi bom bi CBU. Bên trong nhà được phân chia thành những khu riêng. Nào hình ảnh nhà tù Côn Sơn, nào chuồng cạp giam cầm các “chiến sĩ cách mạng.” Những cảnh đầy ải, bắn giết thật tàn bạo, ghê tởm do lính Mỹ cũng như Việt gây ra. Nào “văn hoá đòi trụ” với các tác phẩm của Nhã Ca, Doãn Quốc Sĩ, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu và nhiều nhà văn khác. Nào tên Phạm Duy với các bản nhạc phản động. Nào cảnh xì ke ma túy, Cộng Sản không bỏ sót một khía cạnh nào không khai thác về bốn diện: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá. Chúng chỉ quên không nói đến những trái rốc-kết đêm đêm đã rót vào các thành phố của miền Nam lúc trước, gây bao tang tóc, những trái mìn, những cảnh chém giết tập thể man rợ tại khu Đá Mài ở Huế, Tết Mậu Thân 1968 và những Trại Cải Tạo vô cùng hà khắc rải rác từ Bắc tới Nam, còn dã man tàn bạo hơn Côn Sơn, chuồng cạp nhiều, theo nhận xét của Hai Khuynh, tên Cộng Sản đã từng tham quan những Trại Cải Tạo ở miền Bắc, giam giữ sĩ quan các cấp. Hai Khuynh, trong những ngày đầu giải phóng, hẳn là cán bộ văn hoá cấp cao của Mặt Trận Giải Phóng. Khi viết để chửi bới những người làm văn học nghệ thuật miền Nam, trong cuốn “Những tên biệt kích trên mặt trận văn hoá tư tưởng dưới thời Mỹ Ngụy” hẳn ký là Huy Khánh.

Đêm đã vào khuya. Tất cả đều chìm vào vắng lặng. Từng cơn gió nhẹ nhàng, mơ màng làm dịu bớt nỗi buồn. Tôi nhắm chặt mắt cố đi vào giấc ngủ.

Tôi tỉnh dậy muộn sau một đêm trằn trọc, Sài-gòn đối với tôi bây giờ chỉ được hình dung qua mấy người bạn. Chúng tôi nhất định không chơi với tội văn nô Cộng Sản. Chúng có thể bỏ tù, bắn giết, chửi bới, xuyên tạc nhưng chúng không có cách nào tham dự vào đời sống tinh

thần của chúng tôi. Chúng tôi đều biết, bất cứ lúc nào Cộng Sản cũng có thể bắt lại chúng tôi với một lý do nào đó, nhưng những người làm văn học nghệ thuật miền Nam không vì thế mà sợ sệt. Chúng tôi không khiêu khích vì biết mình ở thế yếu, nhưng cũng không quy lụy cầu xin nơi Cộng Sản sự bình yên. Chúng tôi sống cách biệt, tạo ra sinh hoạt riêng, chỉ có chúng tôi thôi! Mỗi lần gặp nhau chúng tôi nói chuyện thoải mái, tha hồ tâm sự. Trong những ngày buồn, tôi và Quốc đạp xe đi xuyên suốt thành phố. Chúng tôi phác họa những dự tính mai sau, Quốc thường nói với tôi:

– Trong anh em, ông là người có hoàn cảnh hơn cả. Ông nên đi và gào to cho Thế Giới biết về cách cư xử của Cộng Sản đối với anh em văn nghệ sĩ miền Nam và đòi Cộng Sản phải cho những người đó ra đi nếu họ muốn.

Lúc ấy, tôi thường nhìn Quốc với cái nhìn buồn rầu:

– Sao các ông lại quá tin tưởng vào Thế Giới Tự Do như vậy? Ông tưởng Cộng Sản nó sợ lắm sao?

Số anh em, những người còn ở lại đều mang cùng tâm trạng. Nỗi buồn của chúng tôi với đi mỗi lần họp mặt. Nhưng đôi lúc ngồi một mình một bóng, muốn viết không được viết, muốn vẽ không được vẽ, nhìn đời mình trôi đi, trôi đi như bèo bọt, trong lòng tôi lại dâng lên làn sóng phẫn nộ, giận hờn!

Buổi tối nay, Quốc rủ tôi đến nhà Tâm để nghe nhạc. Tâm, một ca sĩ có giọng ca nhí nhảnh vui tươi, đã có một thời vinh quang. Sống dưới chế độ Cộng Sản, Tâm vẫn son phấn lượt là! Nhìn nàng như nhìn một bó hoa lộng lẫy. Chồng nàng hiện đương bị giam cầm tại Chí Hòa vì đã hoạt động chống đối với nhà nước Cộng Sản.

Trong một căn phòng nhỏ, trưng bày gọn gàng, dễ thương. Một nhánh cây, một bông hoa, một cuốn sách đều được bàn tay khéo léo của Tâm chăm sóc, gây một không khí ấm cúng trong một không gian thu hẹp.

Buổi tối nay, ngoài Tâm còn có Tuấn, một nhạc sĩ Tây Ban Cầm. Tuấn rất trẻ, mái tóc bồng bênh phủ lấp trán như che khuất đôi mắt kính cận dày cộm. Những ngón tay dài vươn ra, lướt trên cung bậc. Ôi, những tiếng đàn, thoát ra từ lòng gỗ bay bay vào không gian như từng mũi nhọn, lút sâu vào tâm cảm. Tiếng đàn rào rạt, cuộn cuộn như dòng thác xô vào vách đá, dội lại những dư âm thật tha thiết, thật day dứt. Tiếng hát cất lên, vút cao run rẩy hòa vào âm thanh diu nhau đi lên miền cao của nghệ thuật. Tôi và Quốc như hai sinh vật có đó mà linh hồn đã thoát xác a nhập vào vùng ánh sáng đầy hào quang do âm nhạc tạo nên; tiếng nhạc càng vào khuya càng náo nức. Sau cùng Tuấn độc tấu bản *Los Sitios De Zaragoza* của David Marenco. Những âm thanh dồn dập như có muôn vạn bước chân đi xen lẫn tiếng kèn, tiếng trống. Tất cả mọi người có mặt như bị cuốn hút vào cơn lốc, một cơn lốc dị kỳ, ở đấy không có chi, còn chi để nuôi tiếc giận hờn! Ở giữa lòng Cộng Sản mà còn được hưởng những giây phút này quả thực hạnh phúc!

Chúng tôi ra về. Mặt đường loáng nước sau cơn mưa, không khí dịu hẳn xuống. Tôi và Quốc bước những bước chân chậm chậm. Chúng tôi chưa muốn về nhà. Tôi kéo Quốc vào quán Cà-phê bên lề đường. Hai người tìm một chỗ khuất. Giờ này quán đã vắng khách. Một ngọn đèn bão treo lơ lửng dưới chiếc mái, che bằng tấm bạt nhà binh cũ, vì tối nay khu này bị cúp điện. Chủ quán, một người đàn bà tuy chưa già nhưng không còn trẻ. Đôi mắt sâu thẳm

thăm lẫn vào bóng đêm. Giờ này, chính thực không phải giờ uống cà-phê, nhưng uống chỉ là cái cớ để chúng tôi ngồi nói chuyện. Chúng tôi nhắc đến những nỗi nhục nhằn đã gánh chịu, đến những bạn văn nghệ giờ đây còn bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo. Câu chuyện tuy đã được nói nhiều lần, nhưng mỗi lần gợi lại, vết thương tự nhiên lại tấy lên! Cái hố ngăn cách giữa Cộng Sản và chúng tôi như không có cách gì lấp nổi! Trong lúc chúng tôi đang thì thầm, bỗng từ ngoài đi vào hai tên bộ đội. Người đàn bà đơn đả:

– Dạ, mấy anh dùng chi ?

– Cho hai cốc nước chanh!

Trong khi chờ đợi, họ nói chuyện. Tôi không muốn nghe, không muốn nhìn, đứng dậy toan trả tiền, nhưng Quốc đã níu tay kéo xuống:

– Hãy còn sớm mà!

Tôi gieo mạnh người xuống ghế. Một trong hai tên bộ đội quăng gói thuốc lá trên bàn rồi dăm dăm nhìn nhau:

– Bao giờ cậu đi?

– Mai!

– Cậu đi đoàn nào? K.242!

– Mặt trận “K” căng đấy!

– Từ ngày vào, cậu “lớn” được đào nào chưa?

– Chưa, con gái miền Nam “nạ” quá, tụi nó không thích bộ đội!

– Tại cậu không chịu bám trụ

– Bám cái đéo gì, chưa nhìn, nó đã quay đi, bám vào đâu?

Tiếng cười khục khục âm âm trong bóng tối. Lời đối thoại, tuy nhỏ, nhưng lúc này quán vắng nghe khá rõ.

Tôi cương quyết đứng dậy. Quốc đứng theo. Chúng tôi đi với nhau một đoạn đường rồi chia tay.

Buổi sáng hôm sau, nhìn lịch, tôi chợt nhớ hôm nay thứ sáu, ngày họp mặt thường lệ mỗi tuần giữa tôi và hai người bạn chí thiết: Lê và Văn. Lê không phải nhà văn. Hắn là người dùng văn, còn Văn nhà trang trí. Mỗi thứ sáu, chúng tôi gặp nhau ở nhà Lê để uống café và đấu láo. Lê biết rất nhiều chuyện về Cộng Sản. Khi tôi đến, Văn đã có mặt.

– Sao, đến muộn vậy? Tối qua chắc lại bê bối ở đâu rồi!

Tôi cười tỏn tén:

– Lấy đâu khả năng mà bê bối. Hồi hôm đi với Quốc đến nhà Tâm nghe nhạc.

Lê cười, một nụ cười soi mói:

– Cái tên này nói, khó tin như Cộng Sản vậy! Này, hỏi thật, cậu có muốn đi tắm hơi không?

Tôi ngó Lê, hắn vẫn cười. Văn tiếp:

– Lê nó nói đứng đắn đó! Chẳng những tắm hơi mà còn chơi bời, xem phim con heo, và uống rượu ngoại quốc nữa. Cậu muốn thứ nào cũng có, từ Napoléon, Courvoisier, Whisky đến Champagne, miễn phải chi hơi nặng.

Tôi hỏi ngu ngơ:

– Chừng bao nhiêu?

– Cái đó còn tùy, nhưng căn bản là hai ngàn đồng.

Tôi lè lưỡi:

– Sao đắt vậy? Số tiền đó, sống được hai tháng, mấy cha!

Lê trừng mắt nhìn tôi:

– Đ. mẹ, giữa cái “thành phố của già Hồ” dày đặc Công An này mà được chơi những thứ đó là nhất thế giới rồi còn gì nữa, mà chê đắt với rẻ!

Tôi ngó Lê:

– Ai tổ chức ?

– Còn ai vào đấy nữa, chỉ có tụi nó mới dám làm, có xe hơi đưa cậu đi về, an toàn, khỏi lo bị bắt!

Tôi cười nghi hoặc:

– Thôi cha, nhờ nó giăng lưới thì bỏ mẹ, con ngán nhà tù lắm rồi!...

Chúng tôi vừa uống café vừa nói đủ mọi thứ chuyện ngoài Bắc trong Nam tới gần trưa. Vì biết tôi sắp vượt biên, Lê bảo:

– Chiều mai cậu lên nhà thằng Văn nhậu chơi để anh em tâm sự cho hết, kéo cậu đi rồi, lại hối tiếc! Vợ tôi sẽ nấu nồi cháo gà. Sở dĩ phải tổ chức ở nhà thằng Văn vì nó còn giữ được cái máy lạnh!

Tôi hỏi:

– Có rượu không?

Văn cười:

– Cậu khỏi lo, thằng Lê lo cháo, tớ lo rượu!

Tôi hỏi móc:

– Nhưng cậu có rượu gì mới được chứ?

– Đ. mẹ dưới chế độ Cộng Sản, rượu nếp than là nhất rồi. Nếu cậu có thứ gì hơn cứ việc mang đến! Đếch uống được bao nhiêu, cứ nói phét!

Cả ba chúng tôi cười trước khi chia tay.

Do đó đời sống của chúng tôi, những người làm văn học, nghệ thuật tại miền Nam vẫn có những giây phút vui tươi. Chưa bao giờ chúng tôi thấy thương yêu nhau hơn bây giờ, nói như vậy không tuyệt đối, vì tôi biết, có người đã đầu hàng, đã tình nguyện làm tay sai cho Cộng Sản, bán xác anh em như tên Dũng Dakao chẳng hạn!

Sự vui chơi của chúng tôi được khép kín, dù tổ chức dưới hình thức nào, chúng tôi luôn luôn đề phòng cảnh giác! Trên các nẻo đường Sài-gòn, tôi đã gặp lại, sau những năm dài xa cách, thực sự biến đổi. Nó không còn mang những nét duyên dáng của Sài-gòn hôm trước. Nó tiêu tụy, tả tơi, nghèo nàn trong mọi sinh hoạt. Càng đi sâu để tìm hiểu, tôi càng cảm thấy đời mình bị mất mát quá nhiều. Thời gian cứ phai đi một dòng tẻ nhạt, nếu không có những cuộc gặp gỡ giữa anh em. Trác, người danh ca mới nhận được gói quà từ ngoại quốc gửi về. Anh có nhã ý mời vui một bữa, gồm một số anh em làm văn nghệ, hầu hết đã sống trong các trại tù Cộng Sản. A, từ lâu lắm, tôi mới được uống một ly Cognac, hút thuốc lá Mỹ. Trác đã mượn một căn phòng khá rộng, khá kín đáo, gần trường đua Phú Thọ để làm nơi họp mặt. Những món nhậu ngon lành, do vợ con anh thực hiện bày la liệt dưới sàn gạch. Tôi chợt nghĩ đến sự đói khát thiếu thốn trong thời gian ở tù. Cầm ly rượu mạnh trong tay, tôi nhấp từng ngụm nhỏ. Đã gần bảy năm, cơ thể tôi mới lại tiếp thu chất men ngọt lịm từ từ thẩm qua cuống họng trôi xuống, làm mạch máu rạo rức xông xáo, như kẻ khao khát tình yêu được gặp lại người tình mơ ước ! Nhã, một nhà văn phái nữ đã bị tù, bị Cộng Sản kết án là phản động, đòi truy là một trong “Những Tên Biệt Kích trên Mặt Trận Văn Hóa Tư Tưởng dưới thời Mỹ Ngụy” nhìn tôi trách:

– Nhã đến thăm anh mấy lần, không gặp đó!

Tôi cười xòa xin lỗi. Nghiễm ngồi gần đấy chêm:

– Tìm ông anh là khó lắm! Từ ngày được tha về, ông anh thủ trên lầu. Dưới nhà bảo đi vắng. Đạp xe học máu mồm, đến nơi không gặp, bố ai dám lại!

Nghiễm cười tinh quái. Tôi cũng lảng sang chuyện khác:

– Nhã này, khi ở trong tù, cô dữ lắm hả? Anh nghe nói tụi nó gọi cô là hổ cái, có đúng không?

Nhã cười:

– Nhã chửi tụi nó tùm lum anh ơi! Sợ gì ? Mình có tội gì đâu mà nó bắt mình nhận tội. Nhã bảo thẳng cho tụi nó biết, tôi có xe hơi, nhà lầu là do sức lao động trí óc của tôi tạo ra, chứ có bóc lột của ai đâu? Mới bể bầu được năm ngày đã cầm đầu viết, viết suốt ngày đêm mới có đó, chứ không ăn bám như tụi mấy anh! Nó tức quá, nhốt Nhã vào cát-sô. Được ít hôm, nó thả, Nhã không chịu ra, tụi nó hỏi, tại sao? Nhã trả lời: “Mấy anh tha, mai tôi lại chửi, mất công nhốt lại, vì vậy để tôi nằm đây cho tiện!”.

Nói xong Nhã cười, nụ cười tự tin, bất cần đời!

Hiện Nhã có hai đứa con đang bị nhốt về tội vượt biên và chồng Nhã, một thi sĩ bị bắt từ năm 76 đến nay theo diện nhà văn, còn bị giam giữ tại Pleiku. Nhã nói cho tôi nghe một lần đi thăm chồng, đang ngồi chờ, một tên Công An đã đến ngồi trước mặt, cho chân khoèo chân nàng dưới gậm bàn để gỡ gạc vì Nhã trông còn trẻ khi trang điểm. Nhã tức giận hét to :

– Nè, tui nói cho cậu biết, cậu đáng tuổi con tôi, sao lại giờ cái trò khốn nạn đó ra. Tui vào báo cáo với Ban Giám Thị ngay, nếu cậu còn tiếp tục cái trò mất dạy! Tên Công An bẽn lẽn lui đi cái một! Đó, anh thấy không, tụi nó cũng khốn nạn lắm. Cách mạng cái khi khô gì?

Qua thái độ của Nhã, tôi cảm thấy hổ thẹn, khi biết những người tù đã từng chỉ huy, đã từng vào sinh ra tử mà không giữ được nhân cách và tinh thần bằng một nữ nhi khi sa cơ!...

Căn phòng lúc này ồn ào đầy tiếng cười nói qua khói thuốc. Giọng nói của Hiếu lẽ nhè vì rượu đã ngấm. Hiếu, một nhà văn có kiến thức rộng và có lối viết châm biếm, cay độc. Lại còn Cường, còn Ngọc, còn Thủy và cụ Vũ, nhà văn lão thành ngoài bảy mươi tuổi, có màu da hơi tối. Lúc trẻ, cụ có làm bạn với ả phù dung nhưng cụ đã vĩnh biệt nàng từ lâu. Nhà hỏi khẽ:

– Ông cụ kia, có phải là người Chà không anh?

Tôi cười, nói cho Nhà biết ông cụ đó là nhà văn Vũ Bằng thuộc thế hệ tiền chiến. Nhà cười: ” Nghe tiếng ông cụ từ lâu, hôm nay mới biết! “

Nhưng cuộc vui nào rồi cũng phải tàn, chúng tôi như một bầy chim no mồi, bay về những chiếc tổ riêng biệt từ cuối đến đầu thành phố.

Hơi rượu mạnh ngấm vào máu chưa hạ hết. Tôi đạp lão đảo trên con phố rộng nhưng không có ánh sáng.

Tin Tuyền được tha làm anh em vui mừng hết sức. Tuyền, nhà thơ, nhà văn rất sợ cô đơn nên lúc nào cũng tỏ ra mình không còn cô độc. Có một thời gian, vào năm 1977- 78, tôi và Tuyền cùng ở chung trại tại biên giới Việt Hoa. Chúng tôi đã chia sẻ với nhau từng miếng thuốc lào. Quốc đến rủ tôi đi thăm Tuyền bên miệt Gia-Định, Quốc cho biết, Thanh con chim họa mi cũng muốn đi. Chúng tôi đến nhà Thanh, gần chợ Thái Bình từ sớm, leo những bậc thang dốc ngược. Căn nhà Thanh ở, giống chiếc tổ chim. Dù ở trên lầu cao, Thanh cũng cố tạo cho mình một khung cảnh nên thơ, thích hợp với tâm hồn nghệ sĩ. Một giàn thiên lý ngát hương, những dò phong lan thả từng chiếc lá xanh dài với chùm hoa tím ngắt. Những chậu kiểng xinh xinh đặt rải rác đó đây. Một chiếc ghế xích-đu để sẵn như mời mọc! Thanh đang sửa soạn. Người đàn bà nào cũng vậy, bao giờ họ cũng cần một thời gian để làm đẹp. Thanh không còn trẻ nhưng vẫn duyên dáng. Tuổi đời và hoàn cảnh riêng tư đã làm mái tóc nàng phai xanh. Tôi ngồi ngắm Thanh trang điểm như ngắm một tác phẩm. Tôi biết nàng đang gìn giữ ở trong cuống họng một giọng suối âm thanh mà thời gian hình như bắt lực trước thiên bằm.

Quốc mời Thanh ngồi đằng sau xe nhưng nàng từ chối. Thanh cười bả lải:

– Xa quá mà anh, chờ gì nổi! Để em đi xích-lô.

Nhà Tuyền nằm trong một ngõ hẻm khá sâu. Nếu không có Quốc, khó mà tìm! Tuyền đã chờ chúng tôi ở đầu ngõ. Tôi và Tuyền xa nhau từ giữa năm 1979, tới nay mới gặp lại. Gần ba năm xa cách, Tuyền vẫn vậy, có phần mập ra. Đôi lông mày xéch ngược như hai nét mác, làm nét mặt Tuyền có vẻ dữ, nhưng sự thực Tuyền rất hiền. Trong những ngày bị giam cầm, Tuyền vẫn làm thơ, những vần thơ tủi nhục. Tuyền ôm tôi trong vòng tay thăm thiết. Chúng tôi nói chuyện những câu chuyện vui không thuộc kỷ niệm trong tù. Một ấm trà vừa pha, một đĩa bánh ngọt. Tuyền rót nước, mời chúng tôi ăn bánh. Nhìn thấy cây đàn treo trên vách, Thanh đứng lên gỡ xuống ôm chặt vào lòng. Tiếng đàn rung lên từng cung ngân ngui. Tôi nhìn, nhìn từng ngón tay thon hồng vượt nhẹ những sợi tơ. Thanh nghiêng đầu. Mái tóc nàng xõa xuống, mềm nhẹ. Chiếc cổ trắng ngần nâng khuôn mặt khả ái, đôi môi nàng không tô son đỏ thắm mà phơn phớt như cánh hoa phù dung lúc xế trưa.

Tiếng đàn xô cuốn dồn dập. Đôi mắt Thanh chìm lắng vào dòng mộng. Đột nhiên tiếng hát cất cao. Tôi nghe thấy một rừng chim đua nhau hát, có lúc, tôi dường như thấy muôn ngàn dòng suối tự triển cao trút xuống, trút xuống từng chuỗi thanh âm dào dạt, len lách qua bao nhiêu phiến đá, qua bao nhiêu khu rừng hoang dã, qua bao nhiêu miền thung lũng xanh tươi. Thanh hát. Căn phòng của Tuyền hình như không còn đủ dung tích để chứa đựng hết khối lượng âm thanh, nó muốn vỡ toang để hòa vào dòng nhạc. Tiếng hát như có ma lực hút cuốn tất cả những gì đang hiện diện xung quanh nó để tạo nên một không khí đặc thù, chỉ riêng Thanh mới có đủ tài năng hình thành. Thanh hát, ôi tiếng hát đã cho tôi tìm thấy một khoảng đời đã mất, đã cho tôi quên đi hiện tại, đã hòa tan hồn tôi vào một thế giới huyền ảo, vô thường. Các ca khúc của Phạm Duy, Cung Tiến lần lượt được cất cao, cao vút giữa một không gian ứ đọng, nghẹn ngào!

Chẳng biết từ bao giờ, người lối xóm đã đứng ôm cứng ngoài hàng ba nhìn vô. Thanh buông đàn. Hình như nàng chưa ra khỏi dòng mộng, đôi mắt nàng chìm lắng, đôi môi hé nở như để cho những dư âm cuối từ cuống phổi thoát ra ngoài. Quả thực tiếng hát của Thanh đã vượt thời gian. Với tuổi đời xấp xỉ năm mươi, tiếng hát vẫn còn đủ uy lực làm chết sống bao nhiêu tâm hồn yêu ca nhạc.

Chúng tôi ra về khi mặt trời đứng bóng. Buổi trưa Sài-gòn đang ở cao độ. Ánh sáng phá xuống mặt đường bốc hơi làm rất mặt. Tôi gò lưng đạp, cố gắng leo hết con dốc Cầu Bông. Chiếc áo đã ướt đầm mồ hôi. Tôi nhìn Quốc cũng vậy. Đến đầu ngã tư, mỗi người đi về một phía. Trước khi chiếc xe đưa Thanh quẹo ngã khác, nàng chìa tay ra phía ngoài vẫy vẫy. Tôi nhìn qua ánh nắng, từng ngón, từng ngón thon dài lấp lánh như ảo ảnh.

Buổi trưa nay, chưa muốn về nhà, tôi đạp ra thẳng bờ sông. Bến Bạch Đằng vào giờ này không có ai rong chơi. Sông Sài-gòn, nước đang lên. Dòng nước chảy chậm chậm. Những con tàu đậu sát bờ làm tôi nghĩ đến con tàu vượt biên. Tôi biết, một ngày nào đó, có thể chính dòng nước này sẽ đưa tôi đi tìm Tự Do, đưa tôi thoát khỏi một cuộc sống tù ngục, dù Sài-gòn đã buộc chặt tôi bằng rất nhiều kỷ niệm! Tôi đạp xe dọc theo con lộ. Tôi và dòng nước vẫn nhìn rõ nhau. Một chiếc đò máy đang chạy giữa dòng. Tiếng máy nổ âm vang truyền đi từ mặt nước vọng đến tai nghe rất rõ. Tôi nghĩ, tại sao mình không có nó trong tay? Tại sao giữa một cuộc sống khốn khó như vậy, con người có thể gánh chịu được và gánh chịu đến bao giờ? Tôi biết, một ngày nào mình đi, sẽ bỏ lại Sài-gòn với những con đường, những gốc cây, những chiếc cột đèn, những kiến trúc và còn những gì nữa đã in sâu vào tiềm thức từng phân vân, từng niềm vui quá khứ! Tôi nhìn dòng sông như nhìn một người tình mơ ước. Ngày nào đó, tôi sẽ ôm theo trong tôi hình ảnh đứa bé cho con bú ở cổng vườn Tao Đàn, những thân xác khốn cùng, sống vất vưởng hằng đêm trên hè phố, hình ảnh cô gái bị hoàn cảnh xô đẩy đến đường cùng phải đi làm điếm, gã cụt chân với em bé, những khuôn mặt bạn bè và tiếng hát!...

Mồ hôi chảy đầm đìa trên khuôn mặt, tôi đưa tay lên vuốt xuống. Mắt tôi cay sẽ chớp chớp qua ánh nắng gay gắt trải dài trên con lộ không cây.

Sungei Besi 9-1-1982.

CÓ PHẢI MÙA XUÂN ?

Đây mùa xuân thứ ba, tôi có mặt tại vùng đất không thuộc quê hương. Ngày tháng lạnh lùng trôi, trôi hờ hững như dòng nước nhỏ ẩn khuất, chìm lắng ở một đáy sâu đâu đó. Mùa xuân nơi đất khách, chẳng mang lại cho tâm hồn tôi chút hương vị ngọt ngào nào, nếu không là đắng cay chua chát! Tôi không bi quan để tự đầy ải vào chiếc hố cô đơn, giữa một cuộc sống đầy ắp văn minh vật chất. Mùa xuân nơi đây không thiếu gì hoa lá thắm tươi với môi cười rộn rã và các thú vui cuồng nhiệt! Nhưng mùa xuân quê người không về, không mang theo nó phong tục, tập quán đã cắm rễ trong tiềm thức tôi, từ thuở ấu thơ, mà theo con số ghi trên tờ lịch. Tôi nhìn con số để thấy Tết, thấy mùa Xuân! Giữa nơi đất khách, mùa Xuân về quá nhục nhằn tâm trí. Vì mùa Xuân đối với riêng tôi, không phải chỉ được biểu tượng bằng một bó hoa tươi, một vùng trời bát ngát, một cái lạnh vừa đủ để gây cảm giác, với những hạt mưa dây bột phơ phát trên lớp lộc non mới nhú và thắm cỏ nào đó biêng biếc tơ nhung, với từng cánh bướm nhớn nhơ bay lượn trong vườn hồng đang độ! Nó cũng không phải là hộp mứt sen vàng óng hoặc chiếc bánh chưng hay đòn bánh tét, gói bằng lá chuối ướp lạnh từ đất Thái gửi qua, càng không phải đĩa trái cây xếp cao chất ngất! Đích thực ngoài những thứ ấy, phải có không khí mùa xuân. Cái không khí đó, nơi đất khách tìm không thấy! Mọi người đều đi làm. Tất cả dịch vụ đều chuyển động bình thường, hết sức bình thường, cơ hồ như không dính dáng gì tới cái nếp suy tư của con người Á châu đã tự bao đời, quen sống với cái không khí của mùa Xuân quê nhà trường cửu. Vì quá nhớ cái không khí đó, tôi đã thử đi tìm mùa Xuân được tổ chức trong khuôn viên một Đại Học, thuộc vùng cư trú. Giữa khung cảnh bát ngát với những kiến trúc tân kỳ, tôi đã nhìn thấy cây nêu cao ngất với chiếc phướn dài lê thê, sắc màu sặc sỡ và chùm khánh trên cao ngân vang theo hơi gió. Lá quốc kỳ mới màu vàng chói với ba lần sọc đỏ thắm như ba vết máu loang còn đọng lại từ các trận giao tranh ác liệt nơi cổ thành Quảng-Trị, Huế, Kontum, Bình-Long, An-Lộc và xa hơn chút nữa, Pleime, Đồng-Xoài, Bình-Giá! Tôi đã nghe tiếng pháo nổ dồn dã, xác pháo hồng hồng vương vãi trên bờ cỏ, lối đi. Tôi đã nhìn thấy đồng bào tôi xúng xính trong những bộ quần áo dân tộc trộn lẫn với y phục thời trang. Những mái đầu bạc phơ hoa tuyết bình bình, giữa một dòng tóc đậm đặc, đen lánh của tuổi trẻ dồi dào sức sống. Tôi đã nghe những lời chúc tụng. Tiếng nói, nụ cười, tất cả đều quen thuộc và thân thiết. Mùa xuân đã được hình thành như vậy mà sao tôi vẫn cảm thấy chưa đủ sức để bắt tôi phải thừa nhận, đây là mùa Xuân, là Tết! Cái khuôn viên rộng lớn với tàng cây cao ngất mọc rải rác trên sườn đồi ẩm ắp cỏ non, với những vườn hoa chói chang đua thắm. Tôi nhìn đồng bào tôi di động trong cái kích thước đó, dường như không phù hợp, dường như không phải mùa Xuân, không phải Tết! Có một cái gì khang khác và mong manh gầy gù với những cánh hoa sắp rời cuống! Tôi ngồi xuống trong một góc vuông, dăm dăm nhìn cái hoạt cảnh ấy để mừng tượng đến cái không khí của những nẻo đường Sài-gòn, nơi chợ hoa Nguyễn Huệ, hai lề phố Đại lộ Lê Lợi với sự nhộn nhịp, ồn ào suốt bốn cửa Đông, Tây, Nam, Bắc chợ Bến-Thành trong những ngày áp Tết và con đường Đồng-Khánh chật ních thân người với sắc màu tương phản. Những câu đối Tết, chữ viết bằng mực xạ đen lánh trên giấy hồng điều bày bán bên những tấm tranh dân tộc tươi vui theo nhịp Xuân về. Cái không khí đó, cái không khí vừa thiêng liêng, vừa huyền diệu ấy, quả thực không tìm thấy ở nơi đất khách! Đi tìm nó chẳng khác gì đi tìm bóng giai nhân trong huyền thoại. Chính thực, tôi còn mơ ước nhiều hơn thế. Tôi muốn được trở về với mùa Xuân trên các nẻo đường quê, trong ngày làng mở hội với tiếng trống rộn rã khua vang nơi đầu thôn, cuối xóm, nơi bụi chuối, bờ tre với câu hò, điệu hát. Tôi muốn được nhìn ngắm những cô gái quê, môi thắm quét trầu, khăn vuông mỏ quạ, má đỏ như son, đứng chen vai xem hát

bội nơi sân đình, vang dội tiếng nói cười, giữa tiết Xuân! Nhưng, tất cả đã thuộc về quá khứ, đã xa quá tầm tay!...

Hôm nay ngày Tết. Tôi ngồi im sững như pho tượng, nhìn băng khuâng về phía những ngọn đồi giăng ngang tầm mắt. Suốt một dải dài rộng, màu lá xanh um, xen kẽ những cụm hoa dại màu tím biếc, mọc nhơn nhơ như bức tranh chấm phá. Thấp thoáng đó đây, vài mái nhà lẫn khuất, trơ vơ. Gió thổi không lớn nhưng khí hậu tê cóng. Tôi biết, chỉ cách tôi khoảng vài chục dặm, trên độ cao sáu ngàn bộ là tuyết ngập trắng xóa. Ngước nhìn lên dãy núi nhấp nhô phía xa, tôi chợt hồi tưởng đến những ngày bị giam cầm dưới chân dãy Hoàng-Liên - Sơn, miền Thượng Du Bắc Việt. Ôi, những rặng núi cao ngất âm u, hiểm trở, đan kết vào nhau như bức trường thành, a tòng với quân thù làm nản lòng những ai muốn vượt thoát hoàn cảnh ô nhục kéo quá dài! Tôi đã trải qua ba mùa lạnh, thiếu ăn, thiếu áo, chịu đựng một đời sống khắc nghiệt ở giữa miền thung lũng hoang vu, núi rừng ô m kín! Nghĩ lại, vẫn rùng mình khiếp sợ! Hình ảnh bạn bè lại lẫn lộn trong tâm trí. Trên mười năm qua, chắc gì mấy ai đã chịu nổi một đời sống lao động khổ sai, trường kỳ gian khổ! Nhưng ai còn, ai mất? Trước mắt tôi, cảnh vật bỗng nhạt nhòa, từng hình ảnh quá khứ hiện lên với một đám đông, nửa người, nửa ngợm, áo quần tơi tả đang leo trèo trên dốc núi chênh vênh, đang lội bì bõm dưới bãi sình lầy, đang bầm phân, vác nứa!... Tôi cho tay dụi mắt. Những hình ảnh đó tan biến! Nhưng chỉ một thoáng, hoạt cảnh khác lại hiện ra, tuy không rõ nét, nhưng cũng đủ để cho thấy sự băng hoại của một dòng sông bị kìm kẹp dưới bạo lực. Những nẻo đường hoang vắng. Những thân xác kéo lê trong tăm tối, mà mùa Xuân về, không đem lại tin yêu! Trong đầu tôi, tiếng pháo đêm Giao Thừa, giữa thành phố Sài-gòn bị chiếm đóng, nổ âm vang, nghe nhức nhối quá chừng! Những tiếng nổ như không bao giờ dứt, có phải chăng, đây là niềm mơ ước của người dân miền Nam muốn những tràng pháo ấy biến thành những tràng đại liên, nhắm thẳng phía quân thù để bắn cho tan hoang, để tiêu diệt hết những ám ảnh hãi hùng! Vẫn cái thành phố đó, vẫn phố phường quen thuộc, vẫn những bờ cây bóng mát, vẫn trời cao xanh thẳm, vẫn hoa, vẫn lá và mặt trời vẫn chiếu rọi từng làn ánh sáng rực rỡ xuống cảnh vật, mà sao lòng người lại thiếu mùa Xuân? Tất cả đều ngỡ ngác, trông chờ một phép lạ sẽ xảy ra trong một giờ khắc nào đó, để trở về với giấc mơ Xuân hằng mong đợi!

Trước mặt tôi lúc này, đột nhiên cảnh vật bị xóa mờ bởi lớp sương mù. Những ngọn đồi nhấp nhô, ẩn hiện. Dưới lưng thấp, lớp sương dày đọng lại như sữa. Tôi chợt nghĩ đến những ngọn đồi ở Biên-hòa với Nghĩa Trang Quân Đội, nơi an nghỉ vĩnh viễn của những anh hùng, đã hy sinh xương máu, tuổi trẻ cho Việt-Nam ngàn đời yêu quý! Ngày trước, đã nhiều lần, tôi đến nơi đó để tiễn đưa bè bạn, sau những trận giao tranh khốc liệt. Tôi đã nhìn thấy lá Quốc Kỳ phủ trên nắp quan tài với hàng chữ: *Tổ Quốc Ghi Ơn!* Tôi cũng được nhìn những cái chết không toàn vẹn, đựng trong túi nylon, đặt trong ô kéo nơi phòng lạnh, cực lạnh! Tôi cũng nghe thấy tiếng khóc than vật vã trên màu đất mới còn ẩm ướt! Những tấm mộ bia, mỗi ngày mỗi dài thêm theo cuộc chiến! Mỗi dịp Xuân về, ngoài nghi lễ chính thức, còn biết bao nhiêu bó hoa và nhang thơm cắm tràn ngập trên mỗi phần mộ! Nhưng nay, không còn bia, chẳng còn mộ! Bức tượng Tiếc Thương đã bị quân thù giật sập, nằm lán lóc bên vệ cỏ. Nơi đó, nay chỉ còn là bãi đất hoang, cỏ dại mọc tràn lan, chờ ngày Cộng Sản dựng lên trên nó một nông trường. Tôi nghĩ, có lẽ, họ chết oan và sự hy sinh trở thành vô nghĩa kể từ sau ngày 30-4. Từ mười năm nay, những buổi dạ tiệc họp mặt tất niên, đón mùa Xuân nơi quê người, đâu phải để tưởng niệm và những bản Luân Vũ đâu phải khúc Điếu Ca?...

Dòng sương mù tan nhanh theo ánh nắng chói chang của miền Tây Nam nước Mỹ. Cảnh vật lại rõ nét trước tầm nhìn. Tôi cố hình dung mùa Xuân qua cảnh sắc, những vạn vật vốn vô tình, đành gơ đôi tay nhỏ bé quờ quạng, tìm mùa Xuân trong trí tưởng.

Rancho Penasquitos, tháng 1-1986

BIẾT ĐẾN BAO GIỜ ?

Thấm thoát đã mười một năm rồi đó! Dòng thời gian cứ di hành theo chu kỳ của nó, nhưng con người đã trải qua một hoàn cảnh đặc biệt trong khoảng thời gian ấy, lại ngưng đọng trong tâm trí những khắc khoải, ưu tư và cay đắng nữa, cơ hồ như không cách nào gỡ bỏ. Mười một năm, cơn ác mộng dài, thật dài cứ ám ảnh mỗi lần chợt nghĩ, chợt thấy con số ghi trên tờ lịch. Tất cả những hình ảnh và sự việc không hề phai mờ, trái lại, càng ngày càng lún sâu, ghi đậm nét như lưỡi dao sắc nhọn cắm lút vào trí nhớ làm nhức nhối đến tận cùng cảm giác.

Mặt trận Xuân-Lộc đã trở thành vô dụng khi địch thấy mình không có khả năng chọc thủng nó, đành đi vòng qua sông Đồng-Nai để tiến chiến phi trường quân sự Biên-Hòa và từ đó, đánh thẳng vào Sài-gòn. Chiếc phi cơ vận tải cuối cùng, chở các vị sĩ quan và vợ con họ cất cánh tại phi trường Tân Sơn Nhất sáng ngày 29-4, đã bị những viên đại liên và trung liên bắn theo xối xả, do các chiến sĩ có nhiệm vụ bảo vệ phi trường nổi cơn tức giận, khi thấy mình bị bỏ rơi, bị phản bội! Hình như tất cả đang rạn vỡ, đang tan nát, rã rời!..

Mới tối qua, cả Sài-gòn lên cơn sốt cao độ. Tất cả mọi ngã đường đều ứ nghẽn bởi dòng người, dòng xe chạy chen lấn, hỗn loạn để tìm cách tháo thân qua cổng Tòa Đại Sứ Mỹ hoặc bến Bạch-Đằng! Nhưng buổi sáng nay, 30-4-75, thành phố Sài-gòn như chìm lắng vào sự hoang vắng đến lạnh người. Tiếng súng giao tranh vọng từ xa, nghe rời rạc, yếu ớt! Từ chiếc Radio, Dương văn Minh đang kêu gọi “người anh em phía bên kia, hãy ngưng bắn để điều đình, với giải pháp: hòa giải Dân Tộc!” Các chiến sĩ Dù vẫn có mặt tại các nút chặn quan trọng nhằm cản sự tiến quân của Cộng Sản vào Thủ Đô. Tôi đứng trên bao lơn nhìn xuống mặt lộ, thỉnh thoảng có chiếc xe gắn máy lao vút, rồi biến mất như hư ảnh. Mọi cánh cửa đều đóng kín, trừ vài ô cửa sổ trên cao, mở hé hé với vài nét mặt nhớn nhác nhìn đây đó. Tôi ngước mắt lên. Màu trời xanh ngắt, rải rác những cụm mây trắng trôi bành bồng như mọi ngày. Những chiếc phản lực cơ chiến đấu của Hải Quân Mỹ không còn lờng lộn với những tiếng động cơ rú rầm trời như muốn xé rách không gian. Chắc người Mỹ cuối cùng đã rời khỏi Sài-gòn theo lời yêu cầu của Chính Phủ Dương văn Minh và cũng là sự giao ước của quân Cộng Sản đối với người Mỹ. Cũng kể từ giờ phút này, chỉ còn ta và địch đối mặt, trong một hoàn cảnh vô cùng bất lợi về phía Quốc Gia. Một nỗi phân vân khó tả, chợt xâm nhập vào tâm trí làm tôi khó chịu. Cả tuần nay, những tin tức về mặt trận không mấy khích lệ, thêm vào đó, còn những cảnh hỗn loạn, cướp bóc, hãm hiếp do sự rút lui của đoàn quân bại trận tạo nên. Quân ta cứ rút, địch cứ tiến, nhiều khi tiến không kịp. Những viên đại pháo 130 ly rơi khắp nơi, ngay cả thành phố Sài-gòn, gây nên bao nhiêu tang tóc và những ngọn lửa cao ngất, thiêu rụi cả một khu rộng lớn.

Thủ đô Sài-gòn như chết cứng trong màng lưới bao vây của quân Cộng Sản, mỗi phút mỗi tăng áp lực. Trái tim miền Nam đã rướm máu vì những trái đại pháo, sự hi vọng ngăn chặn và

đẩy lui địch quân ra xa tầm đạn, quả là mong manh, nhất là giải pháp “hòa giải”! Không có một đối phương nào ngu ngốc lại ngưng hạ độc thủ khi biết kẻ thù của mình sắp rút dài! Các Tiểu Đoàn Dù với vài khẩu 105 ly và các đơn vị lẻ tẻ cùng lực lượng Cảnh Sát Dã Chiến, liệu có đủ sức để phòng ngự, bảo vệ Sài-gòn, bảo vệ mảnh đất tượng trưng cho uy quyền Quốc Gia, chứ đừng lạc quan đến nỗi tưởng rằng họ có thể đẩy lui được bước tấn công của các Sư Đoàn bộ binh Cộng Sản. Quả thực, trận tuyến lúc này đã lung lay như bức tường sắp sập!

Mặt trời vẫn chói chang rọi từng tia nắng rực rỡ xuống cảnh vật. Cây thánh giá trên nóc nhà thờ Chợ Quán vẫn ngạo nghễ đâm thẳng lên vòm cao như một thách đố. Những tàng cây rải rác đó đây lay nhẹ theo cơn gió buổi sớm. Để tránh bị lôi cuốn vào những ám ảnh bi phần, tôi quay vào nhà, ngồi vào chiếc ghế quen thuộc cho tay tắt máy Radio, cứ léo nhéo một luận điệu, kêu gọi các chiến sĩ ta buông súng, tránh đổ máu nhiều hơn nữa! Tôi cầm cuốn sách đọc dở, đưa lên mắt. Tất cả trang giấy biến thành màu đen kịt. Không một dòng chữ nào hiện ra. Tôi quăng nó vào góc nhà. Tôi đốt thuốc. Hơi thuốc đắng nồng trong cuống họng. Tôi vội dụi nó vào chiếc gạt tàn đã đầy ứ máu thuốc hút dở dang. Hình như chưa bao giờ tôi hút thuốc nhiều như mấy hôm nay. Miệng tôi khô cong, lưỡi tê mất cảm giác. Tôi đứng dậy đi quần quanh trong căn phòng hẹp, y hệt con thú mắc bẫy. Chữ “đi” chợt thoáng hiện trong đầu. Nhưng đi đâu? Với phương tiện nào? Hình như đã quá trễ đối với riêng tôi. Nếu không đi được, những không may nào sẽ chụp xuống đời tôi? Tất cả những câu hỏi cứ quay cuồng trong óc làm tôi choáng váng! Trong khi đó những tràng A.K và tiếng pháo kích vẫn âm vọng đến tai, khi ở phía này, khi phía khác. Tôi nhìn đồng hồ, đúng mười giờ sáng. Đột nhiên bên ngoài có tiếng chân chạy rầm rập, mỗi lúc mỗi gấp gáp. Tôi nhòai người ra phía bao-lơn, nhìn xuống. Cách chỗ tôi đứng chừng vài chục thước, ngay đầu con hẻm nhỏ, các chiến sĩ Dù đang vội vàng tháo nón, cởi quần áo trận, tụt giày saut. Súng M16, dây lựu đạn, dây lưng, chất đồng, sát bức tường của căn nhà đầu, nơi đó, thường ngày là chỗ tụ tập của đám trẻ đánh bi, đánh đáo. Sau khi cởi bỏ hết, với bộ đồ thường dân mặc sẵn bên trong, các chiến sĩ Dù chạy chân đất, tản mác vào các lối ngõ nhỏ, xuyên qua con phố khác. Nhìn cảnh tượng đó, ruột tôi đau như xé! Như vậy, giờ phút sụp đổ của miền Nam đã điểm! Binh chủng Dù, đoàn quân thiện chiến nhất của miền Nam, trong suốt cuộc chiến trên hai mươi năm, đã tung hoành khắp các nẻo đường đất nước, rất ít khi chiến bại, thế mà trước giờ phút nguy khốn này, họ đã từ chối chiến đấu, như vậy, còn đơn vị nào có đủ khả năng để đối mặt với quân thù? Các Sư Đoàn bộ binh đã vỡ hết chỉ vì một quyết định sai lầm của các cấp lãnh đạo cũng như chỉ huy khi cho lệnh rút lui khỏi Pleiku và Kontum, trước khi có giao tranh. Tôi cứ đứng như pho tượng dưới cái nắng hừng hực. Vài cánh cửa hé mở. Những con mắt ngơ ngác ngó ra!

Không thể chờ đợi lâu hơn, tôi xuống đường, đi men theo lề nhà, đến ngã tư Cộng Hòa, Trần Hưng Đạo. Biết vậy là nguy hiểm, nhất là mình không có nhiệm vụ gì. Tiếng súng A.K nổ từng chập. Những tràng đại liên từ các ụ chiến đấu ở Tổng Nha Cảnh Sát thỉnh thoảng lại rú lên từng cơn rồi tắt lịm. Tôi đứng núp vào một góc tường, nhìn xuôi về miệt Chợ Lớn. Mặt Đại Lộ rộng rinh. Những chiếc lá vàng đuối nhau dưới cơn gió. Không một bóng người qua lại. Chừng mười phút sau, mắt tôi đã nhìn thấy những bộ quân phục màu xanh nhạt và những chiếc nón cối thấp thoáng di động sát mép nhà, ở cả hai bên vỉa hè. Tuy không gặp sức kháng cự nào, nhưng họ tiến rất chậm. Đến ngã tư, tất cả đều dừng lại. Những khẩu B-40 và trung liên bố trí, yểm trợ cho từng tên băng qua đường. Qui luật chiến trường buộc họ như vậy để tiết kiệm xương máu, nếu bất trắc xảy ra. Các tên bộ đội lần lượt đi qua mặt tôi, tên nào cũng trẻ măng, quân phục nhàu nát, miếng vải đỏ được gài trên mép áo để dễ phân biệt

bạn, thù. Chúng đi cả giờ mà chưa hết quân. Những tên chỉ huy đeo K-54 với chiếc xà-cột lưng lảng bên hông, trông nét mặt tương đối già dặn. Nhiều cánh cửa đã mở. Những cặp mắt tò mò nhìn ra. Một đám trẻ con vì chưa ý thức được sự nguy hiểm của trò chơi, chạy túa ra mặt lộ, qua góc đường bên kia, nhặt những chiếc thắt lưng, những sợi dây biểu dương do quân Dù vứt lại, quần đầy người, miệng la hét om sòm! Tiếng máy Radio từ trong căn nhà vọng ra cho tôi biết: Chính Phủ Miền Nam đã đầu hàng vô điều kiện! Thế là hết!

Tôi quay về nhà với từng bước uể oải. Leo khỏi mười bậc cầu thang, tôi đến phía đi vắng, gieo mạnh người, nằm bất động như một xác chết! Nhưng tôi không nằm lâu được vì những suy nghĩ không đâu làm rối loạn đầu óc. Tôi lại ra bao-lơn nhìn lên vòm cao, nhìn xuống thấp. Những mái nhà nhấp nhô với màu sắc khác biệt trải dài trước tầm mắt. Bỗng có một khối lửa khổng lồ từ miệt Phú-Lâm lao về hướng Sài-gòn. Trước mắt tôi là một cảnh tượng vừa đẹp vừa ghê rợn. Khối lửa hạ dần cao độ. Đó là chiếc C-119 của Không lực Việt-Nam bị bắn hạ ở những phút cuối của cuộc chiến. Chiếc máy bay đã khuất sau những tòa nhà cao. Một tiếng nổ lớn vọng đến. Thế là cả chiếc C-119 và phi hành đoàn anh hùng đã đi vào tro bụi!

* * *

Trang sử đã lật. Những cái gì phải đến đã đến. Nhưng có điều mọi người không thể hiểu, tại sao miền Nam lại thua nhanh như vậy? Nếu Quân Đội cứ nghiêm túc chiến đấu, nếu người dân hết lòng tin tưởng vào chính quyền, nếu đừng có tham nhũng, nếu đừng chia rẽ vì quyền lợi đảng phái hay cá nhân hoặc tôn giáo vân vân... thì sự chiến thắng của Cộng Sản còn lâu mới xảy ra, vạn nhất nó đến thì quân lực của Cộng Sản chắc chắn cũng không còn nguyên vẹn. Giữa lúc tôi đang suy nghĩ vẩn vơ, những tràng súng đủ loại nổ ầm vang. Những viên đạn lộp bộp trên mái tôn rộn ràng. Sau một hồi bắn tán loạn, tiếng súng chợt im. Xung quanh tôi lúc này, hình như tất cả đều lắng đọng, một sự lắng đọng bi thiết đến rợn người!

Lấn quẩn mãi không chịu được, tôi xuống thang mở cửa đi ra. Tôi thả bộ lòng vòng theo Đại Lộ Cộng Hòa. Ở góc ngã tư Võ Tánh – Cộng Hòa, bên trong chiếc lô-cốt bê-tông, một tên “Cách Mạng 30” tay đeo băng đỏ, ôm khẩu trung liên của Cảnh Sát Dã Chiến để lại. Những viên đạn vàng choé nằm dài trên thân súng. Một chiếc xe Jeep M2 lướt qua, những tên “30” nghênh ngang cười nói. Lá cờ giải phóng phấp phới nơi kính xe như chứng tỏ uy quyền! Đối diện với khu Đại Học Khoa Học là một dãy T-54. Những tên bộ đội trông mệt mỏi. Vài chiếc xe đạp buộc bên pháo tháp. Lá cờ cắm vào cột ăng-ten cố nường sức gió bay lên, nhưng gió quá yếu, nó lay động như một miếng vải màu sắc sỡ! Vài tên không đội cối, tóc rối bù đi nhõn nha ở mép lộ, khẩu A.K sà một bên vai. Một số người hiếu kỳ đứng bên kia đường ngó những chiếc tăng dính đầy bùn đất; một số người khác đi lượm những bộ đồ trận, những đôi giày saut, nón sắt chất đầy chiếc xe ba-gác rồi chở đi đâu chẳng biết? Người ra đường mỗi lúc một đông, có lẽ, mỗi người muốn được ghi nhận về phần mình những cảm nghĩ riêng biệt về sự có mặt của quân Cách Mạng trong những giờ phút thứ nhất chẳng? Tôi bước vòng theo bờ cong của mép lộ, đi lên phía Hồng Thập Tự. Tôi ngó bức tượng trắng toát của ngành Cảnh Sát, vẫn đứng nguyên giữa bồn cỏ xanh tươi. Tôi đi như kẻ ngủ mê, nhưng trong đầu lại nặng trĩu ưu tư, phiền muộn! Những người có trách nhiệm với miền Nam lúc trước đã vọt hết với tài sản nhiều, ít tùy người. Vài ông Tướng đã tự xử vì không chịu nhục trước kẻ thù. Sự tự sát này chỉ riêng các vị đó được tiếng khí tiết, nhưng các chiến sĩ thuộc quyền còn lại chắc chắn sẽ phải gánh chịu nhiều đắng cay nhục nhã. Theo ý riêng tôi, hai chữ “Anh Hùng” chỉ thuộc về những ai dám chiến đấu, chiến đấu trong cả điều kiện khắc nghiệt nhất để giữ

màu cờ Tổ Quốc. Anh hùng là những ai chết giữa sa trường, poncho bọc xác! Anh hùng là những ai đã nằm dưới ba tấc đất, nơi Nghĩa Trang Quân Đội!...

Vừa đi vừa suy nghĩ vấn vợ, tôi đã đến góc vườn Tao-Đàn lúc nào không hay. Những chiếc xe gắn máy đủ loại phóng vun vút, tuy không điên loạn, nhưng tiếng động cơ cũng ầm vang cả khu phố. Những tên bộ đội đứng gác nơi phía cổng và toàn thể khu vực. Không phải chúng gác vườn Tao-Đàn mà canh phòng phía hậu của Dinh Độc Lập cũ, lúc này các tên đầu sỏ của Mặt Trận Giải Phóng đang có mặt trong đó, buộc Chính Phủ Dương văn Minh phải đầu hàng vô điều kiện trên giấy trắng mực đen! Tiếng thắng xe ren róc ngay bên cạnh làm tôi giật mình, quay nhìn. Trên chiếc Jeep có bốn chiến sĩ Dù, người nào cũng ghì chặt khẩu M-16 như đi tác chiến, ngoại trừ người lái xe. Một bóng người to lớn bỏ tay lái, nhảy ra khỏi xe. Bộ đồ hoa tạc chiến lao nhanh đến phía những tên lính Cộng Sản. Tôi nhìn thấy nơi cổ áo gắn cấp bậc Thiếu Tá. Khẩu súng Colt đeo xệ đến ngang đùi. Với sắc mặt đỏ gay, lộ vẻ tức giận cùng cực, vị đó cho ngón tay chỉ vào mặt tên bộ đội, nói thật lớn như để phân trần:

– Thưa Bà con, Cô, Bác, chúng tôi phải thua những thằng lính nhãi ranh này à? Chúng tôi buông súng vì phục tùng lệnh của Thượng cấp chứ đâu có thua!

Nói xong vị đó quắc mắt nhìn đám bộ đội như thách thức!

Vì sự việc xảy ra quá nhanh và bất ngờ, những tên lính Cộng Sản chưa kịp phản ứng thì vị sĩ quan Dù đã nhảy lên xe rồi máy trước sự ngạc nhiên của những người có mặt. Tôi thầm cảm phục tinh thần bất khuất của vị sĩ quan Dù bữa đó. Thời gian sau, hồi tưởng đến chuyện này, tôi không biết vị sĩ quan ấy có vù được không, hay cũng bị đi Cải Tạo mút mùa, và trong thời gian Cải Tạo, liệu còn giữ được khí phách trước những cơn đói hành hạ và gian khổ trường kỳ?

Tôi đi từng bước chậm rãi men theo vỉa hè cánh trái Dinh Độc-Lập. Ở mỗi cây trụ, có một tên bộ đội đứng gác. Tôi liếc nhìn qua hàng chắn song. Những khuôn cỏ đầy lá vàng. Những tàng cây cao trái bóng mát bình yên như không có chuyện gì đang xảy ra. Những chiếc T-54 và xe Jeep kiểu Liên-Xô đậu gần kín chiếc sân lớn trước cửa Dinh. Những bộ đồng phục nhàu nát chạy lảng xảng, bện bụi. Nhìn toàn bộ khu vực, toát ra một cái gì tang thương, buồn bã. Cái không khí trang nghiêm thuở nào, nay không còn! Đến góc đường, tôi nhìn về phía Đại Lộ Thống Nhất. Trên khuôn viên những bãi cỏ, nhiều người đang tụ tập, những tấm biểu ngữ được giơ lên cao cùng với lá cờ giải phóng. Những tiếng hò hét náo nhiệt!... Lúc này quả thực, tôi không muốn nhìn, muốn nghĩ gì nữa vì mọi suy nghĩ đều vô ích. Tôi làm lủi quay gót trở về. Để tránh sự nhàm chán của con phố mình vừa đi, tôi tạt ngang, rồi xuôi theo con đường Phan Đình Phùng. Tôi đi suốt một dọc dài, qua nhiều ngã tư, không chỗ nào còn màu vàng, thỉnh thoảng lại bắt gặp lá cờ nửa xanh, nửa đỏ với ngôi sao vàng ở giữa, cắm trên chiếc xích-lô máy, lao vun vút với tiếng nổ chát chúa. Khi gần tới ngã tư Đoàn thị Điểm và Phan Đình Phùng, trước một tòa nhà khá lớn, khẩu đại bác 105 ly nằm chình ình bên vệ cỏ với những chiếc đuôi đạn nám đen. Nòng súng hếch lên cao, hướng về phía Nam thành phố. Rải rác bên vệ đường, những chiếc xe hơi bụi đất bám đầy, có chiếc cửa kính bể nát, có chiếc bị tháo hết bốn bánh, có chiếc bị đốt cháy dở dang. Đến đường Lê văn Duyệt, tôi quẹo trái để theo đường Võ-Tánh trở về nhà. Qua chiếc building cao ngất, tôi nghe tiếng đập phá rầm rầm. Rất đông đảo người và xe ba-gác. Những chiếc tủ lạnh, bàn ghế bằng sắt kiểu Mỹ,

quạt bàn, máy lạnh được chuyển từ bên trong ra với tiếng kêu gọi rầm rối. Những giấy tờ quảng bữa bãi theo gió cuốn vương vãi đầy đường. Người dân đang “làm thịt” cơ sở của người Mỹ để lại. Tôi nghĩ, như vậy còn hơn để cho Cộng Sản lấy.

Gần về tới nhà thì trời sập tối. Đến đầu hẻm, tôi thấy bác Tư Nghĩa, người chuyên gánh nước tưới cho cả xóm, tay đeo băng đỏ, đang khum hai bàn tay làm loa, hô thật lớn:

– Alô, Alô, nghe đây, bà con cô bác, theo lệnh của Cách Mạng, sáng mai đúng tám giờ, tất cả mọi gia đình đều phải đến Trụ Sở Khóm để khai lý lịch, làm hộ khẩu. Những người trước kia đi lính Ngụy phải trình diện đăng ký. Nếu bất tuân, sẽ bị Cách Mạng nghiêm trị! Nghe đây, nghe đây!...

* * *

Rồi cứ mỗi năm đến ngày ô nhục, khi Cộng Sản làm lễ ăn mừng chiến thắng, thống nhất Việt-Nam, thì vết thương trong lòng mỗi người dân miền Nam lại tấy lên, làm nhức nhối, đờn đau. Đã trên mười năm rồi, ai cũng nghĩ, phải làm một cái gì để xóa bỏ cái ngày ô nhục đó, phải cắt bỏ cái nhọt bọc đang âm ỉ, đục ruỗng tâm trí biết bao nhiêu con người ở trong nước cũng như lưu vong. Nhưng biết đến bao giờ?...

LẠI MÙA XUÂN

Tôi đứng như pho tượng, nhìn qua ô kính mờ đục hơi nước, cảnh vật trước mắt tôi không thay đổi sau lớp mưa trái dài, trông giống như chiếc màn làm bằng sữa. Cả một vùng trời nặng trĩu bởi những đám mây màu chì làm không khí vây quanh tầng phần u uất.

Tất cả như bị chìm lắng, khoả lấp vào cơn mơ huyền hoặc. Tôi biết, bên ngoài trời lạnh lắm, dù nơi đây không có tuyết. Cái sự sống duy nhất, tôi cảm thấy là hàng cây trồng ven lộ bị những ngọn gió thổi vật vã, nghiêng ngả như đang lên đồng!

Theo con số ghi trên tờ lịch, hôm nay, ngày ba mươi Tết. Nhưng sự thực, ở không gian này, nó cũng chỉ là một ngày bình thường như mọi ngày! Đã bốn năm rồi đó! Không hiểu sao, cứ mỗi lần gặp lại ngày ba mươi và những giờ phút cuối của một năm sắp qua, trong lòng tôi lại có sự xáo trộn với hình ảnh của những mùa Xuân cũ trở về như một ám ảnh, tạo nên sự tình bất ổn trong tâm trí. Tôi đảo mắt nhìn quanh. Gian phòng vắng lặng.

Tôi cố gắng suy nghĩ để có một ấn tượng nào đó khả dĩ làm cho lòng tôi nguôi ngoai nỗi nhớ, nhưng thực tế đã mặc khải cho hiểu, cái khung cảnh mà tôi đang hiện hữu, không bao giờ có thể thuộc về mình, không thuộc về cái nếp sống đã cắm rễ sâu vào tiềm thức tôi từ thuở ấu thơ. Cái bàn viết kia, cái ghế đó, cái giường ngủ với chiếc nệm dày cộm này, cùng bao nhiêu vật dụng khác nữa, hàng ngày gần gũi tôi, nhưng sao lúc này, chúng trở thành trở trên, xa lạ! Chúng có đó, nhưng chỉ là phương tiện. Chúng chưa có đầy đủ quyền năng hoặc hấp lực để buộc tôi phải coi chúng như một nhớ thương đến-chết-chẳng-rời! Tôi có thể vứt bỏ chúng bất cứ lúc nào, không may mắn luyến tiếc! Giữa chúng và tôi chưa có liên hệ sâu xa, chưa có kỷ niệm!

Cũng ngày này, năm ngoái, để nhớ lại cái không khí ngày Tết Việt-Nam, dưới mái gia đình, tôi đã thử biến chiếc bàn viết thành chiếc bàn thờ cúng tổ tiên. Tôi đã mua vải điều phủ kín rồi xếp đặt trên mặt, nào bình hoa, nào đèn cầy với chiếc bình nhang làm bằng vỏ hộp la-de chứa đầy gạo, nào cặp bánh chưng được mua về từ trên trăm dặm, nào hộp mứt ngũ vị với

đĩa trái cây cao ngất. Nhưng sau khi thực hiện xong, đứng nhìn ngắm hồi lâu, tôi cảm thấy thất vọng, vì nó không giống và không tạo ở trong tôi một sự sùng kính nào, như chiếc bàn thờ mà tôi đã thấy và đã sống trong một khoảng đời dài rộng! Tôi nhớ đến cái bàn thờ tổ tiên mà cha mẹ tôi đã có công tạo nên, được đặt giữa nhà, nơi khoảng thoáng nhất, trông thật uy nghi. Khi gần đến ngày Tết, chiếc bàn thờ được cha tôi cặm cụi lau chùi sạch sẽ. Đôi chân nến và chiếc đỉnh đồng, cha tôi dùng thuốc chà sát, biến cái chất xỉn xỉn trở thành màu vàng óng ả. Bức hoành phi và đôi câu đối sơn son thếp vàng, trông rực rỡ như mới. Tấm màn nhiều điều, cất kỹ trong rương cả năm, khi lấy ra dùng còn thơm mùi băng phiến. Để tăng phần trang nghiêm và lộng lẫy, cha tôi còn mắc thêm bức rèm có thêu hình “Lưỡng long châu nguyệt”, xung quanh có đính những miếng kim khí nhỏ, màu xanh đỏ, lấp lánh mỗi lần có cơn gió lọt vào. Thường ra, năm nào cha tôi cũng lên chợ hoa ở phố Sông Tô Lịch mua một cành đào thật đẹp, cắm trong chiếc độc bình đời Khang Hy và ghé qua chợ Đồng Xuân mua cặp thủy tiên để bày biện trên bàn thờ cho trang trọng. Mẹ tôi có trách nhiệm phải gọt tía làm sao cho hoa nở đúng đêm Giao Thừa. Có như vậy, sự làm ăn của gia đình trong năm mới, sẽ được hanh thông. Ở hai bên góc bàn thờ, ngay dưới đôi câu đối, thế nào cũng bày một cặp cúc đại đóa, hoa nở vàng rộ. Trên bàn thờ cũng không thể thiếu những chiếc bánh chưng vuông vắn, dày cộm, màu lá dong xanh mướt nổi bật giữa màu men trắng ngà của chiếc đĩa Giang-Tây. Ngoài ra, còn những cân mút hạt sen, ngũ vị, những đĩa chè kho, chè lam và mâm ngũ quả được bàn tay khéo léo của mẹ tôi trình bày cho sắc màu hòa hợp: Vài trái bưởi Đoan Hùng, dăm trái cam Bồ Hạ, mười trái quýt Thanh, một trái phật thủ và nải chuối xanh được xếp đặt thật gọn gàng trên chiếc đĩa thật lớn, có đế cao. Mấy phong pháo Bình Đà, loại điện quang nổ thật ròn, xác pháo hồng thắm, được đặt ngay ngắn ở mép bàn thờ. Ngày xưa, khi còn nhỏ dại, tôi thường lén mở, tháo dây, lấy từng chiếc pháo đốt chơi!

Như một cái lệ bất di dịch, cứ sau ngày hai mươi ba, tiễn ông Táo châu trời, cha mẹ tôi dành hết thời giờ để sửa soạn ăn Tết, đón Xuân. Ngày Tết, đối với cha mẹ tôi hình như, không ngoài chiếc bàn thờ. Do vậy, nó phải bề thế và trang nghiêm để tạo nên cái không khí đặc biệt vừa đón Xuân, vừa để tỏ bày mối liên hệ tinh thần thắm kín giữa con cháu và các bậc tiền bối đã khuất bóng. Vì thế, ngoài tấm bài vị và các vật dụng thuộc phần lễ nghi, trên bàn thờ còn bày những bức ảnh truyền thần ông, bà, nội, ngoại. Nhìn ảnh thấy vị nào ngồi cũng ngay ngắn, khăn đóng, áo dài, mắt nhìn thẳng, hai tay xoè rộng, đặt trên đầu gối. Trông thật ngộ! Trong ngày Tết, đèn bàn thờ được thắp cả ngày đêm và hương trầm, hương nhang tỏa nghi ngút thơm nức nhà.

Ngoài chiếc bàn thờ còn chiếc sập gụ chân quỳ, kê ngay trước bàn thờ cũng được trải chiếc chiếu hoa cặp điều còn thơm mùi cói. Chiếc sập dùng làm nơi lễ bái và đặt mâm cơm cúng mỗi ngày, từ chiều ba mươi tới hết ngày mồng bảy, hạ nêu. Khi còn bé, tôi mong đến Tết để được mặc quần áo mới (thường dài và rộng) và tiền mừng tuổi để ăn quà, đánh đáo với mấy thằng bạn đồng trang lứa. Ôi, những đồng xu mới, màu đỏ au sao mà quyến rũ?...

Nhưng rồi dòng đời chuyển dịch theo vòng quay lịch sử. Tôi lớn lên trong bối cảnh chiến tranh và cũng vì chiến tranh gia đình tôi ly tán. Tôi bỏ miền Bắc đi xuống phương Nam, từ đó không bao giờ tôi được sống cái không khí ngày Tết với chiếc bàn thờ của cha mẹ tôi nữa! Tuy vậy, dù hoàn cảnh đời sống có đẩy tôi vào một môi trường khó khăn đến mấy, tôi cũng cố tạo cho bằng được một chiếc bàn thờ, dù bé nhỏ, ở một nơi xứng đáng nhất trong căn nhà. Tôi mua sắm những vật dụng cần thiết như chiếc lư trầm, cặp chân nến, chiếc bài vị sơn màu đỏ chói, chiếc bình nhang và bức màn nhiều điều có rèm kim tuyến, để mỗi dịp Tết có thể nhìn thấy hình ảnh mẹ cha, anh em, họ hàng, tượng trưng cho sự tiếp nối không

ngừng của dòng sống gia đình Việt-Nam. Trong mỗi dịp Tết, kẻ mơ ước quần áo mới và tiền mừng tuổi, nay thuộc về thế hệ các con tôi.

Có lẽ, cái nếp sống của cha mẹ đã xâm nhập, ăn sâu vào tiềm thức tôi và tạo thành nỗi dằn vặt, ám ảnh mỗi lần thấy Tết. Ngày trước, những chiều cuối năm, khi đi làm về, qua Đại Lộ Lê Lợi, qua chợ Bến Thành thấy nhộn nhịp, người đi, kẻ lại như trẩy hội, khi mắt nhìn thấy những chiếc sạp mới dựng xung quanh chợ để buôn bán mấy ngày trước Tết, khi tai nghe rộn rã lời rao hàng từ những chiếc loa phóng thanh ào tới, lòng tôi lại rạo rức, lại bồi hồi như có một sức đẩy kỳ bí làm choáng váng, ngất ngư! Nói cho đúng, Tết chỉ thực sự đến với tôi từ ngày hai mươi ba, sau bữa cơm tiễn Ông Táo. Cũng như cha mẹ tôi, kể từ giờ phút đó, hai vợ chồng mới đi vào chi tiết về nhu cầu ngày Tết. Năm nay, nên mua cành mai hay chậu mai, hoặc cành đào Hong Kong, tuy có đắt, nhưng đẹp. Năm ngoái đã mua cúc và thược dược rồi, năm nay nên mua đôi quất, chọn cặp nào thật sai trái cho vui nhà, vui cửa. Sau ngày Tết, trái quất có thể làm mứt được. Nhà mình sẽ gói bao nhiêu chiếc bánh chưng? Mua bao nhiêu ký mứt và kẹo bánh mời khách? Còn đồ ăn, thức uống? Những thứ linh tinh khác? Vì lo xa, nên quần áo của mấy đứa con, vợ tôi đã mua từ tháng trước. Vợ tôi không may sắm gì, nàng cứ nhất định mặc chiếc áo màu hoa cà có thêu mấy bông hồng đen. Da nàng trắng nên mặc cũng “nổi” lắm! Mỗi lần tôi nhắc đến chuyện may áo mới, nàng cười cười:

– Lương lính mà cứ ham! Cái áo ấy còn mới, mỗi năm xỏ tay một, hai lần, làm sao hư?

Tôi nhăn mặt:

– Thì cũng phải như người ta chứ? Có một cái áo, năm nào cũng đeo làm xấu mặt chồng. Em không nghĩ như vậy sao?

Vợ tôi nhìn về phía tủ áo:

– Không, em chỉ nghĩ làm sao cho anh và các con sung sướng, thế là đủ. Còn anh, tại sao bộ đồ anh may cả dăm năm rồi mà vẫn mặc? Bây giờ họ may kiểu mới rồi, anh không để ý sao?

Tôi nói khật khưỡng:

– Nhà binh mà, nếu bí quá, ngày Tết, anh mặc đồ Đại Lễ, vừa tiện, vừa oai, với mấy hàng huy chương trên ngực, khối người mê!

Vợ tôi nguýt dài:

– Ai thèm mê? Nói giỡn hoài! À đêm ba mươi Tết năm nay mình nhớ đi Lăng Ông xin xăm, hái lộc nhé! Năm ngoái không đi lễ nên cả năm làm ăn lụi đụi, chẳng ra sao!...

Rồi thời gian qua đi, từng năm, từng năm, tuổi đời chồng chất và những đắng cay làm hao hụt rạo rức cũng như mơ ước, như chiếc đèn thắp mãi cạn dầu. Nhưng dù sao, chiếc bàn thờ ngày Tết của gia đình tôi không thể thiếu cặp bánh chưng, một cành mai, đôi chậu cúc, một hộp mứt, đĩa trái cây và đèn hương nghi ngút từ chiều ba mươi tới hết mùng ba. Sự thực trong mấy chục năm sống tại miền Nam, cái khí hậu bốn mùa nắng ấm, không tạo cho con người những rung cảm vì thời tiết như miền Bắc. Ngoài miền Bắc có bốn mùa thay đổi và ngày Tết đang mùa lạnh với mưa phùn, gió bắc, công việc gieo mạ Chiêm đã xong, mọi việc đều ngưng đọng, chờ đến ra Giêng, mùa Xuân mới bắt đầu ươm trồng cây trái và cấy vụ lúa tháng năm. Do vậy cái Tết ở miền Bắc thi vị hơn, nhất là ở miền thôn dã với những hội hè,

đình đám vui chơi suốt tháng Giêng. Nhưng cái không khí ấy đã qua lâu rồi, đã bị Cộng Sản làm cho ngày Tết mất dần ý nghĩa và bây giờ đến lượt miền Nam đang đi dần vào sự tàn phai của một thời oanh liệt!

Nhưng không, không bao giờ cái Tết riêng biệt của hai miền Nam Bắc có thể phai mờ trong tiềm thức tôi, dù cho cuộc sống có đưa đời tôi đến góc biển, chân trời nào đi nữa! Nó như cơn bệnh định kỳ, mỗi năm một lần tái phát. Nó đeo đuổi dai dẳng và tạo cho tôi những tiếc nuối, tuy buồn bã nhưng vô cùng thích thú! Ngay cả trong thời gian bị giam cầm trong Trại Cải Tạo, mỗi dịp Tết, nhất là đêm ba mươi thường làm tôi mất ngủ! Cộng Sản có thể hành hạ thân xác tôi, nhưng Cộng Sản không có cách nào biết tôi đã và đang nghĩ gì trong lồng sọ. Những đêm Giao Thừa trong tù là những đêm bi thảm nhất của cuộc đời! Tôi đã trải qua năm đêm như vậy. Những chiếc chấn song sắt, những chiếc khoá, những viên đá tảng đã vây kín và giam giữ tôi trong vòng đai tù ngục, nhưng hồn tôi vẫn ào thoát ra không gian bát ngát, bay qua vùng núi rừng trùng điệp của dãy Hoàng Liên Sơn, qua bao nhiêu dòng sông, ngọn suối, qua bao nhiêu dặm đường dài để trở về miền Nam đón mùa Xuân với nắng vàng chói lọi đang nhảy múa trên cành mai, khóm cúc, trên những lối đi quen thuộc, trên mắt, trên môi của những cô gái Sài-gòn!

Bên ngoài cánh vật vẫn nằm trên một mặt phẳng sau lớp mưa, mỗi lúc mỗi nặng hạt. Hàng cây ven lộ vẫn vật vã, chao đảo theo chiều gió. Tôi gieo mạnh người vào lòng chiếc ghế xích-đu, đăm đăm nhìn ra.

Chiều ba mươi Tết đó! Không khí quanh tôi vẫn chìm đắm và nhàm chán như một lớp sơn quá cũ! Đời sống của nước Mỹ vẫn chuyển dịch theo một cường độ riêng của nó, cơ hồ như giữa nó và tôi không mấy may liên hệ! Tôi vẫn sống, vẫn ăn, vẫn thở nhưng cái sự sống đó có dư thừa chẳng, nếu một buổi nào, cái qui luật của nếp sống này buộc tôi phải từ bỏ những kỷ niệm, những mơ ước bé bỏng là được trở về Việt-Nam để gặp lại mùa Xuân Dân Tộc với chiếc bàn thờ trang nghiêm, khói hương nghi ngút, với mùi băng phiến trong rương quần áo, với cành đào, cành mai, với giò thủy tiên và chậu cúc đại đoá, những tờ giấy hồng điều còn thơm mùi mực sạ, với cái không khí mùa Xuân hăng cừu quê nhà!..

NHƯ THẾ

Từ ngày đến đất Mỹ, tôi đã dời nhà ba lần. Mỗi lần rời chỗ, tôi có cảm tưởng như mất mát, hư hao! Đất Mỹ tuy rộng, nhưng quả thực, tìm được một nơi ưng ý, quá khó. Đời sống ở đây, nó kỳ cục lắm. Mỗi ngày qua đi, chẳng để lại gì trong ký ức, ngoài sự nhọc nhằn về thân xác và những bút rút không đâu. Nó làm con người mỗi mòn trong những mưu tính, dù rằng mọi mưu tính đều là ảo tưởng. Người ta không thể trải dài dự phóng, vì bất ngờ luôn luôn chờ đợi bên ngoài cánh cửa. Sự được thấu nhận và thái hồi như một trò chơi ú tim, tạo nên sự bất trắc thường trực. Sống trong cái xứ “lao động là vinh quang” này, tôi đã làm khá nhiều nghề để mong phục vụ đời sống riêng tư, nhưng nghề nào đối với tôi, cũng chỉ là tạm bợ, một phần vì không có chuyên môn, một phần, không thích hợp với ý muốn. Số tiền mà tôi phải làm quần quật suốt tám giờ một ngày, chẳng làm cho đời sống được thoải mái, trái lại, muốn khỏi lâm vào tình trạng thiếu hụt, tôi phải tính toán chi ly từng đồng bạc. Chiếc xe

Chevrolet cũ, tôi mua với giá năm trăm đồng, to như con voi, uống xăng như uống nước, hư lên, hư xuống, do đó, tôi đi làm thường bị trễ giờ, đôi khi còn nghỉ luôn. Đó, cũng là một, trong những lý do vì sao tôi không làm lâu ở một chỗ bao giờ!

Khi mới nhập cư nước Mỹ, tôi ở nhờ nhà một người bà con để đi học tiếng Mỹ, theo chương trình “oéo-phe”. Sau một năm, sở xã hội bắt buộc tôi, ngoài giờ học, mỗi chiều phải đi làm những công việc có tính cách cỏ-vê như nhặt rác trên bờ xa lộ, chùi hành lang các công sở, rửa cầu tiêu công cộng .v.v... Thấy nhọc quá, tôi bỏ luôn “oéo-phe” đi kiếm việc làm tự túc.

Sự thực, vấn đề dời chỗ ở, không phải vì tôi muốn tìm một nơi trú ẩn theo ý muốn mà hoàn cảnh kinh tế buộc như vậy ! Sau khi kiếm được việc làm tại khu xây cất những ngôi nhà mới, tôi thuê lại một căn buồng của hai ông bà già, tuy có đông con cháu nhưng đều ở xa. Ông bà cụ theo các con sang đây trước ngày 30-4-75. Nghe nói, những người con, đều thuộc thành phần có chức phận cũ. Có người là Đại Tá, có người là Chánh Sở Quan Thuế Sài-gòn. Nhưng đời sống trên đất Mỹ không giống như ở Việt-Nam, nên sự góp mặt dưới một mái nhà, hoặc ở gần gận qua lại thăm viếng hàng ngày, hàng tuần quả thực hiếm hoi. Cả hai ông bà cụ đều quá tuổi sáu mươi lăm, được hưởng “tiền già”, do vậy, đời sống cũng phong lưu, vả lại, tuổi già không có nhiều nhu cầu, ham muốn. Đây là căn nhà cũ, xây cất đã trên dưới hai mươi năm, tại một khu tương đối nghèo của thành phố. Phía trước có bãi cỏ rộng thênh thang, màu úa vàng vì thiếu nước. Đằng sau bãi cỏ là con đường lớn dẫn vào xa lộ, do vậy, xe chạy ầm ĩ suốt ngày.

Sự có mặt của tôi trong căn nhà cũng làm cho không khí sinh hoạt sống động phần nào. Bà cụ ít nói, ngoài những khi cần. Bà đúng là mẫu người đàn bà Việt-Nam cổ. Dáng nhỏ thó, lúc nào ăn mặc cũng gọn gàng, tươm tất. Mái tóc bạc phơ, nhưng còn dày nên chiếc búi tóc to bằng trái ổi Cần Thơ cứ lúc la, lúc lắc, mỗi lần bà di động. Ngoài giờ cơm nước, bà ngồi thu lu trong lòng chiếc ghế bành, giống như con mèo, tay lần tràng hạt, miệng lầm rầm đọc kinh, mắt lim dim nhìn lên bức ảnh Phật treo trên vách. Còn ông cụ trông phương phi, có bộ râu dài ngang ngực, nói suốt ngày, nhất là sau bữa rượu buổi chiều. Tuy nhiên, vì không có bè bạn ở gần, những khi rảnh rỗi, đối thoại với ông cụ cũng vui vui. Có điều tôi không mấy thích thú là ông hay nhắc đi, nhắc lại đến quá khứ mà riêng tôi nghĩ, nó chỉ thuộc riêng ông! Khi còn ở Việt-Nam, ông sống trong căn nhà hai tầng lầu thật sang trọng ở đường Công Lý, nào con cháu, nào họ hàng với những hào quang “oanh liệt” đã tạo thành những ấn tượng cảm rữ tận đáy sâu tâm thức không dễ gì xóa bỏ và ông còn tin rằng nó đẹp hơn cả giấc mơ đẹp nhất!

– Này cậu, tôi càng nghĩ càng hối hận. Tại sao mình lại bỏ quê cha đất tổ mà đi? Tại sao lại bỏ Sài-gòn? Tại sao lại bỏ nhà, bỏ cửa, nơi ta đã đổ bao nhiêu công lao khó nhọc, bao nhiêu mồ hôi nước mắt để đến nơi đây, lạ thung, lạ thổ, lạ cả miếng ăn, tiếng nói ? Không biết cậu ra sao, chứ tôi không thể và không bao giờ làm quen được với cuộc sống này. Đã trót thì đành chịu, ngày nào có thể về được, tôi về ngay, không luyến tiếc mảy may. Cậu nghĩ xem, tôi nói có đúng không? Có con cháu cũng như không. Đưa thì Hút-tôn, Tếch dzít,” đưa thì tiểu bang nọ, tiểu bang kia, xa mút trời! Cả mấy năm, chúng chẳng về thăm mình một lần. Ngày giỗ, chúng chẳng nhớ, chỉ nhớ sinh nhật là giỏi. Mỗi năm đến ngày “Phadơ, Mado” chúng gửi về tấm thiệp là xong! Có đưa cũng chẳng buồn gửi!. Còn những đứa cháu nội ngoại, bây giờ chúng gọi ông bà bằng “U”! Cái nếp sống Việt-Nam đâu như vậy? Càng nghĩ, càng buồn nên tôi dùng rượu để khuây khoả mà rượu ở cái đất này, không thiếu!

Nói dứt câu, ông cụ đưa ly lên môi tợp một hụm, rồi khà một tiếng, xong nhìn chăm chăm vào mặt tôi như chờ đợi sự lên tiếng đồng tình! Nhưng tôi chỉ ậm ừ, gật gừ cái đầu thay câu nói.

Đúng ra, tôi không muốn để ông cụ phiền lòng, vì những gì mà tôi nói có thể đi ngược với nếp suy nghĩ của ông, hoặc ông không thể hình dung được một cách chính xác về tất cả những sự kiện đã xảy ra trên quê hương miền Nam Việt-Nam sau ngày 30-4-75. Nếu ông cụ biết rằng, với thành phần như gia đình ông, chắc chắn mấy người con sẽ phải đi học tập cải tạo và căn nhà hai tầng lầu sang trọng ở đường Công Lý sẽ bị tịch thu, còn ông bà cụ sẽ phải đi vùng kinh tế mới. Nếu ông cụ ngoan cố, chống lại lệnh của Đảng và Nhà nước thì cũng đi cải tạo luôn! Một khi đã đi vùng kinh tế mới coi như cuộc đời bị chìm sâu vào sự cơ cực triền miên, nếu không kham nổi, bỏ trốn về Sài-gòn, chỉ còn cách nằm vìa hè, sống nhờ dưới mái hiên người khác, không hộ khẩu như trường hợp của bao nhiêu gia đình có danh phận thuộc chế độ cũ, chính mắt tôi đã nhìn thấy hôm nào, ngay giữa thành phố Sài-gòn. Tôi làm sao nói cho ông cụ nghe sự thực về nỗi thống khổ của bao nhiêu kiếp người đã và đang gánh chịu trong các Trại Tập Trung Cải Tạo mà chính bản thân đã trải qua. Ông cụ đã đi tản qua đây trước ngày 30-4, cuộc sống dù thuận hay không, nhưng chắc chắn chưa bị đói bữa nào, làm sao ông cụ có thể biết thế nào là cái đói xé ruột từ ngày này qua ngày khác của những người tù thua trận? Tối nào ông cụ cũng nằm ngủ trên chiếc giường hai nệm một cách bình yên, làm sao ông cụ có thể cảm thông được sự chua xót, nhục nhằn của những chiếc lưng gầy quanh năm nằm đất, sau những giờ lao động khổ sai, trước con mắt thù hận, khinh khi của những tên cai ngục! Tôi không muốn, quả tình tôi không muốn, thân hoặc tôi có nói ra, chưa chắc ông cụ đã tin. Vì nghĩ vậy, tôi nói lửng lơ:

– Dạ, thưa Bác, quá khứ thường ra, bao giờ cũng đẹp, cháu cũng có những kỷ niệm từ thời thơ ấu tới lúc trưởng thành ở thành phố Sài-gòn, nơi cháu đã sinh ra, lớn lên, học hành, bè bạn rồi đi lính uỳnh lộn với cộng sản.

Ông cụ lại đưa ly lên môi tợp một hụm. Sau tiếng khà, ông nhếch mép cười. Chòm râu bạc rung rung làm khuôn mặt ông trẻ lại đôi chút:

– Thế cậu đồng ý với tôi, mình phải trở về nếu có cơ hội chứ?

– Dạ, cái đó cũng còn tùy vào chế độ chính trị!

– Tại sao lại tùy? Thế cậu còn định mưu tính chuyện gì ở cái đất Mỹ này? Tôi nói thực cho cậu biết, dù ngày nào cậu có nhập quốc tịch Mỹ đi nữa, cậu vẫn chỉ là tên mất nước, một tên mũi tẹt, da vàng, chạy theo đồng đô-la học máu mồm để phục vụ nhu cầu, như mấy thằng con tôi đó! Vì ham bắt đô-la, chúng bỏ mặc bố mẹ nằm chèo kheo ở đây, nếu không nhờ tuổi già được luật pháp xã hội nước Mỹ cho tiền sống, chờ tụi nó nuôi, còn lâu ạ!

Ông cụ trề môi, tỏ ý chán nản, rồi tiếp:

– Mấy thằng con tôi, sau năm năm, đều trở thành “sí-tai-dơn-síp” cả rồi đấy. Như vậy, mặc nhiên chúng tôi là bố mẹ, ông bà của tụi Mỹ gốc Việt-Nam, chứ phải chơi đâu! Nhưng, này cậu, tôi vẫn cảm thấy nó làm sao ấy, không ổn. Nhiều đêm không ngủ được, tôi suy nghĩ hoài về chuyện đó. Con mình đẻ đứt ruột, tử thuở lọt lòng, nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, nuôi nát xương lòi da, nay chúng trở thành kẻ khác, từ nếp sống tới suy nghĩ càng ngày càng xa mình! Càng nghĩ càng đau, cậu ơi!

– Dạ, thưa Bác, chuyện ấy quá thường mà. Ở đây, cháu nghe nói, muốn dễ kiếm job phải có quốc tịch Mỹ. Bác thấy không, như trường hợp của cháu đây, khổ lắm! “ốp-lai” chục nơi, chờ đợi, phỏng vấn, khai báo tùm lum may ra mới kiếm được một chỗ vớ vẩn, hơn bốn đồng một giờ. Tuy vậy cũng chỉ làm được ít lâu, hết việc lại “lai óp”, lại “phai ơ”, tương lai mờ mịt, chả nhìn thấy phượng hướng gì cả, chán lắm Bác ơi! Ngày nào, đủ thời gian, cháu cũng xin nhập tịch!

Ông cụ nhíu đôi mày rậm, có nhiều sợi dài phủ xuống mí mắt như những sợi tóc:

– Lại cậu nữa! Các cậu còn trẻ là ham lắm. Nào nhà, nào xe, nào du hí! Nhưng, như cậu là ngoan đấy. Từ ngày cậu đến ở với chúng tôi, ít khi cậu đi chơi qua đêm. Như vậy tốt. Vấn đề con gái ở cái đất Mỹ này là bậy lắm! Tôi nghe nói, có nhiều thứ bệnh mới quái quỷ mà y học chưa tìm ra thuốc chữa! Có đúng thế không cậu?

– Dạ, cháu đâu biết! Cháu làm gì có tiền để du hí. Như cháu đã nói với Bác tất cả sự thật về số tiền cháu kiếm được hàng tháng. Có mấy trăm đồng bạc mà phải chi nào tiền nhà, tiền ăn, tiền xăng nhớt, tiền bảo hiểm, tiền thuế, tiền sửa xe v.v... Tính ra mỗi tháng, cháu còn dư được chừng năm chục đô-la. Số tiền đó, cháu để vào quỹ “xê vinh” phòng khi bị thất nghiệp còn có mà chi dụng, chứ ở cái đất này, vay ai? Còn xin “oéo-phe” nhục lắm Bác ơi, nó bắt mình ngày nào cũng phải đi “ốp-lai” kiếm việc, nếu không tìm ra việc, nó gọi đi nhặt rác, đi cuốc cỏ dại ở hai lề phố v.v... chịu gì nổi? Cháu cũng còn một tý tự ái, hơn nữa, cháu qua đây để tị nạn chính trị chứ đâu để thụ hưởng, nhưng tụi xã hội nó cứ tưởng mình chỉ muốn ăn, không muốn làm! Từ ngày qua, cháu mới gửi về cho vợ con được một thùng quà trị giá hai trăm đô-la. Con vợ cháu nó tưởng sang đến đây, cháu phải làm vương, làm tướng gì, hái ra tiền, lại mè o mỡ gì đó, không gửi tiền về nuôi vợ con, nó viết thư kêu la tùm lum, trách móc hết lời. Cháu nói gì nó cũng không tin, Bác thấy có khổ không?

– Đó, chính vì những lý do ấy, chẳng riêng gì hoàn cảnh của cậu, còn nhiều người khác, nên tôi vẫn cho rằng, khi nào thuận lợi mình phải trở về vì không đâu bằng quê hương ta cả. Cuộc sống ở quê nhà nó có tình, có nghĩa lắm, còn ở đây, chỉ có tiền thôi! Chán lắm! Phía trước, phía sau, quanh quẩn chỗ nào cũng chỉ thấy Mỹ trắng, Mỹ đen, “hai” với “he lô” suốt ngày, chịu không thấu. Tôi nghe nói, khi trước, cậu cũng có chức phận cơ mà!

– Thưa Bác, đi lính với cấp úy quyền, sống ở mặt trận hoà, làm gì có chức phận! Cháu cũng đi tù, qua năm trại cải tạo, nhưng được cái, chỉ ở trong Nam thôi, không bị đưa ra Bắc. Tù được ba năm, thấy lâu và khổ quá, cháu trốn trại rồi tìm đường vượt biên. Vượt mãi mới thoát đó, Bác ơi! Có một lần bị vướng, cháu nằm ấp tại đồn Công An Gành Hào, Bạc Liêu mất nửa tháng, rồi lại trốn!

– Ôi chao, vậy há? Ngó cậu ngơ ngơ vậy mà can đảm ghê! Vào trường hợp cậu, tôi đâu dám! Nhưng này, ở tù mọi người đều khổ như nhau, người ta chịu được, mình chịu được, có gì đâu mà cậu phải liều vậy? Nhỡ bị tụi nó tóm lại, tù mút mùa đó!

Tôi biết, không thể nào nói để ông cụ hiểu rõ cái tâm trạng của tuổi trẻ chúng tôi, khi bị giam cầm và đối xử tàn tệ trong kích thước nhà tù cải tạo mà lỗi không do chúng tôi. Sự thua trận ngày 30-4 hoàn toàn ngoài dự tưởng và kết quả của nó đã đưa đến sự sụp đổ toàn diện! Ngay cả sự sống của tôi hôm nay cũng ngoài dự tưởng! Nếu ông cụ có tha thiết với quê hương, với Việt-Nam cũng chỉ vì một vài kỷ niệm huy hoàng nào đó! Còn tôi, những kỷ niệm nếu có, cũng chỉ như những vết chém đau thương đã thành sẹo ở trong tâm cảm vì ở lứa tuổi chúng tôi, sinh ra rồi lớn lên cùng chiến tranh, một thứ chiến tranh hỏa mù, không lối

thoát. Mọi người cố vùng vẫy như bầy thú mắc bẫy, để cuối cùng, một số đào thoát, một số đông bị đầy ải, giam cầm trong không khí oán thù chất ngất, chẳng biết đến bao giờ?..

Bóng tối đã vây lút toàn diện. Ông cụ đứng dậy bật đèn. Căn phòng trở trụ vì không có gì, ngoài mấy chiếc bàn ghế. Bà cụ đã vào buồng nằm như mọi tối. Căn nhà này, ông cụ nói, thuê từ ngày mới di tản có hai trăm đồng, đến nay đã phải trả gấp đôi, tuy vậy, hãy còn rẻ nếu so với căn nhà khác cùng tình trạng. Tôi ở đó trên bốn tháng, chưa hề thấy ông bà cụ nhận được lá thư hoặc có ai đến thăm hỏi, điện thoại cũng không. Vì thế nhị, tôi chẳng bao giờ đặt câu hỏi. Tôi đến ở, do sự giới thiệu của một người quen. Sự nhượng lại một căn buồng, tương đối rẻ hơn thuê ở chung cư. Trong tháng đầu, tôi chỉ ở, không ăn. Mỗi ngày, tôi ăn qua loa cho xong bữa, hết Hamburger lại Hot Dog, chán thứ đó, có mì ăn liền. Sau một tháng, chịu không nổi, thèm cơm quá, tôi nói với ông bà cụ cho ăn cơm tháng luôn. Bà cụ vui vẻ nhận lời. Riêng ông cụ thích lắm, vì mỗi bữa, ông lại có dịp nhắc nhở đến các món ăn quê hương và các loại rau thơm:

– A ha, cậu qua muộn, may mắn lắm! Khi chúng tôi mới tới, một giọt nước mắt cũng không có, thèm muốn chết, còn nói gì đến những thứ khác. Nhưng, này cậu, cậu có nhận thấy bất cứ món gì làm ở trên cái đất Mỹ này cũng không ngon bằng ở quê nhà không? Nhất là các loại rau! Cũng là húng, là ngò, là răm, là xả mà sao không thơm, không có hương vị như rau trồng tại Việt-Nam! Ăn phở mà không có ngò gai, húng quế, coi như không ăn phở. Ăn chả giò, thiếu những loại rau thơm, coi như bỏ! Đúng thế không cậu?

– Dạ cháu thấy cũng vậy vầy thôi. Miễn có là được! Khi đi cải tạo, đói quá cháu ăn cóc nhái, rắn rết nướng trần với mấy hạt muối, vẫn thấy ngon đó Bác!

– Nói như cậu, chán gớm!

Nhưng đến tháng thứ sáu, tôi phải dời đi chỗ khác vì bị thất nghiệp, không còn đủ tiền để trả tiền ăn và ở, dù ông bà cụ có lòng tốt, cho thiếu tới khi nào kiếm được việc làm sẽ trả. Nhưng tôi tự nghĩ, sự thân tình giữa tôi và gia đình ông bà cụ không cho phép như vậy, sẽ gây sự hiểu lầm đáng tiếc nếu tôi bị thất nghiệp dài dài!

Nơi ở thứ hai tôi có mặt, cũng không lâu. Đó là gia đình của một người bạn cùng đơn vị khi trước. Vợ chồng anh bạn sẵn lòng cưu mang, nhưng phải cái tội, họ hay cãi vã quá, hầu như tối nào họ cũng làm khổ nhau vì những chuyện không đâu. Người vợ vì quá thương yêu chồng nên ghen bóng, ghen gió, còn anh chồng tính tình nóng nảy, nghe vợ nói dai không chịu được, đổ quạu, thế là lời qua tiếng lại ồn ào! Cả hai người đều đi làm, mỗi người một sở. Đứa con nhỏ phải mang gửi “bê-bi-sít” từ sáng tới tối. Đứa bé về đến nhà, đặt đâu ngồi đấy, cho ăn thì ăn, cho uống thì uống như đứa trẻ mất hồn! Hình như nó đã quen sống với giờ khắc nhất định nên chẳng đòi hỏi hoặc nhõng nhẽo như những đứa trẻ ở Việt-Nam. Vì đẻ ở Mỹ nên mặc nhiên nó là công dân Mỹ với cái tên Judy Nguyễn. Bố mẹ nói tiếng Việt, nó không hiểu, phải nói tiếng Mỹ nó mới nghe ra. Buổi tối đến giờ đặt nó vào giường riêng. Cả đêm, tôi không nghe tiếng khóc. Sáng dậy, mẹ nó lại mang gửi với cái túi đựng tả và mấy bình sữa! Cứ như thế nó lớn dần. Nhìn đứa bé, tôi nhớ đến con tôi, khi nó bằng chừng ấy, mẹ nó vẫn ôm nó ngủ hằng đêm, nào sẵn sóc, vỗ về, chiều chuộng đủ thứ. Nó vừa òa khóc đã vội vạch ngực ấn chiếc vú vào mồm con! Khi nó ấm đầu, mẹ nó đã cuống cuống đem đi Bác Sĩ, còn kiêng khem gió máy, kiêng cử đồ nọ, thức kia. Hình như tất cả nguồn sống vui buồn của người mẹ đều do đứa con chi phối. Chỉ riêng chuyện đó thôi, tôi nhận thấy, hai nếp sống tình cảm Mỹ, Việt không bao giờ có thể hòa đồng được. Cũng như tôi không ngạc

nhân khi thấy những người Mỹ già, đa số đến Viện Dưỡng Lão hoặc ở “Mô-biêu-hôm,” sống một đời sống cô đơn, tẻ ngắt vì con cái chúng bỏ, cũng như khi trước họ đã bỏ bố mẹ họ vậy! Còn ở Việt-Nam vô phúc lắm, con cái mới bỏ bố mẹ, nhưng nay, có thể khác!

Sau hơn hai tháng ăn nhờ ở đậu, tôi đã kiếm được việc. Tôi vào nghề làm vườn và cắt cỏ. Công việc này đòi hỏi phải có sự khéo léo ngoài sức khoẻ. Mỗi giờ công là bốn đồng hai mươi lăm xu. Tôi muốn được một chỗ ở tuy chẳng tốt lành gì, nhưng vừa đủ cho hoàn cảnh của riêng tôi. Đó là chiếc ga-ra biến chế, được ngăn thành buồng. Có chiếc bếp điện nhỏ và một nhà cầu bé tí xiu, không có buồng tắm. Khi muốn tắm phải lên nhà trên. Ngay sát ga-ra là căn buồng do một anh chàng da đen thuê. Chẳng biết anh ta làm nghề ngỗng gì mà đi từ mờ sáng tới tối mịt mới về. Vừa về đến nhà, anh ta mở nhạc âm ỉ tới khuya. Thỉnh thoảng anh ta lại dắt về một cô bạn cùng màu da, tóc xoắn như lò-so, thân hình mập mạp như chiếc lu. Những tối đó, tôi mất ngủ vì những tiếng động vọng qua, khi mau, khi chậm. Chủ nhà, một người Mỹ gốc Tàu, đã la lối và cảnh cáo anh ta về chuyện đó và dọa sẽ không cho anh thuê nhà nữa, anh chỉ nhe hàm răng trắng ớn ra với câu: Sorry!

Chính vì sự mất yên tĩnh, tôi có ý định chờ cơ hội kiếm được cái job nào khá hơn lại rời chỗ. Cũng may, gia tài của tôi chả có gì ngoài tấm sleeping bag và chiếc va-li nhỏ, do đó, khi cần di chuyển, tôi vút tất cả lên xe gọn gàng.

Buổi chiều nay, sau khi tắm rửa xong, ăn bát mì khô, tôi lững thững thả bộ ra công viên tìm chỗ ngồi cho thoáng. Tôi ngồi xuống bãi cỏ, nhìn những ngọn đồi giăng dài phía trước. Những ngôi nhà làm trên đỉnh đồi phản chiếu ánh mặt trời trên những khuôn cửa kính, trông lấp lánh như những tấm gương. Màu trời xa thẳm, hun hút. Chiếc trực thăng Cảnh Sát lượn vòng vòng phá tan sự yên tĩnh của không gian. Tôi ngó quanh quất, bãi cỏ rộng mênh mông như tấm thảm xanh với những tàn cây to che rợp từng khoang. Đó đây trai gái nằm ngồi ngổn ngang. Họ ôm nhau hôn hít thật mặn nồng. Những cặp đôi trắng nõn ruỗi dài như những thân chuối đã bóc hết lớp bẹ ngoài. Cái nước Mỹ này lạ thật, họ mặc quần đùi chèn ngắn, thật ngắn với sú-cheeng đi nghênh ngang ngoài đường, nhiều cô vú vê thõn thện. Thoạt đầu còn lạ mắt, nay đã quá quen, tôi chẳng muốn nhìn vì quá nhiều, hơn nữa, cũng vậy cả!

Những tia nắng cuối của một chiều mùa hạ còn đọng trên ngọn cây phía xa, ngang lưng đồi làm cảnh trí sinh động. Tôi vẫn mơ ước, một ngày nào đó, tôi có một căn nhà nhỏ ở trên sườn đồi trước mặt để mỗi chiều đi làm mệt nhọc về, có chỗ nghỉ ngơi. Ngày nào vợ con tôi qua được, chúng tôi sẽ sống một cuộc đời hạnh phúc ngay trong căn nhà đó. Tôi sẽ trồng thật nhiều hoa hồng. Mỗi sáng thức dậy hương thơm sẽ theo gió bay vào nhà làm ngây ngất. Tôi sẽ vừa đi làm, vừa đi học để có một nghề chuyên môn vì tôi biết, nếu không có nghề, rất khó kiếm việc. Khi có nghề rồi lại phải mua kinh nghiệm nữa. Từ “ốp-lai” nào cũng đòi hỏi chứng minh quá khứ nghề nghiệp! Khi có tiền, tôi sẽ mua chiếc xe mới để chở vợ con đi chơi cuối tuần. Chúng tôi sẽ thăm những thắng cảnh nổi tiếng của nước Mỹ. Chúng tôi sẽ có một đời sống vững chắc chứ không bấp bênh như bây giờ! Tôi đang sống với mơ dự phóng, một ông Mỹ chạy jogging qua mặt. Chiếc bụng đầy mỡ rún rẩy theo mỗi nhịp chân; hơi thở hỗn hển như không còn sức. Tôi nghĩ, ông ta cứ đến Việt-Nam xin làm công dân Xã Hội Chủ Nghĩa một thời gian là bụng xẹp lép ngay, chẳng cần jogging, chẳng cần “đai-ốt”!

Tôi quay mặt ra phía lộ. Những chiếc xe đủ kiểu chạy loang loáng, hình như không lúc nào ngừng. Cái đời sống ở đây, ai vội cứ vội, ai nhớn nha cứ nhớn nha. Bỗng có tiếng thắng xe ken két. Chiếc Mustang kiểu thể thao, bỏ mui, đậu sát lề. Một người đàn bà tóc đen lánh, xoa quá vai, mở cửa bước xuống. Đúng, một người Á Châu, nhưng tôi không đoán được

thuộc quốc tịch nào. Mùi nước hoa theo gió bay ngào ngạt. Ở đây, người ta dùng nước hoa quá nhiều. Nếu một ngày nào, không có nước hoa và thuốc hôi nách, chẳng hiểu những người đàn bà Mỹ sẽ có hương vị ra sao? Người đàn bà nhẹ nhàng đi vào bãi cỏ. Cặp giò dài được nâng bởi đôi giày màu đỏ chói, gót cao lênh khênh. Sự thực, người đàn bà này, ngoài bộ tóc, cũng chẳng có gì khác biệt với những người đàn bà tôi thường gặp hàng ngày và ngay trong công viên này, chẳng thiếu gì! Có lẽ, cũng chỉ vì mái tóc và chiếc xe quá đẹp đã làm tôi chú ý.

Người đàn bà ngồi cách chỗ tôi chừng dăm bước chân, lặng lẽ trải chiếc khăn lông màu vàng nhạt trên nền cỏ, rồi từ từ xếp vòng đôi chân ngồi xuống, mở ví lấy thuốc hút. Một làn gió thổi làm làn tóc phủ kín mặt. Hai bàn tay trắng muốt đưa lên vuốt tóc ra phía sau. Đột nhiên, người đàn bà quay mặt về phía tôi, ngó sửng. Cái nhìn làm tôi khó chịu, toan đứng dậy, chợt có tiếng nói:

– Xin lỗi, ông, người Việt hé?

– Vâng!

– Nhìn người Việt, tui nhận ra ngay. Ông qua lâu chưa? Trước ngày 30-4 hay vượt biên?

– Dạ, tui vượt biên, mới được ít năm!

– Ủa, tui trông ông quen quen. Xin lỗi, hồi ở Việt-Nam, ông có ở miệt Tân-Định không hé?

– Có, nhà tôi ở xóm Chùa!

– Ôi, chu choa, xóm Chùa hé? Chèng đéc ơi, nhà tui cũng ở khu đó mà! Tui ngó ông ngờ ngờ! Ông có phải là cậu Dinh đó hôn? Khi trước đi học, cậu lái chiếc Honda nổ máy rần rần lổn nhổn, rồi sau cậu đi lính mà!

– Đúng, tôi là Vinh!

Trả lời xong, tôi ngó chăm chăm vào người đàn bà lúc này đã đứng trước mặt, cố nhớ xem ai? Nhưng chỉ phảng phất, hình như tôi đã gặp ở đâu đó!

– Cậu còn nhớ tui hôn? Nhà tui ở gần nhà bà Tư bán bún bò đó, sát chiếc má đá mà!

A, bà Tư bán bún bò, tôi nhớ bà lắm. Bà người mập lùn; bún bò của bà vừa ngon, vừa rẻ, tôi thường ăn mỗi sáng, trước giờ đi học. Chả lẽ đây là con Năm, đứa con gái nghèo khổ, phụ giúp công việc cho bà Tư, bưng quà cho khách? Tôi có biết, một dạo nó làm gái bán Bar rồi lấy Mỹ! Hơn nữa, tôi còn nhớ, một buổi vì xích mích với một cô gái cùng xóm, cô kia đã chửi nó như vầy: “Bây giờ mày lấy Mỹ, có nhiều tiền, về xóm làm le với bà con! Mày quên rồi sao, lúc trước mày chỉ có một chiếc quần, tối nào giặt, mày ngủ cời truồng, ai không biết! Cái thứ điếm Mỹ mà làm tàng!”

– A, cô Năm, đúng không? – Tôi nói vội vàng.

– Đúng, đúng đó! Cậu có biết vì sao tui nhận ra cậu mau vậy hôn? Tại cái mụn ruồi bên má cậu đó! Nhưng sao mau già vậy?

– Đời sống cực quá mà, làm sao trẻ được?

– Lúc này cậu mần công việc gì, ở đâu? Vợ con ra sao? Nói tiếng Mỹ giỏi chưa?

Con Năm bưng bún bò cho khách năm nào, một đứa con gái nghèo khổ chỉ có một chiếc quần lành mặc ra đường, bây giờ nó hỏi tôi như vậy đó. Tự nhiên mặt tôi nóng ran như vừa ở trong lò lửa bước ra. Tôi cố dằn cơn giận:

– Công việc làm ăn vậy vậy, vợ con còn ở Việt-Nam, tiếng Mỹ nói ầm ớ, đủ chữ đi làm cu-li. Còn cô, đời sống chắc tươi lắm, xe đẹp quá hé?

Con Năm cười, chiếc môi tô son đỏ thắm hé ra, để lộ hàm răng đều, trắng muốt:

– Tui theo chồng qua đây lâu rồi, trước ngày ba mươi lặn. Đời sống như vậy đó ! Thằng chồng tui bận việc đi xa luôn, ở nhà một mình buồn quá, lái xe đi chơi cho dzui mà !

Nói xong, con Năm mở ví đưa cho tôi tấm danh thiếp. Tôi mân mê tấm giấy nhỏ trong tay, nhìn xoáy vào một khoảng ngực để trần, màu da hồng như phấn bươm. Trong người tôi, hình như các sợi dây thần kinh đều nở ra và sự ham muốn nào đó làm tâm trí rối loạn. Tiếng con Năm đưa tôi ra khỏi cơn mê:

– Nếu có rảnh, mời lại chơi. Khi tới, nhớ phôn trước! Thôi, bai, bai!

Tiếng đóng cửa đánh rầm. Chiếc xe nổ máy, chồm lên lao vút như con ngựa rừng quen lối. Chỉ một thoáng, nó đã chìm khuất vào mặt lộ thênh thang, mù thắm!

Escondido 7- 85

CŨNG ĐÀNH

Tôi biết, tất cả những gì đang hiện diện trước tầm nhìn, chỉ ít tiếng đồng hồ nữa, chúng sẽ biến thành ảo ảnh và trở nên kỷ niệm. Quả tình lúc này, tôi không thể có một nhận định chính xác, đâu là thực, đâu là hư!

Cái thành phố mến yêu, đã trên ba mươi năm, tôi có mặt, đã quá quen thuộc nhưng bỗng nhiên nó trở thành xa lạ từ con đường tới dãy phố, hàng cây! Tôi ngồi trên chiếc xe đạp cũ mèm, đạp từng vòng hồ hững. Trước khi mất hết những thứ gì quá quen thuộc, quá thân mến, người ta có cảm tưởng hình như những thứ đó có một hấp lực kỳ lạ bắt mình phải nghĩ tới, phải lệ thuộc vào nó như chiếc đinh gút trước sức hút của khối nam châm. – “Hay là thôi, mình hủy bỏ chuyển đi?” Đã có phút tôi nghĩ như vậy, vì cuộc đời đã mất mát quá nhiều, chỉ còn sự lưu luyến nhỏ bé này, chả lẽ để mất nốt? Tôi cứ suy nghĩ miên man, vòng bánh quay đều trên mặt lộ rộng rinh vì không còn nhiều xe lưu hành như ngày trước.

Ánh nắng đã ngả dài, bóng những tàng cây cao làm rợp một bên phố. Tôi ngửa mặt nhìn lên. Khung trời xanh ngắt không gợn một áng mây. Sài-gòn đang mùa mưa, nhưng buổi nay trời rất đẹp. Những vòm lá chao qua, chao lại theo cơn gió. Những chiếc lá rụng đuổi nhau chạy giạt vào mép lộ. Vài chiếc xích-lô đạp đợi khách đậu bờ vờ. Chưa bao giờ thành phố Sài-gòn lại buồn bã như vậy! Đây, tuy không phải nơi tôi sinh ra, nhưng chính nó đã nuôi dưỡng và cho tôi tất cả những hoài vọng cũng như thất vọng trong tuổi thanh niên. Hơi thở của tôi hòa cùng nhịp sống của nó. Tôi đã sống với tất cả đam mê, với những chứng tích đã khắc đậm vào tâm cảm như mũi dao nhọn chạm sâu vào mặt đá. Thế mà chỉ mấy tiếng đồng hồ nữa, tôi sẽ phải xa nó, xa vĩnh viễn như một chia lìa khuất mặt! Những hình ảnh từ một cõi mơ hồ nào lao vút tới như những mũi tên thép cắm vào trí tưởng làm toàn bộ thần kinh choáng váng. Tôi cố gỡ từng mũi một, mỗi mũi được rút ra, đều mang theo dòng máu tràn trề. Tôi

nghiến chặt hàm răng để ngăn dòng cảm xúc. Tôi muốn sống, muốn ôm cả cuộc sống đã trôi qua của cái thành phố này và giữ kín cho riêng mình. Từ một đại lộ tới con hẻm lầy lội sau mỗi cơn mưa, từ tấm mái tôn rỉ sét đến ánh đèn le lói hắt hiu trong một xóm nghèo, từ chiếc hàng ba lâu ngày, sơn đá tróc, từ nhánh bông giấy màu rực rỡ lá ngọn bên bờ tường, từ tiếng rao hàng mỗi sớm, mỗi khuya, tất cả lúc này a vào tôi như những rễ tầm gửi bám vào thân gỗ mục. Tôi ra đi, chưa biết may rủi nào đó đang chờ đợi ở ngã ba đường? Nếu ở lại, đời tôi cũng chẳng có cơ may tái tạo. Tôi sẽ phải cúi mặt trước kẻ thù tới khi nhắm mắt. Để dứt bỏ lòng suy nghĩ, tôi rướn mạnh người. Hai chiếc bàn đạp quay nhanh theo đà chân.

Chiếc xe lao qua những dãy phố tới đầu con lộ, nhìn thẳng ra mé sông. Ngay sát đó, một công viên với bồn cỏ cần cỗi, vài chiếc ghế đẩu bằng xi-măng có dăm người ngồi, dáng điệu trầm ngâm. Tôi băng ngang lộ, tìm chỗ dựng xe, ngồi xuống ghế, nhìn dòng nước. Bên kia là Thủ Thiêm. Rặng dừa nước giăng ngang chân trời như rặng cửa. Bờ bên kia, phía xa, một dãy xà-lan đen ngòm đậu im lìm, xen kẽ vài chiếc ghe chài nếp sát, trông bé nhỏ, thật bé nhỏ so với chiều dài, rộng của dòng sông. Có cô gái đứng hong tóc trên mũi một chiếc ghe. Gió thổi làm dòng tóc bay bay như những đợt sóng. Thỉnh thoảng, cô đưa tay lên vuốt, hình như muốn cho mau khô. Mỗi lần cô gái cử động, cái thân hình mảnh mai lại lay động như có sức đẩy vô hình.

Cái hoạt cảnh này bất chợt làm tôi sống lại khoảng đời đã mất! Tôi nhớ, cũng một buổi chiều như thế này, ngày xưa, tôi đã cùng My qua sông trên chuyến đò ngang. Chúng tôi đã chạy nhảy trên con lộ đất đỏ hoe, uốn lượn theo bờ lúa. Chúng tôi đã đuổi bắt những con bướm vàng bay nhớn nhỡ bên vệ cỏ. Chúng tôi đã ngắt những bông đòng đòng đưa lên môi, hút chất nước thơm mùi lúa mới. Chúng tôi đi mãi đến một thôn xóm xa, nơi có thật nhiều dừa nước lá ngọn trên con lạch, có chiếc cầu khi bắc ngang. Khi qua cầu, My bấu chặt lấy tôi vì sợ té. Đôi bàn tay nhỏ bé đã ôm tôi trong suốt khoảng thời gian tuổi trẻ thiên thần. My cứ lần từng bước theo tôi. Khi qua được quá nửa cây cầu, không hiểu sao, My buông tay. My đi từng bước rụt rè, lảo đảo. Bỗng My hụt chân. Sợ quá, My bấu chặt lấy tôi, cả hai mất thăng bằng cùng rớt xuống lạch. Chúng tôi lóp ngóp lội vô bờ, áo quần sũng nước. My chưa qua cơn sợ, da mặt tái xanh, đôi mắt mở to ngơ ngác. Tôi đưa My vào núp dưới bóng những tàu dừa. My xoa tóc, dòng tóc đen lánh như mun, chảy dài che lấp nửa lưng. My đưa tay lên vuốt cho dòng tóc bung ra trước cơn gió. Tôi nhìn những đường cong diễm tuyệt mờ ảo sau nếp vải ướt. Trông My lúc này giống một tác phẩm điêu khắc. Cơn gió mạnh đột nhiên ập tới. My run vì lạnh. Nàng ôm chặt tôi. Những lọn tóc bay theo chiều gió quăn chặt lấy hai đứa như chiếc lưới bằng tơ. Chúng tôi cứ ôm nhau cho tới lúc áo quần khô hết mới trở về con lộ dẫn đến bến đò. Buổi chiều nay, buổi chiều cuối cùng, tôi có mặt tại nơi này, vô tình lại được nhìn dòng tóc bay trên bến sông buồn! Đã từ lâu, My không còn thuộc về tôi nữa; nàng đã lấy Khang, bạn thân của tôi, cùng ở trong Quân Đội, nhưng không cùng Đơn Vị. Còn tôi, sau đó ít lâu, vì định mệnh đẩy đưa, cũng thành hôn với người bạn cùng lớp với My khi trước. Chồng My hiện vẫn còn bị tập trung Cải Tạo tại miền Bắc. Tôi biết, trong hoàn cảnh này, My đang gặp khó khăn, cũng như gia đình tôi và bao nhiêu gia đình quân nhân khác. Cái cuộc sống này, không còn thuộc về giai cấp của chúng tôi nữa. Tôi muốn đến thăm My lần cuối, cũng như vài người bạn thân trước khi già từ cái không gian khổ khó mà mấy chục triệu con người đang phải gánh chịu từng giờ, từng phút. Tôi ra đi, nếu may mắn, không bị Công An biên phòng bắt, không bị đại dương vùi dập, sẽ đến một phương trời khác, cũng kể từ đó, tôi và họ sẽ chỉ sống với nhau bằng kỷ niệm! Tôi thường nghĩ, một trong những bất hạnh của cuộc đời là không có bạn. Bạn bè tôi còn đó, có đó, nhưng tự trong thâm tâm, tôi đã cảm

thấy mất họ và mất tất cả những gì thiêng liêng, quý báu mà cả đời tôi đã cố công gìn giữ. Trong tuổi hoa niên, tôi đã mất My và nàng đã trở thành một ngọn hải đăng le lói ở cuối chân trời tiếc nuối! Cho đến hôm nay, dưới sự thống trị bạo tàn của Cộng Sản, tôi đã mất hết, kể cả tự do! Tôi như con chim bị nhốt trong chiếc lồng chật, cứ tung mình nhảy quay cuồng để tìm không gian xoải cánh.

Dòng sông phản chiếu ánh sáng cuối của một ngày, long lanh như một chiếc gương vĩ đại. Vài ngôi sao nhấp nháy trên cao. Màu trời tím biếc, phẳng lì như tấm nylon căng thẳng. Rặng cây phía bên kia đã sậm màu trở thành một khối đậm đặc, nặng nề chắn ngang tầm mắt. Cảnh trí như chết sững, u uất, tạo nên ấn tượng ghê sợ! Tôi nhìn quanh quất. Mọi người đã bỏ công viên từ lúc nào, chỉ còn lại mình tôi với nỗi buồn âm tiếng. Những giờ phút cuối, tôi còn có mặt tại thành phố mến yêu này, sao thê thiết như vậy? Sự biệt ly nào cũng buồn, nhưng sự biệt ly quê hương hình như nó se siết, nó đốn đau đến tận cùng cảm giác! Tia sáng của ánh đèn hắt vào mặt cỏ công viên. Cảnh vật đó hoàn toàn bị xóa mờ, lẫn lộn. Tôi ngó ra mé lộ. Từ bờ hè bên kia, một cặp trai gái dắt tay nhau băng qua đường. Họ đi nhau đến góc bồn cỏ, nơi có hàng cây thấp lè tè. Tôi nhìn họ. Cô gái hãy còn trẻ, mặc chiếc áo bà ba màu sắc sỡ, mặt mày son phấn tèm lem. Chàng trai, bận đồ xanh công nhân, mái tóc dài thậm thượt phủ quá gáy. Vừa ngồi xuống, gã con trai đã ôm ngang thân cô gái, ghì chặt. Hai khuôn mặt áp vào nhau, hình như họ không nhìn, không biết gì, ngoài họ! Cái hoạt cảnh này, không phải lần thứ nhất tôi thấy, mà hầu như tất cả mọi công viên thành phố đều biến thành nơi trao đổi và trả giá ái tình mỗi chiều xuống. Dù không muốn, tôi vẫn phải chứng kiến những hành động sỗ sàng của gã con trai và sự chịu đựng của cô gái. Những chiếc khuy áo ngực mở tung. Một khoảng trắng mét lồ lộ dưới ánh đèn. Bàn tay gã con trai luồn dưới nếp vải. Bồng cô gái rướn mình, cho tay cài cúc áo. Hai khuôn mặt rời nhau. Tiếng cô gái nói ráo hoảnh:

– Anh trả tiền trước đi!

– Xong rồi trả, hồng được sao?

– Em hồng chịu đâu! Bữa nọ em bị một anh chơi xong là dọt đó!

– Bao nhiêu?

– Ba trăm đồng!

– Úy trời, sao leo thang mau dữ vậy? Hôm trước có hai trăm thôi mà?

– Anh nói giỡn hoài à! Mọi thứ đều leo thang, chứ có phải chỉ tụi em leo đâu? Anh thấy hôn, hai trăm đồng một tô phở rồi đó!

Gã con trai không nói thêm lời nào cho tay móc túi quần, dúi vào tay cô gái tờ giấy bạc. Cô gái mở ra coi rồi đưa trả, vụng vằng đứng dậy bỏ đi, miệng lẩm bẩm:

– Kẹo như vậy cũng đòi đi chơi!

Gã con trai mân mê tờ giấy bạc, liếc nhìn theo cô gái đi khuất sau lùm cây, từ từ đứng dậy rẽ qua ngã khác.

Công viên lúc này vắng hoe, chỉ mình tôi với chiếc xe đạp. Tôi nhìn dòng sông đã đen kịt và quán đặc như hắc ín. Kiến trúc của thành phố đã mờ nhạt các góc cạnh sắc sảo. Ánh đèn đường hiu hắt, chỗ có, chỗ không, tạo nên một không khí ma quái. Tôi không muốn suy nghĩ gì ở trong hoàn cảnh này, vì càng suy nghĩ càng cảm thấy tủi hổ! Mới có mười năm, dưới sự cai trị của Cộng Sản cái thành phố xinh đẹp này đã biến thành một bãi rác khổng lồ với những tội lỗi chồng chất! Tôi toan đứng dậy, bỗng có tiếng nói cất lên từ phía sau:

– Thầy làm ơn!...

Tôi quay đầu ngó. Mắt tôi bỗng hoa lên tưởng mình nhầm. Có phải đây là những con người hay những thầy ma? Tôi định thần nhìn lại. Đúng, họ là những con người hình như mới chui từ Địa Ngục lên. Người nào cũng đen thui, còm nhom, da bọc xương, quần áo tả tơi như những miếng giẻ bẩn. Họ gồm một gia đình, vợ chồng và ba đứa con nhỏ. Người đàn ông cao lênh khênh, hai con mắt trắng dã, râu hoắm đăm đăm nhìn tôi. Tóc, râu quá dài phủ lấp gần kín khuôn mặt, giống như chiếc bờm sư tử, bên vai đeo chiếc bị cói, tay cắp manh chiếu. Một bàn tay nhơm nhếch chìa ra trước mặt tôi cầu xin bố thí. Còn người đàn bà nhỏ thó, co rúm trong manh khổ tải, nhìn tôi với ánh mắt kỳ lạ, nửa van lơn, nửa trách móc! Qua cái nhìn đó, trong tôi bỗng hần lên câu hỏi: “Tại sao chị lại nhìn tôi với ánh mắt như vậy? Hay chị có biết tôi từ trước? Chị biết tôi đã buông súng, đã từ chối chiến đấu trong lúc Tổ Quốc lâm nguy vì sợ chết, để cho gia đình chị cũng như bao nhiêu gia đình khác phải gánh chịu hoàn cảnh khốn khổ hiện tại? Tôi là kẻ đốn kiếp, hèn nhát không xứng đáng với bộ quân phục, với cấp bậc mang trên cổ áo, và những tấm huy chương có phải chẳng là sự lường gạt?...”

Nhưng không, không phải thế! Tôi đã suy diễn quá sâu và quá xa. Thực tế, chị ta chỉ nhìn tôi như nhìn tất cả những ai mà chị cầu xin chút tình thương giữa hoàn cảnh bần cùng! Người chồng cất giọng yếu đuối:

– Từ sớm tới giờ, các cháu chưa có một hột cơm vô bụng, xin thầy rủ lòng thương, cho chút ít!

Thấy tôi ngần ngại chưa tỏ thái độ, người vợ tiếp:

– Làm phước đi thầy! Chúng tôi bị đuổi đi vùng Kinh Tế Mới, nhà cửa bị tịch thu hết, không còn gì để sống, đành phải ăn xin. Khi trước, gia đình tôi đâu có thế này!

Tôi sửng sốt hỏi:

– Gia đình bác thuộc thành phần nào mà phải đi vùng Kinh Tế?

Người vợ cúi mặt, hình như để giấu cảm xúc:

– Chúng tôi có đứa con trai lớn là sĩ quan Biệt Kích bị đi học tập Cải Tạo từ tháng 6 -75 đến nay chưa được tha. Vì thuộc diện gia đình có người đi Cải Tạo nên bị đuổi đi vùng Kinh Tế Mới. Sau một thời gian lao động cực kỳ vất vả, sống không nổi, chúng tôi bỏ trốn về thành phố. Từ đó, hành nghề ăn xin, tối ngủ vỉa hè đó, thầy ơi!

Tôi móc túi quần, đưa vào tay người chồng tờ giấy một trăm đồng. Cả hai người đều mở to mắt nhìn tôi như thấy một vật lạ. Có lẽ, số tiền tôi cho đã vượt quá mơ ước của họ. Nhưng họ có biết đâu, chỉ còn ít tiếng đồng hồ nữa, tôi sẽ rời bỏ cái thành phố này. Tôi không cần nhiều tiền, chỉ giữ vừa đủ tiền xe lam từ nhà tới xa cảng miền Tây và mua một khúc bánh mì ăn sáng. Vé xe, tôi đã mua chợ đen từ mấy bữa trước. Sau lời cảm ơn, cái gia đình khốn khổ ấy lại lếch thếch bước đi. Mấy đứa trẻ thấy có tiền, chúng kêu đói. Người bố chửi làu nhàu:

– Đù má tụi bây, chỉ đòi ăn thôi! Ít nhiều gì tụi bây cũng có củ khoai dẫn bụng, còn tau và mẹ tụi bây từ sớm đã có chút gì vô bụng đâu? Đói, đói, lúc nào cũng kêu đói!...

Bị chửi, mấy đứa trẻ lặng im, cúi đầu đi như những vết nhỏ.

Tôi dắt chiếc xe xuống lề đường, lên yên đạp. Mặt lộ có vẻ như hẹp lại vì thiếu ánh sáng. Chiếc xe đưa tôi qua từng con phố im vắng. Những căn nhà cửa đóng im im như muốn giữ kín trong lòng nó sự bí mật riêng tư. Cái không khí sinh động, ồn ào khi trước dường như mất hẳn. Ở đây, chỉ còn lại một số hình ảnh đã phai mờ trong mắt nhìn, hồn nghĩ. Tôi quẹo xe vào đường Tự Do. Vòng bánh quay đều nhịp. Cả một giải đường hun hút, quanh quẽ phơi mình trong đêm vắng. Con đường này khi xưa, vào giờ này, bắt đầu phô diễn những cặp đôi, những bộ ngực, những kiểu áo hở hang nhất của những cô gái bán “bar”, đón chờ các chú GI thềm mùi da thịt. Những ngọn đèn màu lấp lánh như mời gọi thứ vui thân xác! Tất cả, tất cả đã bị nhận chìm tận đáy sâu dĩ vãng! Trên vỉa hè có vài bóng người lầm lũi đi, đầu cúi xuống như không muốn nhìn thấy gì trước mặt. Nơi căn nhà bán thực phẩm khi trước, có bày chiếc tủ kính nhỏ bán thuốc lá lẻ. Nén nhang châm thuốc cháy như chiếc dấu chấm bằng mực đỏ. Một bóng người ngồi im lìm bất động. CƠN GIÓ THỔI MẠNH TỪ PHÍA BỜ SÔNG ÀO TỚI. Những cánh lá vàng bay lá tả đuối nhau giạt vào lề đường làm tăng thêm chiều dày của lớp lá đã tích lũy từ bao nhiêu ngày trước, không ai buồn quét. Tôi đạp qua tòa nhà Quốc Hội, bây giờ là Hí Viện. Trong đầu tôi tự nhiên hồi tưởng đến những gì thuộc về chính trị đã xảy ra trong lòng tòa nhà này, những năm trước. Nó cũng là một hí trường, không hơn, không kém! Bức tượng Thủy Quân Lục Chiến tấn công tòa nhà đã bị giạt sập từ lâu làm tầm nhìn suốt Đại Lộ Lê Lợi không bị vướng mắc. Nhưng cảnh trí ở đâu cũng vậy, dù xa hay gần, vẫn ngàn ấy chán chường, tui hủ! Có tiếng xe gắn máy nổ ròn rã phía sau. Tôi lái xe nép sát lề. Chiếc Honda vù qua như cơn lốc. Tôi thoáng thấy đứa con gái ngồi sau, vòng tay ôm ngang thân đứa con trai. Bỗng tiếng thắng kêu ren róc. Chiếc xe chao qua chao lại giữa mặt lộ. Tôi tưởng thể nào chiếc xe cũng đổ và tai nạn sẽ xảy ra. Nhưng không, nó cứ lượn vòng như biểu diễn trò chơi nguy hiểm. Tên Công An đứng gác ở đầu phố thổi còi cho lệnh xe dừng. Chiếc xe chạy vòng từ từ đến gần tên Công An như tuân lệnh. Tên này móc tay vào chiếc xà-cột lấy cuốn sổ biên phạt. Bỗng chiếc xe rồ ga chồm lên như con ngựa điên lao sát vào tên Công An rồi vút đi với tiếng cười thách thức. Tên Công An giận quá, rút súng bắn mấy phát lên trời trước cái nhìn thản nhiên của vài người có mặt. Cái hoạt cảnh ấy xảy ra quá nhanh nhưng nó chứng tỏ sự bất phục tùng của người dân đối với chế độ!

Vương Cung Thánh Đường hiện diện trước mắt tôi như một chứng tích. Tôi ngược nhìn, hai cây Thánh Giá trên chóp tháp in lên nền trời mù thắm. Giáo Đường im vắng. Làn ánh sáng yếu ớt rọi qua những khuôn kính màu không đủ tạo nên sinh khí. Tôi nhớ đến mỗi sáng Chủ Nhật, nơi đây tấp nập, đông đảo các con chiên ngoan đạo đi xem lễ và cũng để khoe khoang quần áo, đồ nữ trang! Bức tượng Đức Mẹ Maria trắng toát đứng bơ vơ giữa một khung cảnh âm u, tràn đầy bóng tối. Ngay dưới chân tượng, vài bóng người ngồi, đầu gục xuống, có lẽ, họ đang cầu nguyện để xin phước lành! Chúa ở trên cao, cao quá, mà con người ở không gian này lại quá nhỏ bé và quá thấp, biết đến bao giờ lời cầu xin mới hiệu nghiệm?

Tôi quẹo xe vào Đại Lộ Thống Nhất. Mặt lộ rộng thênh thang, hai bên là những bãi cỏ lớn với hàng cây cao trồng thẳng tắp, giờ này đứng im lìm như một lũ hàng binh chịu tội! Màu trắng ngà của Dinh Độc Lập nổi bật giữa những màu sắc thâm u bao quanh nó. Tôi hồi tưởng đến những diễn biến của lịch sử suốt từ thời Pháp thuộc, Nhật thuộc rồi Việt-Minh, rồi lại Pháp

đến nền Đệ Nhất, Đệ Nhị Cộng Hòa, tới hôm nay là chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa! Cả một quá trình dài lâu của lịch sử đang chắn ngang tầm mắt của tôi kia, lúc này nó cũng tầm thường, nhàm chán như cuộc sống hiện hữu. Lá cờ màu đỏ, trong đêm tối trở thành màu tím sẫm, từ trên cao rủ xuống như miếng giẻ rách! Trong mấy chục năm chinh chiến, hàng triệu thanh niên đã gục xuống, bao nhiêu tang tóc, chia lìa và cũng nhờ cơ may của vận hội, nó mới hiện diện. Cũng kể từ đó, khởi đầu cho những tan nát, rã rời, đau thương, uất giận chứa chất ngùn ngụt trong lòng người dân miền Nam nước Việt! Một sức nặng vô hình của bạo lực đã làm tê liệt mọi cơ năng sống động của một thành phố đa hoạt ngày trước. Khi tôi vừa trở tới ngã ba, một chiếc xe hơi màu trắng từ cổng lớn chạy ra. Tôi phải thắng lại, chờ. Dưới ánh đèn, tôi thấy một cụ đàn bà tóc cài bím, cười toe toét, coi bộ tự mãn bên cạnh gã tài xế đầu đội cối! Toàn thân tôi như có dòng điện nhấn vào. Trước mặt không còn đại lộ, nhà cửa, cây cối gì hết. Một vùng đen ngòm, sâu hoắm như chiếc vực khổng lồ mở ra. Tôi rướn người ấn mạnh bàn đạp. Vòng bánh lao nhanh cùng với hình ảnh chiếc xe hơi và cụ đàn bà. Sự thực, tôi cũng không hiểu vì nguyên cơ nào đã làm tâm trí rối loạn? Cái tòa nhà đó, chiếc xe hơi với cụ đàn bà, nào có dính dấp gì với đời sống đích thực của riêng tôi, nhưng có lẽ, những hình ảnh ấy hốt nhiên tạo cho tôi sự uất hận và bắt tôi phải chấp nhận sự thực, một sự thực ô nhục kéo dài đến bao lâu chẳng biết?

Tôi đạp xe băng qua ngã tư Gia Long, Công Lý định tiến thẳng ra Đại Lộ Lê Lợi, nhưng không hiểu sao tôi lại rẽ vô Lê Thánh Tôn, con đường chuyên bán giày dép. Cả một dãy phố cửa đóng, then cài trông hoang lạnh dễ sợ! Dưới những chiếc mái hiên lớn, có những thân người nằm co quắp trên những manh chiếu đủ màu, to nhỏ. Có người đắp mảnh khổ tải để chống lạnh. Có người nằm tư hờ với chiếc quần xà lỏn! Những đứa trẻ con nằm ôm nhau như những con chó nhỏ. Ở trên bậc thềm, có gã đàn ông ngủ ngời, mồm há hốc, đầu ngoẹo sang một bên, coi thật thiếu não! Tôi chột nghĩ, trong số những người nằm đây, biết đâu chẳng có cái gia đình, tôi đã cho một trăm đồng hồi chiều?

Vòng bánh lăn đều qua cửa Bắc chợ Bến Thành. Không còn những sạp bán trái cây ngoại quốc, chỉ có vài ô bán kẹo bánh và hoa quả địa phương. Mấy chú xích-lô đợi khách, ngồi trên yên tán chuyện. Tôi đạp chậm chậm. Một tiếng nói cất lên:

– Đù mẹ, khi trước gặp chuyện gì oan ức còn có báo chí để kêu, nay dưới thời Cách Mạng, có chuyện gì đéo biết cửa nào mà gõ. Chán thiệt!

Tiếng nói như bị chìm vào hư không vì chẳng có lời góp ý! Nhưng, những nét sống ấy, câu nói ấy, rồi đây sẽ theo tôi suốt đời, dù tôi có mặt ở bất cứ góc độ nào trên trái đất!

Thời gian thu ngắn dần từng phút giữa tôi và cái thành phố mến yêu này. Chỉ vài tiếng phù du nữa, khi chiếc xe Lam đưa tôi xuống miệt Phú-Lâm, để từ đó xuôi về miền Tây, điểm hẹn, là xong, là hết! Ý nghĩ đến thăm My lại bừng sáng trong đầu. Nhà My ở khu Bàn Cờ, cách đây không bao xa. Đã lâu tôi không lại, nhân dịp này đến để hỏi thăm tin tức về Khang và chào My lần cuối. Tôi rẽ vào đường Lê Văn Duyệt, đạp một lúc rồi quẹo qua Phan Đình Phùng. Đường vào nhà My phải xuyên hai con hẻm dài rồi quặt vào lối ngõ nhỏ, trời tối rất khó đi. Tôi phải xuống dắt xe vì lối hẻm đã chật, hai bên lại chất đầy những chiếc sọt đựng rau, cùng những chiếc bàn gỗ nhỏ, ban ngày dùng để buôn bán. Ánh đèn hắt ra từ khuôn cửa sổ mở. Tôi dựng xe vào chiếc hàng ba, đứng ngoài ngõ vào thấy mấy đứa con của My đang ngồi quây tròn trên chiếc đi-văng, trước mặt mỗi đứa có bát cơm vàng khè, ở chính giữa đĩa rau xanh ngát. Tôi biết My chưa ăn cơm chiều, định quay ra vì đến thăm lúc này e bất tiện cho My. Có nhíp guốc kéo lê trong bóng tối và tiếng nói:

– Ông tìm ai? Cô Ba hé?

Tôi chưa kịp trả lời, từ phía trong nhà, My hỏi vọng ra: – Ai đó?

– Cô Ba ơi! Có người kiếm nè!

Cánh cửa sổ mở hé, My ngó ra thấy tôi, nở nụ cười gượng gạo:

– Ủa anh, mời vô! Sao lâu không thấy lại? Tưởng anh “chui” rồi chứ?

Tôi nói ấp úng:

– Chui vô nhà thì có! Tôi đang bị quản chế mà! Mỗi khi đi đâu, đến nhà ai, có việc gì đều phải viết kiểm điểm báo cáo hàng tuần cho Công An Phường, do đó, sợ phiền lụy lây đến bạn bè nên ít dám đi thăm. Sao, vẫn nhận được tin của Khang chứ? Đã chuyển Trại chưa, hay vẫn còn ở Trại Nam-Hà?

– Em mới nhận được thư tuần trước; ảnh vẫn ở Trại cũ, chưa chuyển vào Nam. Em đang sửa soạn gửi quà cho ảnh đây!

My thở dài buồn bã rồi tiếp:

– Biết đến ngày nào ảnh mới thoát? Như anh vậy là xong! Hết thời gian quản chế, được phục hồi quyền công dân, ráng kiếm một công việc làm ăn, nuôi vợ con cho yên thân, đừng có tham gia hoạt động chống đối, kẻo nhỡ bị bắt thì lại đi Cải Tạo đó! Hồi chiều, ở hẻm ngoài, tụi Công An đến vây bắt mấy cậu thanh niên Phục Quốc làm náo loạn cả xóm! Nè anh, em nghe nói họ tha nhiều, sao chưa thấy Khang, chả biết khi ở Quân Đội, ảnh làm cái chức vụ gì mà bị Cải Tạo lâu thế?

My nhìn tôi với đôi mắt thâm quầng có lẽ, do nhiều đêm mất ngủ và lo nghĩ. Tôi biết trả lời sao để My có thể hiểu, sự được tha hay còn bị cầm giữ dưới chế độ Cộng Sản chỉ có trời mới biết! Nó tùy thuộc rất nhiều về bản Tự Khai Lý Lịch, về quá trình bản thân cũng như gia tộc và rất nhiều lý do khác nữa, theo sự đánh giá của Cộng Sản. Tôi đành nói loanh quanh nhằm mục đích an ủi để My yên lòng:

– Tôi tin trong năm nay Khang sẽ được về vì khi trước, Khang có giữ một nhiệm vụ gì quan trọng đâu? Sự về chậm có lẽ, vì tính tình Khang cứng rắn, không chịu khuất phục trước sự đối xử tàn bạo của kẻ thù, tôi nghĩ vậy! A, bà giỏi ghê vậy đó, mười năm nay, một mình xoay xỏa lo cho đàn con, lại tiếp tế cho Khang chu đáo, thế là nhất rồi đấy.

My xoay người nhìn quanh nhà:

– Anh không thấy sao, nhà cửa trống trơn, có cái gì bán hết rồi, nếu tình trạng này kéo dài ít lâu nữa, chắc mẹ con phải đi ăn mày quá!

Nói xong, My cúi xuống, đưa hai bàn tay khô đét, nổi chằng chịt gân xanh, lên ôm mặt. Trước tình cảnh này, tôi thấy không nên ngồi lâu và lời già từ chỉ làm My tủi thân thêm, tôi nói vài lời không đâu, trước khi ra về. Mấy đứa trẻ chờ mẹ ăn cơm, chắc đói bụng, chúng cứ mân mê bát cơm, liếc nhìn về phía My. Tới cửa, không hiểu sao, tôi cho tay móc túi quần, lấy những tờ bạc cuối cùng dúi vào tay đứa bé nhất:

– Cháu cầm lấy, sáng mai chia nhau ăn quà nhé!

My đứng sững nhìn tôi rồi ngó đứa bé đang cầm chặt mấy tờ giấy bạc trong tay:

–Ồ anh mới đi Cải Tạo về làm gì có tiền, lại còn cho cháu! Cảm ơn Bác đi con!

Tôi dắt xe ra khỏi ngõ hẻm. Câu nói già từ hình như còn mắc ngang cuống họng. Khi tới mặt lộ, tôi lên yên đạp mãi miết. Tôi nhìn đồng hồ, mười một giờ đêm. Trong túi tôi không còn đồng bạc cắc. Tôi nhắm hướng Phú-Lâm đạp. Vòng bánh quay đều đều. Tôi biết cứ đạp với tốc độ này, tôi sẽ có mặt ở xa cảng miền Tây, trước giờ xe khởi hành nhiều. Chiếc xe, tôi dự định sẽ vút vào một bụi rậm nào đó, may ai người ấy được!

MỘT CHÚT TÌNH RIÊNG

Mỗi năm, khi cây phong trước cửa, lá bắt đầu thay màu và dần dần trút xuống mặt lộ, theo từng cơn gió lạnh, tự nhiên trong lòng tôi lại dấy lên nỗi buồn nhức nhối. Lá phong rụng, báo hiệu mùa đông sắp đến và chờ đến khi trên cây không còn sót chiếc nào, đó là dấu hiệu mùa xuân đang về trên đất Mỹ và mọi người hoan hỉ: “*Good bye winter*”.

Từ lâu, tôi không cầm bút, tâm hồn đầy rong rêu bao phủ. Tôi không viết, ý muốn quên đi những u hoài, khắc khoải đã đè nặng trong tâm trí qua bao tháng năm in hằn dấu vết thời gian, một thứ thời gian nặng nề u uất! Nhiều lúc suy nghĩ vẫn vơ, tôi cũng không hiểu vì sao đời tôi lại gặp quá nhiều gian truân, oan trái? Tâm hồn tôi đã cắm rễ vào quê hương trên sáu mươi năm và nổi trôi cùng hưng phế qua mỗi cuộc đổi đời của lịch sử! Những bước chân của đời tôi đã in dấu trên khắp miền đất nước từ ải Nam- Quan tới mũi Cà-Mau, từ bờ biển Đông tới dãy Trường- Sơn ngất ngất với rừng rậm âm u, với vách đá cheo leo, với những bất ngờ giữa sống và chết! Chẳng những thế, trước khi miền Nam bị chìm đắm vào cơn mê thù hận do Cộng Sản đẩy tới sau ngày 30- 4-75, bước chân tôi đã có dịp vượt qua biên giới quê nhà để được biết nhiều quốc gia khác thuộc vùng Đông Á. Tôi phiêu bạt như cánh chim, nhưng lúc nào và bao giờ cũng quay đầu về tổ ấm Việt-Nam. Có lần đi công tác ở Bangkok vào khoảng cuối năm 1958, gặp người bạn cũ, rủ ở lại và cam đoan sẽ tìm cách đổi quốc tịch cho tôi vì, về Việt-Nam làm gì, ở đấy chỉ có chiến tranh và đau khổ! Nhưng tôi cương quyết từ chối và nói cho anh ta hiểu rằng: không bao giờ tôi bỏ Việt-Nam, dù ở đó, có chiến tranh và đau khổ đến mấy đi nữa! Làm sao tôi có thể bỏ được mảnh đất đã sinh ra dòng giống tổ tiên tôi, mảnh đất đã nuôi dưỡng và đùm bọc tôi từ thuở lọt lòng đến hôm nay, cho tới khi nào tôi nhắm mắt, xuôi tay! Mảnh đất đã có mấy ngàn năm lịch sử với bao nhiêu anh hùng và những chiến công rực rỡ để giữ vững Việt-Nam mãi mãi! Không, không bao giờ!...

Nhưng đó, chuyện thuộc về quá khứ, tuy đã xa mà bây giờ ngồi trên xứ lạ quê người, đếm qua, đếm lại đã mấy mùa Xuân lưu vong qua đi, mới biết sức người không thể chống lại hoàn cảnh, một hoàn cảnh quá ư bi đát và khốc liệt đã xô đời mình cũng như nhiều người khác ra khỏi vùng đất thân yêu, đã bứng chiếc rễ cái lên khỏi môi trường quen thuộc! Chiếc rễ đã cắm quá sâu vào lòng đất, một khi bị cày xới, đổi màu dinh dưỡng, đổi khí hậu thích nghi, làm sao cây sống được? Thản hoặc, vì một phép lạ nào đó, cây còn sống, liệu nó có thể đâm chồi, nảy lộc như hồi còn ở nơi đất cũ? Tâm trạng riêng tôi cũng vậy!

Đã mấy năm nay, theo lời yêu cầu của bằng hữu, năm nào tôi cũng viết một bài về cảm nghĩ riêng tư đối với mùa Xuân nơi đất khách. Bài viết ngắn thôi, chỉ đủ nói lên một khía cạnh, một suy nghĩ giới hạn. Nhưng năm nay, tôi định gác bút vì viết mãi cũng nhàm, nhất là bài viết không khởi hành từ chiều sâu tâm thức. Theo ý riêng, sự cảm xúc do ngoại cảnh chỉ có

khả năng gợi ý, nhưng cái thực chất văn chương lại nằm trong suy tưởng. Vậy suy tưởng cái gì đây? Và mùa Xuân nào đó, dù trong quá khứ hay hiện tại có thực sự làm cho suy nghĩ chuyển động, hay cũng chỉ là hư cấu, là ảo hóa chợt đến, chợt đi?... Từ lâu, tôi buông thả tâm hồn, giống như con ngựa xông chuồng, khó mà bắt lại để đóng yên, buộc cương. Tôi thử ngồi vào bàn viết, tay nắm chặt quấn bút, mắt nhìn chòng chọc vào mặt giấy trắng mênh mông, trắng quá đến rợn người!...

Qua ô cửa, bên ngoài, cây phong đưa những cành khô in lên vòm trời xám ngoét như những cánh tay gầy guộc. Gió thổi làm hàng trúc đào lay động, nhưng cây phong vẫn trơ trơ vì nó không còn lá để hứng gió. Có lẽ, đời tôi giống như cây phong lúc này, nhưng khác nó, vì chỉ một thời gian nữa thì nhựa sống tiềm ẩn trong thớ vỏ sẽ vận chuyển từ dưới lòng đất sâu tạo nên những mầm non, nó sẽ xanh tươi trở lại theo thời tiết, còn thân phận tôi, mỗi mùa qua đi, nhựa sống cạn dần, sẽ tàn lụi trong một ngày nào đó! Tôi biết, đời mình đang trải qua những mùa Xuân khô khan, nếu không muốn nói, chẳng có mùa Xuân nào về trên đất khách, ngoài mùa Xuân tưởng tượng, mùa Xuân giả tạo! Tôi đã đi thăm hai mùa Xuân của Cộng Đồng Tỵ Nạn tổ chức trong hai khuôn viên Đại Học riêng rẽ, nhưng chẳng nơi nào tôi tìm thấy không khí mùa Xuân và hương vị Tết như ở quê nhà!

Tôi đưa tay áp vào khuôn mặt lạnh ngắt. Đầu óc quay cuồng như đang bị cuốn hút vào cơn lốc. Tôi cảm thấy trước mặt mở ra một vũng tối sâu thẳm, mịt mù. Tôi cố dùng trí giác để nhận thức về sự hiện hữu của mình trong hiện tại. Nhưng vô ích! Tôi càng suy luận, hình như suy luận lại bủa vây tôi bằng sự cách ngăn, như tấm thép dày chắn lối. Sau cùng, tôi đành buông thả để cho sự lười biếng dẫn dắt. Vì đã lâu tôi chẳng sử dụng đến sự bén nhạy của trí giác nên nó nhụt cùn như lưỡi dao không dùng, để lâu ngày bị rỉ sét nhám gặm! Do đó, sự vận chuyển của nhận thức cũng chậm chạp cơ hồ không muốn nhúc nhích. Hình như cái vũng tối trước mặt cố tình không cho suy nghĩ tiến tới, tôi đành tạo một lối thoát tương đối dễ là quay vào nội tâm để tìm lại chính mình trong khoảng thời gian đã mất, biết đâu, vì may mắn nào đó, tôi thấy được những châu báu, ngọc vàng mà tôi đã bỏ quên hoặc đánh rơi trên quãng đường dài đầy chông gai, gian khổ!...

Chính thực, tôi không hiểu vì lý do siêu hình nào kích động làm trí nhớ của tôi bỗng nhiên sống động. Cái vùng bóng tối bao la đang bủa vây xung quanh loãng dần như cơn mưa sắp tan. Một tia nắng le lói tự trên cao chiếu xuống để cho tôi có thể nhìn thấy cảnh sắc hiện dần trước tầm mắt. Mặt giấy lúc này không còn mênh mông trống trải nữa mà nó lấp lánh như có muôn vạn hạt kim cương nhỏ xíu đang trũng giỡn dưới sự điều khiển của một bàn tay thần bí. Đột nhiên, tôi thấy mình trẻ lại và những kỷ niệm vui buồn của những mùa Xuân đã qua lại chập chờn, ẩn hiện như đóa bọt, như réo gọi trong khoảng không gian và thời gian xưa cũ tưởng như đã chìm khuất, đã tiêu tan, không bao giờ gặp lại!

Quả thực, tôi còn thơ dại và bé bỏng khi theo bố mẹ về quê nội ăn Tết. Tôi thấm mệt sau cuộc hành trình khá xa trên chiếc xe đò chật chội, chạy chậm như rùa bò trên con lộ dài mấy chục cây số, rất nhiều ổ gà. Nhưng chắc bố mẹ tôi còn mệt hơn vì các Người còn phải mang theo rất nhiều thứ cho gia đình cũng như làm quà cho bà con họ hàng. Sau khi xuống xe, chúng tôi còn phải lội bộ dẫm cây số nữa, dưới cơn mưa phùn, gió bắc thổi buốt ruột, hai bên là đồng ruộng, rải rác vài bãi mạ xanh biếc. Đất đồng chiêm thấm nước trơn như thoa mỡ làm tôi té lên, té xuống, quần áo lấm bết. Cái không khí nhà quê, lần đầu tôi biết, quả thực, nó không quyến rũ chút nào. Như để an ủi, mẹ tôi nói:

– Còn chút nữa thôi con, làng kia rồi!

Tôi nhìn theo ngón tay mẹ chỉ, chả thấy gì ngoài lũy tre cao ngất. Nhưng rồi cũng đến nơi. Chúng tôi đi qua chiếc cổng làng xây gạch rồi men theo con lộ nhỏ lót đá ong chừng một khoảng thì đến nhà. Khi tới đầu ngõ, đôi câu đối đỏ chót, màu mực xạ đen lánh như còn ướt làm vui mắt. Vào đến sân, tôi thấy một cảnh tre cao ngất, ở trên ngọn, treo chiếc khung tròn, xung quanh đeo tròn những miếng sành mang hình cái khánh, con cá, con chim chạm vào nhau kêu lanh canh theo sức gió. Một dải lụa màu hồng có tua, mồng giữa chiếc vòng, rủ xuống đung đưa như chào mừng người mới đến. Mẹ tôi bảo đó là cây nêu, mỗi dịp năm cũ sắp qua, mọi nhà đều trồng cây nêu để mảnh sành chạm vào nhau, tạo nên tiếng động, ma quỷ sợ không dám vô nhà trong năm mới. Tuổi nhỏ, chẳng biết lời giải thích của mẹ tôi đúng hay sai nhưng nó cứ in đậm vào trí nhớ như nét mực đọng trên tờ giấy thấm. Mẹ đưa tôi đến chiếc lu đặt sát bờ rào râm bụi, múc nước cho tôi rửa chân trước khi vô nhà thay quần áo.

Tôi bước lên thềm, màu gạch đỏ như son, chắc mới được rửa để ăn Tết. Nhìn qua khung cửa rộng, tôi thấy chiếc bàn thờ uy nghi, rạng rỡ với chiếc lư hương, đỉnh đồng, chân nến sáng loáng và chiếc án thờ chạm trổ tinh vi, cầu kỳ, ở trên bày biện những vật dụng đặc biệt dành cho ngày Tết. Chiếc màn nhiễu điều dính kim tuyến phản chiếu ánh sáng lấp lánh như sao sa. Nhưng phải thú thực, tất cả những gì tôi thấy, không gây cho tôi ấn tượng sâu đậm nào, ngoài buổi tối đó, tôi được ngồi trong ổ rơm, ăn khoai lùi, bên cạnh nồi bánh chưng, lửa cháy rừng rực, xung quanh nào ông bà, bố mẹ và các cô chú, mỗi người đều tham gia vào câu chuyện làm ăn, nhắc nhở đến kỷ niệm vui buồn, kẻ còn, người mất! Không kịp chờ nồi bánh chín, tôi ngủ gục lúc nào không hay.

Hôm sau, ngày ba mươi Tết. Buổi chiều cả nhà đều bận rộn làm cơm cúng, tôi chả biết làm gì hơn, ngồi nhìn trời mưa, nghe tiếng khánh sành kêu rộn rã. Sau khi cơm nước xong, buổi tối tôi theo bố lên đình xem tế. Ôi, cái đình sao lớn lắm vậy? Những đồ thờ tự đều sơn son thếp vàng sáng rực dưới ánh sáng của những cây nến to và đuốc. Tiếng trống đánh liên hồi, thật sôi nổi. Các cụ già lưng thụng trong bộ áo tế trông thật trang nghiêm, đứng lên, quỳ xuống theo lời xướng của vị chủ tế. Không thiếu gì những đứa bé vào trạc tuổi tôi đứng chật một góc đình. Đêm ấy, tôi đi ngủ với bộ quần áo mới đặt ở đầu giường và tiếng trống đình còn vang vọng trong tiềm thức.

Sáng mồng một, tối xúng xính trong bộ quần áo mới, vừa dài vừa rộng, lon ton theo mẹ đi lễ chùa, hái lộc đầu năm. Tuy tiếng mõ, tiếng chuông không sống động như tiếng trống đình, nhưng hình như nó có uy lực cuốn hút tâm hồn thơ dại của tôi đi vào sự tôn kính với niềm tin mãnh liệt. Mùi nhang làm thần trí tôi mê mải, cho đến bây giờ, mỗi lần ngửi thấy mùi nhang, tự nhiên lại thấy hình ảnh ngôi chùa làng với vị sư già khổ hạnh, ngồi tụng kinh, gõ mõ trước bàn thờ Phật ngày mồng một Tết năm nào! Sau khi hái một cành hoa ngâu lấy lộc đầu Xuân, hai mẹ con đi chúc Tết họ hàng. Những tiếng cười nói rộn ràng, những bộ quần áo mới tạo cho mùa Xuân thôn dã có một phong vị đặc biệt. Hôm đó, tôi được nhiều tiền mừng tuổi, những đồng xu đỏ au nằm trong túi áo, nghe nặng nặng.

Rồi thời gian phai đi. Tôi lớn dần theo các mùa Xuân qua giữa lòng thành phố Hà-Nội. Tôi không về quê theo bố đi xem tế và theo mẹ đi lễ chùa nữa, tôi đã có nhiều bè bạn cùng trang lứa để vui chơi! Tôi đi đền Ngọc-Sơn mỗi tối giao thừa, không phải để hái lộc mà để trao duyên cùng các kiều nữ đang tuổi thanh xuân! Cho đến bây giờ, tôi cũng không hiểu vì sao, các cô gái đều đẹp và thân xác họ đều toát ra mùi hương quyến rũ trong đêm giao mùa!

Khi tôi ở tuổi thanh niên, các phong trào yêu nước đều bị thực dân Pháp dẹp tan, do vậy, thế hệ của tôi lúc đó, chia làm hai thành phần: một số, học để làm quan hoặc làm công chức

cho Pháp, một số, chỉ biết vui chơi, sa đọa, quên lãng việc mất nước với thân phận nô lệ, tuy hằng ngày vẫn nhìn thấy quân thù nhờn nhờn, phè phỡn trước mắt và mọi giao dịch chữ nghĩa đều phải dùng tiếng Pháp. Trường hợp Văn Cao và một số ít thanh niên khác đi làm chính trị là ngoại lệ! Vì thế có mùa Xuân, tôi ngồi thu mình trong một căn gác nhỏ, tối tắm của một tiệm hút cùng với Đình Hùng, Vũ Hoàng Chương, Bích Câu và Quỳnh Dao, xung quanh bữa vây toàn hương nha phiến. Tôi và Quỳnh Dao không hút, chỉ ngồi nghe ngâm thơ, góp chuyện. Sáng mồng một về nhà, Mẹ kiêng không mắng, nhưng chắc Mẹ buồn lắm!

Mùa Xuân miền Bắc thật dài, cả mấy tháng vui chơi. Sau mấy ngày Tết lại hội hè đình đám, mỗi nơi tùy phong tục mà tổ chức theo thời gian được ấn định lâu đời. Nào hội đền Hùng, đền Ghèn, đền Gióng, nào hội Lim với điệu hát Quan Họ, hội rước kiệu làng Mọc, hội vật Hoàng Mai, hội chùa Thầy, chùa Hương và còn biết bao hội hè khác, mỗi nơi đều có đặc tính địa phương để gìn giữ cái nếp sống cổ truyền của Dân Tộc, rồi sau đó, lại đổ mồ hôi xuống luống cày, đồng ruộng để nuôi cuộc sống chờ đến Xuân sau.

Nhưng các biến động lịch sử làm xáo trộn nếp sống. Quân Nhật tiến vào Việt-Nam qua ngã Lạng Sơn, vài năm sau cướp Việt-Nam trong tay Pháp, ngày 9-5-45. Sau hai trái bom nguyên tử, Nhật đầu hàng Mỹ. Lợi dụng thời cơ, Việt Minh cướp chính quyền ngày 19-8-45, của chính phủ Trần Trọng Kim. Rồi quân Tàu qua giải giới quân Nhật. Được sự đồng ý ngầm của Trùng Khánh, quân Pháp trở lại miền Bắc Việt-Nam, qua cửa biển Hải Phòng với ý đồ tái chiếm thuộc địa. Biết bao nhiêu rắc rối do thời cuộc tạo nên, đau thương nhất là hơn một triệu người dân quê chết đói, một số ở giữa lòng Hà-Nội. Tôi sống và đón nhận một mùa Xuân bình bồng theo vận nước. Đến ngày 19-2-1946, cuộc chiến tranh toàn quốc chống Pháp bùng nổ. Từ đó, đời tôi bắt đầu phiêu bạt trong bốn mùa Xuân kháng chiến.

Trong bốn mùa Xuân đó, có một mùa Xuân tôi sống trong căn nhà sàn, ẩn sâu giữa dãy núi Hòa-Bình, đêm trừ tịch nằm nghe mưa rơi, mũi người phân súc vật từ bên dưới xông lên nồng nặc. Trần trọc không ngủ được, tôi quấn mình trong chiếc mền, ngồi bên bếp lửa, hút thuốc lào vạt. Cái điệu cày của người Mường to và nặng, mỗi lần kéo thuốc muốn hụt hơi! Ngó ra ngoài, trời tối đen. Tiếng đại bác của quân Pháp bắn từ xa, vọng vào vách núi âm âm như tiếng trống cầm canh khắc khoải! Tôi thầm nghĩ, chả biết còn bao nhiêu mùa Xuân nữa, kháng chiến mới thành công để mình trở về với Hà-Nội yêu dấu? Ngoài tiếng súng, tôi không nghe thấy tiếng động nào khác mà thường ra, ở rừng núi, đêm nào cũng có tiếng thú, tiếng chim kêu từng chập. Nhìn quanh, anh em đều ngủ với nhịp thở đều đều. Mỗi người như con sâu quấn tròn trong vỏ. Những chiếc ba-lô quăng ngổn ngang đây đó. Cảm thấy mệt, tôi nằm xuống chập chờn trong trạng thái nửa thức, nửa ngủ; những mùa Xuân cú lớn vờn trong tâm trí.

Tôi giật mình thức giấc khi nghe tiếng gọi. Mở mắt nhìn ra trời bên ngoài, mưa giăng mù mịt, che khuất cả hòn núi sát nhà. Tiếng nói cười của anh em làm tôi tỉnh hẳn. Nhoài người ra mép cửa, tôi vô cùng kinh ngạc khi thấy trước mắt, một rừng hoa mai trắng xóa. Hồi hôm, nào tôi có thấy gì đâu, ngoài những gốc cây sần sùi và những cành khô trơ trụi, thế mà chỉ qua một đêm, cảnh trí đã khác hẳn dưới chiếc đũa thần của Tạo Hóa! Mặc cho mưa rét, tôi xuống thang ra vườn mai đứng ngắm như gã si tình mê người đẹp!

Nhưng khói lửa chiến tranh cứ đẩy đời tôi vào những cuộc phiêu lưu không dự đoán. Tôi và chiếc ba-lô cứ lang thang từ miền xuôi lên miền núi, lại từ thượng du xuống đồng bằng. Tôi sống như cánh chim không chỗ đậu lâu dài. Do đó, có lần tôi bắt gặp mùa Xuân trên con đê

Chợ Đại, Cống Thần, đô thị của những người tản cư và cũng là nơi tiếp giáp với các làng “tề” để buôn hàng lậu từ Hà-Nội đưa ra.

Đêm ba mươi Tết tôi ngủ đò, sáng mồng một, đi uống cà-phê Mai Hắc Đế và ăn bánh mì thịt nguội với nhà thơ Mai Luân và nhạc sĩ Tử Phác.

Trời hôm đó thật đẹp, không nắng, không mưa, màu mây như lớp thiếc mỏng giăng kín một vùng trời rộng lớn. Trên mặt đê hẹp, người mua kẻ lại tấp nập như trẩy hội. Mùa Xuân về nơi hậu phương, tuy không son phấn lụa là, nhưng nó có cái đẹp riêng, với những chiếc áo cổ vuông, những mái tóc kết bím bỏ thông ngang vai, với những chiếc xà-cột lủng lẳng bên hông, với những khẩu súng và những đôi mắt nhìn nhau buồn man mác. Cả một dòng sông tấp nập như vậy nhưng khi nghe thấy tiếng động cơ khu trục từ xa thì nó trở thành hỗn loạn; mọi người đều nhón nhác chạy túa xuống hầm hoặc ra bờ ruộng để tìm nơi ẩn nấp. Tháng trước, nơi đây đã bị hai chiếc Spitfire quạt đại liên cả nửa giờ gây nhiều thiệt hại nhưng không ai chết. Con người tản cư từ lòng Hà-Nội cứ cố bám vào nó như cành tầm gửi bám thân cây cổ thụ!

Sau mấy năm dài kháng chiến, ý thức chính trị đã trả tôi về thành phố vào giữa năm 1950. Tôi gặp lại Thủ Đô, một Thủ Đô ngỡ ngác sau những năm chiến tranh. Những cảnh đổ nát hoang tàn còn in đậm dấu vết đó đây. Tôi đi trong lòng Hà-Nội nhan nhản quân thù, anh em phần đông còn theo kháng chiến. Một năm sau mới lác đác trở về, trong đó có Phạm Duy, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Sao Mai, người đã được tặng giải văn học kháng chiến, nhà thơ Hoàng Công Khanh, họa sĩ Bùi Xuân Phái, đạo diễn Phan Tội và nhà phê bình Thượng Sĩ. Trong thời gian này, tôi có thêm một số bạn mới như Bùi Xuân Uyên, Triều Đầu, Trúc Sĩ, Trọng Bình, Thạch Trung Giả của nhóm Thế Kỷ.

Rồi mùa Xuân lại về trong lòng Hà-Nội, nhưng nó không làm cho tâm hồn tôi rạo rức như trước. Đêm Giao Thừa, tôi không đến đền Ngọc Sơn hoặc nơi nào khác để vui chơi. Chiếc cầu Thê Húc với màu sơn đỏ chói vẫn cong cong uốn nhịp; chiếc tháp Rùa màu vôi loang lổ vẫn đứng chơ vơ giữa màu nước xanh biếc và hàng liễu quanh hồ vẫn hong tóc ven bờ như bao dòng lệ tủi hờn; các bồn cỏ ngập xác lá vàng; những thân cây cổ thụ vẫn cao ngất tỏa rộng tàn lá che khuất một mảnh trời; tất cả còn đó, nhưng lòng tôi đã đổi thay, chai đá!

Chiều ba mươi, một mình ra bờ sông Hồng, nhìn dòng nước đỏ màu phù sa chảy quẩn quại, hiền lành như một con suối nhỏ chứ không dữ dội, hung hãn như mùa nước tháng tám mỗi năm. Tôi biết, nơi này, đêm tháng chạp, đã diễn ra cảnh chém giết vô cùng khốc liệt giữa Trung Đoàn Thủ Đô và giặc Pháp. Nhưng giờ đây, trước mắt tôi, một dải cát im lìm bất động và bên kia bờ, là bãi dâu xanh ngắt. Vài con thuyền lờ lững trôi xuôi! Nhịp cầu Long Biên đen sậm in trên nền trời tắt nắng, trông nặng nề u uất! Dãy núi Ba Vì bị mây mù che khuất. Cảnh vật buồn tênh!

Mùa Xuân về trong lòng Hà-Nội năm ấy, tuy vẫn có nhiều kiều nữ với son phấn làm duyên, với cành đào, chậu cúc, với rượu ngon, cơm trắng, với đầy đủ nghi thức để đón Xuân mà sao có một chút gì vướng mắc, không thanh thản, có lẽ, do tiếng bom đạn đêm đêm vẫn vọng về để nhắc nhở cho người hồi cư nhớ rằng, chiến tranh còn đang tiếp diễn xung quanh Hà-Nội chưa biết bao giờ kết thúc!

Tôi chỉ sống có hai mùa Xuân ở thủ đô Hà-Nội. Định mệnh du đời tôi vào chuyến viễn hành xuống phương Nam. Từ đó, tôi xa miền Bắc.

Cái Tết thứ nhất ở miền Nam, tôi sống trong một doanh trại quân đội gần Quận Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ. Sau cuộc hành quân dài một tuần lễ tại vùng Cờ Đỏ, Cờ Đen, chúng tôi trở về vào chiều hai mươi chín Tết. Khi đoàn xe GMC tiến vào cổng trại, tôi thấy hai bên cổng đã đứng đầy đàn bà, con nít. Họ thuộc gia đình binh sĩ. Cũng may lần hành quân này, tuy có đụng nhưng không thiệt hại về nhân mạng, do vậy, nét mặt người nào cũng hân hoan. Bao nhiêu tiếng cười nói rộn ràng vây quanh những chiếc xe bám đầy bụi đất, như ngày hội. Tôi rời xe, đi nhanh về phía sân cờ, cho lệnh tập hợp, điểm số, trước khi ai về nhà nấy. Doanh trại buổi chiều nay có vẻ khang trang, sạch sẽ. Ban Thường Vụ có bốn phận làm công việc đó để đón Xuân. Trước khi vô nhà, tôi ngửa mặt nhìn lá quốc kỳ bay phấp phới theo chiều gió. Lá cờ mới tinh, màu vàng tươi óng ả với ba vệt đỏ như son, in lên nền trời thật đẹp.

Tôi mở cửa căn buồng vắng ngắt. Đồ đạc chỉ có chiếc ghế bố, chiếc bàn nhỏ, chiếc ghế đầu, chiếc va-li cũ cùng vài bộ đồ tác chiến mắc trên vách nứa. Mấy tấm hình Play Boy của vị sĩ quan ở trước, dán gần chiếc cửa sổ làm sồn mắt. Tôi muốn gỡ những tấm hình đó để thay thế bằng những tấm tranh dân tộc cho hợp với ngày Tết, nhưng miền Nam không có. Tôi tháo dây lưng với khẩu Colt nặng chũu, đặt mạnh người trên tấm ghế bố, quán mình trong chiếc mền mỏng, ngủ vùi tới sáng.

Cả ngày hôm sau, tôi耿耿 như mất hồn vì mùa Xuân hình như không đến với tôi, tuy không khí bao quanh vô cùng sinh động. Toàn trại có ba sĩ quan, một người có gia đình sống ngoài trại. Đại Đội Trưởng có căn nhà ngói ở một góc trại; riêng tôi, tuy có gia đình cũng như không, vì vợ con còn ở ngoài Bắc. Tôi không thích ông Đại Đội Trưởng mấy. Ông ta vốn xuất thân từ hàng Hạ sĩ quan quân đội Pháp, sống lâu lên lão làng, nhất là hay vắng tục với anh em binh sĩ. Chẳng biết làm gì hơn, tôi leo lên vọng gác nhìn bốn hướng, chỉ thấy cánh đồng và những con rạch trải dài đến cuối trời. Nhìn chán, lại xuống thang đi lòng vòng dọc theo giao thông hào đến chiếc lồng trăn. Nhìn qua lưới mắt cáo, con trăn nằm như cuộn dây thừng lớn. Từ phía xa, một binh sĩ bước nhanh tới, tay cầm con gà vung vẩy theo nhịp chân. Anh ta là chủ con trăn, người Việt gốc Miên. Anh mở chốt, thấy con gà vào. Con gà kêu quang quác, nhẩy lung tung, lông bay lá tả. Con trăn đang nằm im lìm bỗng cất cao đầu lắc lư, chỉ một thoáng, nó chụp được con gà, toàn thân chuyển động, quán chặt mồi. Vài phút sau, con gà ngay đơ, chắc xương đã gãy vụn hết. Con trăn dãn thân ra, há miệng ngậm đúng đầu gà, nuốt từ từ. Nó nuốt đến đâu, lông gà ướt sũng như dúng nước. Tôi sửng sốt hỏi anh lính:

– Tại sao cậu không cho nó ăn chuột như mọi lần?

Anh ta cười hềnh hếch, nhe bộ răng vàng choé:

– Dạ, hôm nay ngày Tết mà, Thiếu Úy! Cho nó ăn lần này, cầu ba tháng nữa mới phải cho ăn, loài trăn nhịn tài lắm!

Chỉ hai mươi phút, con gà đã biến mất! Con trăn lại cuộn tròn bất động.

Quanh quẩn cũng hết ngày. Đêm giao thừa, súng nổ vang trời như đờn bị tấn công, nhưng không, đó là tiếng súng mừng Xuân của những người lính chiến, thay tiếng pháo, dù cho đã có lệnh cấm. Đờn lính mà, có gì cũng chỉ lãnh dăm bảy ngày phạt, khỏi phải đi hành quân!

Sáng mồng một, sau khi chào cờ, nghe lời chúc tốt lành đầu năm của Đại Đội Trưởng, anh em binh sĩ tổ chức cuộc đá gà. Hồi còn nhỏ, tôi đã xem nhiều cuộc đá gà, những con gà mào đỏ như son, cổ được vặt hết lông, bôi thuốc làm cho da sần sùi, trông dữ tợn. Con nào

cũng to, có đôi cựa dài và sắc. Khi vào cuộc đấu, chúng đá nhau thật hung hãn, tới khi một con bị thấm đòn, đuối sức bỏ chạy, con kia cất cao cổ, gáy vài tiếng, coi như thắng trận. Nhưng đây cuộc chọi gà tre, một loại gà nhỏ thó, nhưng có bộ lông rất đẹp. Tuy nhỏ con mà đá rất hăng, cả tiếng đồng hồ không con nào chịu chạy, tuy cả hai đều ngất ngư. Cuối cùng, một con bị đá một cựa ngay ức, ngã lăn ra chết. Con thắng vỗ cánh, gáy te te vài tiếng rồi cũng quay lơ giữa đấu trường. Tiếng vỗ tay vang động và sự được thua, thanh toán bằng những tờ giấy bạc mới tinh, tiền bán mạng sống!

Cuộc vui ngày Tết chưa tàn, bỗng nhận được điện hành quân khẩn cấp. Đêm qua, ba mươi, đúng giờ trừ tịch, địch đã tấn công một đồn trên đường Liên Tỉnh, thuộc vùng trách nhiệm của Đại Đội. Tổn thất: một khẩu đại liên 30 cũng nhiều súng đạn. Tiểu Đội gác đồn, bốn chết, bảy mất tích! Thế là hết Xuân!

Tôi sống ở Phụng Hiệp một thời gian, qua chừng gần hai mươi cuộc hành quân, khi đụng, khi không, thì được lệnh chuyển về Trung Ương vì nhu cầu công vụ. Từ đó đời sống của tôi buộc chặt vào thành phố Sài-gòn. Tôi sinh ra và lớn lên tại miền Bắc, nhưng đã trưởng thành tại miền Nam. Suốt ba mươi năm, tôi sống với hai mùa mưa nắng, với những mùa Xuân tràn trề tình tự. Khi còn ở tuổi thanh niên, những ngày cuối năm, không bao giờ tôi vắng mặt ở chợ hoa Nguyễn Huệ và nhớn nhớn trên các vỉa hè đại lộ Lê Lợi, Lê thánh Tôn cùng dạo xung quanh chợ Bến Thành để hưởng cái không khí vui tươi, nhộn nhịp buổi tiền Xuân. Như ước lệ, đêm giao thừa nào, vợ chồng tôi cũng đến Lăng Ông xin xăm, hái lộc. Nhưng rồi mỗi năm qua đi, tuổi đời chồng chất, cái háo hức của tuổi trẻ không còn nữa, tuy nhiên không vì thế mà lòng tôi thiếu say mê một cành mai, một chậu cúc, đôi câu đối đỏ và những thứ linh kinh khác mỗi độ Xuân về.

Sự thật, cuộc đời không phải một dòng nước chảy êm đềm mãi mãi. Cơn sóng gió đã đến làm dòng nước đảo điên, đã đẩy đời sống vào chân tường thù hận, kể từ sau ngày 30- 4-75.

Tôi đã trải qua năm cái Tết trong tù! Bây giờ ngồi đây, yên ổn trên đất Mỹ, mỗi lần cây phong trước cửa báo mùa Xuân đến, trong lòng tôi lại đau nhói như có sợi dây vô hình xiết mạnh. Cái Tết đầu tiên, tôi bị giam tại Suối Máu, thuộc tỉnh Biên-Hòa. Dù bị quây kín bởi chín lần kẽm gai và những khẩu AK, nhưng lòng ngực tôi vẫn hít thở được cái không khí của miền Nam qua những giọt nắng, qua màu trời xanh thắm. Cái Tết đó, trời tự nhiên rét lạ lùng. Suốt mấy chục năm sống ở miền Nam chưa bao giờ thấy thời tiết kỳ cục như vậy! Anh em đồng tù cho rằng, tội Cộng Sản đã mang cái lạnh từ miền Bắc vô, chứ miền Nam đâu có lạnh dữ vậy? Cái Tết đó tuy buồn nhưng chưa thấm, chưa đau vì gói quà năm ký của gia đình gửi vào làm mọi người có cảm tưởng vẫn được gần vợ con thân mến. Đêm ba mươi, tôi nằm trên nền đất lạnh nghe mùa Xuân về qua tiếng pháo từ xa vọng lại. Biết bao nhiêu câu hỏi luẩn quẩn trong đầu, biết bao nhiêu giận hờn làm bàng hoàng tâm trí! Xung quanh tôi, những người cùng cảnh ngộ, chắc họ cũng đang bị những câu hỏi và kỷ niệm hành hạ và đều mong sớm thoát khỏi hoàn cảnh khốn khó này, càng sớm càng tốt, nhưng chưa biết đến bao giờ?...

Rồi mùa hè năm 1976, Cộng Sản chuyển tù cải tạo từ Nam ra Bắc. Cái Tết thứ hai, tôi sống tại Nghĩa Lộ. Đêm ba mươi, nằm trên liếp tre, trong chiếc lán rộng, bên ngoài quây kín bởi hàng rào tre nhọn hoắt với những vọng gác. Ngọn đèn dầu nhỏ treo giữa lán hiu hắt, mờ nhạt, không soi tỏ mặt người. Cái lạnh thấu xương làm khó ngủ, tuy chưa bị đói. Cộng Sản đưa chúng tôi ra Bắc để cách ly khỏi môi trường quen thuộc. Mọi người đều phải lao động khổ sai, bắt chấp thời tiết, dưới sự quản lý của trại “cối xanh”. Nhìn đâu cũng chỉ thấy rừng

núi với từng con dốc cheo leo, gập ghềnh sỏi đá. Tôi nhắm mắt, cố quên đi thực tại hãi hùng, nhưng nào có được! Tôi xoay trở trên tấm liếp như con sâu bị kiến đốt. Tiếng pháo từ phía đồi bên kia, nơi đặt ban Chỉ Huy tù, âm vang càng làm tâm hồn tôi nhức nhối. Người bạn tù kể bên thờ dài sườn sượt!

Cái Tết thứ ba, tôi bị giam tại Trại Cải Tạo Trung Ương số 1, thuộc tỉnh Lào-Cai. Đây là nhà tù lớn và kiên cố nhất tại miền Thượng Du do Công An quản lý. Bốn bề tường cao nhẵn thín với nhiều vọng gác, đèn pha sáng rực mỗi đêm. Trại tù này do thực dân Pháp để lại. Nơi đây, khi trước đã giam cầm những người yêu nước chống Pháp; hồi gần đây Cộng Sản giam các “giặc lái” Mỹ và những chiến sĩ biệt kích của miền Nam. Chúng tôi phải lao động hết buổi sáng ngày ba mươi, buổi chiều tắm rửa, giặt giũ, bắt rận đốn Xuân. Anh em đã bắt đầu đói vì khẩu phần bị rút. Riêng tôi càng đói vì chưa nhận được quà từ trong Nam chuyển ra. Ngày mồng một, tôi uống nước sôi dẫn bụng chờ cơm. Bữa nay được ăn cơm trắng thay vì bột mì hay sắn khô. Đang cơn đói, Thanh Tâm Tuyên qua thăm, đưa chiếc kẹo và cho biết có người mến tôi, mời uống cà-phê, ăn bột Bích Chi. Tôi mừng húm! Rồi thời gian qua đi, con người tưởng như yếu đuối, khó mà chịu đựng lâu dài với hoàn cảnh khắc khe, gian khổ, nhưng thực tế, nó có đủ sức để đương đầu với nghịch cảnh, nếu ý chí bền vững!

Cuộc chiến tranh biên giới giữa Trung Cộng và Cộng Sản Việt-Nam xảy ra vào cuối năm 1979, tôi và bốn mươi chín người khác bị đưa về miền xuôi. Đây là đợt đầu, gồm toàn thành phần “ác ôn”, theo sự đánh giá của Cộng Sản! Từ đó, tôi vĩnh viễn rời khỏi các hang hốc lẫn khuất dưới chân dãy Hoàng Liên Sơn âm u vách đá và những khắc nghiệt quá mức dành cho mỗi thân phận tù đầy!

Hai cái Tết sau cùng của đời tù tội, tôi sống ở trại Nam Hà, giữa vùng núi Chiné, thuộc tỉnh Hà Nam Ninh. Cả hai mùa Xuân cuối, không mang đến với tôi chút gì đặc biệt, dù thời tiết có khởi động trong tôi chút ít kỷ niệm tuổi thơ. Những mùa Xuân trên đây, tôi đã viết rõ trong cuốn *Đáy Địa Ngục*. Khi con tàu Thống Nhất đưa tôi trở về Sài-gòn, tôi lại được sống hai mùa Xuân trước khi vượt biên. Nhưng mùa Xuân Sài-gòn không còn nữa, dù cho pháo nổ nhiều, nhưng tất cả miền Nam đang bị bủa vây trong không khí oán hờn, uất hận và bóng dáng quân thù nhan nhản làm cho mùa Xuân trở thành một ám ảnh, một dằn vặt không thể nguôi ngoai! Sài-gòn đã thừa, tức Sài-gòn đã mất hết, đã đổ vỡ tan hoang từ vật chất tới tinh thần, không còn gì để mơ ước!...

Cái Tết lưu vong đầu tiên, tôi sống trong trại tị nạn Sungei Besi, gần thành phố Kuala Lumpur thuộc Mã Lai Á. Tết này làm tôi nhớ lại những cái Tết trong trại Cải Tạo. Cũng hàng rào kẽm gai và tôn quây kín với những qui định hạn chế tự do. Những người tị nạn đi quần quanh trong chu vi hạn hẹp như đàn thú mắc bẫy. Mùa Xuân về không có quê hương! Mùa Xuân về trong sự dồn nén, tủi nhục tận chiều sâu tâm thức của mỗi con người bắt buộc phải lìa bỏ quê hương với ít nhiều tiếc nuối trong lòng! Chiều ba mươi Tết, hai vợ chồng già dắt nhau qua trại B, ngồi trên gò cao, nhìn qua rào tôn, xem xe hơi chạy tấp nập trên con lộ rộng, mong mỗi ngày rời trại. Đêm hôm đó, người Mã gốc Tàu cũng đốt pháo. Tôi nhìn những cây pháo thẳng thiên bắn vọt lên nền trời đen thẫm, làm sáng rực một khoảng không gian. Tôi chợt nhớ đến những đốm mắt hỏa châu soi sáng vùng trận địa quê nhà. Tết Mậu Thân năm trước. Chao ôi là nhớ, những mùa Xuân hào hùng nay tìm đâu thấy?...

Nửa đêm, chúng tôi đi chùa lễ Phật. Mùi nhang và câu kinh, tiếng mõ khởi động trong tôi cái không khí mồng một Tết khi còn thơ dại, theo Mẹ đi lễ chùa quê !...

Đã mấy mùa Xuân về trên đất Mỹ rồi đó, nhưng mùa Xuân quê hương càng ngày càng xa vời vợi, chả biết tới khi nào gặp lại? Lạ thật, cũng mưa, cũng gió, tiết trời cũng lành lạnh, cũng hoa, cũng rượu, cũng dưa hành, thịt mỡ, bánh chưng xanh mà sao lòng cứ dửng dưng, nguội lạnh? Thì ra, thiếu cái không khí và sự đầm ấm cần thiết giữa con người và cảnh vật; những thứ này đã cắm rễ, đã ăn sâu vào mỗi tế bào của người Việt từ khi lập quốc!

Hôm nay tôi cầm bút, giống như kẻ ghiền ma túy, muốn cai, nhưng khi đi ngang tiệm hút, ngửi thấy mùi hương phù dung quyến rũ, lại lên cơn, ghé vào, nằm xuống! Thế thôi!...

KÉ ĐI TÌM MÙA XUÂN

Chiếc phi cơ của hãng hàng không Delta hạ cánh êm ái trên phi đạo, từ từ tiến vào phi cảng, nơi có chiếc hành lang xếp, nhô ra sân, để từ đó, hành khách đi lần lượt vào lòng một kiến trúc, tuy không lộng lẫy to lớn như các phi cảng J.F. Kennedy ở New York, O'Hare ở Chicago hoặc Los Angeles, nhưng nó cũng mang những nét độc đáo của một phi cảng quốc tế: Honolulu.

Sau khi lấy hành lý xong, tôi lững lững đi ra phía cổng, nơi có đặt máy điện thoại công cộng, kêu Taxi về khách sạn. Gió từ ngoài khơi thổi vào làm khừu giác tôi lại bắt gặp mùi mặn nồng quen thuộc! Cái nóng âm âm dù đứng dưới bóng mát, làm tôi nhớ đến khí hậu miền Nam nước Việt. Trong lòng bỗng nôn nao như muốn tìm kiếm ngay ở quanh quất đâu đây chút hơi thở quen thuộc mà tôi đã đánh mất từ lâu, có lẽ từ ngày vượt biên, trốn tránh như một tên đào thoát! Trong thời gian sống xa quê hương, tôi thường có những phút cuồng điên như vậy. Cũng chính vì những ám ảnh đó, hôm nay tôi có một trên hòn đảo Oahu này với mục đích để mong gặp lại một phần nào sự quen thuộc, mến thương tưởng đã phai nhòa cùng năm tháng lưu đầy! Nhưng không đúng, từng kỷ niệm, chúng vẫn sống động ẩn khuất, rồi chợt bùng lên như cơn giông gió bất ngờ thổi ào ạt vào trí nhớ! Tôi biết, mùa Xuân của nước Mỹ theo tờ lịch, đã qua từ trên một tháng. Những cây thông đã tàn úa được ném vào thùng rác từ lâu, sau mùa Giáng Sinh rực rỡ, nhưng cái mùa Xuân đích thực do Đất Trời cấu tạo và vận hành, nó chưa bắt đầu, hình như nó đi song hành với nhịp Xuân của quê hương tôi, bên kia bờ Thái Bình Dương thì phải. Sự thực, căn nhà tôi trú ngụ ở gần biển, nên ngày nào tôi cũng nhìn thấy màu nước xanh biếc chạy dài trước tầm nhìn. Tuy sống gần, nhưng ít khi ra biển, trừ hôm nào nhớ quê hương, tôi một mình ngồi trên kê đá đăm đăm nhìn về phía Đông, mà tôi đoán chừng, ở nơi xa tít mù tắp kia: quê hương tôi đó, nơi có rất nhiều bãi biển tuyệt đẹp như Vũng Tàu, Long Hải, Nha Trang, Đồng Đế .v.v... hoặc ở miền Bắc với các bãi Đồ Sơn, Sầm Sơn chẳng hạn! Tất cả những nơi đó, đã in dấu chân tôi. Tôi đã biết chúng từ thuở còn thanh niên, đã thuộc lòng từng vùng biển với độ nông, sâu của mỗi bãi. Tôi biết ở bãi sau Vũng Tàu có một vùng cát lún rất nguy hiểm cho những ai chưa bơi giỏi, nhưng có nhiều người vẫn thích tắm ở đó vì phong cảnh đẹp với những lượn sóng cao ngất đập vào ghềnh đá tung bọt trắng xóa, liên tiếp, liên tiếp!...

Chiếc Taxi đưa tôi về khách sạn. Tôi ra khỏi lòng xe, nhìn lên một tòa nhà building cao ngất trông ra bãi biển Waikiki, do tôi đã lựa chọn từ lúc mua vé đi Honolulu, thủ phủ của Hawaii, qua hãng du lịch. Điều làm tôi chú ý trước tiên, trên đảo có quá nhiều xe hơi đủ loại, nhưng bị hạn chế tốc độ nên chạy rất chậm; đường phố lại nhỏ, chứ không lớn như ở đất liền. Vì cũng là một Tiểu Bang của nước Mỹ, nên tất cả mọi tiện nghi cũng như con người sống nơi đây đều mang sắc thái của một nước Mỹ vĩ đại trên phương diện đất đai và kiến trúc. Đi đâu,

đến đâu cũng chỉ nhìn thấy những tòa nhà cao ngất làm cho du khách khó có nhận thức mình đang sống trên một hòn đảo nhỏ nằm giữa Thái Bình Dương mênh mông, nếu không bắt gặp đó đây những thân dừa lá ngọn, những tàng cây lớn, có bóng mát che rợp cả khu phố, nếu không có màu cát vàng óng ánh phía xa xa với những lượn sóng xô đuổi nhau trên bờ cát, chắc chắn mọi du khách đều có cảm nghĩ mình đang ở một thành phố nào đó trên lục địa Mỹ.

Tôi đứng trong lòng thang máy đưa lên tầng cao nhất của khách sạn. Tuy toàn bộ phòng ngủ đã được hệ thống điều hòa không khí tỏa hơi mát vừa đủ, nhưng riêng tôi, vẫn cảm thấy nóng vì mình vừa từ một vùng lạnh tới, với mục đích đi tìm mùa Xuân trên hòn đảo thuộc miền nhiệt đới có khí hậu tương tự như khí hậu của miền Nam nước Việt. Đáng lẽ, tôi, người miền Bắc, phải đi tìm mùa Xuân ở những nơi nào có mưa phùn, gió Bắc, có sắc hoa đào phơn phớt trên má trên môi các cô gái dậy thì mới phải, nhưng tại sao tôi lại đi tìm mùa Xuân dưới cái nóng, dưới ánh mặt trời đỏ lửa từ sớm tới chiều ? Điều này cũng dễ hiểu vì tôi yêu miền Nam Việt-Nam và cái khí hậu hai mùa mưa nắng nó làm con người quen dần, sau trên ba mươi năm sống, đã trở thành tình nghĩa keo sơn như máu với thịt xương khăng khít!

Mùa Xuân ở miền Nam nước Việt tuy không thơ mộng, thắm thiết như mùa Xuân đất Bắc, nhưng nó cởi mở hơn, nhất là con người không bị lệ thuộc quá nhiều vào thủ tục cổ truyền. Có điều lạ, khi đang sống ở miền Nam, mỗi độ Xuân về, tôi thường hướng tâm hồn mình ra đất Bắc với những kỷ niệm ấu thơ, hoặc ở tuổi hoa niên với bao nhiêu mộng đời tươi thắm, nhưng trong những ngày tháng lưu vong, tâm hồn tôi lại hướng về miền Nam với cảnh Tết chợ Bến Thành, chợ hoa đường Nguyễn Huệ với những cành mai nở hoa vàng chói, những chậu cúc, chậu thược dược cùng nhiều loại cây kiểng khác được bày kín một lòng phố rộng, dài từ bồn phun nước ở ngã tư Lê Lợi, Nguyễn Huệ tới cửa Nha Ngân Khố.

Đã lâu rồi, kể từ ngày đánh mất quê hương, không bao giờ tôi tìm lại được cái không khí Tết như vậy và mùa Xuân nào đó, đến rồi đi một cách hững hờ trên đất Mỹ, chẳng làm lòng tôi rung động mảy may.

Chính vì lẽ đó, nên mùa Xuân này, tôi nhất định đến một vùng có khí hậu tương tự như miền Nam, để may ra, nhờ đó, tâm hồn tôi chùng xuống, với đi được phần nào ray rứt! Trong khoảng thời gian hơn bảy năm lưu lạc nơi đất khách, tôi đã có mặt ở khắp các bãi biển miền Nam Cali, nhưng không nơi nào gợi trong tôi chút kỷ niệm hoặc phảng phất “hương gậy mùi nhớ”! Cái màu cát đen sẫm mà bao nhiêu tấm thân ngà ngọc nằm dài phơi nắng sau mỗi mùa lạnh qua đi, cũng không đủ sức hấp dẫn, bắt tôi phải thừa nhận nó đẹp, nó nên thơ! Không, dù cho các nàng kiêu nữ Mỹ có thân hình nở nang, cân đối, có màu da trắng như ngà ngọc, có những đường cong mời gọi, nhưng cái màu cát ấy và độ lạnh của nước biển không làm sao tôi mê được!

Tôi đứng trên bao-lơn, tầng cao khách sạn, nhìn xuống thành phố, xe cộ chạy như đàn lưới. Phía trước mặt, một bãi cát vàng trải rộng với những chiếc bikini lượn lờ, qua lại. Nước đại dương xanh thẳm mênh mông! Vài cánh buồm phơ phất đong đưa theo triền sóng từ xa đang hướng vô bờ!...

Tôi đến đảo đứng vào một chiều thứ Bảy, nên con đường chạy song song với bãi biển Waikiki, đông nghẹt người qua lại. Phần đông là du khách, họ mặc đủ kiểu, đủ lối theo thời trang. Tôi thả bộ dọc theo con lộ dài dằng dặc, chỉ thấy toàn cửa hàng buôn bán, xen kẽ

những tiệm ăn sang trọng với những khách sạn cao ngất. Có thể nói, một phần lớn dân trên đảo sống nhờ vào du khách, ai cũng muốn có một chút kỷ niệm của Hawaii mà!

Tôi cứ đi như kẻ mộng du giữa dòng người đông đảo lên, xuống. Đèn đuốc sáng chói từ lòng cửa tiệm hắt ra. Buổi tối, trời không nóng nhờ có gió biển, cũng giống như Sài-gòn vậy. Tôi đi loanh quanh, vòng qua, đảo lại mãi cũng chán vì mắt tôi không nhận thấy sự khác biệt nào giữa thành phố này với các thành phố của nước Mỹ mà tôi đã biết, ngoài cái khí hậu như miền nhiệt đới. Tôi quay về khách sạn vì cảm thấy mỏi mệt, cần một giấc ngủ!

Khi tôi thức giấc, mặt trời đã chói chang xuyên qua khe màn không khép kín. Tôi vùng dậy, kéo cánh màn cho nắng tràn ngập căn phòng. Tiếng máy lạnh chạy xè xè buồn nản. Tôi vô phòng tắm vụng vỏi nước. Dòng nước mát rượi chảy tràn trề làm tỉnh hẳn cơn ngái ngủ, toàn thân thấy khoan khoái, dễ chịu.

Tôi xuống nhà, nơi làm việc của quản lý, nhờ thuê giùm một chiếc xe có tài xế, đưa tôi đi thăm đảo cho biết sự tình. Việc này quá dễ, miễn có tiền! Chờ chừng nửa tiếng, một chiếc xe mới tinh đến đón tôi. Gã tài xế, người Mỹ gốc đảo, không biết thổ ngữ.

Tôi nói trước, cuộc đi chơi này do gã hướng dẫn, gã có toàn quyền muốn đưa đi đâu cũng được. Nghe tôi nói vậy, gã chịu quá, nói OK và cười toe toét! Chiếc xe ra khỏi lòng thành phố chạy vòng quanh đảo, nơi nào cây cối cũng tươi tốt, hoa lá đua vui. Ngoài bãi biển Waikiki ra, bãi nào tương đối cũng đẹp, cũng nên thơ với màu cát vàng óng như tơ, với màu nước xanh trong vắt như thủy tinh!

Sau đó, gã đưa tôi vào một con đường cây cối um tùm như một khu rừng rậm, ánh nắng không xuyên qua nổi, không khí ẩm ướt với mùi lá mục. Đó là đường Pali cũ (Pali Old Road). Sau khi đi xuyên qua, xe chạy một khoảng không xa bao nhiêu, mà sao gió nhiều thế. Mây bay la đà, khí hậu lạnh cóng. Nơi đó gọi là Pali Look Out. Ở nơi này du khách có thể nhìn thấy một vùng bao la của đảo. Mặt trời vẫn chói chang ở ngoài xa, nhưng nơi đây không có ánh nắng, mây giăng âm u như sắp đổ cơn mưa lớn.

Vì không chịu nổi gió lạnh, tôi trở lại bãi đậu xe. Gã tài xế vẫn ngồi ở tay lái, mồm ngậm điều thuốc thờ khời khét lẹt. Thấy tôi, anh quăng mẩu thuốc ra xa, hỏi tôi muốn đến thăm Trân Châu Cảng không? Tôi gật đầu bằng lòng, vì sự thực, tôi cũng có ý định đến thăm một di tích lịch sử từ hồi Đệ Nhị Thế Chiến. Hải cảng quân sự này, đã bị những chiếc phi cơ của không quân Nhật Hoàng bất ngờ tấn công vào một sớm tinh mơ làm Hải Quân Mỹ bị thiệt hại nặng nề. Ngoài một số lớn thương vong, còn có một chiến hạm khổng lồ USS Arizona bị chìm. Cũng kể từ ngày đó, Chính Phủ Mỹ lao hẳn vào cuộc chiến cùng với Anh, Pháp, Nga v...v... quyết đánh tan phe Trục: Đức, Ý và Nhật.

Khi đến nơi, tôi đã thấy đông đảo du khách tới trước. Có một phái đoàn Nhật đông tới gần một trăm người, do một nữ hướng dẫn viên duyên dáng, thân hình cao lớn không thua con gái Mỹ, nói tiếng Anh trôi chảy. Cô ta thông dịch sang tiếng Nhật những câu của người sĩ quan Mỹ có trách nhiệm hướng dẫn đến thăm khu vực lịch sử. Mọi người đi xem được phát một tấm thẻ, tượng trưng cho chuyến đi. Chờ chừng nửa giờ, chúng tôi được hướng dẫn vào một phòng chiếu phim thật rộng với màn ảnh đại vĩ tuyến. Trước khi chiếu, vị Sĩ Quan nêu câu hỏi, xem có bao nhiêu thành phần thuộc mỗi quốc gia có mặt. Phái Đoàn Nhật giơ tay đông nhất. Vị Sĩ Quan phụ trách chiếu phim thực khéo, nói trước: “Cuốn phim này chỉ ghi lại những sự kiện lịch sử. Chúng tôi cho chiếu để quý vị thưởng lãm, chứ không phải để gây căm thù vì nước Mỹ và nước Nhật lúc này là bạn !”

Khi vừa dứt lời, phim bắt đầu chiếu, trước tiên, cảnh sinh hoạt bình thường của quân cảng, sau đó vài giây là tiếng rú của những chiếc phi cơ Nhật lao vào các chiếc tàu để thả bom và tiếng súng nặng của tàu chiến trả đũa ngăn chặn, gây cho người xem một cảnh tượng hãi hùng. Sau cùng có những chiếc phi cơ mang bom lao thẳng vào ống khói của chiến hạm Arizona làm cho chiếc này bị chìm dần xuống đáy biển với những đám cháy ngút trời! Riêng tôi, đã được xem cuốn phim này trên TV, nên không có xúc động nào hết, chả biết những người Nhật hiện diện nơi đây, họ nghĩ gì, khi chính vì trận chiến này đã đưa đến sự tan nát của hai thành phố Hiroshima và Nagasaki do hai trái bom nguyên tử thả xuống. Tôi cũng được xem chiếc B.29 thu nhỏ lại, bốn động cơ, có tầm bay xa và cao, đã mang hai trái bom khủng khiếp đó!

Sau khi chiếu phim, mọi người được hướng dẫn xuống chiếc tàu nhỏ, đủ chỗ cho số thẻ được phát ra khi này, để ra thăm chiếc USS Arizona đã được trục lên gần sát mặt biển, ngay bên trên có xây một đài kỷ niệm với tên của các thủy thủ Mỹ đã hy sinh trong trận chiến đó. Chiếc chiến hạm bị ngâm dưới nước biển lâu ngày, nên bị rỉ sét và rong rêu bám đầy trông như con quái vật khổng lồ! Ở gần, còn có chiếc tàu ngầm đã đánh đắm rất nhiều tàu chiến của đối phương ngoài khơi Thái Bình Dương. Ai muốn xuống coi phải trả sáu đô-la. Do vậy cũng ít ai xem!

Trên lối đi ra bãi đậu xe, tôi ngó ý với gã tài xế, muốn đi thăm ngôi chùa Nhật Bản, nổi tiếng vì kiến trúc cầu kỳ. Gã gật đầu OK. Không cần bản đồ, gã lái xe về hướng khác, chừng một giờ sau, tôi đã nhìn thấy màu đỏ rất đặc biệt ẩn khuất sau những tàng cây. Trước khi tới Chùa, tôi thấy một Nghĩa Trang của người Nhật, tất cả những ai đã nằm xuống đều quay đầu vào Chùa, những chiếc mộ bia cũng vậy! Gã tài xế bỗng cất tiếng: “Người Nhật, đi đâu, đến đâu cũng thế, không bao giờ họ lìa bỏ những tập tục cổ truyền” và còn cho biết, trên hòn đảo nhỏ bé này, người Nhật có rất nhiều cơ sở làm ăn cũng như đất đai không thua gì người Mỹ trắng!

Tôi đứng im sững như pho tượng, nhìn vào cái lối kiến trúc cầu kỳ rất đặc biệt Nhật Bản. Phía sau ngôi Chùa là núi cao với những đám mây giăng la đà làm không khí tăng phần thoát tục. Tôi đặt từng bước chân gượng nhẹ trên sỏi đá, trên chiếc cầu gỗ uốn cong trên dòng nước. Tôi nhìn từng ngọn cây lá cỏ, từng nhánh hoa màu đỏ tía hoặc phớt hồng lá bóng xuống ven hồ. Tất cả những gì có mặt, hình như được nhưng khối óc và những bàn tay khéo léo sắp đặt, điều hòa cho cái đẹp chung của ngôi Chùa trang nghiêm cổ kính mà tôi đã có cơ may nhìn thấy tại nước Nhật cách đây hai mươi năm trong thời gian đi tham dự Hội Chợ Quốc Tế Osaka. Nó không trộn lẫn, không hòa tan. Nó là một cái gì rất đặc biệt và cách biệt, của riêng nước Nhật!

Thấm thoát đã tới chiều, tôi bảo gã tài xế trở về thành phố để ăn cơm. Tôi mời gã vào ăn mì tại một tiệm Nhật. Mì Nhật có mùi vị khác hẳn mì Trung-Hoa hoặc Đại-Hàn. Tô mì rất to, ăn không hết tuy bụng đói. Giá cũng rẻ thôi, có vài đồng bạc. Ăn xong, tôi bảo gã đưa ra bãi biển để nhìn hoàng hôn chết đuối dưới chân Đại Dương. Rời khỏi lòng xe, tôi bảo gã tài xế, sáng mai đến khách sạn đón tôi vào khoảng mười giờ.

Tôi đi thẳng ra biển, qua một bãi cỏ thênh thang có những cây mọc lâu đời, tàng lá trải rộng, thật rộng, che rợp một khoảng lớn, dưới bóng mát có đặt chiếc ghế gỗ dài và chiếc bàn cho những người đi pic-nic, dùng làm bàn ăn. Tôi suy nghĩ vẫn vơ, trước khi có mặt người Mỹ với nền văn minh cơ khí thì nơi đây, chắc toàn rừng rậm chạy sát tới mé biển, chứ làm gì có bãi

cỏ xanh mơn mớn với những vòi nước ngọt, những căn nhà Restroom kang trang để du khách tiện sử dụng.

Tôi đến một ghế trống, nằm dài trên đó. Chiếc mũ vải úp lên mặt, lắng nghe tiếng sóng Đại Dương vỗ ngoài xa như lời ru thì thầm. Buổi chiều nay, ngày áp Tết, chắc Sài-gòn đang nhộn nhịp mua bán đón Xuân theo tục lệ, nhưng dưới sự cai trị bạo tàn của Cộng Sản, sau mười mấy năm, chắc cũng chẳng còn nhiều vui thú để mơ ước. Mỗi dịp đón Xuân với tiếng pháo nổ ròn rã để mừng chiến tranh đã tàn phai trong ký ức, nhưng cuộc sống đó, mỗi ngày mỗi tồi tệ hơn, trên sáu mươi triệu người, chỉ có trên một triệu Đảng Viên được hưởng đặc quyền, đặc lợi, còn tuyệt đại đa số vẫn khổ rách áo ôm, sống bằng mảnh mung, lường gạt, sống bằng những uất nghẹn chẳng dám hé môi, sống bằng tủi nhục, câm nín trong chờ đợi, đến ngày nào có phép lạ xảy ra, lại được sống cho ra con người với hạnh phúc trong tay, dù bé nhỏ, chứ cứ kéo dài mãi sự mõi mòn này sẽ làm rã mục hy vọng, làm băng hoại ước mơ, do vậy, tiếng pháo đón Xuân, ngày nào đó, sẽ trở thành tiếng súng, đòi lại quê hương, đòi lại những gì đã mất do Cộng Sản lấy đi! Tôi vẫn thường nghĩ, mọi vật trên thế gian này đều có linh hồn, biết đâu, tiếng sóng đang dào dạt vỗ vào bờ cát ngoài kia lại chẳng mang những lời nói thầm kín riêng của bãi phía Đông gửi qua phía Tây, bãi phía Bắc gửi xuống phía Nam? Mỗi bờ cát là một trạm tin, ở đó, có rất nhiều tín hiệu ngày đêm hoạt động liên tục để nói năng, kể lể nỗi niềm của từng vùng vui tươi hay đau đớn! Tôi nằm đây, hình như nghe được những tín hiệu ấy do linh giác cảm nhận. Nhưng tôi đau khổ bao nhiêu khi trong trí tưởng lại hình dung thấy những dầy vò, tủi nhục của bao nhiêu con người giờ đây đang đón Xuân trong tiếng khóc nghẹn ngào vì đời sống khó khăn đã xô họ xuống tận đáy sâu Địa Ngục Trần Gian. Chợ Bến Thành vẫn còn đó, đường Lê Lợi vẫn ngàn năm phơi mình trong hai mùa mưa nắng, chợ hoa Nguyễn Huệ vẫn có những cành mai nở hoa vàng óng với những chậu cúc, chậu quất, thược dược đủ màu, nhưng những thứ đó giờ này không còn thuộc về người dân cần cù làm ăn lương thiện mà nó thuộc về giai cấp lãnh đạo, chuyên nghề tham nhũng, hà hiếp, mới có dư giả tiền bạc để mua sắm cho ngày Tết thêm phong phú, thi vị! Tôi bàng hoàng cảm thấy lòng mình thất lại khi mường tượng đến những oan trái mà người dân miền Nam phải gánh chịu đã hơn mười năm qua. Còn thời gian cứ lạnh lùng trôi đi, trôi đi, tiếp nối!...

– Sao, bữa nay ông định đi đâu? Gã tài xế hỏi tôi với nụ cười xã giao. Tôi nói, muốn đi thăm nơi nào có nhiều người Mỹ gốc thổ dân sinh sống. Gã tài xế không nói gì, lặng lẽ đề máy, rú ga. Chiếc xe chạy xuyên thành phố rồi quẹo vào một con lộ có rất nhiều biệt thự sang trọng nằm sát bờ biển. Gã tài xế cho biết, khu nhà giàu này đều do người Mỹ trắng hoặc Nhật làm chủ. Chiếc xe ra khỏi Exit để vào xa lộ duy nhất; xuyên xéo qua đảo. Tôi nhìn sang hai bên thấy phong cảnh không khác miền Nam mấy tí, nhất là những mái nhà ẩn khuất sau bờ cây, khóm chuối, thỉnh thoảng dọc theo các con lộ nhỏ mà gã tài xế bỏ xa lộ để đưa tôi đến những khu có người Mỹ gốc thổ dân cư ngụ. Tôi thấy vài quán hàng treo lơ lửng dăm ba nải chuối; mười trái khóm; vài trái dứa khô .v.v... Nhìn thấy cái cung cách sinh hoạt đó, tôi bỗng nhớ đến những quán hàng rải rác trên các trục lộ giao thông ở miền Nam nước Việt. Tôi cứ để mặc gã tài xế muốn đưa tôi đi đâu cũng được, miễn anh phải đưa tôi đến địa điểm Luau Village trước năm giờ chiều, để thăm một ngôi làng tượng trưng của dân đảo tự ngàn xưa với các sinh hoạt cổ truyền kể cả những màn vũ đặc biệt. Gã tài xế cười nhe hàm răng trắng bóc, có lẽ; gã cảm thấy thoải mái, coi cuộc du ngoạn này do chính gã thực hiện. Nhìn đồng hồ còn sớm, gã đưa tôi đến khu trồng mía với diện tích bạt ngàn cũng như nơi trồng trái thơm mênh mông. Tôi nhìn màu đất đỏ au, bỗng nhớ đến Ban Mê Thuột. Cũng màu đất y hệt

thế này, nhưng Ban Mê Thuột nhiều đồi núi nên không trồng mía hoặc trái thơm mà chỉ trồng cà-phê cùng những loại cây khác, hợp với phong thổ thôi. Cũng chính cái địa danh này đã khởi đầu cuộc chiến, kể từ đó; miền Nam cứ rả dần từng mảng, đi đến kết quả bi thảm: Ngày 30-4-75, ngày đầu hàng Cộng Sản, sau năm mươi tám ngày đêm chạy dài tán loạn!

Nhìn đồng hồ đã gần một giờ chiều, giờ địa phương (múi giờ chậm hơn ba giờ, đối với đất liền) tôi bảo gã tài xế kiếm chỗ ăn cơm. Gã lái một hồi lâu đưa tôi đến một quán ăn “seo-sec”, nơi đây có Viện Bảo Tàng về Hải Dương Học. Suốt bữa ăn, tôi nghe tiếng hải cẩu kêu không ngớt. Quán rất đông thực khách, mọi người có vẻ ăn uống vội vã vì còn mãi đi thăm các nơi khác, còn tôi, sau bữa ăn, đã thấm mệt nên tìm một nơi khuất có bóng mát, nằm lăn trên bãi cỏ úp mũ lên mặt làm một giấc dài.

Tôi giật mình thức giấc, gã tài xế đã đứng bên tự hồi nào và cho biết cần đi ngay, nếu không sẽ muộn. Tôi theo gã ra bãi đậu xe. Bãi đậu vắng hoe vì du khách đã đi hết. Gã tài xế rồ ga, de lui rồi quẹo nhanh ra lộ. Nhưng xe cũng không chạy nhanh được vì tốc độ bị hạn chế tối đa. Nhưng rồi cũng tới nơi khi mặt trời còn cao khoảng một con sào. Tôi ngỏ lời mời gã tài xế vào xem chung, tôi trả tiền vé, nhưng gã khiêm tốn từ chối vì đã biết quá nhiều. Thế là chỉ mình tôi với tấm vé 40 đô-la vô cửa. Vừa qua khỏi chiếc cổng làm bằng cây đơn sơ, tôi đã bị một cô gái ăn mặc theo kiểu thổ dân, mình trần, ngực đeo hai mảnh dừa khô đen bóng, hồn nhiên đến khoác tay chụp ảnh (khi về, muốn lấy ảnh, phải trả tiền). Tôi biết, ngôi làng tượng trưng này, được dựng lên với mục đích thương mại, nhưng dù sao, qua nó, các du khách cũng được biết một phần nào lề lối, cung cách sinh hoạt lâu đời của người dân sống trên đảo. Làng được phân chia thành nhiều khu vực, với hệ thống dây chuyền, để du khách với một thời gian ngắn, có thể ý thức được phần nào về phong tục, tập quán xa xưa, trước khi nền văn minh cơ khí tràn vào. Họ biểu diễn cách lưới cá ở ngay ven biển với bãi dừa dày đặc. Họ vừa kéo lưới vừa hò reo, du khách cũng hò theo cho vui. Tiếp theo, đoàn thuyền độc mộc từ ngoài khơi cập bến. Một đám con gái mình trần, mặc váy tua bằng sợi nylon, đón đoàn thuyền qua vũ điệu ngoạn mục rất khêu gợi. Tôi được người dân trên đảo dạy cách sêu hoa bằng sợi chỉ tước ra bởi thân cây rừng. Tôi đến căn nhà trưng bày những công cụ săn đuổi thú rừng với những chiếc lao có tẩm thuốc độc để giết thú dữ. Tôi được xem nghi thức ngày hội của dân tộc Polynesian, qua tiếng trống lớn với các nhạc khí cổ truyền và cách nướng heo dưới hầm đất để ăn mừng. Tôi đi thăm những chiếc lều mái lá, vách bằng cây rừng rất đơn sơ, nơi trú ngụ của người dân đảo thuở trước. Tôi đến thăm khu chợ bày bán những dụng cụ làm bằng tay cũng những chiếc sarong màu sắc sỡ cho đến khi trời tắt nắng, cũng là khởi đầu của màn trình diễn có tính cách then chốt, trên một sân khấu lộ thiên rộng rãi.

Trước khi xem trình diễn, các du khách được mời đi lấy cơm tại một căn nhà riêng. Ngoài cơm, thức ăn toàn món địa phương như thịt heo nướng trui, ăn toàn mùi khói, mấy khoai trái thơm để nguyên vỏ, các thứ rau trộn tùm lum. Còn nước uống, một thứ rượu pha chế theo cung cách cổ truyền, nước ngọt cũng vậy, rất khó uống nếu không quen, tuy nhiên ai muốn uống rượu mạnh, hoặc la-de, Coca, Pepsi đều có; riêng rượu mạnh phải trả thêm tiền. Tất cả khu vực trình diễn sáng rực dưới ánh đèn pha chiếu từ bốn phía. Trước khi chính thức trình diễn, các du khách được mời nhảy với các vũ công. Sau đó, du khách vừa ăn, vừa xem. Đây là cuộc trình diễn nhà nghề, có tổ chức, nên mất đi hầu hết cái ý nghĩa cao đẹp và nên thơ của phong tục, tập quán dân tộc Polynesian. Chương trình được giới thiệu bằng tiếng Mỹ, do người Mỹ điều khiển. Trong lòng tôi bỗng dấy lên mối u hoài khi nhìn các vũ công, vũ những điệu cổ truyền trên sân khấu với các dụng cụ văn minh hiện đại. Không, không, tôi nhất định từ chối cái lối vũ nhà nghề này, cũng như tôi không chấp nhận chiếc

thuyền độc mộc làm bằng ván ép, bơi xanh đỏ loè loẹt và cây Totem được khắc quá nhẵn nhụi, quá tinh vi, chắc chắn tự ngàn xưa, người dân đảo không có phương tiện để thực hiện như vậy!

Mắt tôi vẫn mở, tai tôi vẫn nghe từng nhịp chân đập rầm rập xuống sàn gỗ, nhưng hồn tôi lại đang trở về với nếp sống cổ xưa của người dân trên đảo, và những thân hình nở nang, đen xạm vì nắng gió biển khơi kia, phải được che phủ bằng lá cây, hoa rừng thơm ngát. Những đôi chân, những chiếc mông no tròn kia phải nhảy trên mặt cát, dưới ánh trăng hoặc dưới những cây đuốc chứ không phải dưới ánh đèn pha hàng nghìn nến!

Mắt tôi bỗng mờ đi, tai không còn nghe thấy tiếng nhạc nữa. Trong đầu tôi, nổi lên nhưng đợt sóng êm êm hôn trên bờ cát, hồi tưởng đến những mùa Xuân xa cũ, người dân Sài-gòn đi trốn cái nắng rực lửa của mấy ngày Tết đến, họ thường ra Long-Hải, Vũng Tàu đùa vui cùng trời biển, để rồi sau đó, lại lao đời mình vào trách nhiệm, tùy theo hoàn cảnh mỗi gia đình, mỗi cá nhân.

Tôi biết đêm nay mình đang có mặt tại Honolulu, nơi quê nhà đúng ngày ba mươi Tết Âm lịch. Tôi gửi hồn tôi theo con nước thủy triều, biết đâu những làn sóng đang vỗ vào bờ cát ngoài kia chẳng truyền đi tiếng nói của hồn tôi gửi qua bên kia bờ Đại Dương, nơi có quê hương Việt-Nam ngàn đời yêu dấu!

– Rằng, một ngày nào đó, tôi sẽ trở về!...

Honolulu, ngày cuối năm.

Tạ Ty

– HẾT –

Nguồn: <https://baovecovang2012.wordpress.com/2021/08/29/xom-nha-toi-ta-ty/13/>

www.vietnamvanhien.org



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info

TỦ SÁCH VĂN HIẾN ONLINE VỚI HƠN 11000 TÁC PHẨM